TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH
BỘ MÔN CÔNG NGHỆ DỆT MAY

THIẾT KẾ MẪU

GIẢNG VIÊN: TRẦN THỊ HƯỜNG
(Lưu hành nội bộ)

KỸ THUẬT ĐO

Công việc đo đạc là một yếu tố chính trong việc tạo một kiểu mẫu. Đo may là một phương pháp tiết kiệm thời gian nếu chúng:

- Phục vụ cho việc thiết kế một mẫu cơ bản và phát triển một bộ thiết kế mới.
- Tạo số đo của cơ thể.
- Sự tham khảo để sưu tầm các mẫu mã.

Các thiết bị cần phải có cho sự đo đạc:

- Thước dây.
- Các đồ dùng để viết, vẽ.
- Ghim thẳng.
- Một biểu đồ về số mẫu.
- Thước nhựa

Công việc đo đạc có thể được thực hiện từ một bảng số đo tiêu chuẩn ở phía dưới hoặc được thực hiện từ số đo của vóc dáng.

ĐO HÌNH DÁNG:

HÌNH 1:

Đường eo: Đo eo

Vòng ngực: Cắt một sợi vải 4x50 cm, gấp hai mép vào đến giữa và gấp đôi lại, ấn và đặt ngang qua đầu ngực, kéo đến phía cuối của đường may nối sườn và ghim. Đâm ghim qua điểm ngực. Đánh dấu chéo điểm ngực và dấu đường giữa trên vòng ngực.

GĂM KIM LỖ NÁCH

HÌNH 2:

Giữa lỗ nách: Găm kim vào đường vòng lỗ nách trước và sau ngang với vị trí đinh vít.

Đỉnh vai: Ghim và đánh dấu điểm đỉnh vai

Chiều sâu lỗ nách: Chọn kích cỡ thích hợp từ số đo ở bảng bên dưới. Đo từ đầu vai qua lỗ nách tới đường nối sườn. Ghim lấy dấu.

Size	cm	Size	cm
6	13.33	5	13.02
8	13.65	7	13.33
10	13.97	9	13.65
12	14.29	11	13.97
14	14.60	13	14.29
16	14.92	15	14.60
18	15.24		

Kỹ thuật đo

ĐO ĐƯỜNG CONG

HÌNH 3a và 3b

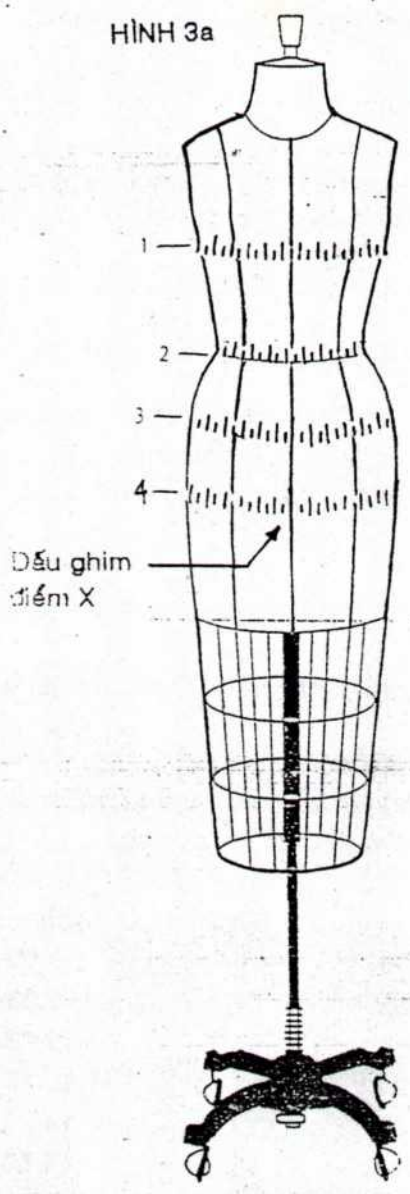
Ngực (1): Ngang qua đầu ngực và vòng phía sau

Eo (2): Vòng quanh eo

Bụng (3): Đo dưới eo 7.5 cm

Mông (4): Đo phần nở nhất với thước dây song song với sàn nhà. Găm kim lấy dấu mông ở đường giữa của thân trước. (Điểm X)

HÌNH 3a



HÌNH 3b



Kỹ thuật đo

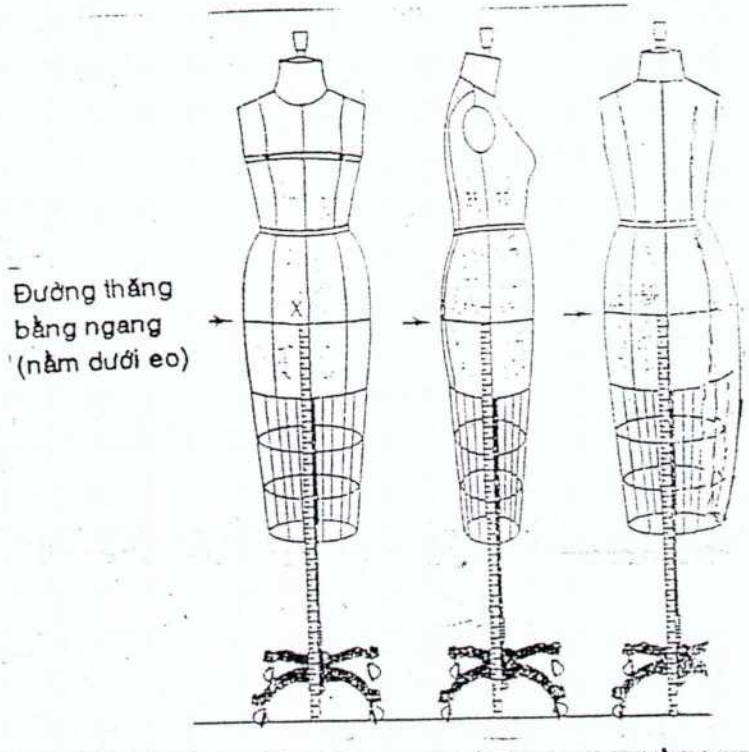
ĐO ĐƯỜNG THĂNG BẰNG NGANG (HBL)

HÌNH 4, 5 và 6

Đo từ sàn hoặc mặt bàn tới điểm X (Hình 4)

Dùng phương pháp này, đo từ sàn hoặc mặt bàn lên và lấy dấu điểm giữa thân sau và cả hai bên sườn với kim (Hình 5 và 6). Kiểm tra lại trước khi ghi số đo.

Kẻ một đường qua điểm mông, dùng thước nhựa, (Đặt cạnh của thước trên điểm X và ghim đánh dấu tại đường may bên sườn. Kẻ đường thẳng. Lặp lại cho tới khi đường thẳng được vẽ hoàn tất quanh quần áo. Trong công nghiệp, độ sâu của mông chuẩn cho kích cỡ các cô gái nằm dưới eo 20 cm đến 23 cm.



HÌNH 4 HÌNH 5 HÌNH 6

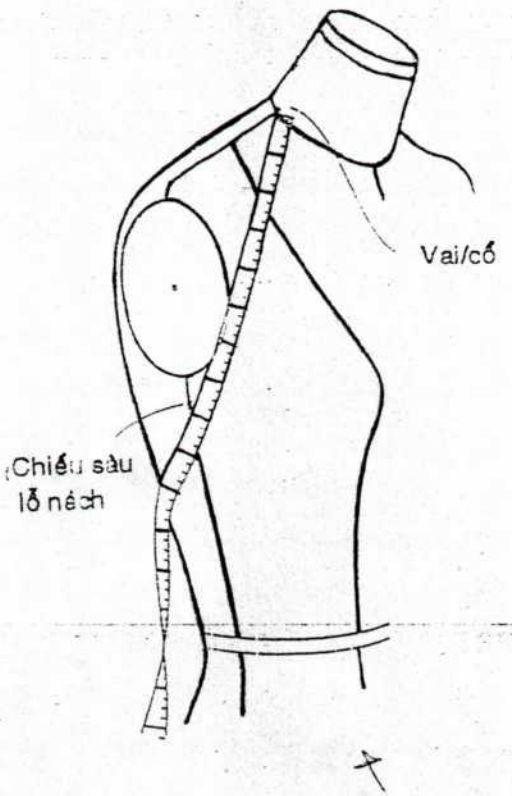
Kỹ thuật đo

ĐO QUAI:

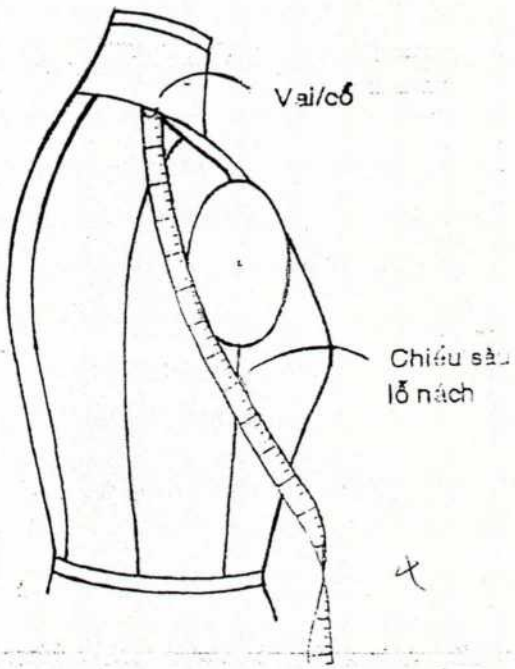
HÌNH 7 và 8:

Đo quai trước (8). Đặt đầu thước tại vai/cổ và đo xuống đến điểm ghim bên dưới lỗ nách. Thước có thể đi qua một vài điểm của vòng tròn lỗ nách.

Đo quai sau (8). Lặp lại qúa trình này cho việc đo phía sau.



HÌNH 7



HÌNH 8

Kỹ thuật đo

ĐO THẲNG:

HÌNH 9 và 10:

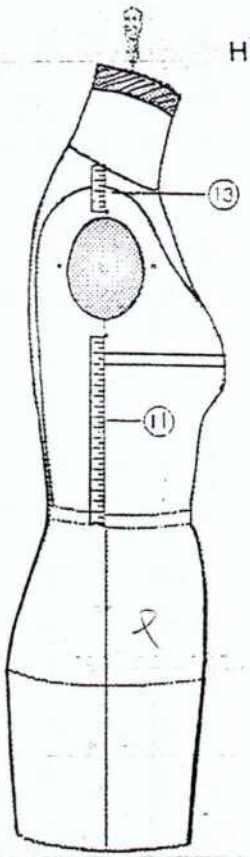
Dài sườn (11): Từ chỗ ghim bên dưới lỗ nách tại đường may bên sườn đến eo sườn.

Dài vai (13): Từ đầu vai đến cổ.

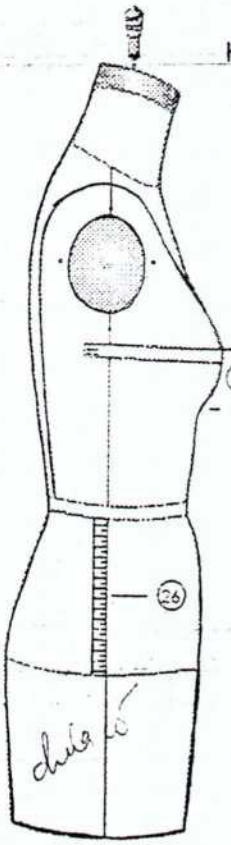
Độ sâu của lườn mông (26): Từ eo sườn đến đường thăng bằng ngang (HBL)

Bán kính ngực (9): Từ đầu ngực đến dưới gò ngực.

HÌNH 9



HÌNH 10



Kỹ thuật đo

Đo trước và Sau:

HÌNH 11 và 12:

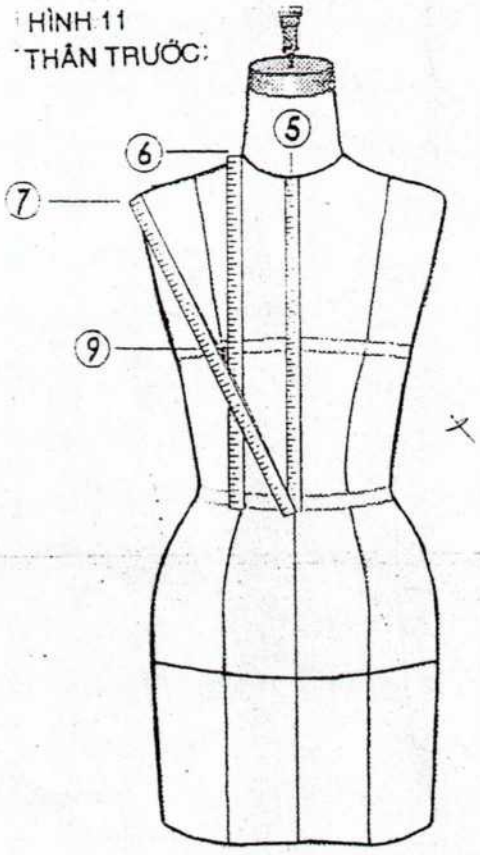
Chiều dài tâm (5). Từ cổ đến eo (qua ngực).

Chiều dài đủ (6). Từ eo đến điểm vai tại chân cổ, đo song song với chiều dài tâm.

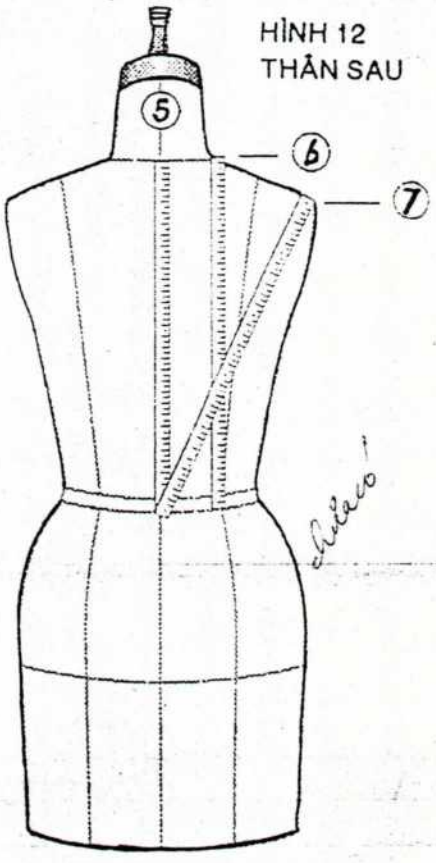
Độ nghiêng vai (7). Từ tâm eo đến đầu vai.

Độ sâu ngực (9). Từ đầu vai đến đầu ngực.

HÌNH 11
THÂN TRƯỚC:



HÌNH 12
THÂN SAU



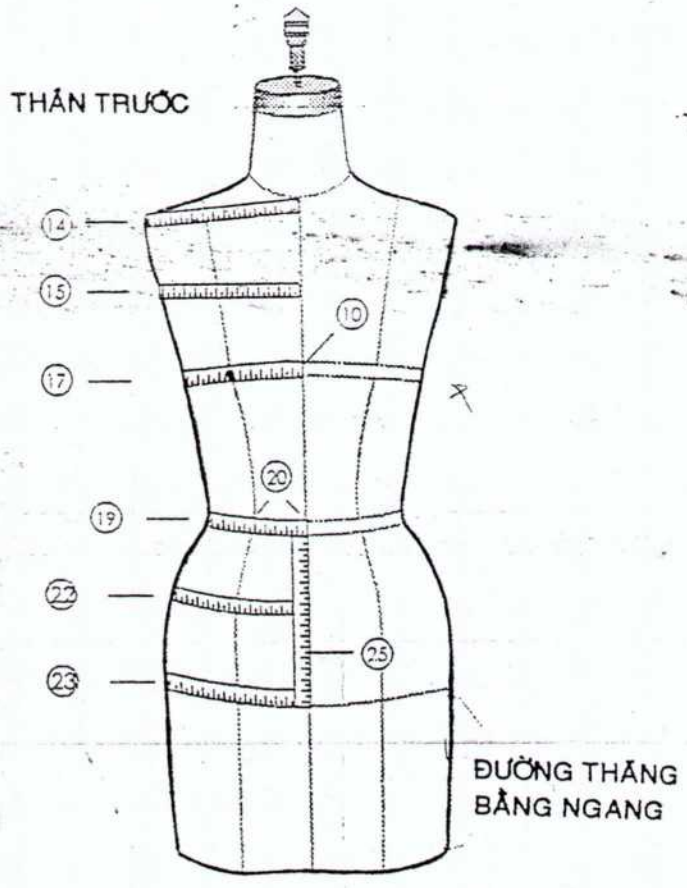
ĐO THEO CHIỀU NGANG

Thân trước

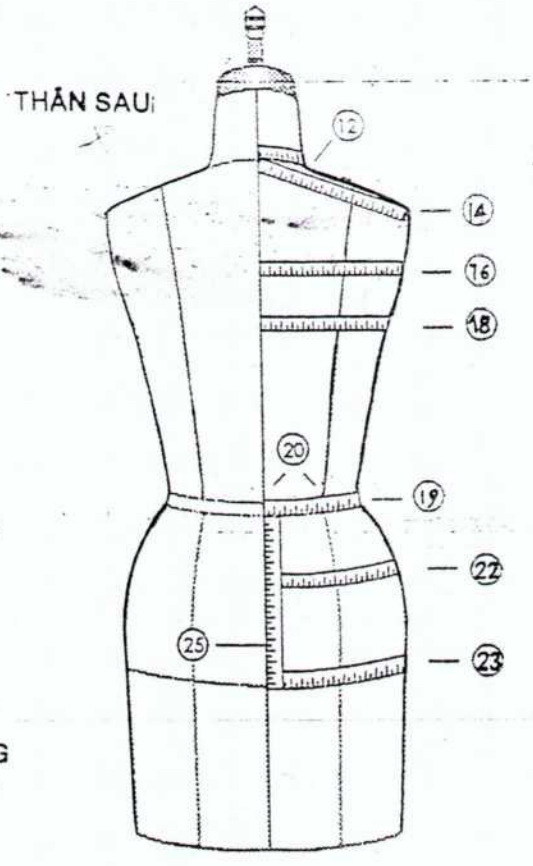
HÌNH 13
Ngang vai (14)
Ngang ngực (15)
Vòng ngực (17)
Khoảng cách hai đầu ngực (10)
Vòng eo (19)
Đặt các nếp gấp (20) (pen)
Vòng bụng (22)
Vòng mông (23)
Chiều sâu mông (25)

Thân sau

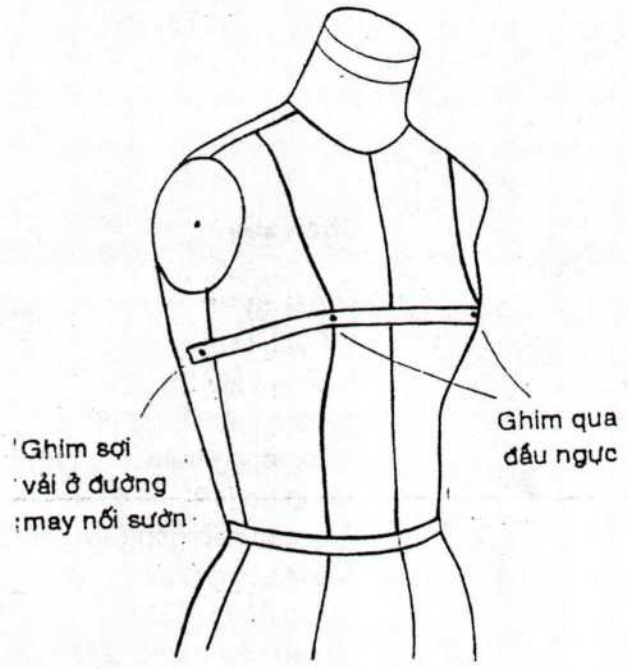
HÌNH 14
Cổ sau (12)
Ngang vai (14)
Ngang thân sau (16)
Vòng cong thân sau (18)
Vòng eo (19)
Đặt các nếp gấp (20) (pen)
Vòng bụng (22)
Vòng hông (23)
Chiều sâu mông (25)



HÌNH 13

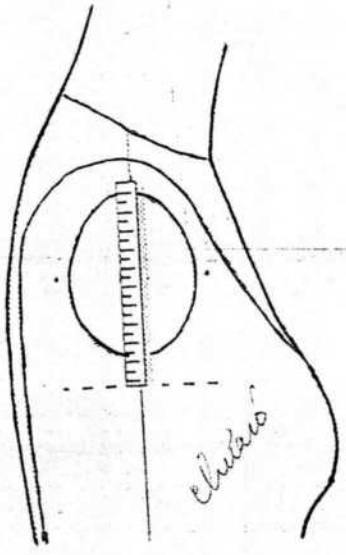


HÌNH 14


Ghim sợi vải ở đường may nối sườn
Ghim qua đầu ngực

HÌNH 1


Ghim đầu vai
Ghim giữa lỗ nách
Chiều sâu lỗ nách



HÌNH 2

Kỹ thuật đo

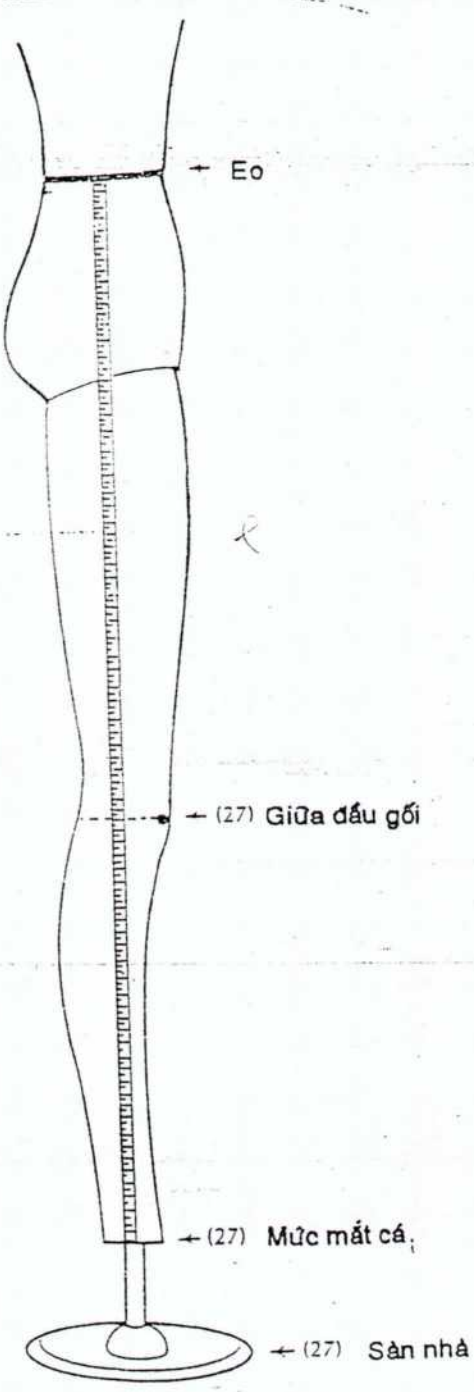
ĐO QUẦN
(Cách đo dành cho eo, mông và bụng)

Đo thẳng đứng

HÌNH 15

Đưa đầu thước vào dưới eo bên hông, đo đến các vị trí sau:

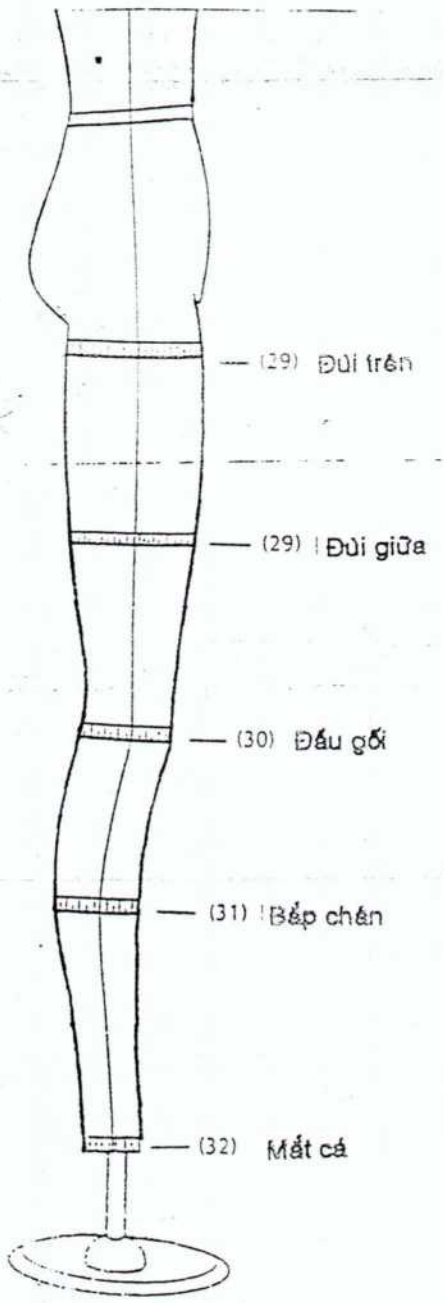
Đo đến cuối chân (chỗ mắt cá) (27)
Đến sàn nhà (27)
Đến đầu gối (giữa đầu gối) (27)



Đo đường cong

HÌNH 16

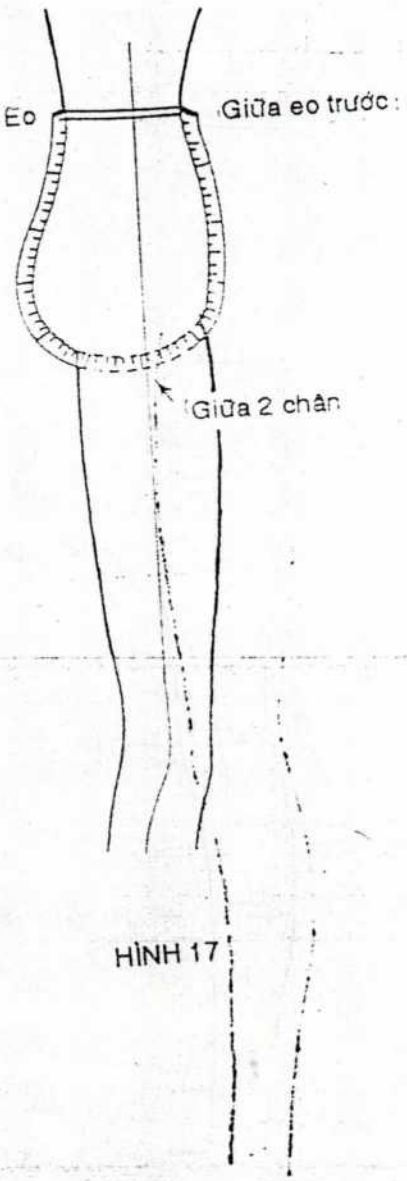
Đùi trên (29): gần đáy mông
Đùi giữa (29): giữa đáy và đầu gối
Đầu gối (30)
Bắp chân (31): phần to nhất bên dưới đầu gối.
Mắt cá (32)



Kỹ thuật đo

Vòng đáy (28)

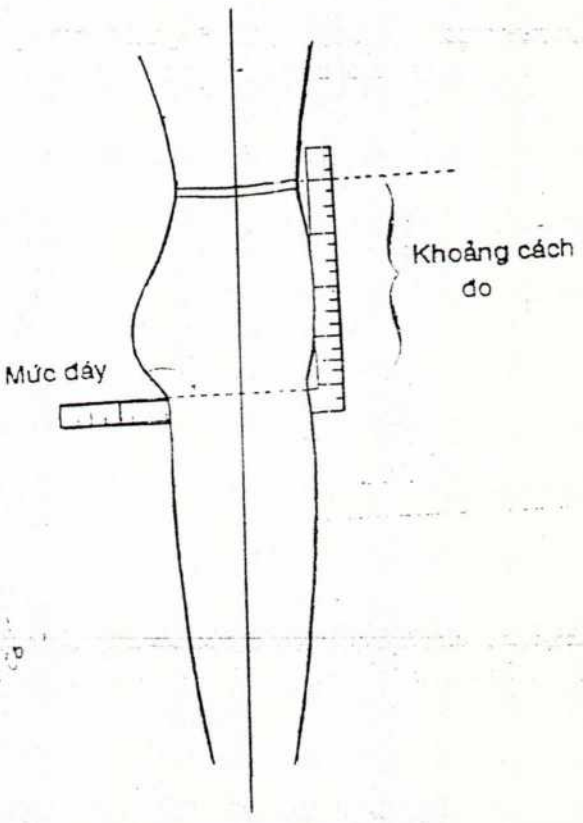
HÌNH 17
Đo từ giữa eo trước, vòng qua đáy (giữa 2 chân), đến giữa eo sau.



HÌNH 17

Hạ đáy (24)

HÌNH 18
Đặt thước vuông giữa 2 chân, với hai cánh tay thước chạm bụng và đáy. Đo chiều sâu từ eo đến đáy.



HÌNH 18

VẼ NHỮNG MẪU CƠ BẢN

VẼ THÂN ÁO

Các số đo thân trước cần thiết:

* (6) Chiều dài đủ
* (14) Ngang vai
* (5) Chiều dài tâm thân trước
* (17) Vòng ngực
* (20) Nơi đặt các nếp gấp (pen)
* (7) Đường nghiêng vai
* (9) Độ sâu ngực
* (13) Dài vai
* (8) Quai trước
* (11) Chiều dài sườn
* (10) Khoảng cách hai đầu ngực
* (15) Ngang ngực
* (19) Vòng eo

VẼ THÂN TRƯỚC

HÌNH 1

A-B = Chiều dài đủ (6)

A-C = Ngang vai (14), kẻ vuông góc từ A. Từ C kẻ thẳng góc xuống khoảng 7.5 cm làm đường dẫn.

B-D = Chiều dài tâm thân trước (5), trừ 1 cm. Lấy dấu, từ D kẻ thẳng góc với AB chừng 10 cm làm đường dẫn.

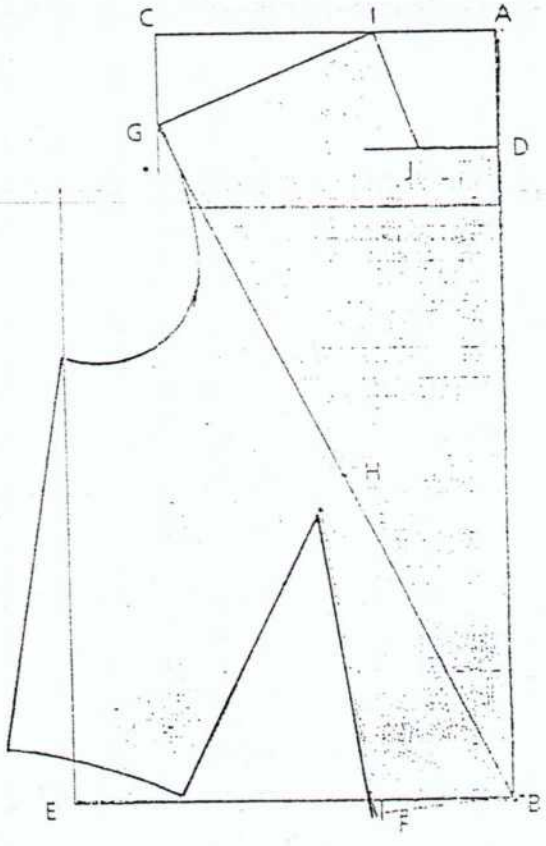
B-E = Vòng ngực (17) cộng thêm 6.8 mm, từ B kẻ thẳng góc. Lấy dấu E. Từ E kẽ thẳng góc với EB làm đường dẫn.

B-F = Đặt pen (20), kẻ thẳng góc xuống dưới 5 mm. Lấy dấu.

B-G = Độ nghiêng vai (7), cộng thêm 3 mm. G nằm trên đường dẫn kẽ từ C.

G-H = Độ sâu ngực (9). Lấy dấu.

G-I = Dài vai (13). Từ I kẻ thẳng góc với GI xuống cắt đường dẫn từ D tại J. Đo AI, để sử dụng vẽ thân sau.



HÌNH 1

Vẽ những mẫu cơ bản

HÌNH 2:

I-K = Quai trước (8), cộng 1 cm.
K nằm trên đường dẫn từ E.

K-L = Dài sườn (11). Lấy dấu.

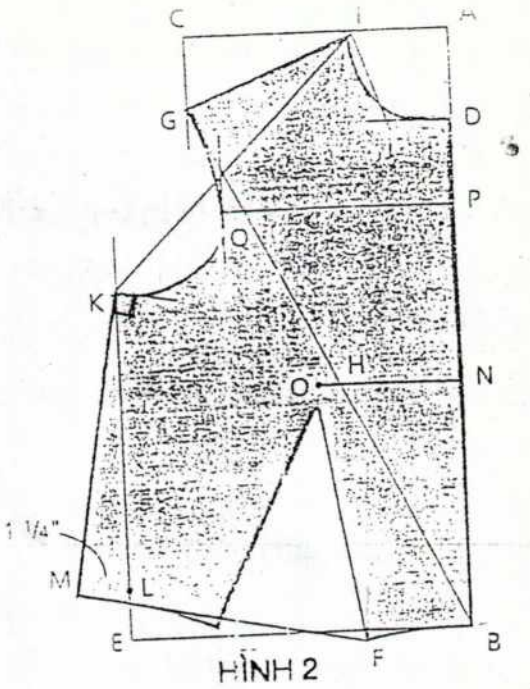
L-M = 3 cm. Lấy dấu.

K-M = K-L. Lấy dấu.
Từ K kẻ thẳng góc một đoạn ngắn với KM. Vẽ MF.

N-O = Khoảng cách hai đầu ngực (10) cộng 5 mm.
(Đường thẳng góc đi ngang qua H)

D-P = 1/3 D-N. Lấy dấu.

P-Q = Ngang ngực (15), cộng 3 mm.
Từ Q kẻ thẳng góc với PQ làm đường dẫn.

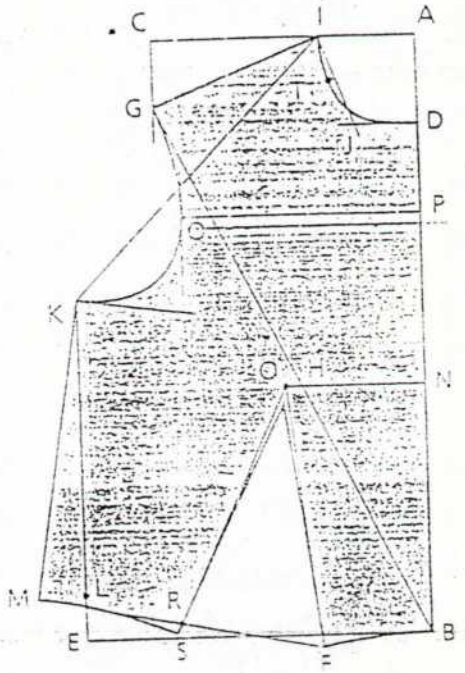


HÌNH 2

HINH 3: Eo và pen

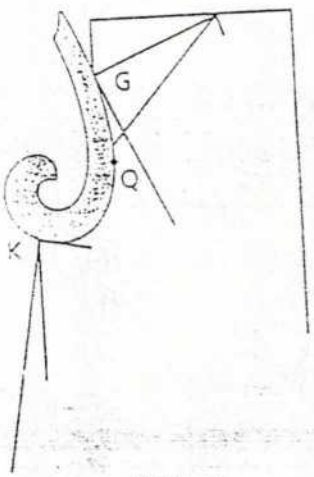
M-R = Vòng eo (19), cộng 5 mm độ cử động, trừ đi B-F
Lấy dấu.
Kẽ đường OF.
Từ O kẻ đường qua R bằng O-F.
Lấy dấu điểm S.
Đánh cong eo từ M đến S, và từ F đến B.
Để xác định đầu pen, từ O đo xuống 1 cm.
Lấy dấu. Vẽ pen.

I-T = Một nửa I-J và cách I-J một đoạn thẳng góc 3 mm.



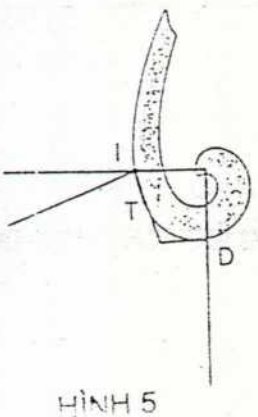
HÌNH 3

HINH 4: Vòng nách
Đánh cong đường nách qua G, Q và tiếp xúc với đường dẫn tại K.



HÌNH 4

HINH 5: Đường cổ
Đánh cong đường cổ qua I, T và kết thúc gần điểm D.



HÌNH 5

Vẽ những mẫu cơ bản

Các số đo thân sau cần thiết:

- (6) Chiều dài đủ
- (14) Ngang vai
- (5) Chiều dài tâm thân sau
- (18) Vòng thân sau
- (19) Vòng eo
- (20) Nơi đặt các nếp gấp (pen)
- Độ dài đoạn A-I của thân trước
- (7) Độ nghiêng vai
- (13) Dài vai
- (8) Quai sau
- (11) Dài sườn
- (16) Ngang thân sau
- (12) Cổ sau (để tham khảo)

VẼ THÂN SAU

HINH 6

A-B = Chiều dài đủ (6)

A-C = Ngang vai (14), từ A kẻ thẳng góc với A-B. Từ C kẻ thẳng góc xuống 7.5 cm làm đường dẫn.

B-D = Chiều dài tâm thân sau (5). Lấy dấu và kẻ đường thẳng góc chừng 7.5 cm. làm đường dẫn.

B-E = Vòng thân sau (18), cộng 2 cm. Từ E kẻ đường thẳng góc lên làm đường dẫn.

B-F = Vòng eo (19), cộng 4 cm cho pen, (cộng 2.5 cm cho lứa tuổi dưới 15), cộng 6 mm cử động. Lấy dấu.

B-G = Đặt các pen (20).

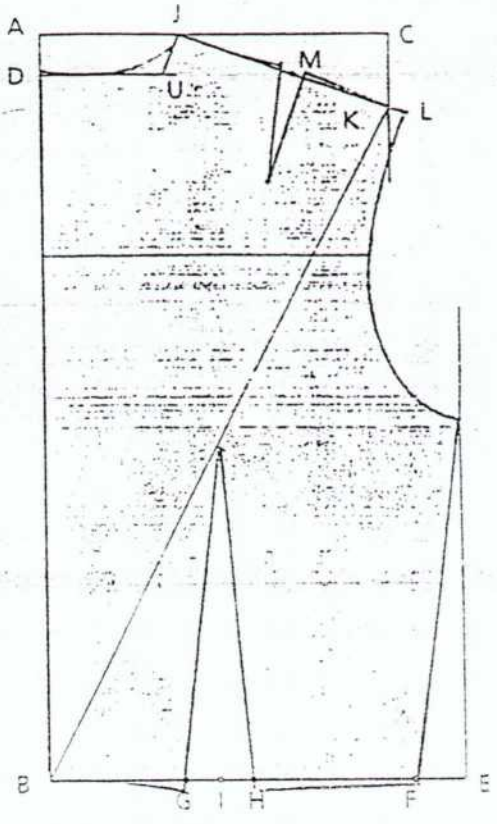
G-H = Bề rộng pen.

G-I = 1/2 G-H. Lấy dấu.

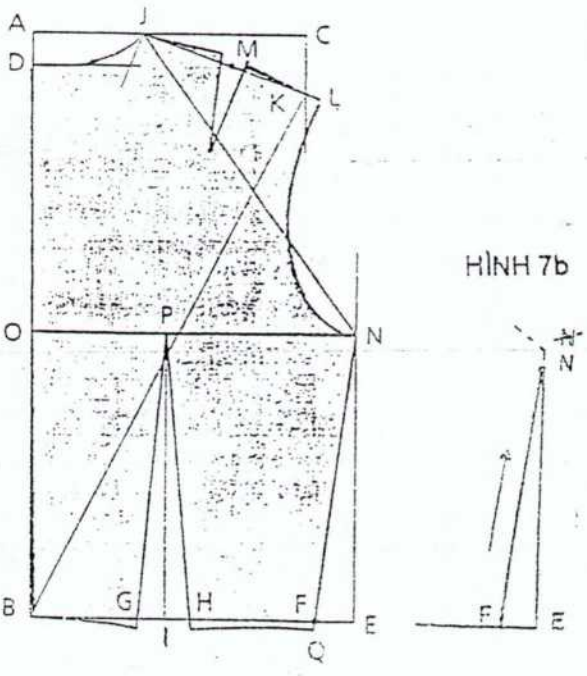
A-J = A-I (của thân trước), cộng 6 mm. Lấy dấu.

B-K = Độ nghiêng vai (7), cộng 3 mm.
K nằm trên đường dẫn từ C.

J-L = Dài vai (13), cộng 1 cm



HÌNH 6



HÌNH 7b

HÌNH 7a

Vẽ những mẫu cơ bản

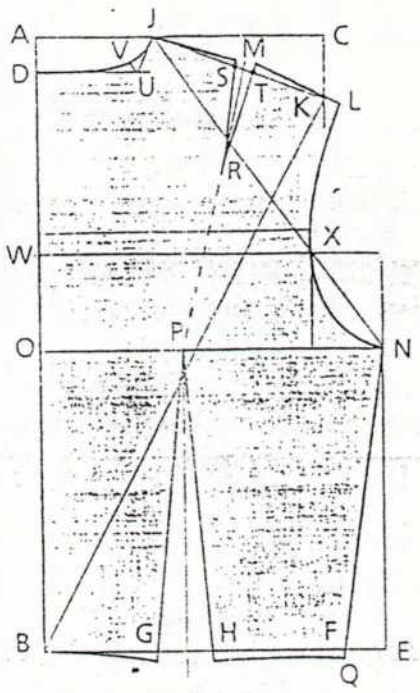
(bề rộng pen).
J-M = 1/2 J-L. Lấy dấu.
Từ J kẻ thẳng góc xuống cắt đường dẫn từ D tại U.

HÌNH 7a, 7b:
J-N = Quai sau (8), cộng 2 cm
N nằm trên đường dẫn từ E. Lấy dấu. Từ N kẻ thẳng góc đến đường tâm thân sau. Lấy điểm O.
O-P = B-I. Lấy dấu.
Kẻ đường từ P đến I.
Từ P kẻ đường qua G, H xuống 3 mm.
N-Q = Dài sườn (11). Nếu đường này chưa đến điểm F, thì kéo dài cho đến F. Tính lại dài sườn từ F. Lấy lại điểm N

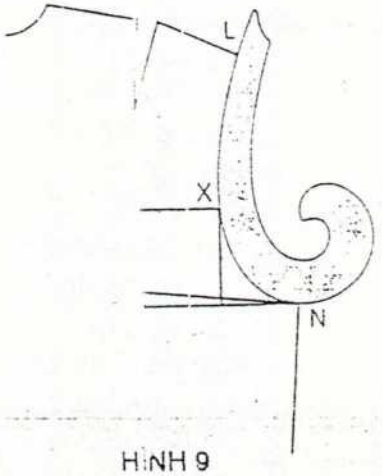
HÌNH 8: pen, vòng nách và vòng cổ
Nối MP (đường gạch đứt khoảng).
Vẽ MR = 7.5 cm.

M-S = 5 mm. Lấy dấu.
M-T = 5 mm. Lấy dấu.
Từ R kẻ đường thẳng qua S dài thêm 3 mm.
Nối đến J.
Từ R kẻ đường thẳng qua T bằng R-S cộng thêm 3 mm.
Nối đến L.
O-W = 1/3 của OD. Lấy dấu.
W-X = Ngang thân sau, cộng 0.5cm.
Từ W kẻ đường thẳng góc với A-B.
Từ X kẻ thẳng góc xuống.

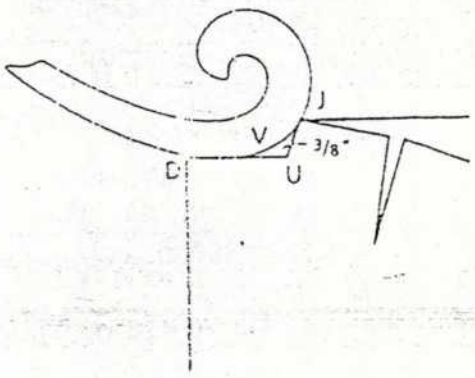
HÌNH 9 và 10:
Vẽ vòng nách và vòng cổ như hình.
Đo vòng cổ, nếu nó không vượt quá cổ sau (12) 3 mm thì chấp nhận được.
Điều chỉnh vai tại L.



HÌNH 8



HÌNH 9



HÌNH 10

Vẽ những mẫu cơ bản

VẼ VÁY

Váy cơ bản có một vài tiện dụng:
* Mẫu cơ bản cho thiết kế các váy khác.
* Một bộ váy hay một váy riêng biệt.
* Kết hợp với thân áo để tạo thành đầm.

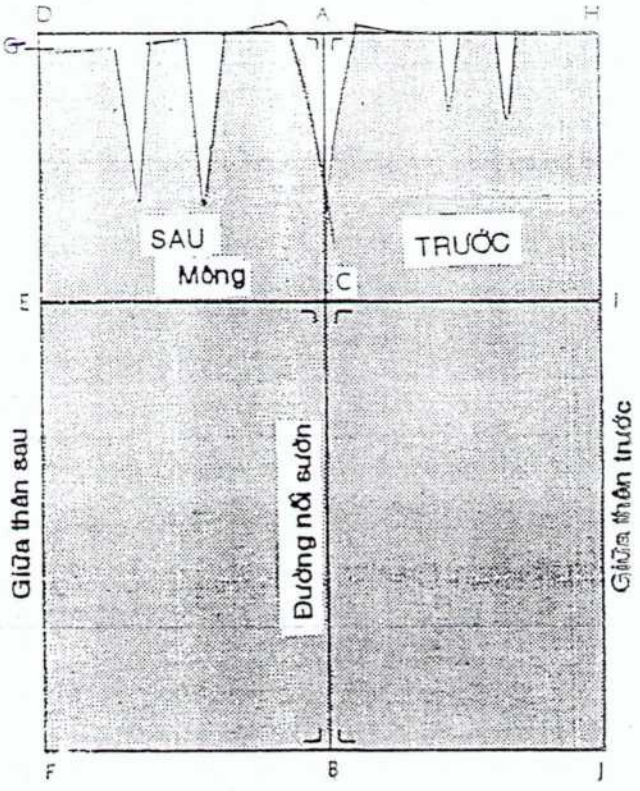
Thân sau của váy có 2 loại:

Loại 1: Váy cơ bản được thiết kế với 2 pen có chiều dài và bề rộng bằng nhau. Kiểu mẫu này làm đơn giản qúa trình thao tác khi thiết kế váy với kiểu xòe, túm và xếp ly.

Loại 2: Kiểu mẫu này được phát triển với 2 pen sau có chiều dài và bề rộng khác nhau. Nó được dùng như một chiếc váy riêng dành cho một bộ vét hoặc với thiết kế cho váy thẳng. (Các pen không bằng nhau này thích hợp với vóc dáng hơn)

Các số đo cần thiết cho vẽ váy:
* Chiều dài váy (tùy ý) 60
* (25) Chiều sâu mông: 14,5
* (23) Vòng mông: 21,5 - 22,5
* (19) Vòng eo. 13,5 - 14,5
* (20) Đặt pen.
* (26) Chiều sâu sườn hông. 20,5

HÌNH 1:
A-B = Chiều dài váy (tùy ý) 60 cm
A-C = Chiều sâu mông giữa thân trước (25)
Lấy dấu. 20,5
A-D = Vòng mông thân sau (23), cộng
1 cm cử động. 21,5 22,5+1
Từ A kẻ đường thẳng góc.
C-E = A-D, từ C kẻ đường thẳng góc.
B-F = A-D, từ B kẻ đường thẳng góc.
Nối D-F.
E-G = Chiều sâu mông giữa thân sau (25).
Lấy dấu thập. 20.
A-H = Vòng mông thân trước (23), cộng
1 cm cử động. 22,5 21,5+1
C-I = A-H, từ C kẻ đường thẳng góc.
B-J = A-H, từ B kẻ đường thẳng góc.
Nối J-H.



HÌNH 1

DO

Vẽ những mẫu cơ bản

HÌNH 2

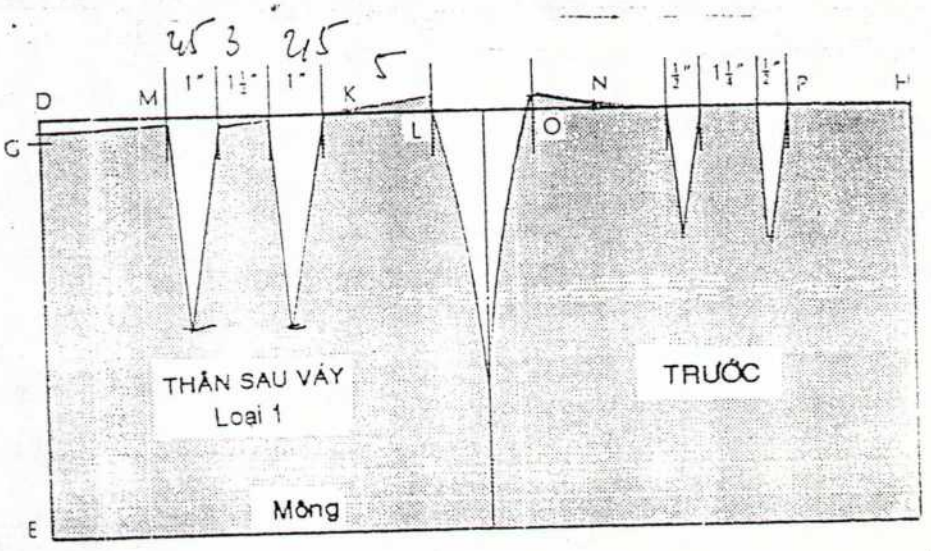
Thân sau:

D-K = Vòng eo sau, cộng 5 mm cử động (19).

K-L = 5 cm (bề rộng pen).

D-M = Đặt các pen (20)

* Từ M đo 2.5 cm (bề rộng pen). Lấy dấu.
* Khoảng cách 3 cm giữa các pen. Lấy dấu.
* Từ dấu lấy 2.5 cm (bề rộng pen). Lấy dấu.
* Kẻ thẳng góc lên và xuống tại mỗi điểm dấu pen.
* Kẻ thẳng góc lên và xuống tại điểm L.



HÌNH 2

THÂN TRƯỚC

H-N = Vòng eo trước, cộng 5 mm (19)

N-O = 2.5 cm (bề rộng pen).

H-P = Đặt các pen (20)

* Từ P đo 2.5 cm (bề rộng pen). Lấy dấu.
* Khoảng cách 3 cm giữa các pen. Lấy dấu.
* Từ dấu lấy 2.5 cm (bề rộng pen). Lấy dấu.
* Kẻ thẳng góc lên và xuống tại mỗi điểm dấu pen.
* Kẻ thẳng góc lên và xuống tại điểm O.

Vẽ những mẫu cơ bản

HINH 3

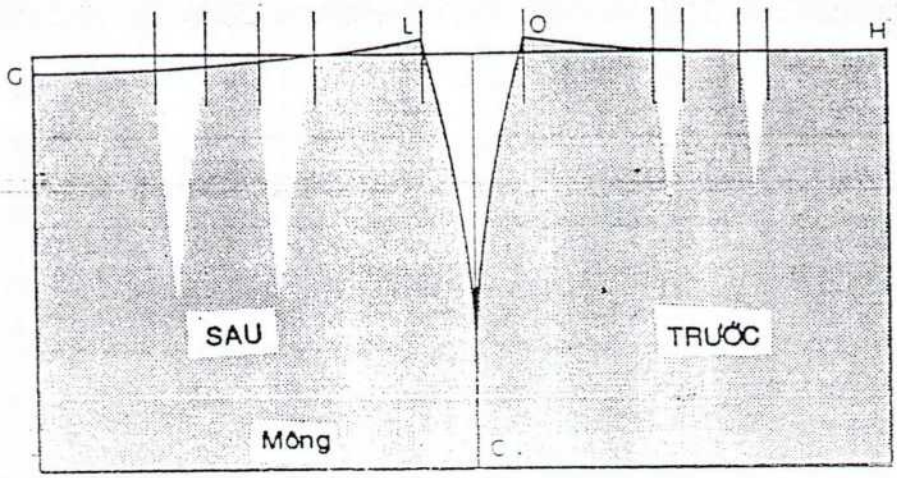
C-L và C-O = Chiều sâu mông tại đường nối bên (25). 20,5

* Dùng thước cong kẻ đường mông thân trước và sau.

Từ C đo lên gặp đường L-O.

Định lại điểm L và O.

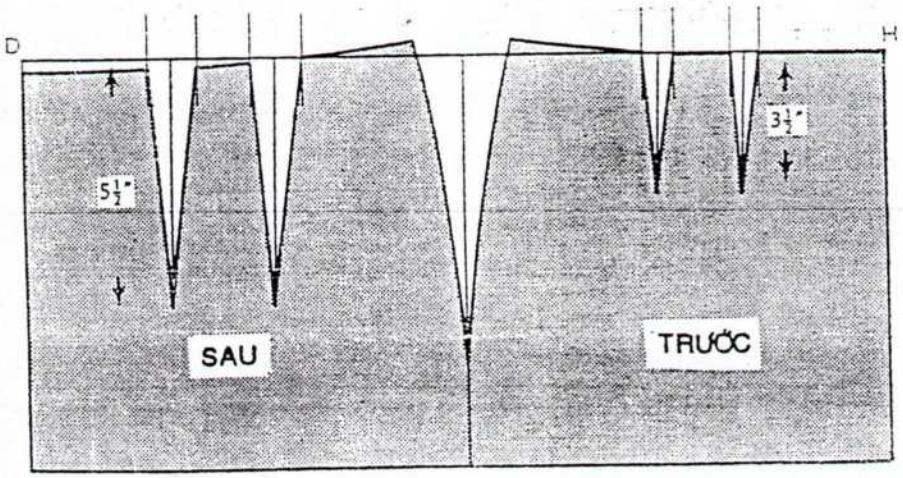
* Dùng thước cong kẽ đường eo từ G và H đến điểm mông L và O.



HÌNH 3

HINH 4

Thân sau:



HÌNH 4

* Xác định tâm pen và kẻ thẳng góc với D-H xuống dưới 14 cm. (13 cm cho lứa tuổi < 15). Kẻ pen từ đường cong eo đến điểm pen.

Thân trước:

* Xác định tâm pen và kẻ thẳng góc với D-H xuống dưới 9 cm. (8 cm cho lứa tuổi < 15). Kẻ pen từ đường cong eo đến điểm pen.

THÂN SAU VÁY LOẠI 2 (Cho bộ váy và váy riêng biệt)

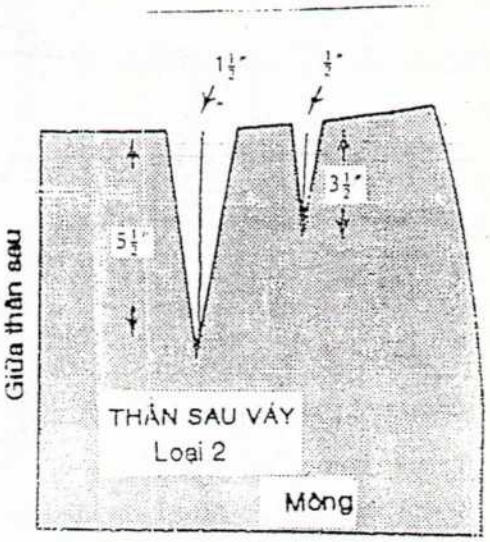
HINH 5
Vẽ lại váy sau căn bản (loại 1), lấy dấu chân pen thứ nhất từ đường giữa thân sau.

* Pen dài: Bề rộng pen tổng cộng, trừ 1 cm. (Thí dụ 4 cm). Dài 14 cm.

* Khoảng cách: 3 cm.

* Pen ngắn: Bề rộng pen 1.2 cm. Dài 7.5 cm đến 9 cm.

* Định tâm pen. Vẽ dài pen song song với đường tâm thân sau.



HÌNH 5

VẼ TAY ÁO

Tay là một phần hiệu quả và hoạt động nhiều nhất của cơ thể con người vì nó có thể hoạt động mọi hướng. Khi thoải mái nó có thể nằm thẳng hàng với phía trước hoặc phía sau của sườn. Tay áo có thể thực hiện nhiều chức năng, vì vậy nó là một phần khó nhất của bộ mẫu nhằm lắp ráp cho thích hợp. Một tay cân đối sẽ giữ cho tay thoải mái và không có nếp nhăn:

* Tư thế đứng hoàn hảo: Chiều vải giữa thẳng hàng hoặc hơi ngả về trước đường may nối bên sườn.

* Tư thế đứng hướng về phía trước: (vai khom xuống) Chiều vải tay áo ngả về phía trước đường may nối bên sườn.

* Tư thế đứng thẳng: (quân đội) Chiều vải ở khuỷu tay có thể nằm sau đường may nối bên sườn.

Sau khi hoàn tất mẫu tay áo và trước khi cắt khỏi bộ mẫu,

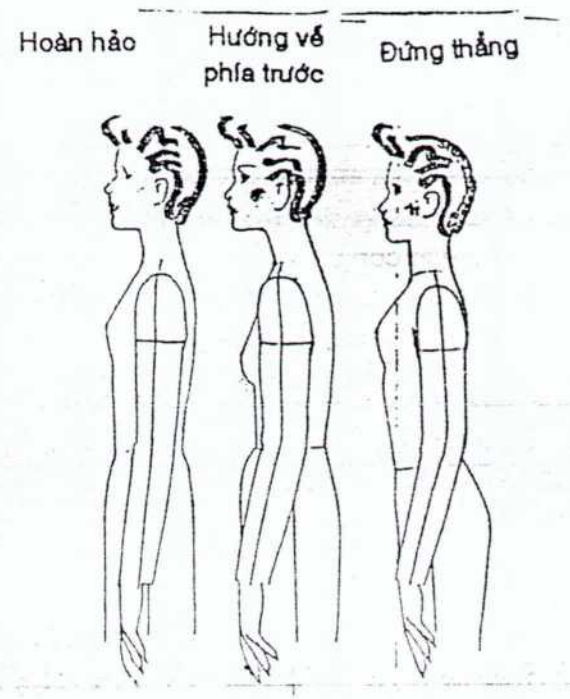
Vẽ những mẫu cơ bản

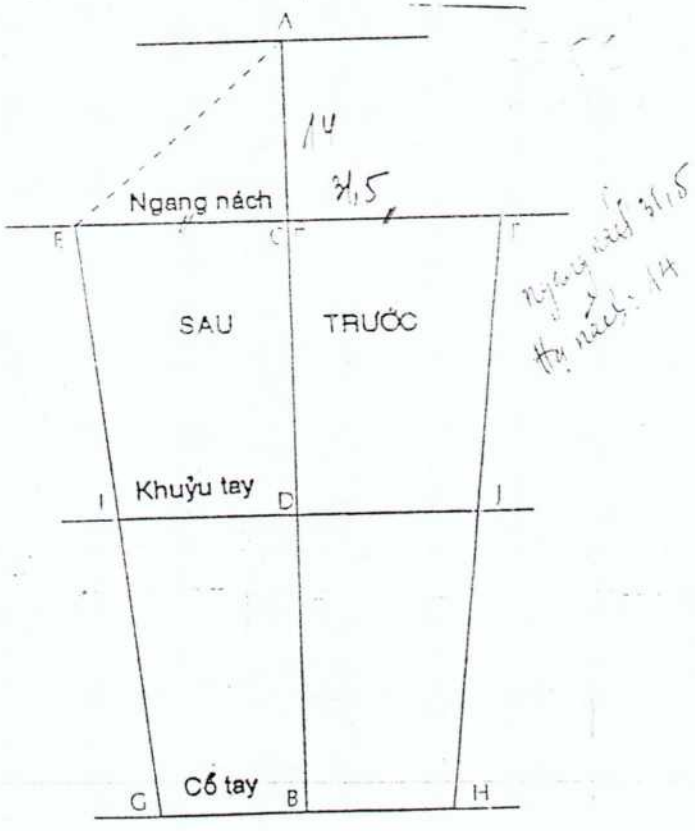
ta phải biết kết hợp tay và thân áo, để có được một mối liên hệ hoàn hảo giữa tay áo, vòng nách và cánh tay.
Ghi chú: Cổ tay áo được phát triển theo hình dáng tâm hơi ngã về trước để lắp được chính xác theo góc độ của ống tay.

HÌNH 1: Cấu trúc tay áo
A-B = Dài tay áo
A-C = Hạ nách
C-D = Một nửa C-B trừ đi 2.5 cm

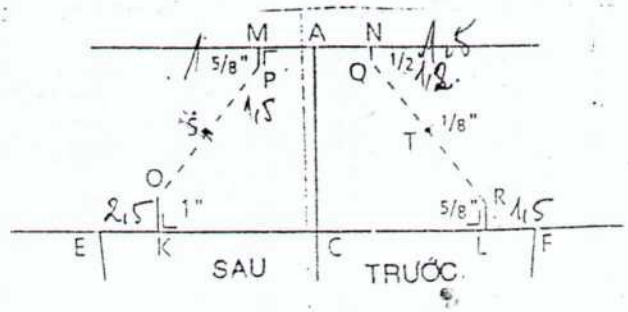
Kẻ vuông góc hai cạnh của A, B, C và D
C-E = Một nửa của ngang nách.
Để xác định ngang nách cho mẫu chuẩn, cộng vòng nách thân trước và sau lại với nhau, cộng thêm 3 mm. Chia đôi.
Dùng số đo này, đo từ A để xác định F.
C-F = C-E
B-G = C-E trừ đi 5 cm.
B-H = B-G
Nối G-E và H-F
Lấy mức khuỷu tay I và J.

HÌNH 2: Đỉnh tay áo
E-K = 1/4 của E-C
F-L = E-K
A-M = E-K
A-N = E-K
Kẽ thẳng góc tại những điểm sau:
K = 2.5 cm. Lấy điểm O
M = 1.5 cm. Lấy điểm P
N = 1.5 cm. Lấy điểm Q
L = 1.5 cm. Lấy điểm R
Lấy điểm giữa O-P, Q-R
Đánh dấu điểm S ở sau.





HÌNH 1

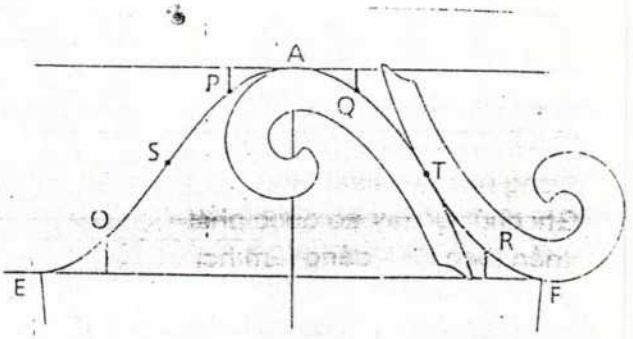


HÌNH 2

Vẽ những mẫu cơ bản

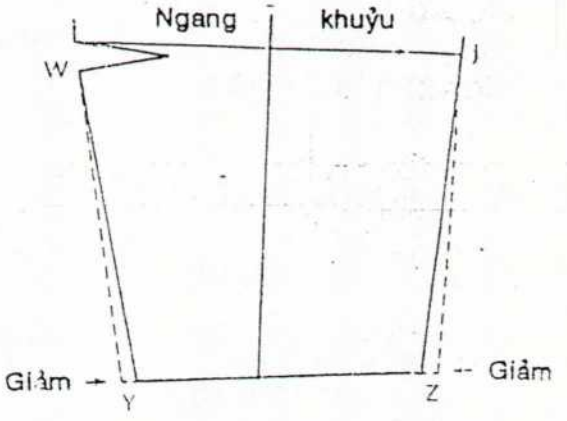
Ở trước từ điểm giữa đo vuông góc ra 3 mm. Lấy điểm T.

HINH 3: Tạo dáng đỉnh tay áo với thước cong.
Dùng thước cong, cạnh cong đi qua A, Q, T (cạnh cong hướng ra ngoài) và qua T, R, F (cạnh cong hướng vào trong).
Lặp lại công việc cho đỉnh tay áo sau



HÌNH 3

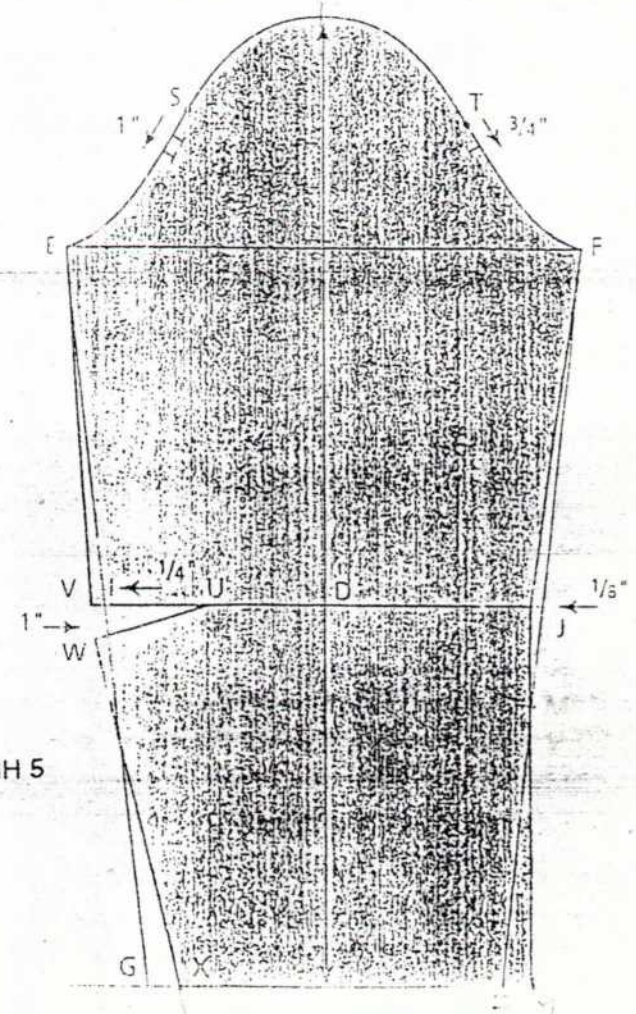
HINH 4: Nếp gấp khuỷu tay áo
I-U = Một nửa I-D
I-V = 6 mm
Nối V-E
V-W = 2.5 cm (bề rộng pen).
Nối U-W = U-V
G-X = 1.5 cm. Lấy dấu.
Từ W, kẻ đường qua X lấy đoạn bằng V-G. Lấy điểm Y.
Y-Z = G-H (đường kẻ tiếp xúc với đường dẫn ở cổ tay)
Từ J vào 3 mm. Nối đến F.
và Z. Đánh cong với thước cong.
Đánh dấu trước sau của tay áo.
Tay áo sau: Từ điểm S xuống 2.5 cm.
- Đánh hai dấu cách nhau 1 cm.



HÌNH 4

Tay áo trước:: Từ điểm J xuống 6 mm.
Đánh một dấu.

HINH 5: Thay đổi số đo cổ tay áo
Để tăng hoặc giảm cổ tay, thêm hoặc bớt từ điểm Y và Z tương đương nhau phù hợp với điểm W và J.



HÌNH 5

Bảng thông số của Mỹ

SỐ ĐO CƠ THỂ	BẢNG ĐO TIÊU CHUẨN (Đơn vị tính bằng cm)						
	Size 6	8	10	12	14	16	18
1. Ngực	83.82	86.36	89.53	93.34	97.2	101	105
2. Eo	60.96	63.5	68	70	74	77.5	81
3. Bụng	80	82.5	85.1	89	93	96.5	100
4. Mông	87.6	90	93	96.5	100	104	108
THÂN TRÊN							
5. Chiều dài tâm							
Trước	34.6	36.5	37.5	38	39.4	40.3	41.3
Sau	39	40	41	41.9	42.9	43.8	44.8
6. Chiều dài đủ							
Trước	41.9	42.9	43.8	44.7	45.7	46	47.6
Sau	41.6	42.5	43.5	44.5	45.4	46.4	47.3
7. Đường nghiêng vai							
Trước	41.6	42.5	43.2	44	45	46	47
Sau	41	41.9	42.9	43.8	44.8	45.7	46.6
8. Quai							
Trước	24.4	25	25.7	26.7	27.6	28.6	29.5
Sau	26.3	27	27.6	28.6	29.5	30.5	31.4
9. Độ sâu của ngực	22.9	23	23.5	23.8	24	24.4	24.8
Bán kính	7.3	7.6	7.6	7.6	7.9	8.3	8.6
10. Khoảng cách giữa hai đầu ngực	8.6	8.9	9.2	9.5	9.8	10.2	10.5
11. Chiều dài sườn	19	19.7	20.3	21	21.6	22.2	22.9
12. Cổ sau	7.3	7.5	7.6	7.8	7.9	8.1	15.9
13. Chiều dài vai	12.4	12.5	12.7	13	13.3	13.6	14
14. Ngang vai							
Trước	17.6	18	18.1	19	18.9	20	20.5
Sau	18	18.7	19.2	19.7	20.1	23.2	23.6
15. Ngang ngực	15.2	15.6	15.9	16.2	16.5	16.8	17
16. Ngang thân sau	17.5	17.8	18.1	18.4	18.7	19	19.4
17. Vòng ngực	22	22.5	23.2	24	25	26.4	27.6
18. Vòng thân sau	20.3	21	21.6	22.5	23.2	24.8	26
19. Vòng eo							
Trước	15.2	16.2	17	18.1	19	20.3	21.6
Sau	14	15	15.9	16.8	17.8	19	20.3
20. Đặt các nếp gấp (pen)	6.4	6.7	7	7.3	7.6	7.9	8.3

Nhận xét:

- Phân cỡ rất đầy đủ từ 6 → 18. Sự chênh lệch giữa các size rất ít → Phù hợp với cỡ áo sx hàng loạt.
- Số liệu thiết kế rất đầy đủ.
- Nhược điểm chưa có sự phân biệt giữa nữ trẻ và nữ đã sinh con.

THÂN DƯỚI							
22. Vòng bụng							
Trước	19.7	20.6	21.6	22.5	23.2	24.4	25.4
Sau	19	20	21	22.5	22.9	23.8	24.2
23. Vòng mông							
Trước	21.3	21.9	22.5	23.5	24.4	25.7	27
Sau	22.5	23.2	23.8	24.8	25.7	27	28.3
24. Hạ đáy	25.4	26	26.7	27.3	28	28.6	29.2
25. Chiều sâu mông							
Giữa trước	21	21.6	22.5	22.9	23.2	24	24.8
Giữa sau	20.3	21	21.6	22.5	22.9	23.5	24.1
Chiều sâu mông	21.3	21.9	22.5	23.2	23.8	24.4	25
26. Độ sâu của sườn hông	141	145	148.6	152.4	156	160	164
27. Từ eo đến mắt cá	98.4	99.4	100.3	101.3	102.2	103.2	104
Từ eo đến sàn	103.5	104.4	105.4	106.4	107.3	108.3	109
Từ eo đến đầu gối	59.7	60.3	60.6	61	61.3	61.6	61.7
28. Dài đáy	61.6	63.5	65.4	67.3	69.2	71.1	73
29. Đùi trên	43.8	47	50.2	53.3	56.5	59.7	62.9
Đùi giữa	40.6	43.2	45.7	48.3	50.8	53.3	55.8
30. Đầu gối	31.8	33	34.3	35.6	36.8	38.1	39
31. Bắp chân	29.8	31	32.4	33.7	35	36.2	37.5
32. Mắt cá	23.5	24.1	24.8	25.4	26	26.7	27.
Chiều dài tay áo	55.9	56.5	57.2	57.8	58.4	59	59.
Hạ nách	14.3	14.6	14.9	15.2	15.6	15.9	16.
Ngang nách	32	32.7	33.3	34.3	35.2	36.5	37.

Bảng Số Đo Căn Bản Của Người Úc

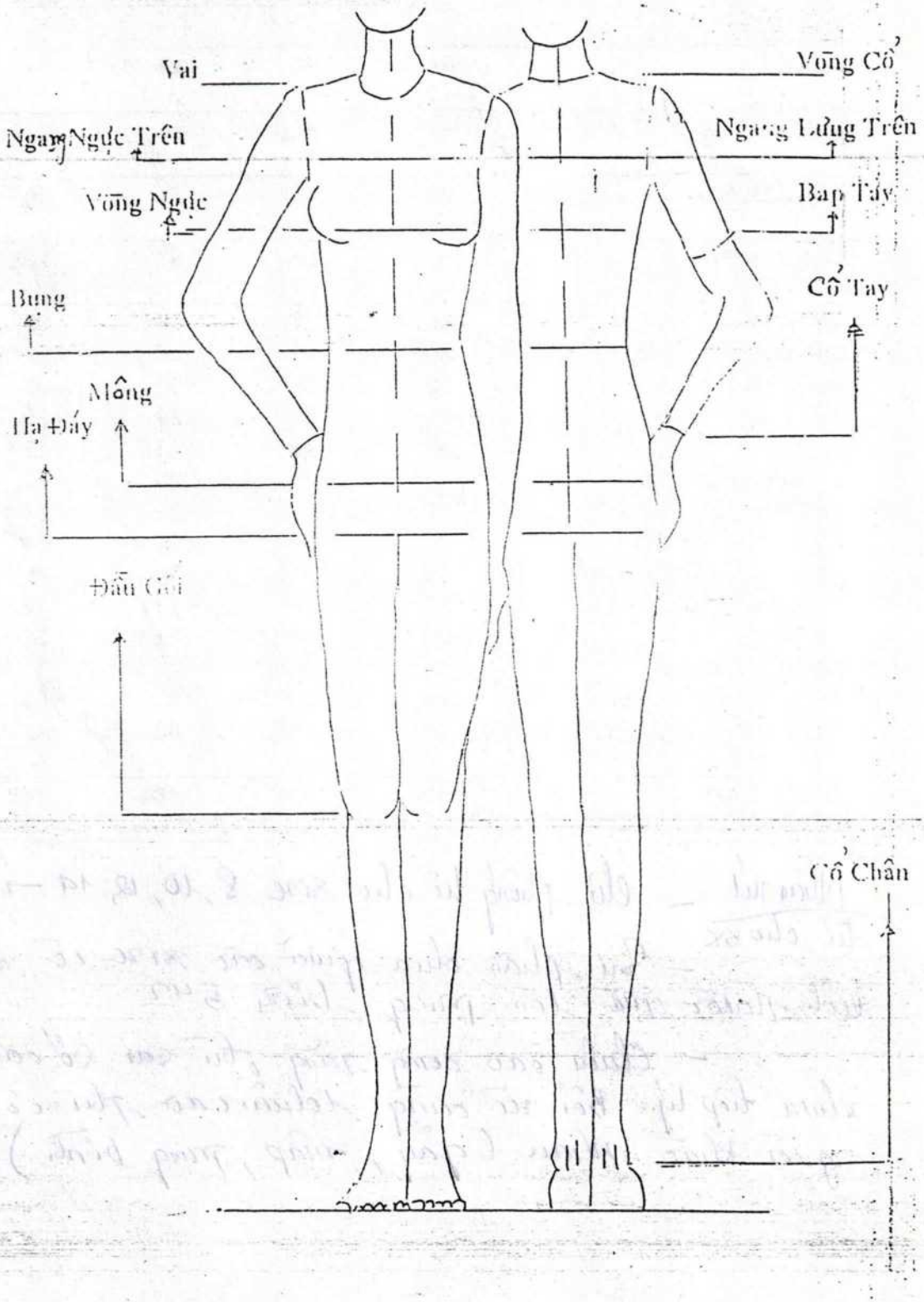
Người Phụ Nữ Có Dáng Trung Bình

SIZES	6	8	10	12	14
VÒNG NGỰC		81	86	90	95
VÒNG BỤNG		61	66	71	76
VÒNG MÔNG		87	92	97	102
Vòng Cổ		36	37	38	39
Bắp Đùi		50	53	56	59
Vòng Đầu Gối		32	34	35	36
Bắp Tay		25	27	29	30
Hạ Eo		39	43	43.5	43.5
Hạ Mông Khi Ngồi		18	18	20	20
Hạ Đáy		27	27	28	28
Ngang Vai Thân Sau		31	33	33	34
Ngang Ngực Thân Trước		30	30	31	32
Giữa Điểm Hai Đầu Ngực		17.5	18	18	18.5
Hạ Mông		20.5	21.5	21.5	22
Chiều Dài Vai Áo		11	11.9	11.5	11.5
Tay Dài_Đo Từ Vai Đến Cổ Tay		58	59	60	60
Tay Dài_Đo Từ Nách Đến Cổ Tay		43	43.5	43	43
CHIỀU CAO		160	162	164	166

Nhận xét: – Chỉ thông kê cho size 8, 10, 12, 14 → chưa đầy đủ cho SX.
– Sự phân chia giữa các size có sự chênh lệch khá thưa giữa lớn trung bình 5cm
– Chiều cao càng tăng thì sai số càng lớn là chưa hợp lý. Bởi vì cùng 1 chiều cao thì có nhiều vóc người khác nhau (gầy, mập, trung bình)

SIZING

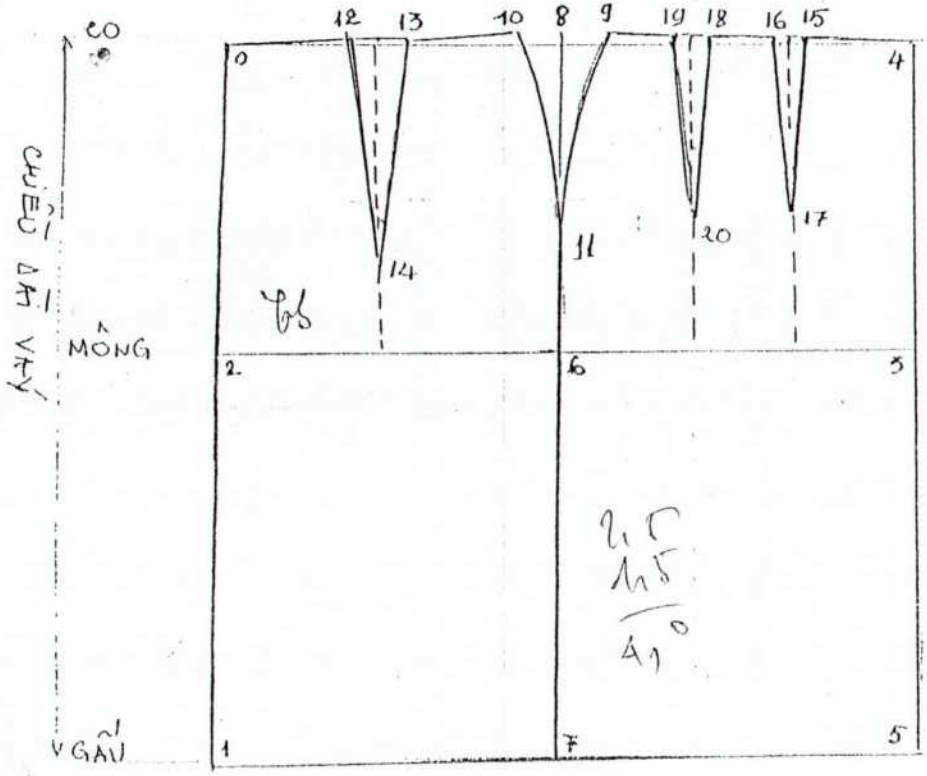
CÁCH LẤY SỐ ĐO



MẪU VÁY CĂN BẢN Size 10

Số đo: - Vòng bụng = 68 cm + 1 cm cử động
- Vòng mông = 92 cm + 3.2 cm cử động
- Dài váy = 60 cm
- Hạ mông = 21.5 cm
- Tỉ lệ vòng mông = 1/2 vòng mông = 48 cm

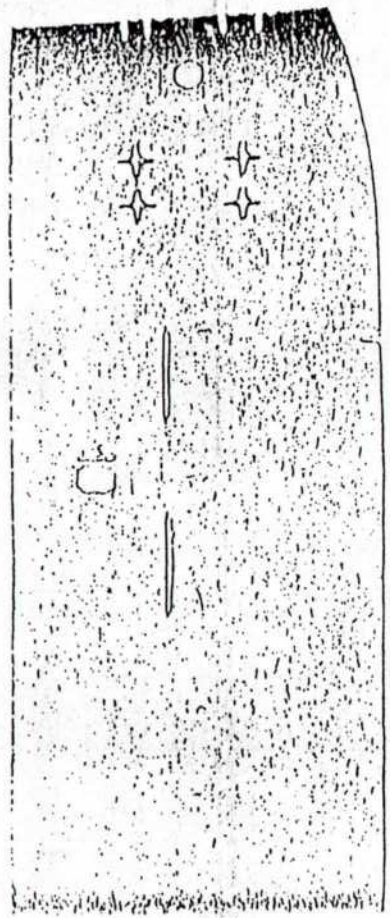
Chú ý: - Mẫu váy cơ bản chưa tính đường may
- Xếp các li chết rồi vẽ đường cong của bụng
- Đường bụng của mẫu vẽ cơ bản là 67 cm, trong đó 1 cm cho cử động
- Lổ đinh của li chết = 3 cm từ điểm cuối của li
- Làm nẹp lưng váy = 68 cm + 1 cm cử động = 67 cm



0 - 1	Chiều dài váy đến đầu gối bằng đường giữa của thân váy sau	60 cm
0 - 2	Hạ mông = (chiều cao + tỉ lệ vòng mông) / 8 - 4.5 cm	21.5 cm
	Kẻ các đường thẳng góc với đường o - 1, tại o, 1, 2	
2 - 3	1/2 vòng mông cộng 1.6 cm. Qua 3 vẽ thẳng góc cắt đường o tại 4, đường 1 tại 5 (4 - 5 là đường giữa của thân váy trước)	47.6 cm
2 - 6	Đường hông váy = 1/2 số đo của 2 - 3. Qua 6 kẻ thẳng góc với 2 - 3, cắt đường 1 -5 tại 7 và o - 4 tại 8. Kéo dài 8 lên đường bụng 1 cm	23.8 cm
8 - 9	3 cm cho các size	3 cm
8 - 10	3 cm cho các size	3 cm
6 - 11	6 cm cho các size	6 cm
o - 12	Điểm vào li chết thân sau = 1/20 vòng ngực + 4.5 cm (Từ 12 kéo dài lên đường bụng 0.3 cm)	8.8 cm
12 - 13	4 cm cho tất cả các size (Từ 13 kéo dài lên bụng 0.3 cm)	4 cm
	Điểm 14 là đường giữa của li chết = 6 cm đo từ đường mông	6 cm
4 - 15	Điểm vào li chết thân trước = 1/10 vòng ngực - 1 cm (Từ 15 kéo dài lên đường bụng 0.3 cm)	7.6 cm
15 - 16	1.5 cm cho tất cả các size (Từ 16 kéo dài lên đường bụng 0.3 cm)	1.5 cm
	Điểm 17 là đường giữa của li chết dài 12 cm đo từ đường bụng	12 cm

16 - 18	5 cm (Từ điểm 18 kéo dài lên đường bụng 0.6 cm)	5 cm
18 - 19	2.5 cm cho tất cả các size	2.5 cm
	Điểm 20 là điểm giữa của li chết = 11 cm đo từ đường bụng	11 cm



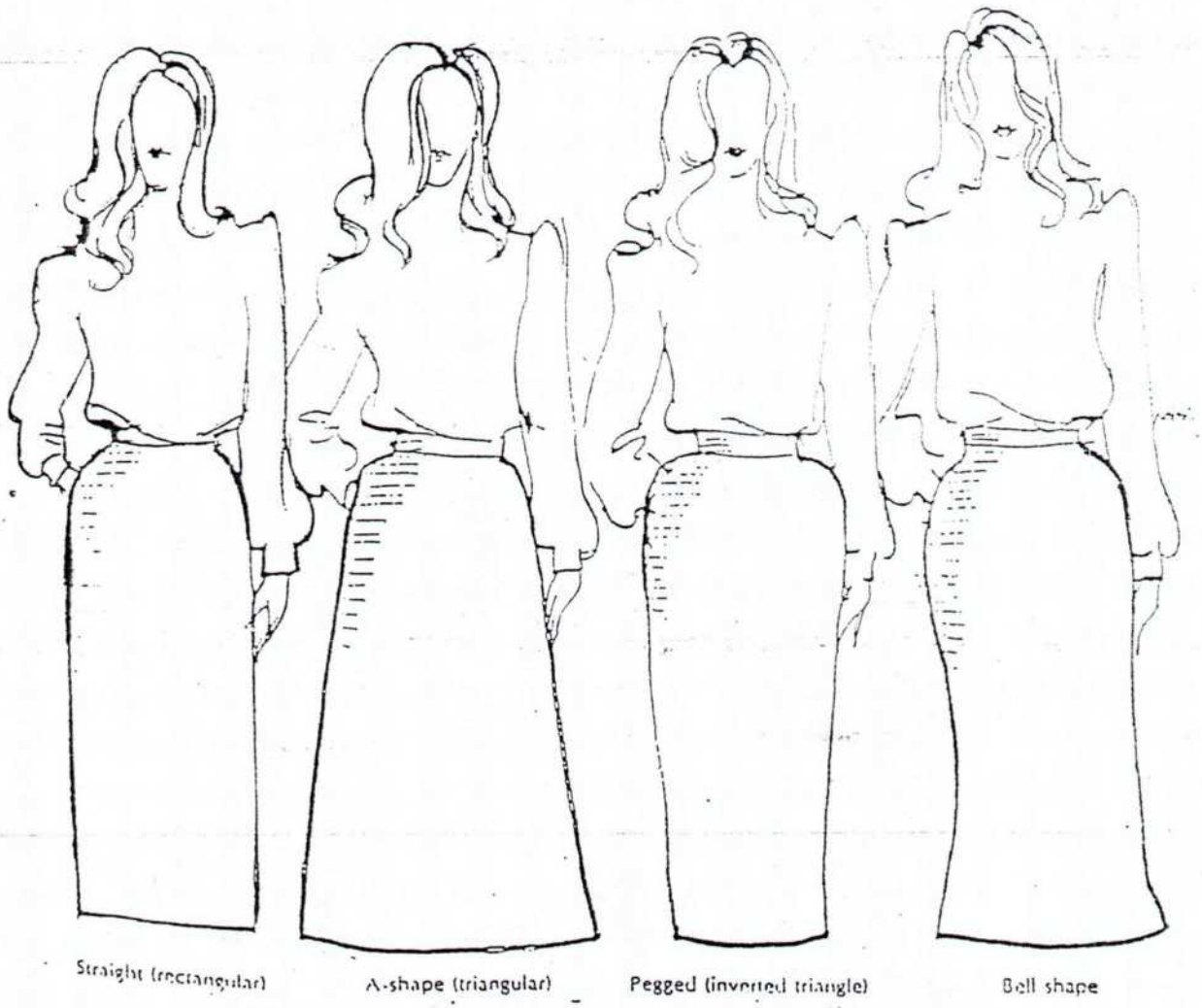


HÌNH DẠNG CỦA VÁY

VÁY CÓ 4 DẠNG CHÍNH:

Bốn dạng chính của váy được minh họa theo hình dưới đây là nền tảng để thiết kế mẫu cho các kiểu váy khác. Dạng váy thẳng là một kiểu chính dùng để phát triển các dạng váy chử A, váy hình lu, váy hình chuông.

1. Váy dạng thẳng hay chử nhật: Váy rủ thẳng từ mông đến gấu
2. Váy dạng chử A hay tam giác: Váy xòe từ mông đến gấu. Váy tròn và xòe nằm trong nhóm váy này
3. Váy dạng cái lu: Váy bó từ mông đến gấu. Có thể tăng độ rộng ở eo, mông và bó lại từ mông đến gấu
4. Váy dạng hình chuông: Váy bó theo đường cong của cơ thể ở trên hay dưới mông rồi xòe ra ở dưới gấu



1.Váy dạng thẳng 2.Váy dạng chử A 3.Váy dạng cái lu 4.Váy dạng hình chuông

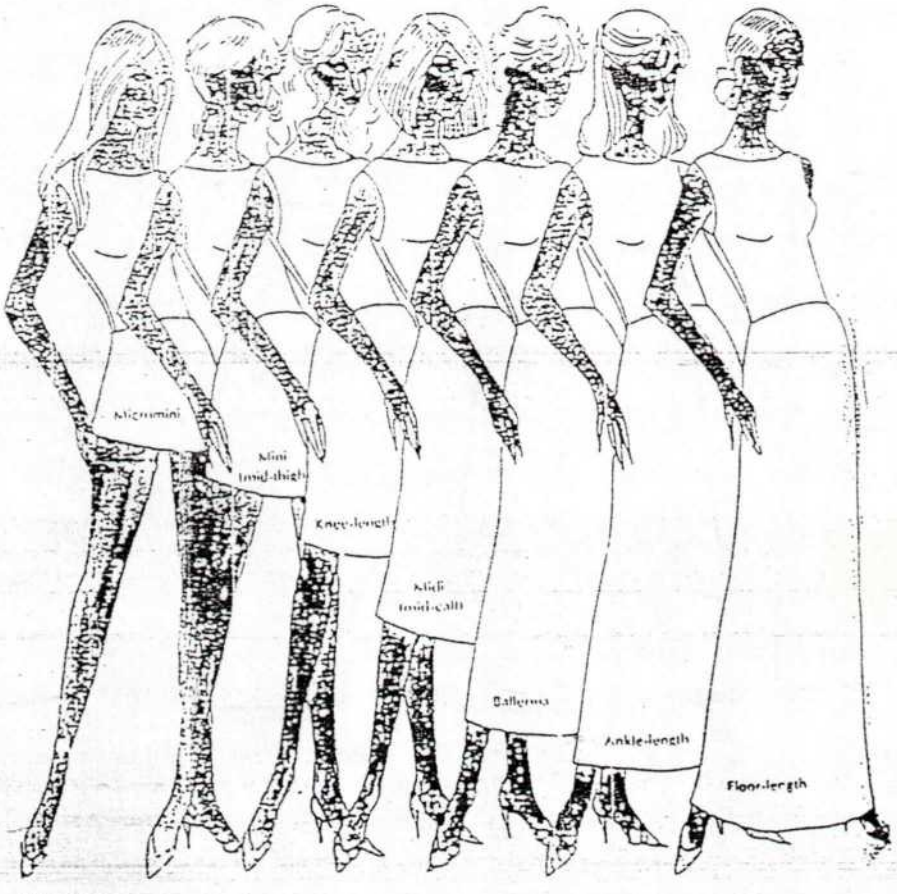
CHIỀU DÀI CỦA VÁY

PHẦN GIỚI THIỆU

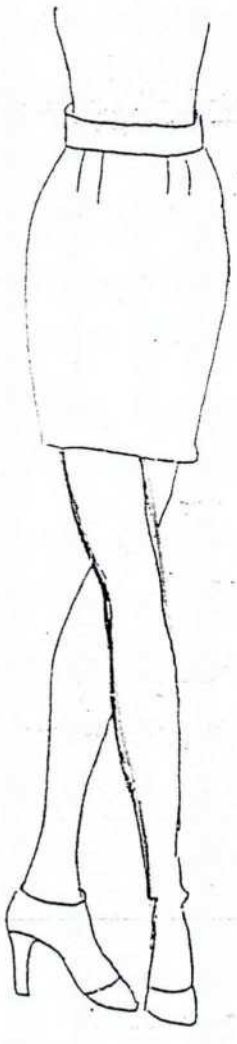
Váy là một kiểu quần áo để mặc từ phần dưới eo của cơ thể với các chiều dài khác nhau. Hình dạng của váy (tính theo dạng ngoài, không kể các chi tiết sáng tạo khác trên thân váy) là một trong những kiểu vẽ được các nhà thiết kế thời trang xử dụng để thay đổi hình dạng theo thời trang. Hình dạng váy có thể được biến đổi theo cách làm mẫu rộng hơn hay ôm sát vào thân người, hoặc có thể làm tăng hay giảm chiều dài của váy.

Váy có những chiều dài khác nhau như hình minh họa dưới đây:

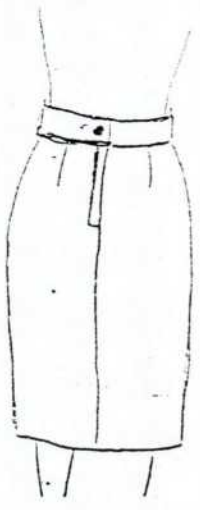
- Váy cực ngắn
- Váy ngắn ngang đùi (mini).
- Váy tới đầu gối
- Váy dài qúa gối (midi)
- Váy dài tới bắp chân
- Váy dài đến mắc cá
- Váy dài đến gót chân



MÃ SỐ: 8701



PHÍA TRƯỚC



PHÍA SAU

VÁY DẠNG THẲNG

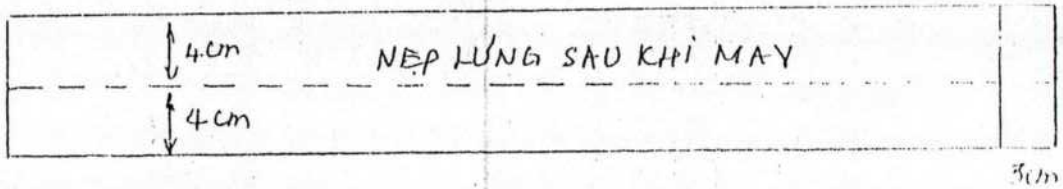
VÁY NGẮN TRÊN ĐẦU GỐI CÓ DÂY KÉO, MỞ GẤU THÂN SAU (SPLIT), LƯNG VÁY THẲNG
MÃ SỐ 8701

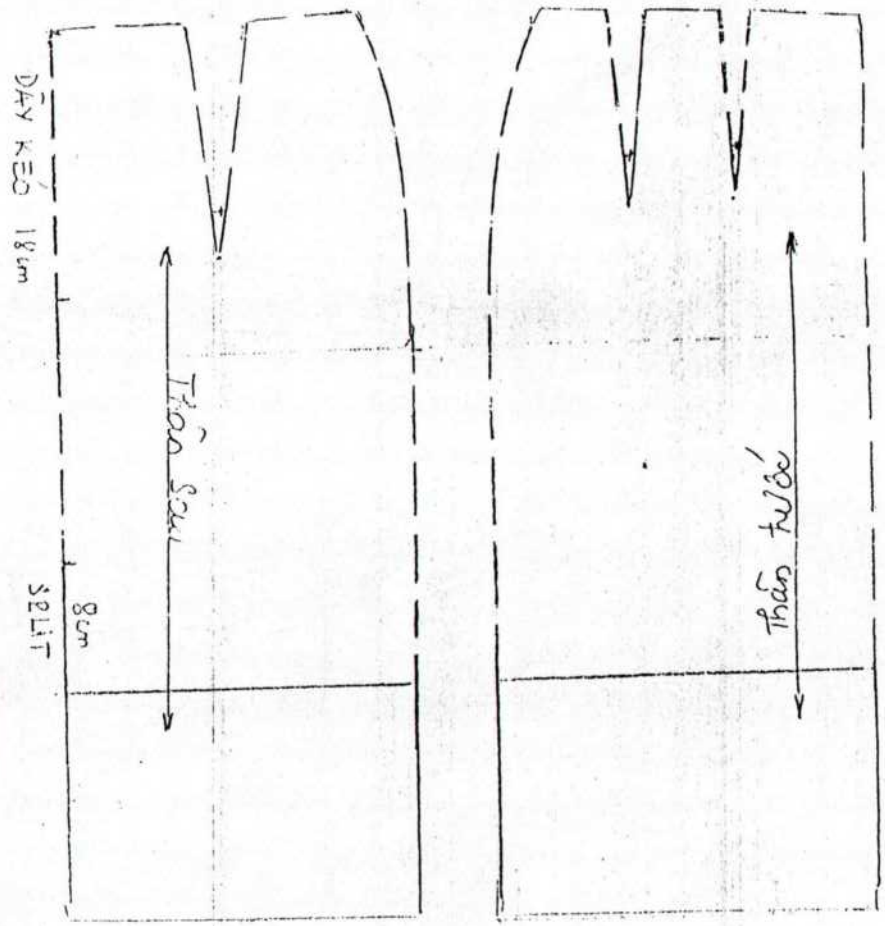
-THÂN SAU:

Dài váy = 43 cm
Dây kéo = 18 cm
Mở gấu = 8 cm (tùy sở thích)

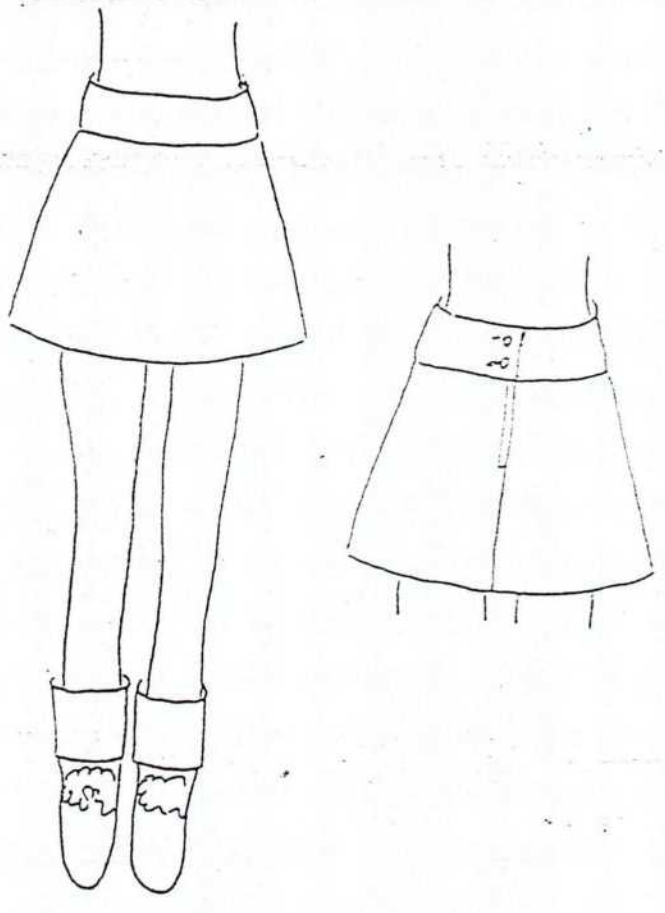
-THÂN TRƯỚC:
Dài váy = 43 cm

-LƯNG VÁY:
Vòng bụng + 1 cm cử động = 86 cm + 1 cm = 87 cm
Nẹp lưng váy = 8 cm (4 cm + 4 cm) (tùy sở thích)
Chỗ mở nút = 3 cm





MÃ SỐ: 8702



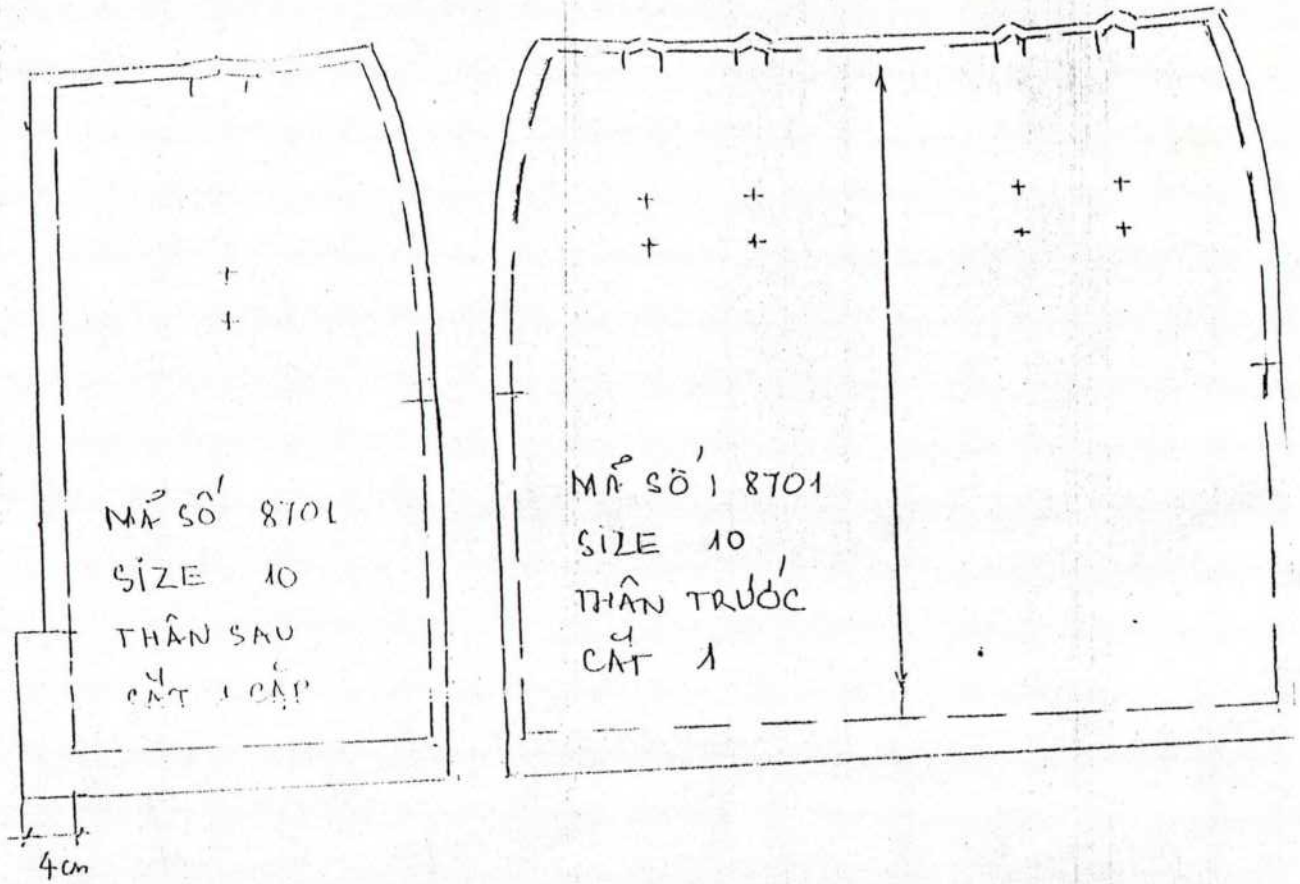
HÌNH THÀNH MẪU VÁY 8701:

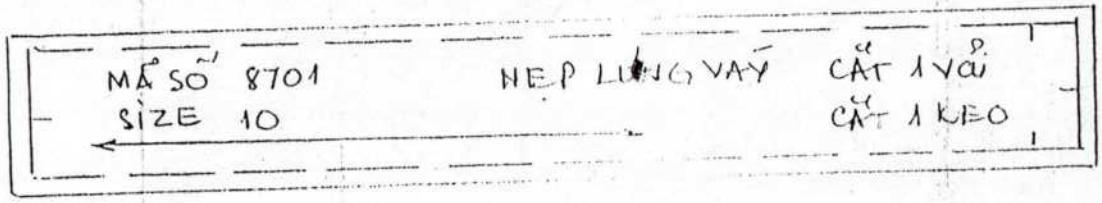
Cộng thêm phần may vào mẫu:

1 cm cho đường bụng, đường hông váy
2 cm cho đường giữa thân sau
2.5 cm cho đường gấu váy
1 cm chung quanh nẹp lưng váy

Viết chi tiết cần thiết lên mẫu:

Mã số
Số đo (size)
Phần của mẫu
Cắt
Vẽ đường biên vải





VÁY DẠNG CHỮ A

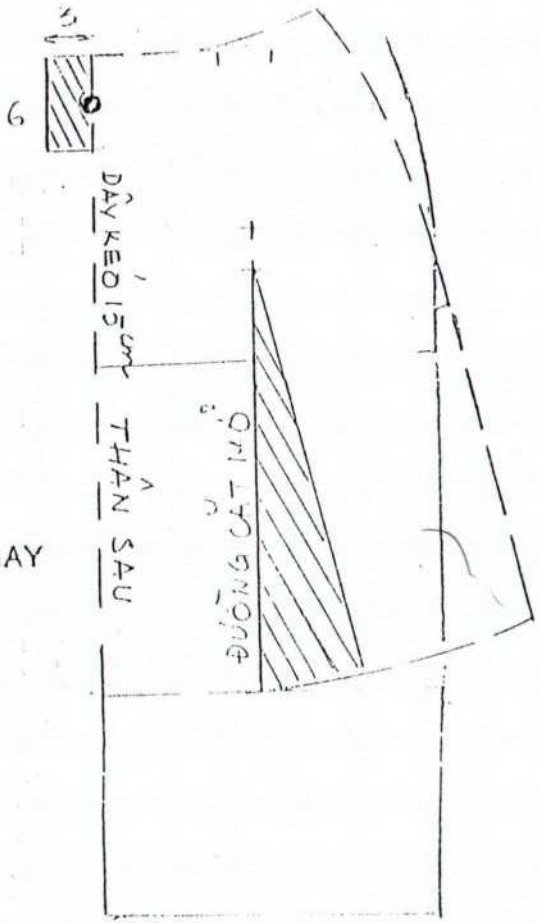
VÁY HÌNH NÓN CÓ ĐỐ VÁY, DÂY KÉO, NẸP LƯNG NẰM BÊN TRONG

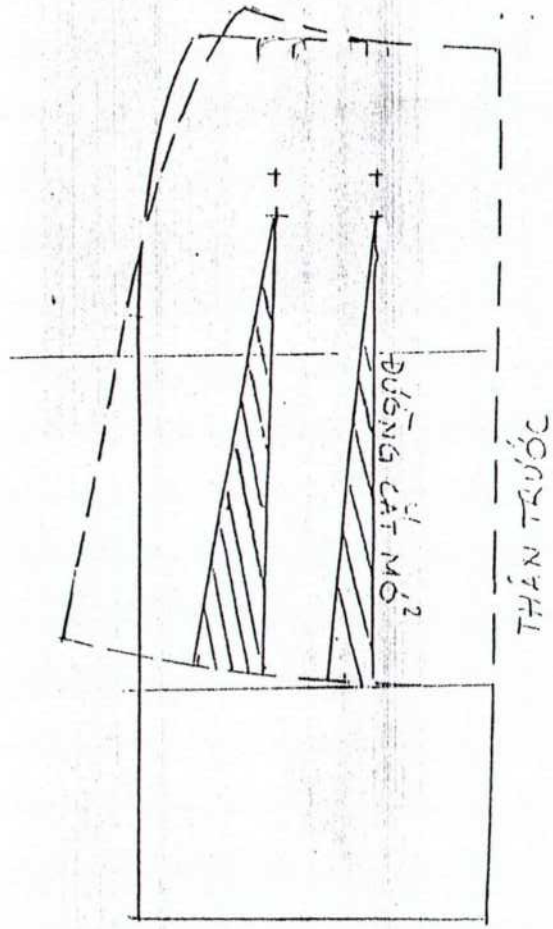
MÃ SỐ: 8702

PHƯƠNG PHÁP THỨ NHẤT:

- Cắt, mở, đóng li chết (Slashing open)
- Đổi điểm trụ đóng li chết trên thân trước:
  Đo 6 cm từ đường mông lên (để có độ xòe và đóng li chết giống thân sau)
- Vẽ đường cắt mở (Slash line):
  Vẽ đường song song với đường giữa của thân sau và thân trước từ điểm trụ đến đường gấu
- Ghi chép như hình vẽ
- In phần cắt mở qua một tờ giấy khác
- Đóng li chết theo chỉ dẫn
- Vẽ đố váy = 6 cm đo từ bụng xuống
- 3 cm chổ gài nút thân sau (như hình vẽ)

HOÀN THÀNH MẪU CỘNG THÊM ĐƯỜNG MAY VÀ VIẾT CHI TIẾT CẦN THIẾT LÊN MẪU



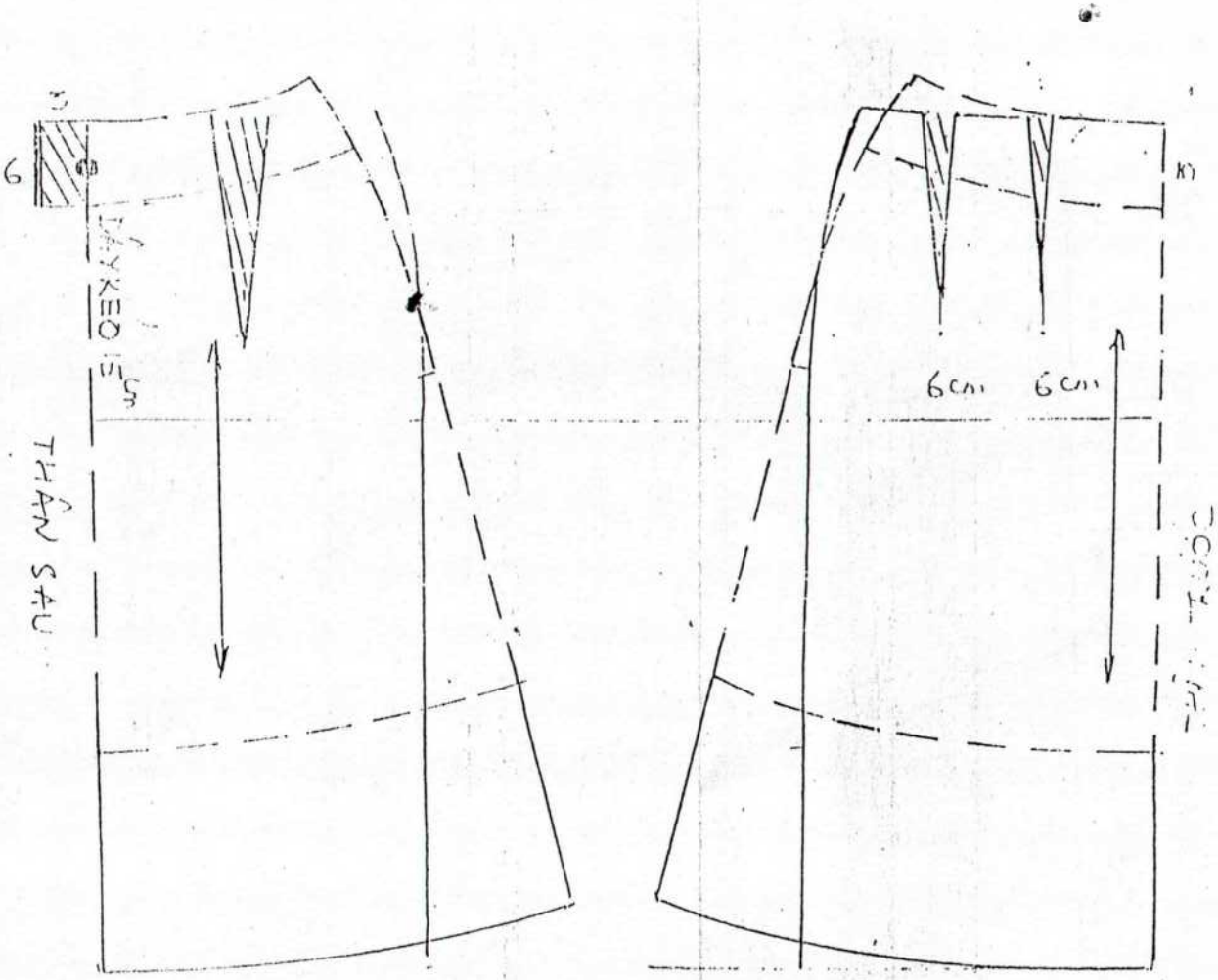


PHƯƠNG PHÁP THỨ HAI:

Dùng điểm trụ đóng li chết (Pivoting Method)

- Đổi điểm trụ đóng li chết trên thân trước:
  Đo 6 cm từ đường mông lên (để có độ xòe và đóng li chết giống thân sau)
- Theo phương pháp chỉ dẫn: đóng li thứ nhất rồi tiếp tục đóng li thứ nhì (trên thân trước)
- Lấy chiều dài váy (Mini) (tùy sở thích) = 43 cm
- Vẽ đô váy = 6 cm đo từ đường bụng váy xuống
- 3 cm chỗ gài nút trên thân sau như hình vẽ

HOÀN THÀNH MẪU CỘNG THÊM ĐƯỜNG MAY VÀ VIẾT CHI TIẾT CẦN THIẾT LÊN MẪU



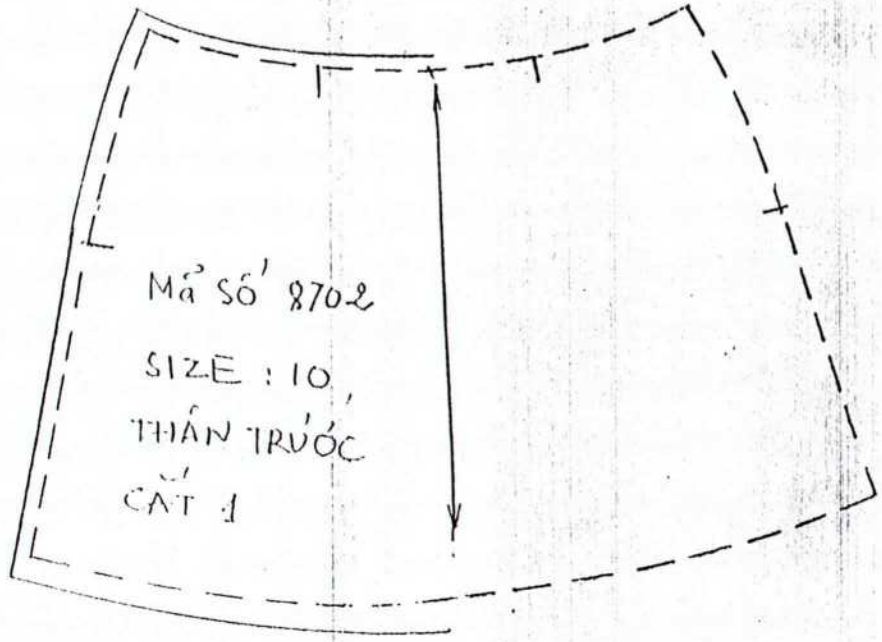
HOÀN TẤT THÂN LƯNG VÁY:

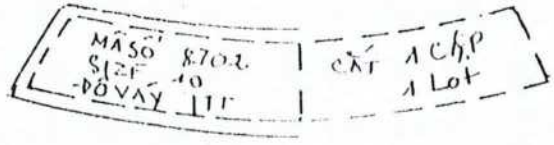
Cộng thêm phần may vào mẫu:

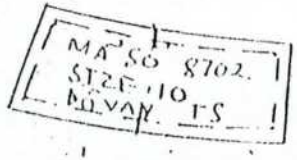
- 1 cm cho đường hông, đường bụng váy, đô váy
- 2 cm cho đường giữa thân sau
- 2.5 cm cho gấu váy

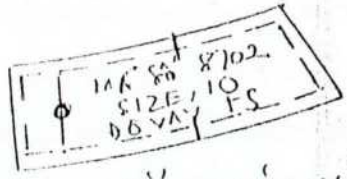
Viết các chi tiết cần thiết lên mẫu:

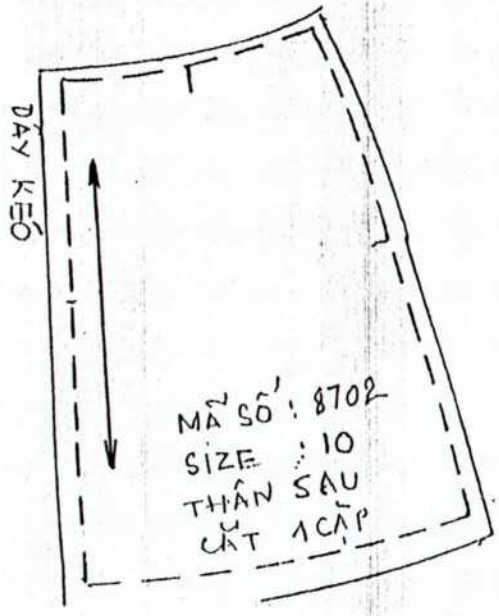
Mã số
Số đo (size)
Phần của mẫu
Cắt
Vẽ đường biên vải (Grainline)





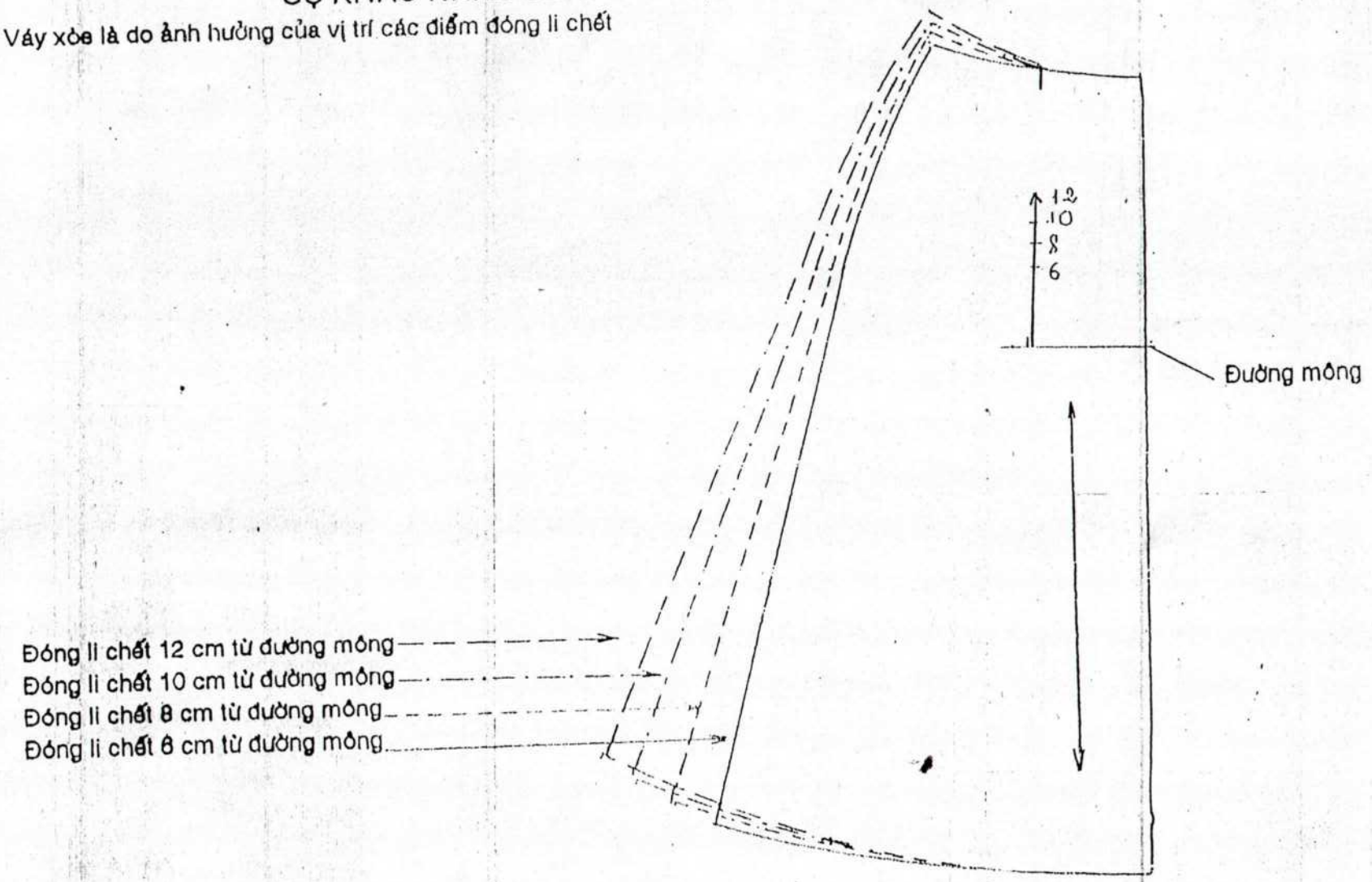






SỰ KHÁC NHAU CỦA CÁC ĐỘ XÒE TRONG DẠNG VÁY CHỮ A

Váy xòe là do ảnh hưởng của vị trí các điểm đóng li chết



MÃ SỐ: 8703



VÁY TRÒN

MÃ SỐ: 8703

A. VÁY TRÒN NGUYÊN ĐƯỜNG KÍNH

A - B = 1/6 vòng bụng

66 cm / 6 = 11 cm

B - C = chiều dài váy = 40 cm

B. VÁY TRÒN 1/2 ĐƯỜNG KÍNH

A - E = 1/3 vòng bụng

66 cm / 3 = 22 cm

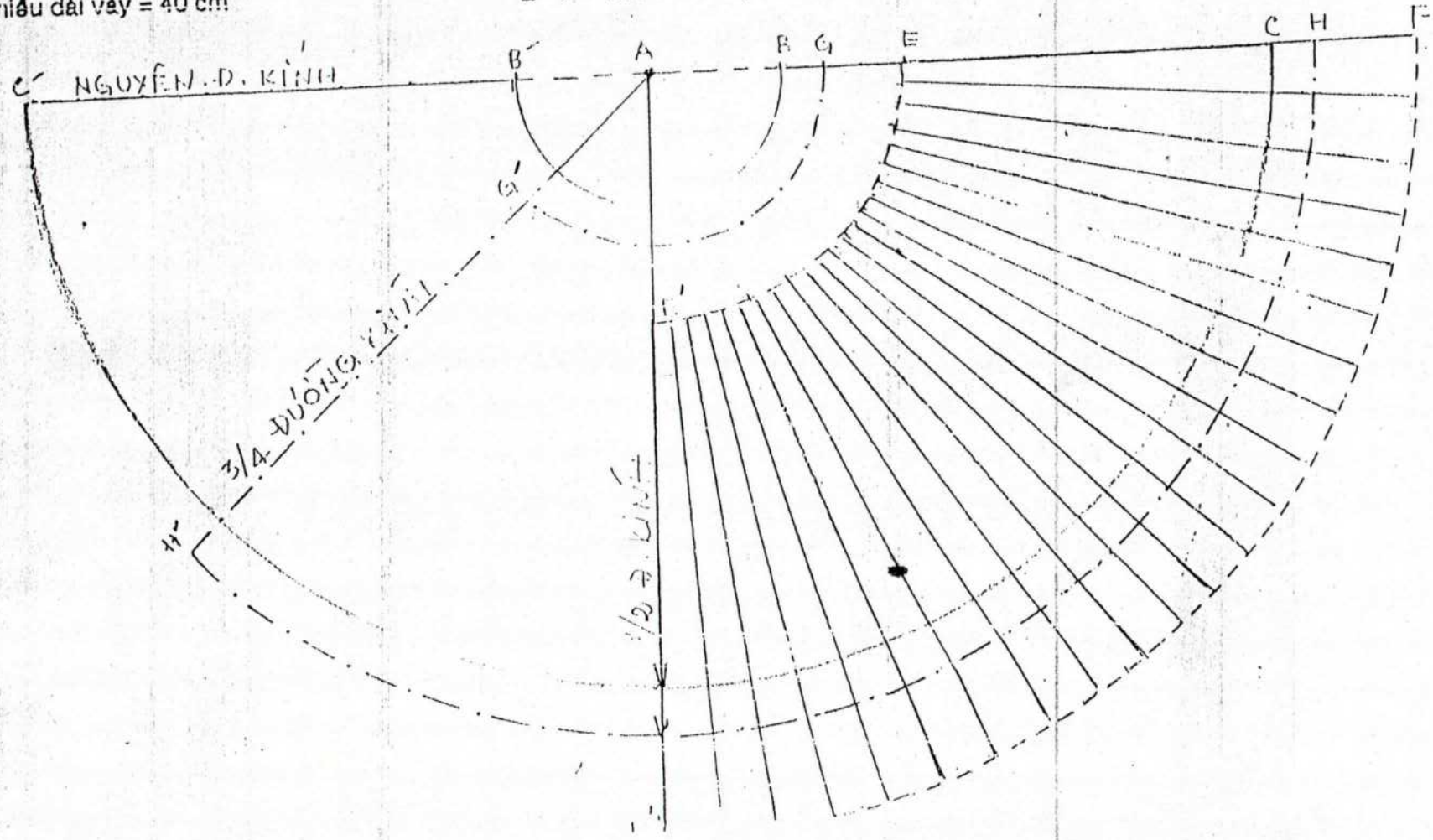
E - F = chiều dài váy

C. VÁY TRÒN 3/4 ĐƯỜNG KÍNH

A - G = 2/9 vòng bụng

66 cm / 9 = 7.3 x 14.6 cm

G - H = chiều dài váy



Chú ý:

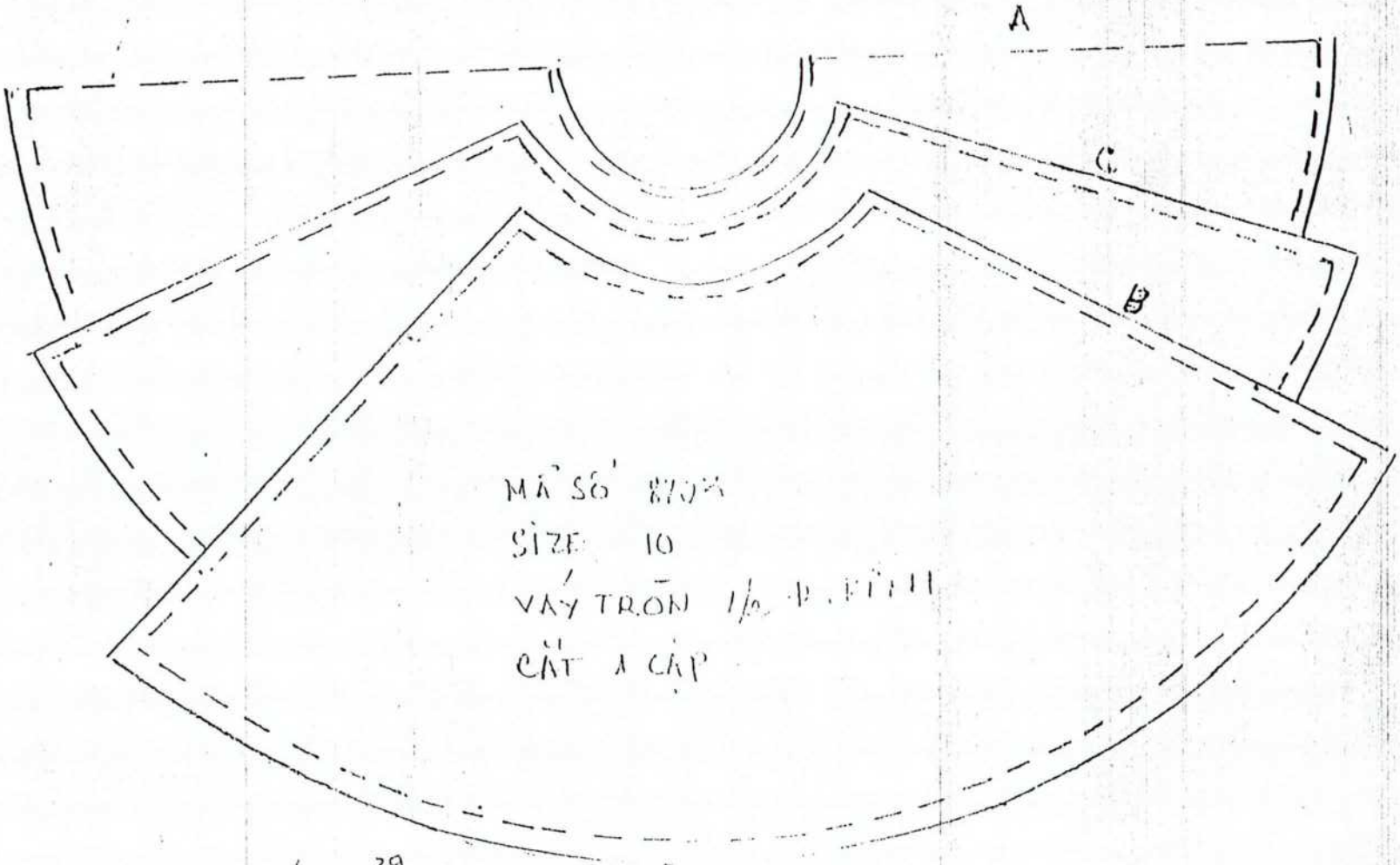
a) Cộng thêm phần may vào đường hông và đường bụng = 1 cm

b) Cộng phần may vào đường giữa thân sau cho dây kéo = 2 cm

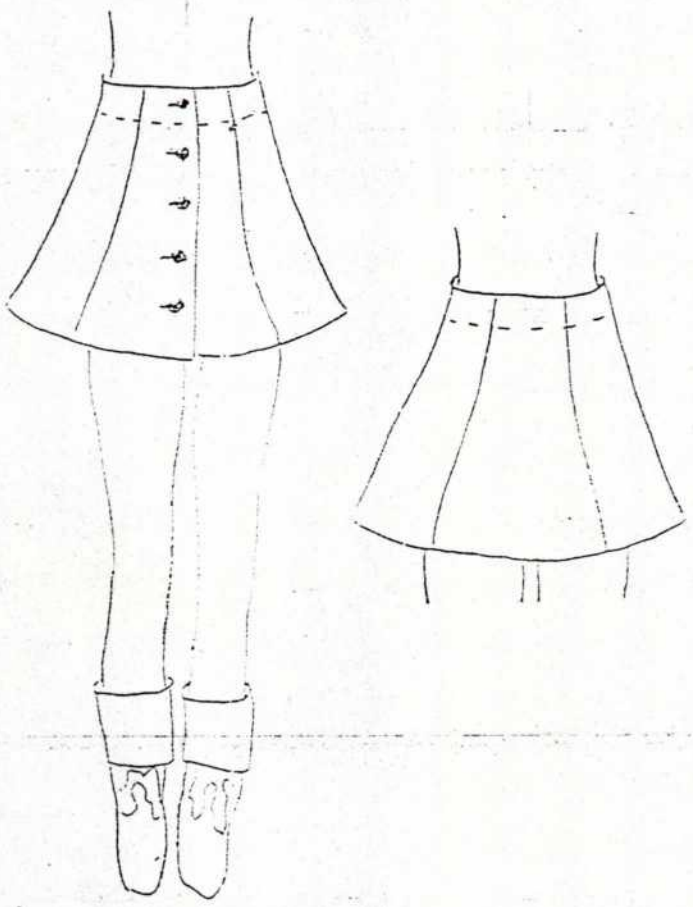
c) Cộng gấu = 1.5 cm

d) Dây kéo = 18 cm

e) Nẹp lưng váy như kiểu 8701



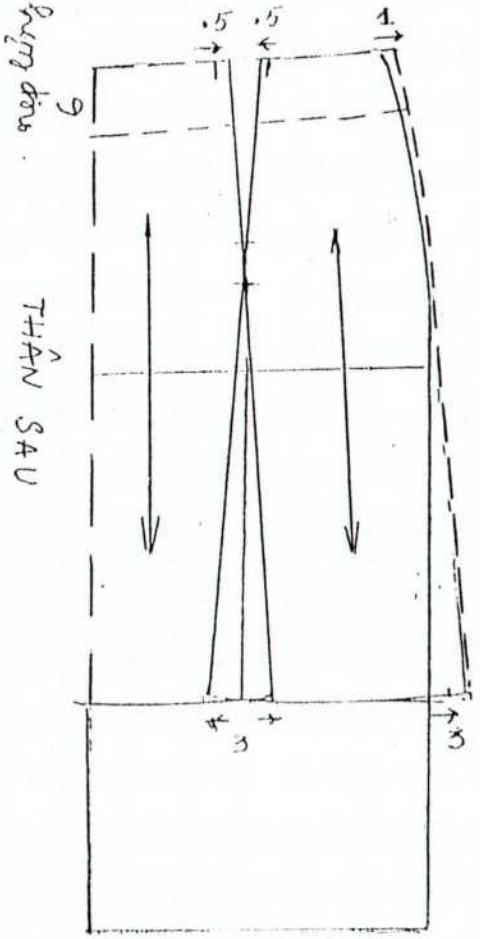
MÃ SỐ: 8704

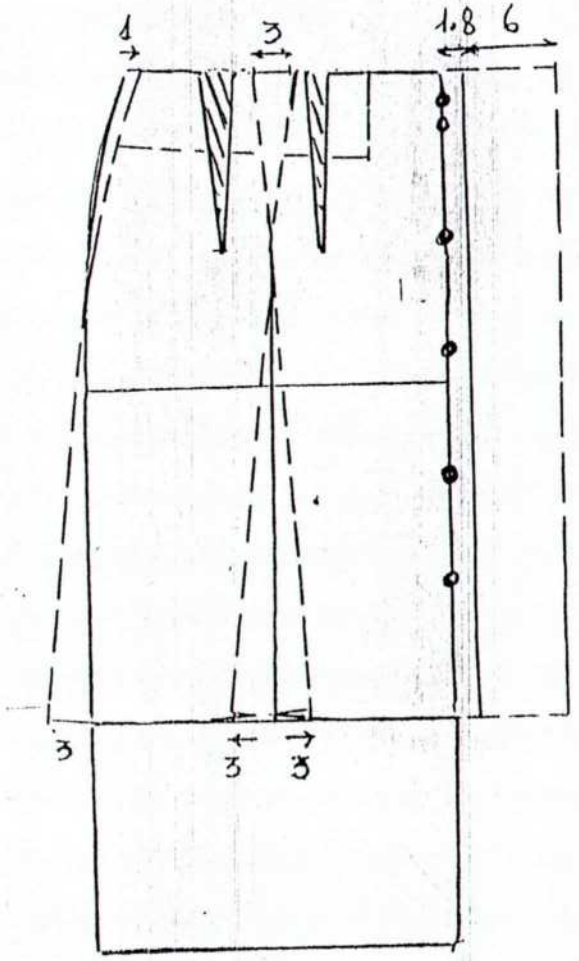


VÁY DẠNG CHỮ A

VÁY 7 MẢNH, NẸP LƯNG NẰM BÊN TRONG, CÀI NÚT THÂN TRƯỚC (8704)

- Thân trước 2 li, thân sau 1 li = 4 cm mỗi li
- Trong kiểu này sẽ đổi li = 4 cm thành li = 3 cm
  1 cm còn lại sẽ được đưa về bên đường hông
  (như hình vẽ)
- Nút size = 1.5 cm
- Chỗ cài nút = 1.8 cm (1.5 cm + 0.3 cm)
- Nẹp dưới nút = 6 cm

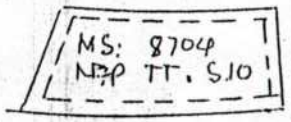




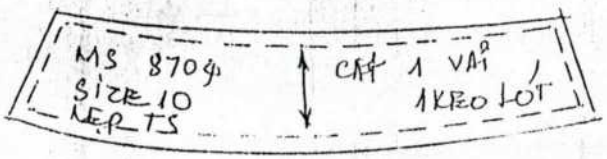
HÌNH THÀNH MẪU VÁY : 8704

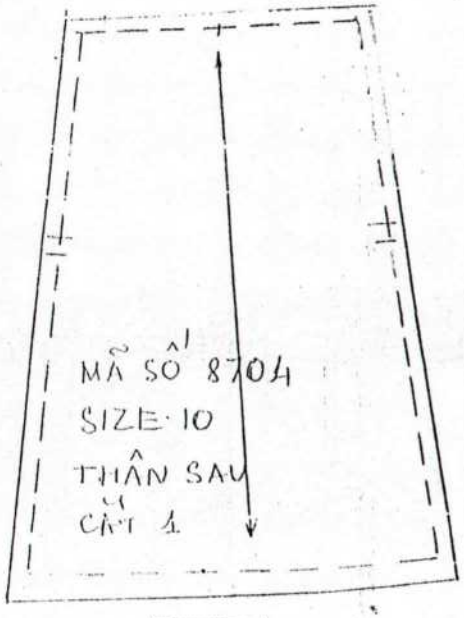
Cộng thêm phần may vào mẫu
1 cm cho đường hông, đường bụng váy
2.5 cm cho đường gấu váy
1 cm chung quanh nẹp lưng váy

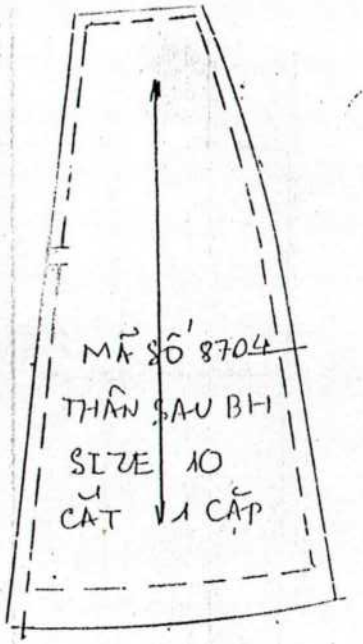
Viết chi tiết cần thiết lên mẫu:
Mã số
Số đo
Phần của mẫu
Cắt
Vẽ đường biên vải (grain line)
Chi tiết cắt vải keo lót

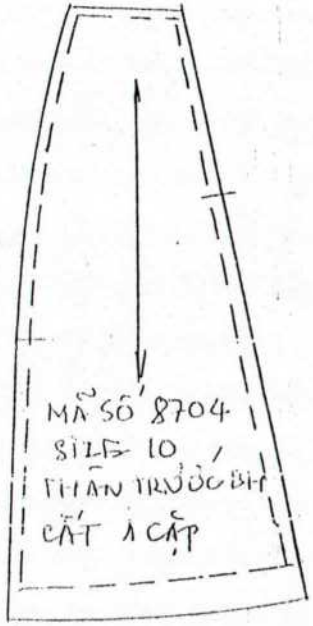


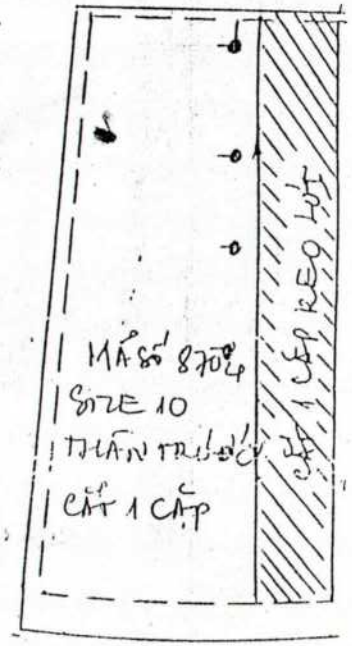
CẮT 1 CẶP VẢI
1 CẶP KEO LÓT



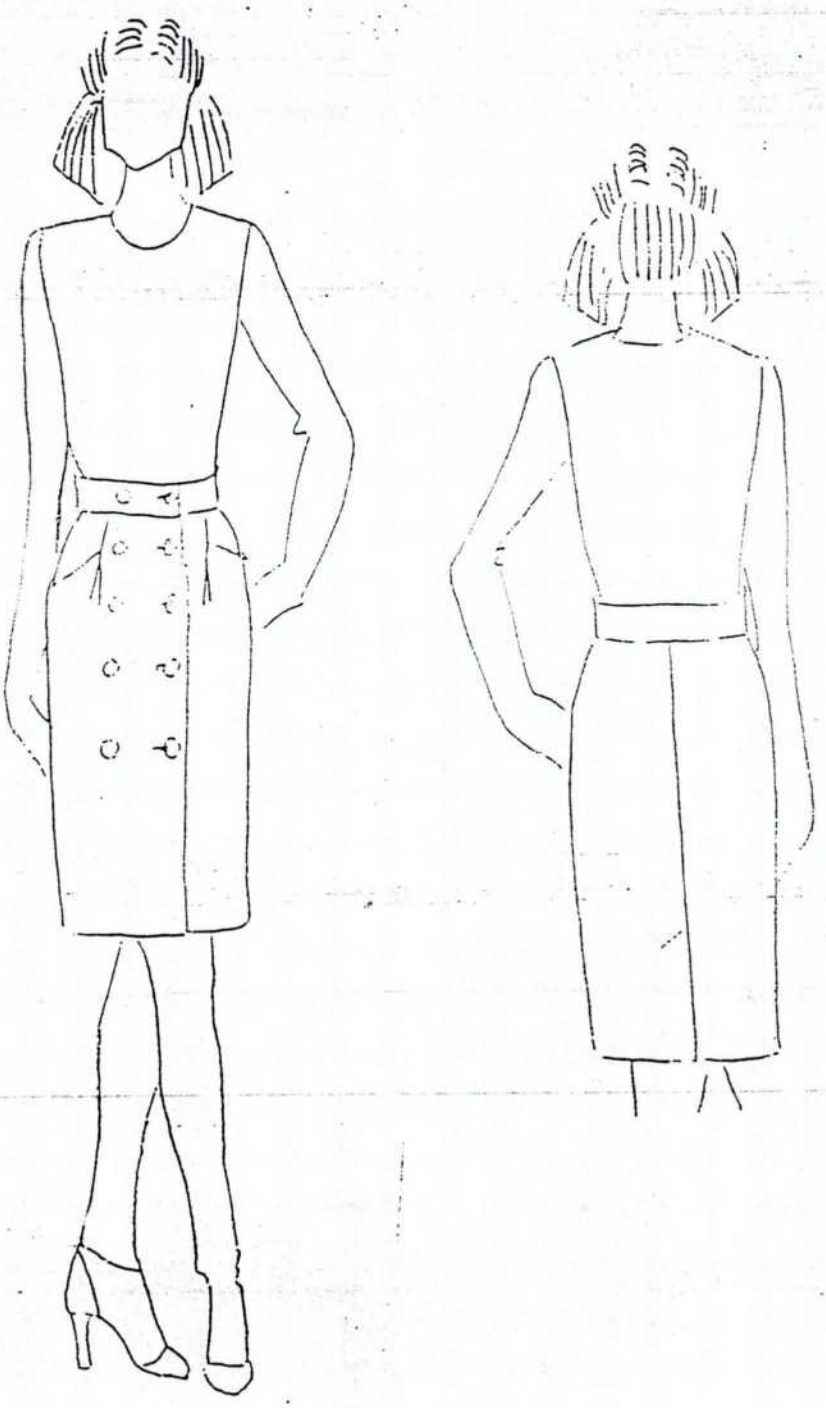








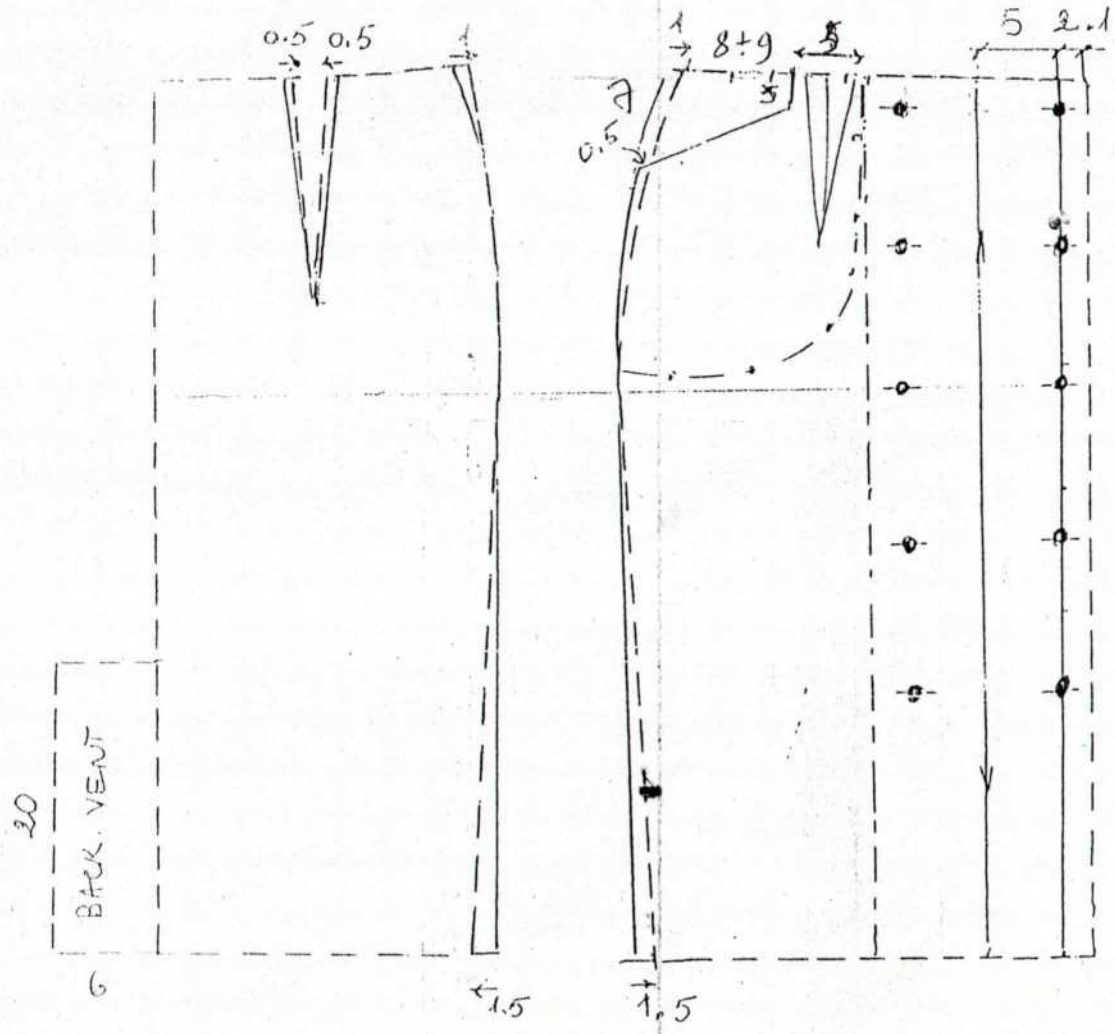
MÃ SỐ: 8705



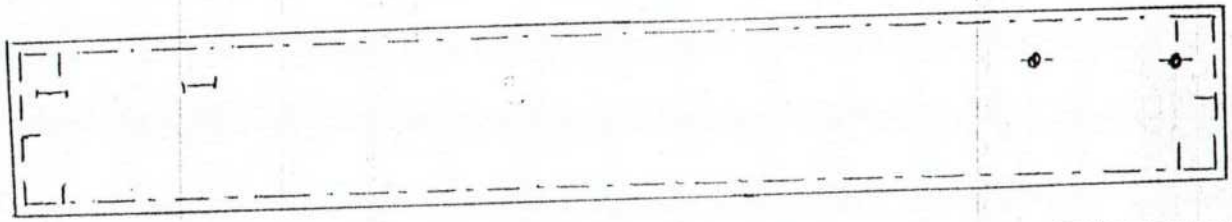
VÁY THẲNG HÌNH CÁI LU

VÁY THẲNG BÓ GẤU, CÀI NÚT MỞ CHỒNG QUA THÂN TRƯỚC, TÚI HÔNG (SLANT POCKET), GẤU MỞ CHỒNG QUA THÂN SAU (BACK VENT) MÃ SỐ 8705

- Thân trước 2 li, thân sau 1 li = 4 cm mỗi li
- Trong kiểu này sẽ đổi li = 4 cm thành li = 3 cm 1 cm còn lại sẽ được đưa về bên đường hông (như hình vẽ)
- Thân trước mở chồng qua = 5 cm
  Chỗ cài nút = 2.1 cm (1.8 cm + 0.3 cm)
- Nẹp dưới nút = 14 cm như hình vẽ
- Túi hông: kéo bên đường hông 0.5 cm (để để bỏ tay vào)
- Chiều dài váy = 60 cm
- Gấu váy giảm vào 1.5 cm (để váy có dạng hình cái lu)
- Thân sau váy mở chồng qua (như hình vẽ)
- Hình thành mẫu váy 8705 cộng thêm phân may vào mẫu
- Viết các chi tiết cần thiết lên mẫu



NẸP LƯNG VÁY 8705:

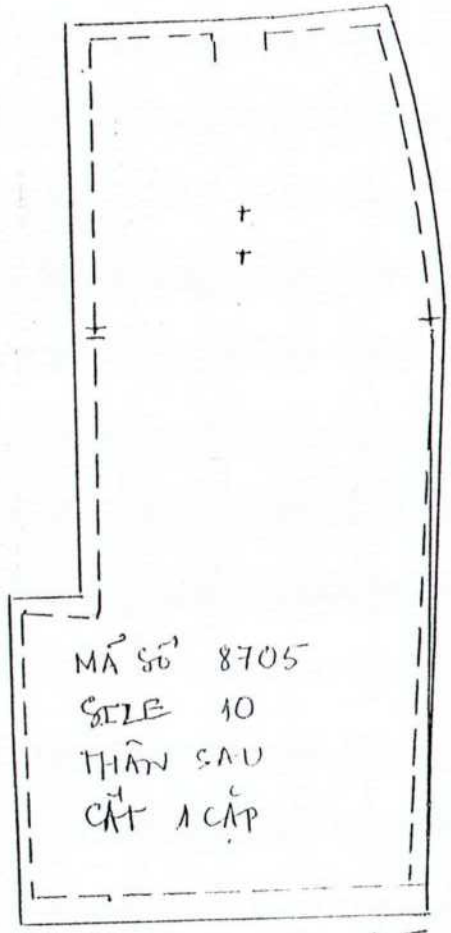


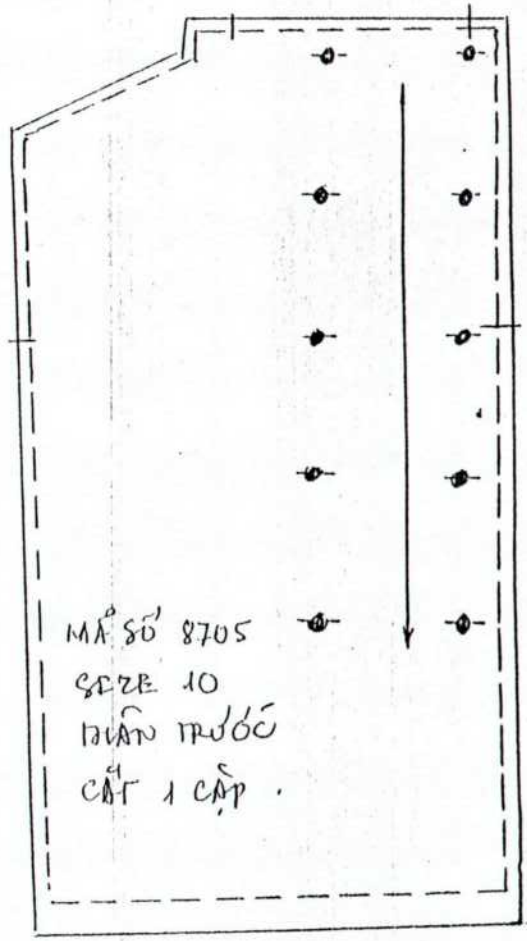
HÌNH THÀNH MẪU 8705:

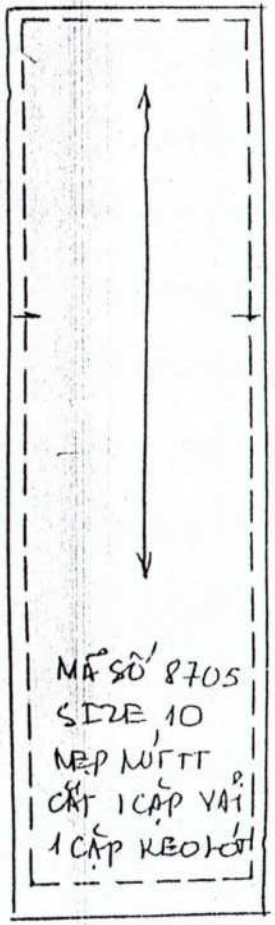
Cộng 1 cm vào đường hông, bụng váy mặt túi, bao túi
Cộng 1 cm vào nẹp mở nút thân trước
Cộng 2 cm vào thân giữa sau
Cộng 2.5 cm vào gấu váy











MÃ SỐ: 8706



VÁY THẲNG HÌNH LU

VÁY DÚN CÓ ĐỐ, GẤU MỞ BÊN ĐƯỜNG HÔNG, NẸP LƯNG VÁY NẰM BÊN TRONG, DÂY KÉO

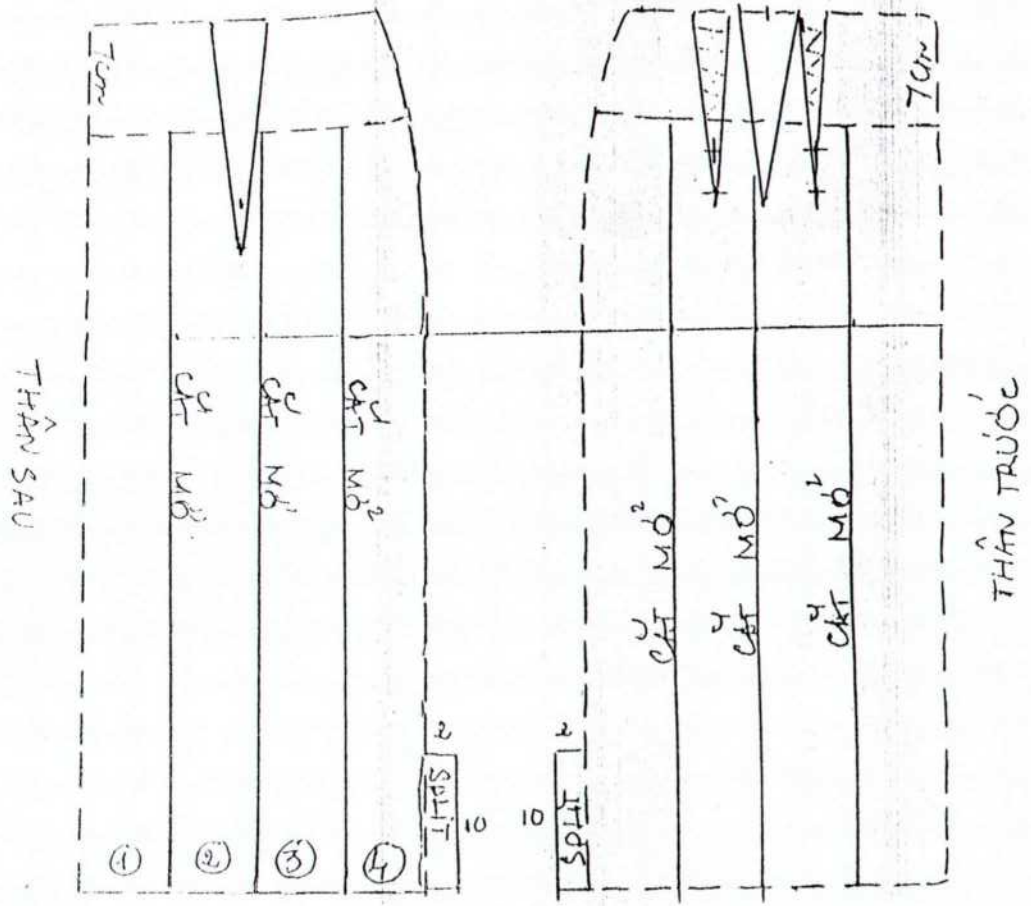
THÂN SAU MÃ SỐ 8706

ĐỐ VÁY:

- Vẽ đố váy = 7 cm, và in qua một giấy khác để loại bỏ phần li chết như hình vẽ và chỉ dẫn

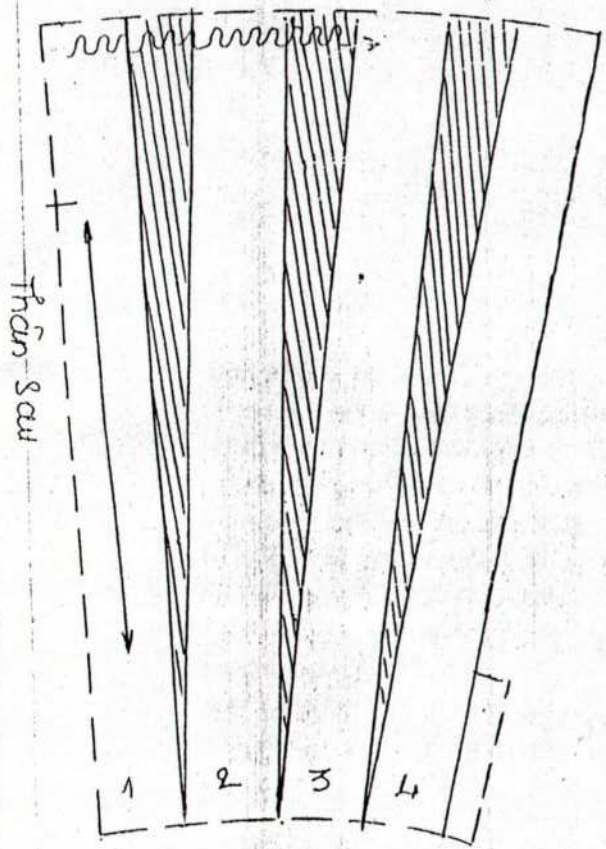
-PHẦN VÁY DƯỚI:

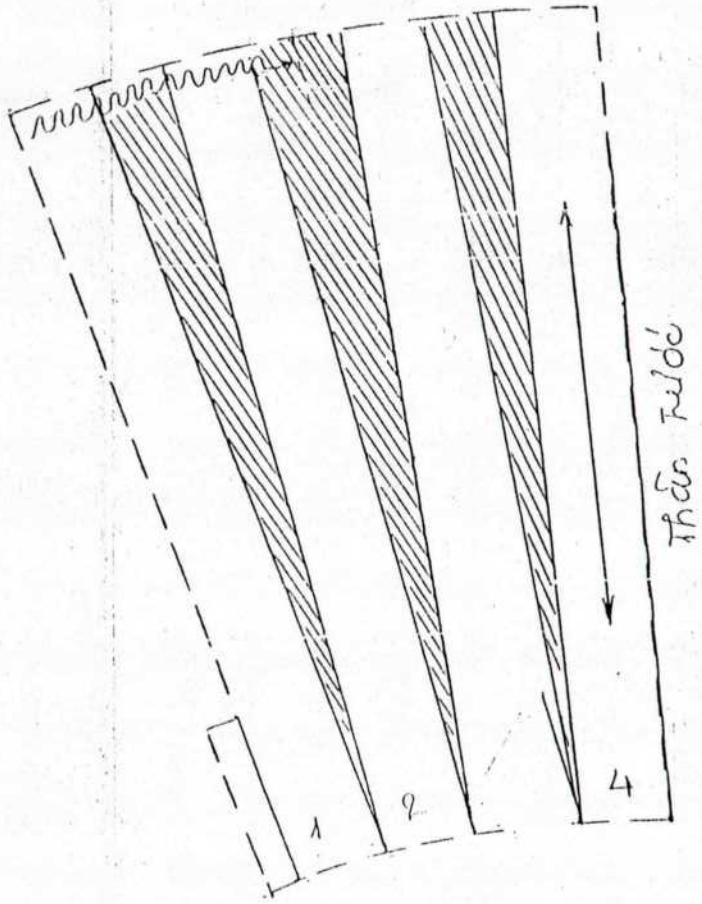
- Vẽ chia làm 4 phần cắt, mở để dún (li chết sẽ nằm trong phần dún này)
- In phần cắt mở ra một giấy khác
- Cắt, dán, cộng thêm mỗi phần = 4 cm (mở trên phần bụng, gấu giữ nguyên để váy có dạng cái lu như hình vẽ)
- Gấu mở bên đường hông 10 cm (split)
- Dây kéo = 18 cm



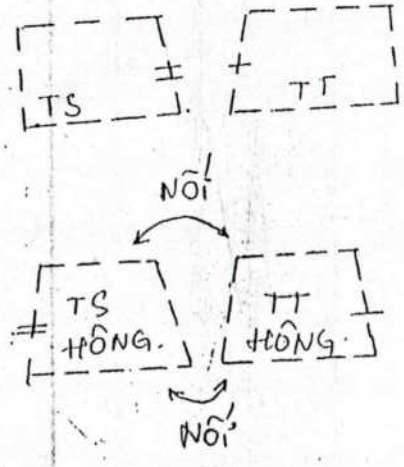
BƯỚC THỨ HAI MẪU 8706:

Cắt, dán, mở để dún (Slashing open for Gathering)





Độ váy nối lại để loại bỏ phần li



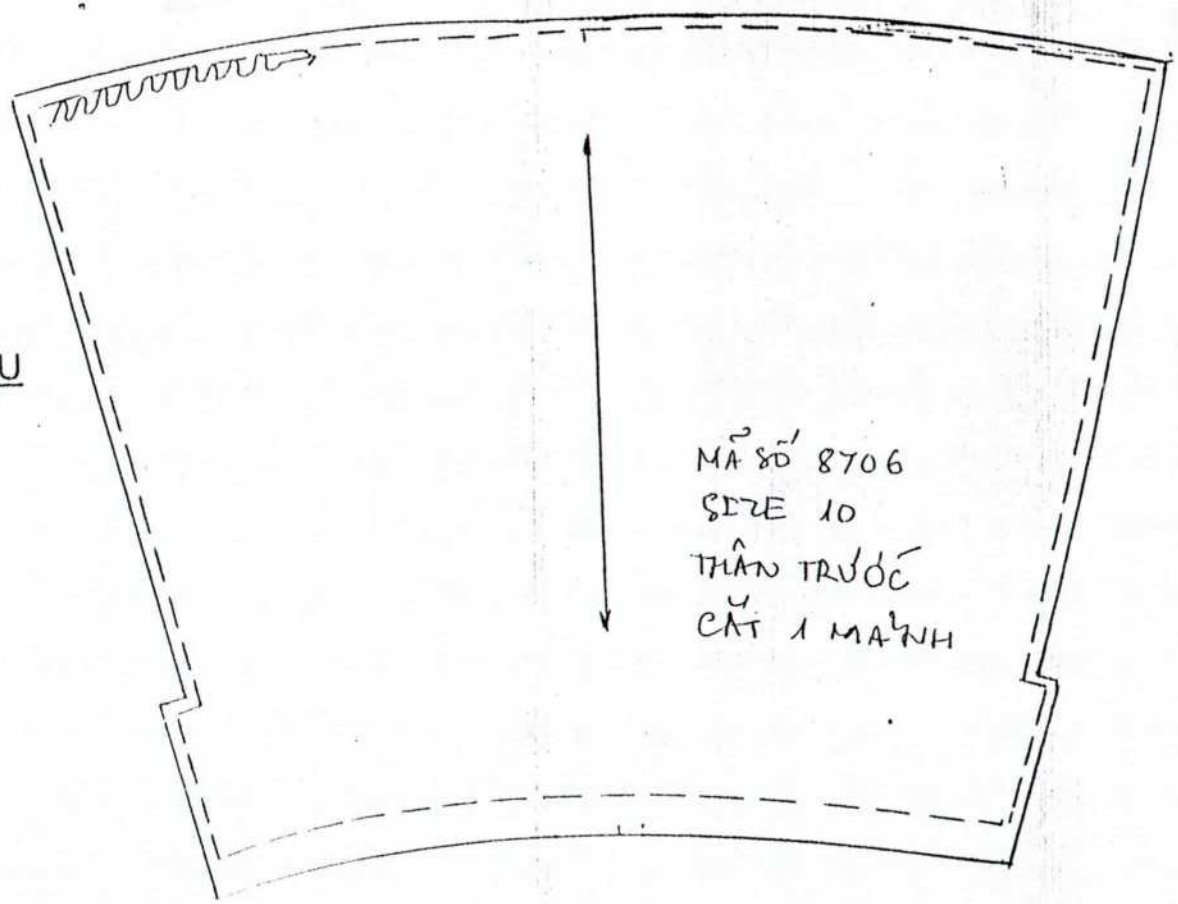
HÌNH THÀNH MẪU 8706:

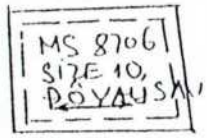
Cộng thêm phần may vào mẫu:

1 cm vào đô váy, đường bụng, hông
2 cm thân giữa sau cho dây kéo
2.5 cm gấu váy

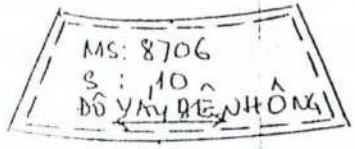
VIẾT CHI TIẾT CẦN THIẾT LÊN MẪU



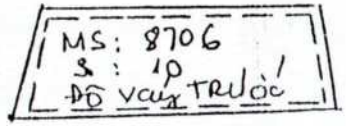




CẮT 1 CẶP VẢI
CẮT 1 CẶP KEO



CẮT 1 CẶP VẢI
1 CẶP KEO



CẮT 1 VẢI
1 KEO

MÃ SỐ: 8707



VÁY DẠNG HÌNH CHUÔNG

VÁY 8 MẢNH - PHƯƠNG PHÁP CHỮ T (T METHOD) MÃ SỐ 8707

Số đo size 10:

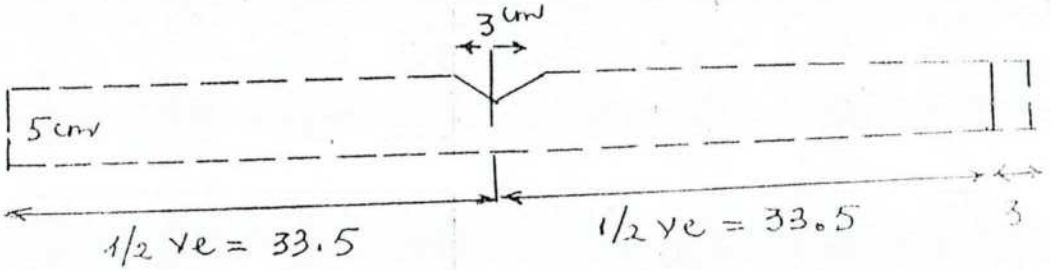
Vòng bụng : 66 cm + 1 cm cử động = 67 cm
Vòng mông : 92 cm + 3.2 cm cử động = 95.2 cm
Hạ mông : 21.5 cm
Chiều dài : 73 cm

Công thức:

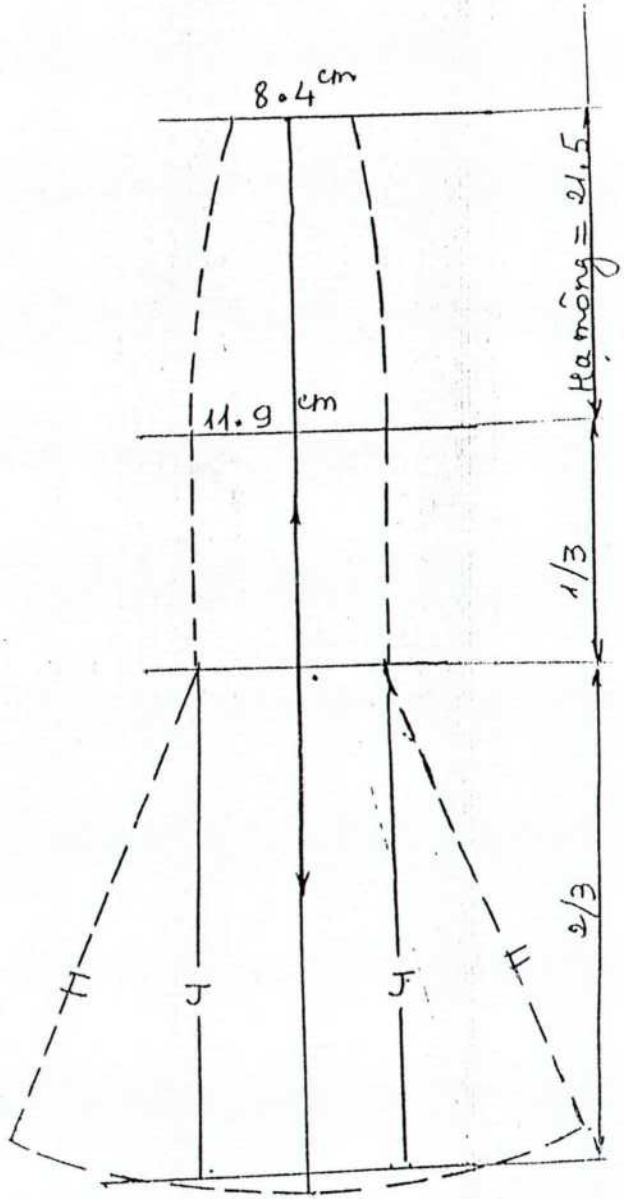
Vòng bụng / Tổng số mảnh = 67 cm / 8 = 8.4 cm

Vòng mông / Tổng số mảnh = 92.5 cm / 8 = 11.9 cm

VẼ NẸP LƯNG VÁY



J = F

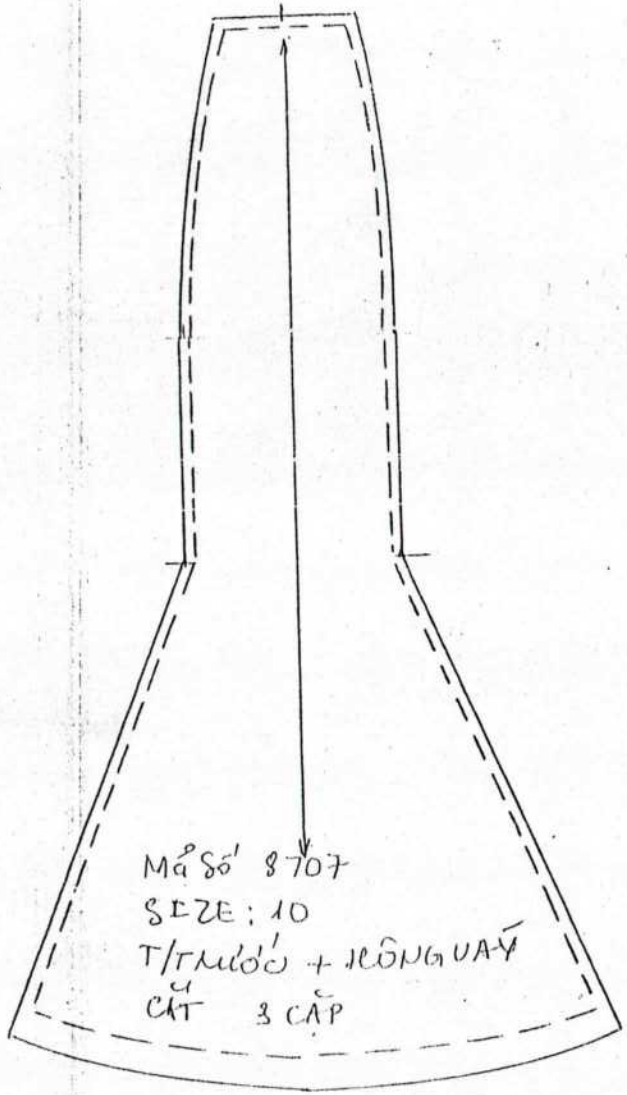


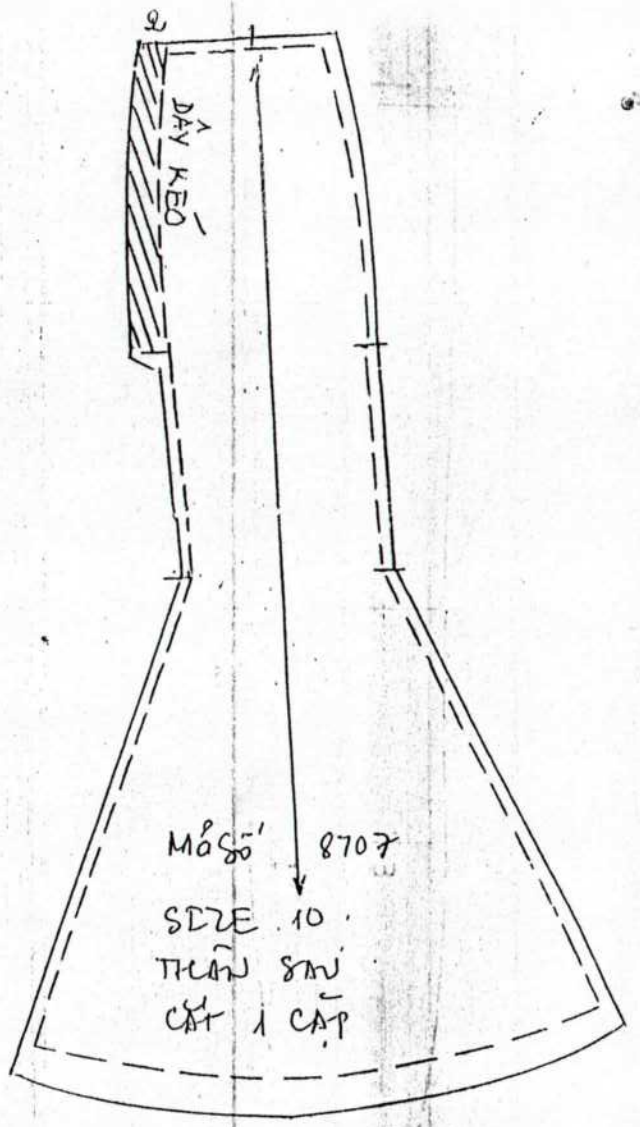
HÌNH THÀNH MẪU VÁY 8707:

Cộng thêm phần may vào mẫu:

1 cm vào các đường may nối
2 cm vào cho dây kéo
1.5 cm vào đường gấu
1 cm chung quanh nẹp lưng váy

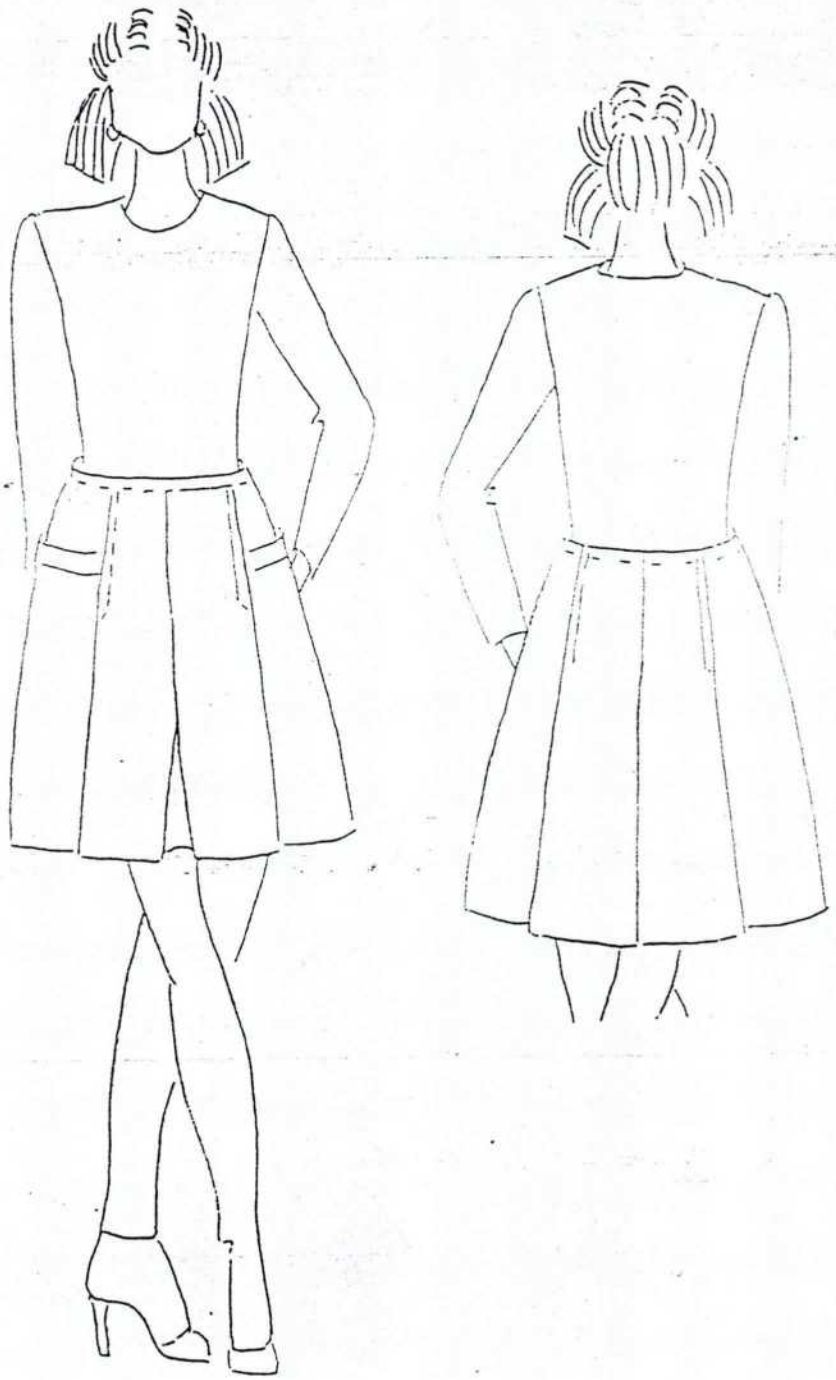
Viết chi tiết cần thiết lên mẫu váy





MS: 8707 THÂN VÁY cắt 1 cặp vải
S: 10 1 keo dán

MÃ SỐ: 8708



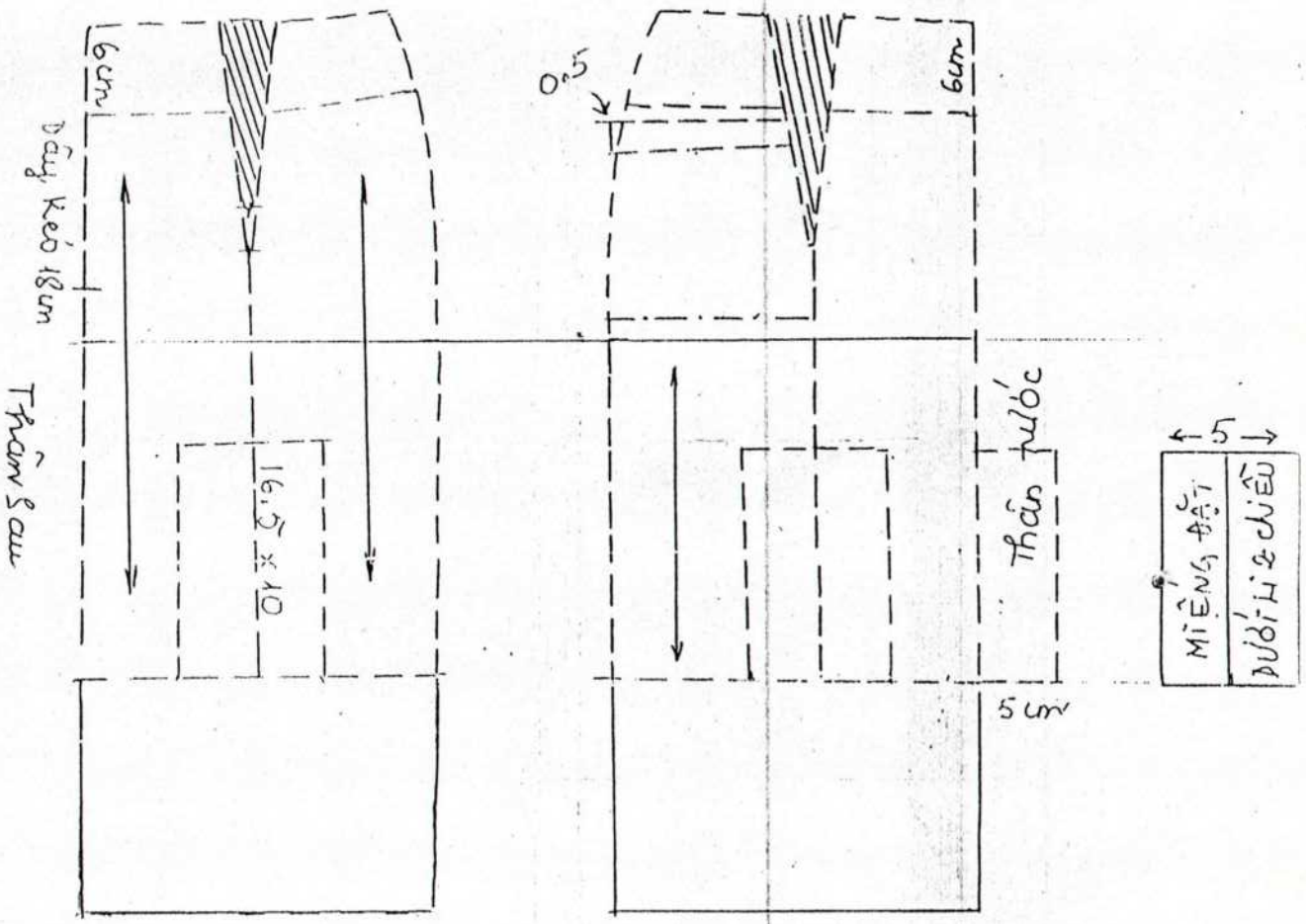
VÁY XẾP LI

VÁY XẾP LI 1 CHIỀU (KNIFE PLEAT), VÁY XẾP LI 2 CHIỀU (INVERTED PLEAT)

MÃ SỐ 8708

Dùng li chết để vẽ li xếp
Đường giữa thân trước vẽ li = 5 cm
Li dài 16 cm x 5 cm
Dây kéo = 18 cm
Nẹp lưng chìm = 6 cm

TÚI: Vẽ túi kéo dài bên hông = 0.5 cm
(để để xỏ tay vào)
Hình thành nẹp túi, mặt túi, bao túi
(như hình vẽ)

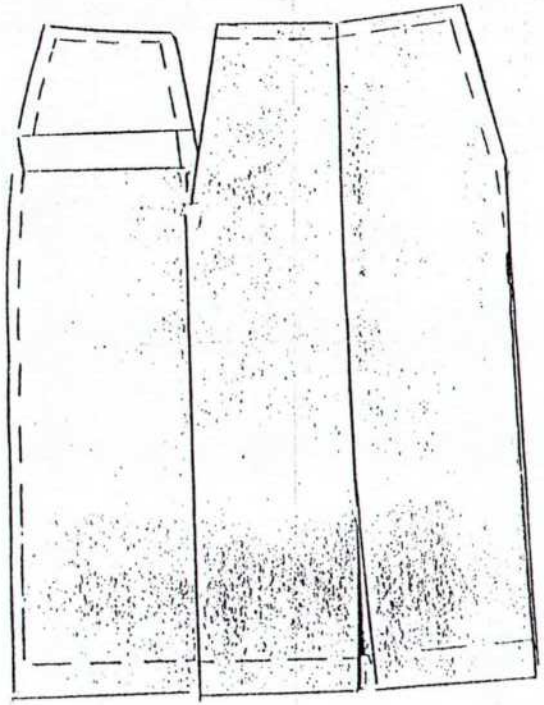


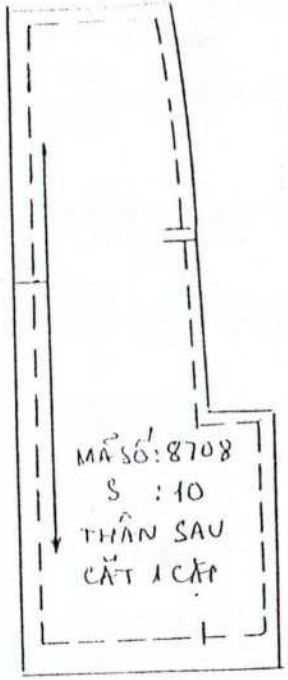
HÌNH THÀNH MẪU VÁY 8708:

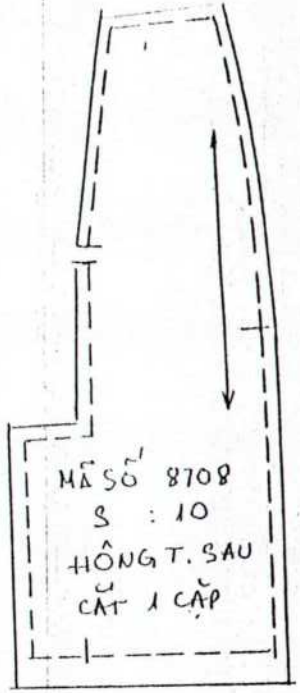
Cộng thêm phần may vào mẫu:

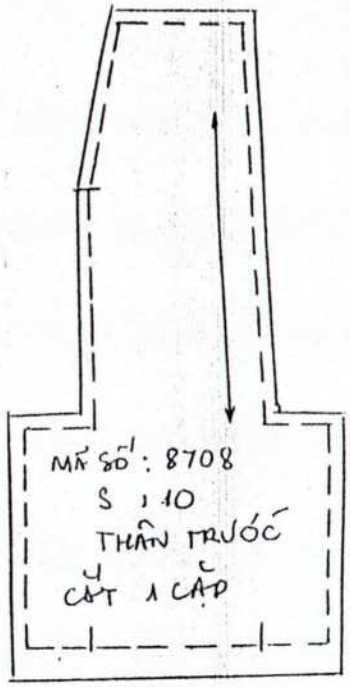
1 cm chung quanh mẫu cho các đường may
1 cm cho nẹp túi, mặt túi, bao túi
2 cm cho dây kéo
2.5 cm gấu váy

Viết chi tiết cần thiết lên mẫu:

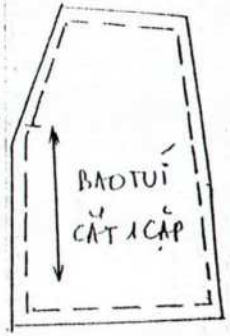


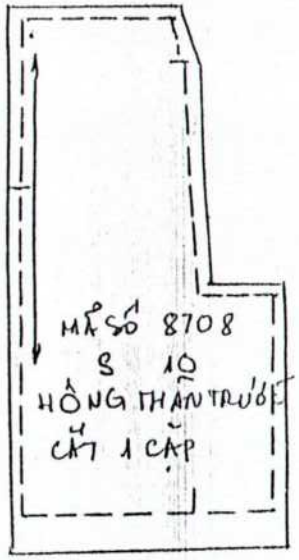




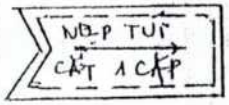












THÂN ÁO / BODICE

MẪU ÁO CƠ BẢN

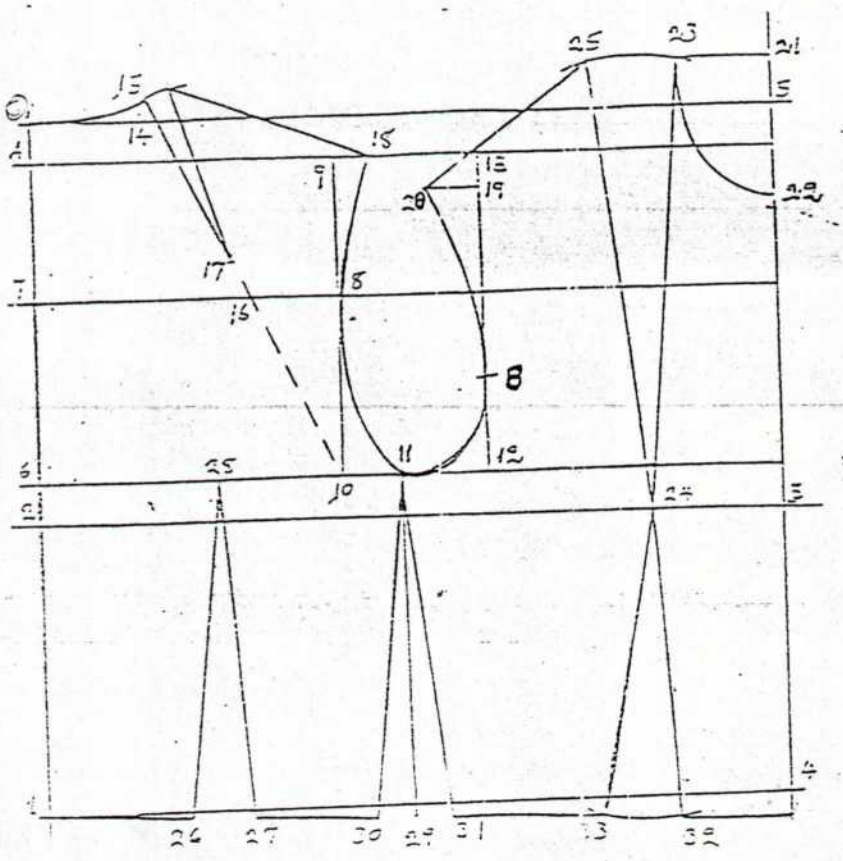
Kích thước ví dụ size 10:

Chiều cao	162 cm
Hạ eo	43 cm
Chiều dài từ vai đến đầu gối	97 cm
Vòng ngực	86 cm
Vòng bụng	66 cm
Vòng mông	92 cm
Ngang vai T.S (across back, x back)	16.5 cm
Vai áo (Từ chân cổ đến đầu xương vai)	11.6 cm
Dài tay áo	43.5 cm
Bắp tay	27 cm
Cổ tay	15.2 cm

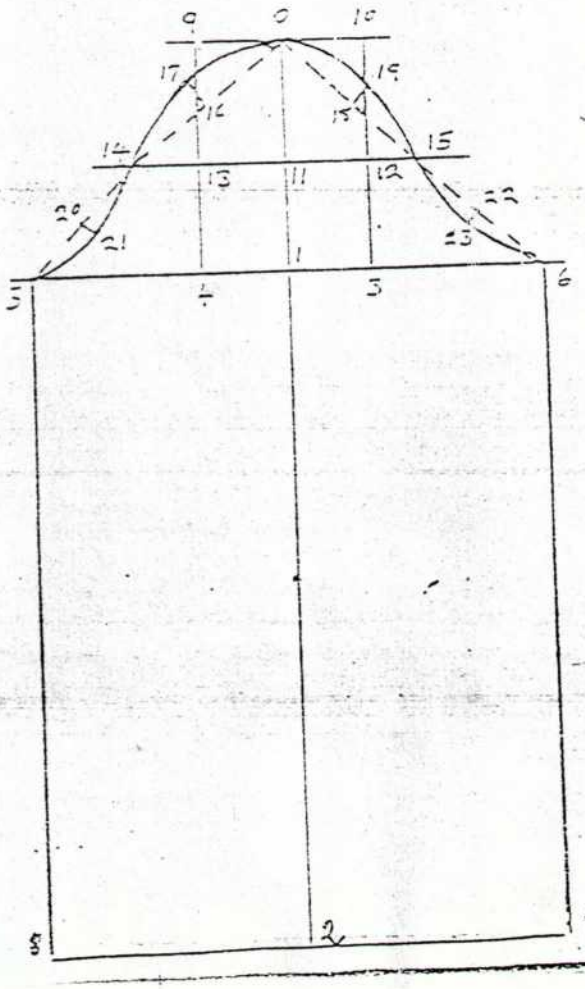
Dùng số đo vòng ngực để vẽ mẫu áo cơ bản.
Trong trường hợp size 10 vòng ngực 86 cm, ta có:

1/2 vòng ngực	= 43 cm
1/4 vòng ngực	= 21.5 cm
1/10 vòng ngực	= 8.6 cm
1/20 vòng ngực	= 4.3 cm
1/40 vòng ngực	= 2.15 cm
2/10 vòng ngực	= 17.2 cm

BASIC BODICE BLOCK



BASIC SLEEVE BLOCK



MẪU ÁO CƠ BẢN

		Thí dụ size 10	Số đo size 10
	Phần 1: Vẽ hình chữ nhật từ điểm O		
0 - 1	Hạ eo: Gọi là đường giữa thân sau		43 cm
0 - 2	Hạ ngực: 1/2 số đo của hạ eo cộng 3.5 cm kẽ vuông góc		25 cm
	Ngang ngực:		
2 - 3	1/2 vòng ngực cộng 5 cm (chừa chỗ cho tolerance) kẽ vuông góc		48 cm
4 - 5	Vẽ thành hình chữ nhật tạo nên điểm 4 trên đường 1 và điểm 5 trên đường 0, gọi là đường giữa T.T		
	Phần 2: Vẽ thân sau và hạ nách		
0 - A	Hạ vai áo: 2.5 cm cho các size		2.5 cm
0 - 6	Hạ nách: (Chiều cao + 1/2 vòng ngực) / 8 trừ 3 cm, kẽ vuông góc		22.6 cm
0 - 7	Hạ đường ngang vai thân sau: = 1/2(0 - 6) kẽ vuông góc		11.3 cm
7 - 8	1/2 chiều ngang thân sau cộng 2.5 cm kẽ vuông góc cắt đường A tạo nên điểm 9 và cắt đường 6 tạo nên điểm 10		19 cm
	Phần 3: Vẽ đường hông áo và T.T		
6 - 11	Đường hông áo từ đường hạ nách = 1/4 vòng ngực + 1.5 cm kẽ vuông góc xuống cắt đường eo tạo nên điểm 29		23 cm
11 - 12	Hộp nách áo T.T: = 1/10 vòng ngực trừ 3 cm kẽ vuông góc cắt đường A tạo nên điểm 13		5.6 cm
	Phần 4: Cổ áo thân sau:		
0 - 14	Ngang cổ thân sau = 1/20 vòng ngực + 2.7 cm		7.0 cm
14 - 15	Hạ cổ thân sau = 1/40 vòng ngực - 0.5 cm vẽ vòng cổ thân sau		1.7 cm

Phần 5: Li áo thân sau trên vai và vai áo thân sau

16 - 17	Nối 15 - 10, cắt đường vai thân sau tạo điểm 16. 13 - 17 = 3 cm cho tất cả các size	3 cm
9 - 18	2.2 cm cho các size Dùng điểm 17 như một điểm trụ vẽ một đường vòng cung từ 15. Từ điểm 15 này vẽ li thân sau bằng 1.5 cm. Từ điểm này vẽ vai áo thân sau cắt đường A để chiều dài vai áo thân sau = 13.5 cm	2.2 cm 13.5 cm

Phần 6: Vai áo thân trước

13 - 19	2 cm cho các size	2 cm
19 - 20	4 cm cho các size	4 cm

Phần 7: Cổ áo thân trước

	1/10 vòng ngực trừ 6.5 cm	2.1 cm
21 - 22	1/20 vòng ngực + 4.2 cm	8.5 cm
21 - 23	Điểm chân cổ từ vai 1/20 vòng ngực + 1.7 cm Nối điểm 22 - 23 vẽ cổ áo thân trước	6.0 cm

Phần 8: Điểm đầu ngực và li áo trên vai thân trước

3 - 24	Điểm đầu ngực thân trước = 1/10 vòng ngực + 1 cm Dùng điểm 24 là điểm trụ vẽ 1 đường vòng cung từ điểm 23, nối 23 - 24	9.6 cm

Vai áo thân trước

Trên đường vòng cung, từ điểm 23 vẽ li áo thân trước trên vai = 5 cm tạo nên điểm 25. Nối 24 - 25 tạo thành li áo thân trước trên vai.
Từ điểm 25 vẽ vai áo dài 13.5 cm, cắt đường 20
Điểm B bằng 5.5 cm, từ điểm 12 vẽ vòng nách thân trước + thân sau, từ điểm 18 qua điểm 8 - 11 - B - 20

Phần 9: Đường eo của mẫu áo

	Hạ điểm 4 một khoảng bằng 1.5 cm	1.5 cm
1 - 26	1/20 vòng ngực + 4.5 cm	8.8 cm
26 - 27	4 cm cho các size Hạ điểm 26 và 27 một khoảng bằng 0.3 cm xuống bên dưới đường eo	4 cm
6 - 28	1/20 vòng ngực + 6.5 cm	10.8 cm
	Hạ điểm 29 xuống dưới đường eo một khoảng bằng 0.6 cm	0.6 cm

	29 - 30 = 29 - 31 = 2.7 cm cho các size Nối điểm 30 - 31 - 11 cho đường hông áo thân trước và thân sau	2.7 cm
4 - 32	1/10 vòng ngực trừ 1 cm hạ xuống dưới đường eo một khoảng = 1.5 cm Dùng điểm 24 là điểm trụ vẽ đường vòng cung từ điểm 32 cho li đường eo của thân trước	7.6 cm
32 - 33	Bằng 5 cm cho các size trên đường vòng cung nối 33 - 32 - 24 cho li dưới áo thân trước	
	<u>Chú ý: Vẽ điểm lổ đinh (drill hole)</u> Từ 24 đo lên trên = 3 cm: lổ đinh vai li trên vai áo	3.0 cm
	Từ 24 đo xuống dưới = 3 cm: lổ đinh của li áo thân trước của dưới eo	3.0 cm
	Từ 28 đo xuống dưới 3 cm lổ đinh của li áo thân sau dưới eo	3.0 cm

MẪU TAY ÁO CƠ BẢN

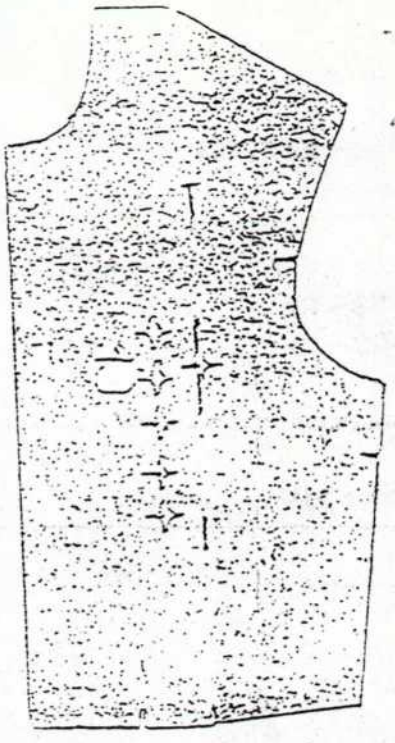
Thí dụ size 10

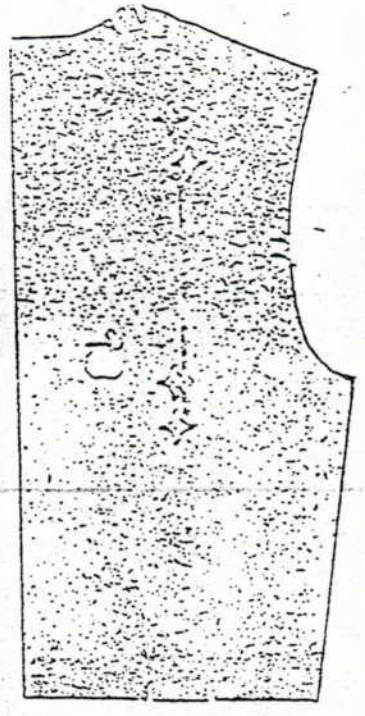
Kích thước	8	10	12	14
Hạ tay áo	14.2	14.5	14.8	15.1
Chiều dài tay đo dưới nách	42.7	43.0	43.3	43.9
Vòng nách	10.3	11.0	11.7	12.4
Vòng bắp tay	26.0	27.0	28.0	29.0
Vòng khuỷu tay	24.8	25.8	26.3	27.8
Vòng cổ tay	14.9	15.2	15.5	15.8

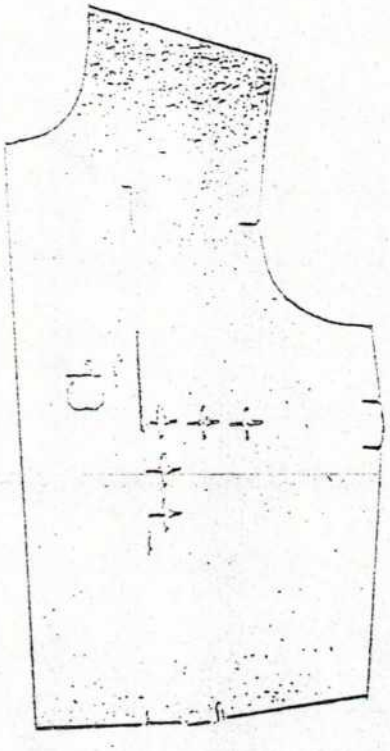
Kẻ đường vuông góc rạ 2 bên từ điểm O

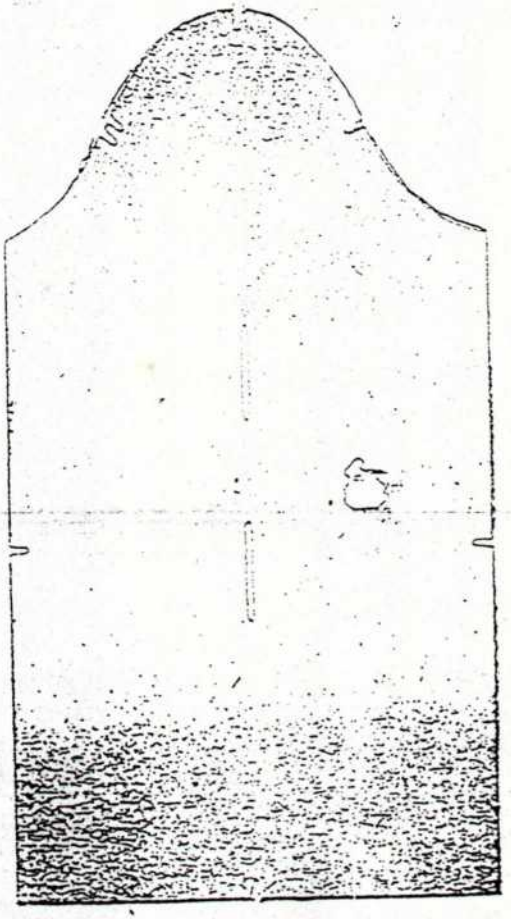
0 - 1	Hạ tay áo, kẻ đường vuông góc ra 2 bên từ điểm 1	14.5 cm
1 - 2	Tay áo dài đo từ dưới nách, kẻ vuông góc ra 2 bên từ điểm 2 bằng đường cổ tay áo	43.0 cm
1 - 3	1/2 vòng nách	5.5 cm
1 - 4	1/2 vòng nách	5.5 cm
1 - 5 = 1 - 6	(Vòng bắp tay - 6 cm) / 2	16.5 cm
	Kẻ vuông góc từ điểm 5 và từ điểm 6 xuống đường cổ tay áo tạo nên điểm 7 và điểm 8	
	5 - 6 đường nách áo	
	7 - 8 đường cổ tay áo	
	Đo 20 cm từ 5 và từ điểm 6 vẽ đường khuỷu tay	
4 - 9	Từ 4 kẻ vuông góc cắt đường O tạo nên điểm 9	
3 - 10	Từ 3 kẻ vuông góc cắt đường O tạo nên điểm 10	

1 - 11	1/2 số đo từ 0 - 1 kẻ vuông góc ra 2 bên cắt đường 4 - 9 ở điểm 13 3 - 10 ở điểm 12		
13 - 14	4.25 cm cho tất cả size Nối điểm 5 - 0 tạo điểm 14 ở đường 12 - 13 Nối điểm 6 - 0 tạo điểm 15 ở đường 12 - 13	4.25 cm	
0 - 16	1/2 của 14 - 0		
16 - 17	1.8 cm cho các size, kẻ vuông góc ra ngoài	1.8 cm	
0 - 18	1/2 của 15 - 0		
18 - 19	1.5 cm cho các size, kẻ vuông góc ra ngoài	1.5 cm	
5 - 20	1/2 của 5 - 14		
20 - 21	1 cm cho các size, kẻ vuông góc vô trong	1.0 cm	
6 - 22	1/2 của 15 - 6		
22 - 23	1.5 cm cho các size, kẻ vuông góc vô trong vẽ đường cong trên đầu tay áo - cho điểm dấu bấm (sleeve notch) ở điểm 14 và điểm 15 để biết nách tay áo thân trước (15) và thân sau (14)		1.5 cm









SỰ THAY ĐỔI VỊ TRÍ CỦA ĐƯỜNG BEN TRÊN THÂN ÁO

NGUYÊN TẮC:

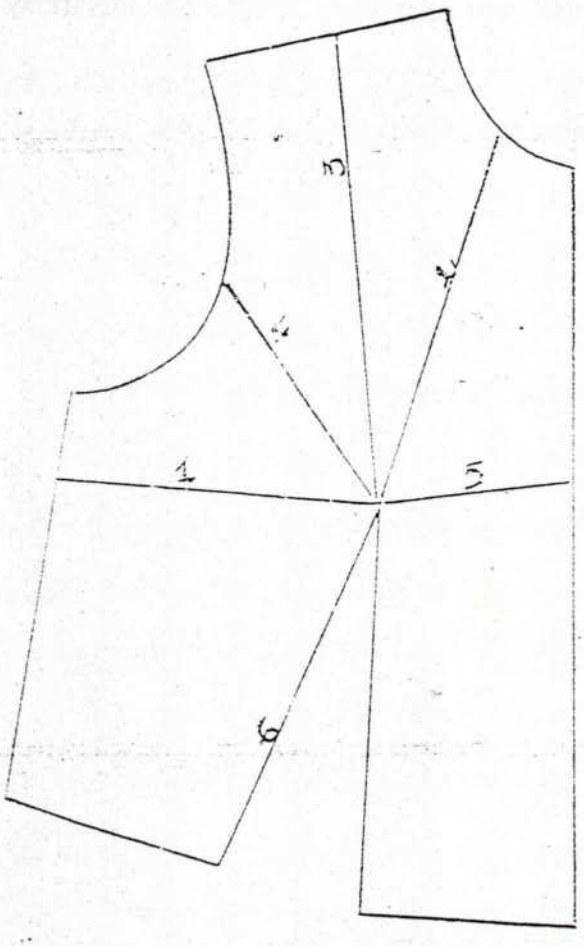
Đường ben có thể thay đổi bất kỳ ở vị trí nào trên mẫu cơ bản trong phạm vi của 1 điểm trụ trên thân áo (váy) mà vẫn không làm thay đổi đến kích thước, số đo và sự vừa vặn của áo (váy)

Nhờ nguyên tắc này mà chúng ta có thể dùng để phát triển các kiểu áo, váy, đầm, quần tây phù hợp với các kiểu vẽ của các nhà thiết kế thời trang.

Các dạng ~~nhún~~ dún (gathering), li xếp (pleat), li sống (tuck), kiểu (style line), hay xoè (flare) được hình thành là do sự thay đổi số đo và kích thước của các đường ben, li chết.

CÁC VỊ TRÍ KHÁC NHAU CỦA ĐƯỜNG BEN NẰM TRÊN ÁO

1. BEN NẰM BÊN ĐƯỜNG HÓNG ÁO (FRENCH DART)
2. BEN NẰM TRÊN CỔ ÁO (NECK LINE DART)
3. BEN NẰM TRÊN VAI ÁO (SHOULDER DART)
4. BEN NẰM TRÊN NÁCH ÁO (ARMHOLE DART)
5. BEN NẰM GIỮA THÂN TRƯỚC ÁO (CENTRE FRONT DART)
6. BEN NẰM TRÊN ĐƯỜNG BỤNG ÁO (WAIST DART)

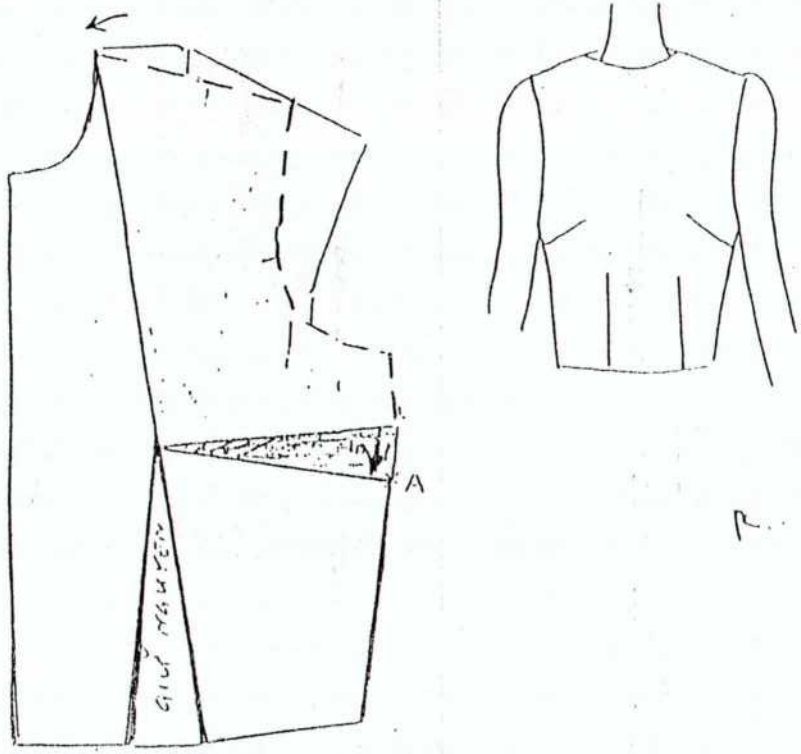


Dùng hai phương pháp chính để thay đổi vị trí của các đường ben trên thân áo:
Phương pháp thứ nhất: Cắt, mở, dán, đóng li chết (ben) (SLASHING OPEN)
Phương pháp thứ nhì: Dùng điểm trụ đóng li chết (ben) (PIVOTING METHOD)

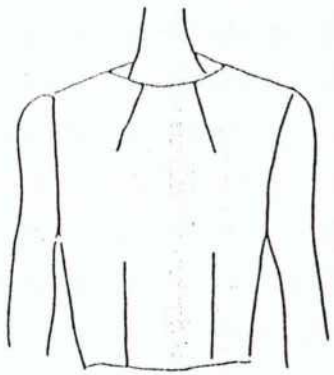
PHƯƠNG PHÁP THỨ NHẤT

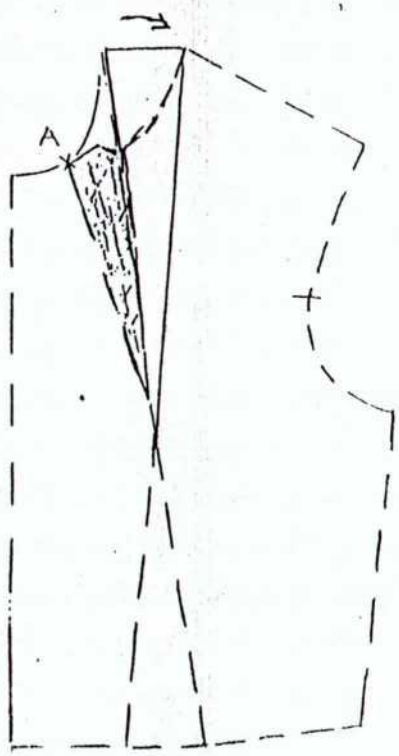
CẮT, MỞ, DÁN, ĐÓNG LI CHẾT (BEN): SLASHING OPEN METHOD

1 BEN NẰM BÊN ĐƯƠNG HÔNG



2 BEN NẰM TRÊN ĐƯỜNG CỔ

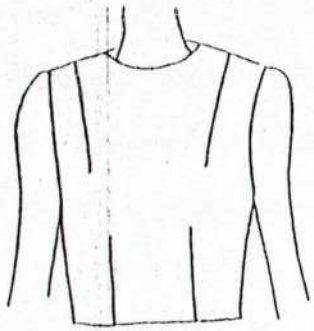


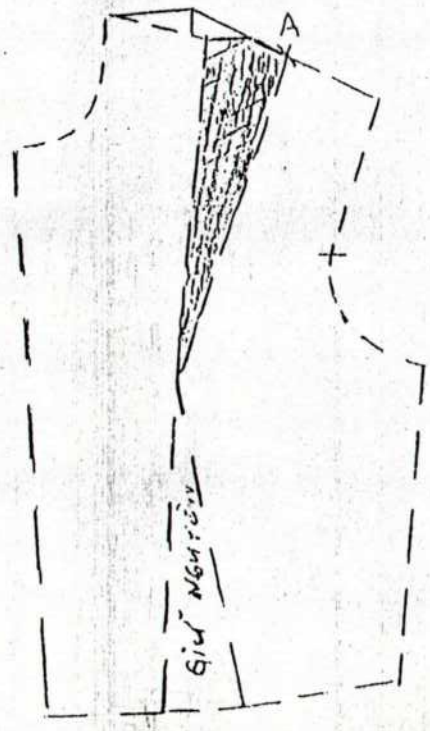


PHƯƠNG PHÁP THỨ NHẤT:

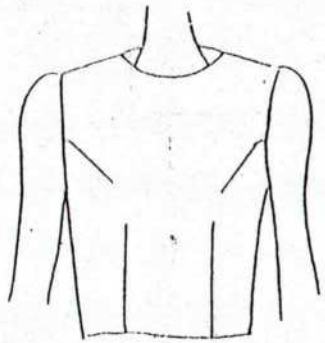
CẮT, MỞ, DÁN, ĐÓNG LI CHẾT (BEN): SLASHING OPEN METHOD

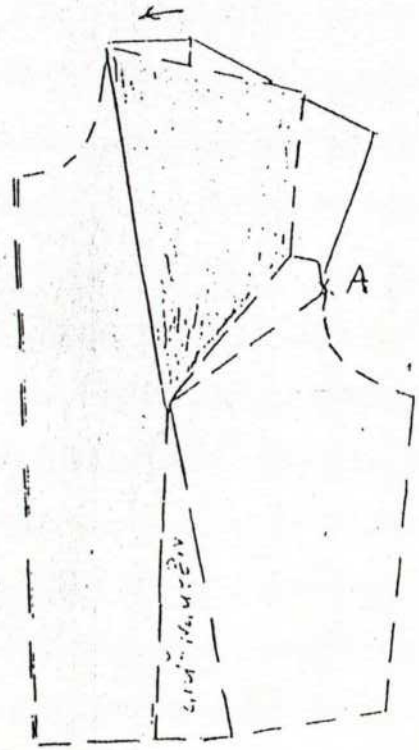
3. BEN NẰM TRÊN VAI ÁO





4. BEN NẰM TRÊN NÁCH ÁO

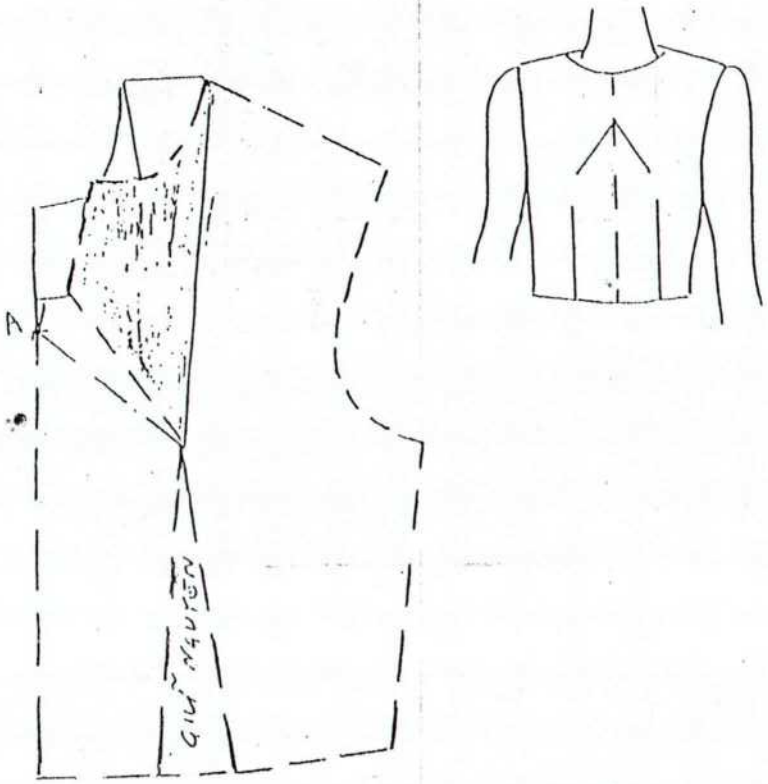




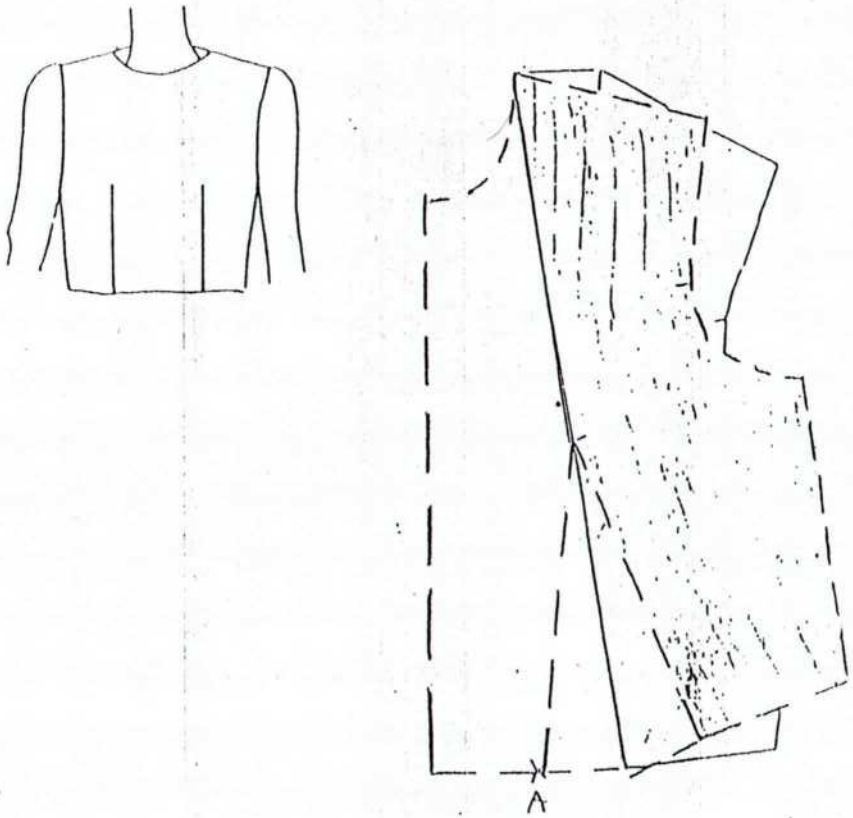
PHƯƠNG PHÁP THỨ NHẤT

CẮT, MỞ, DÁN, ĐÓNG LI CHẾT (BEN): SLASHING OPEN METHOD

5 BEN NẰM BÊN ĐƯỜNG GIỮA THÂN TRƯỚC ÁO



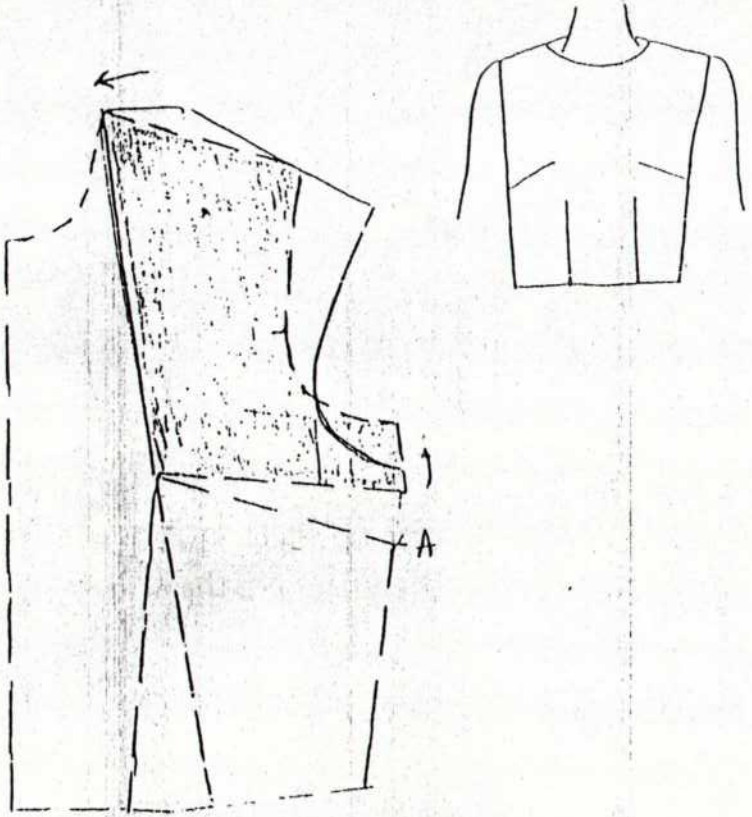
6 BEN NẰM TRÊN ĐƯỜNG BỤNG



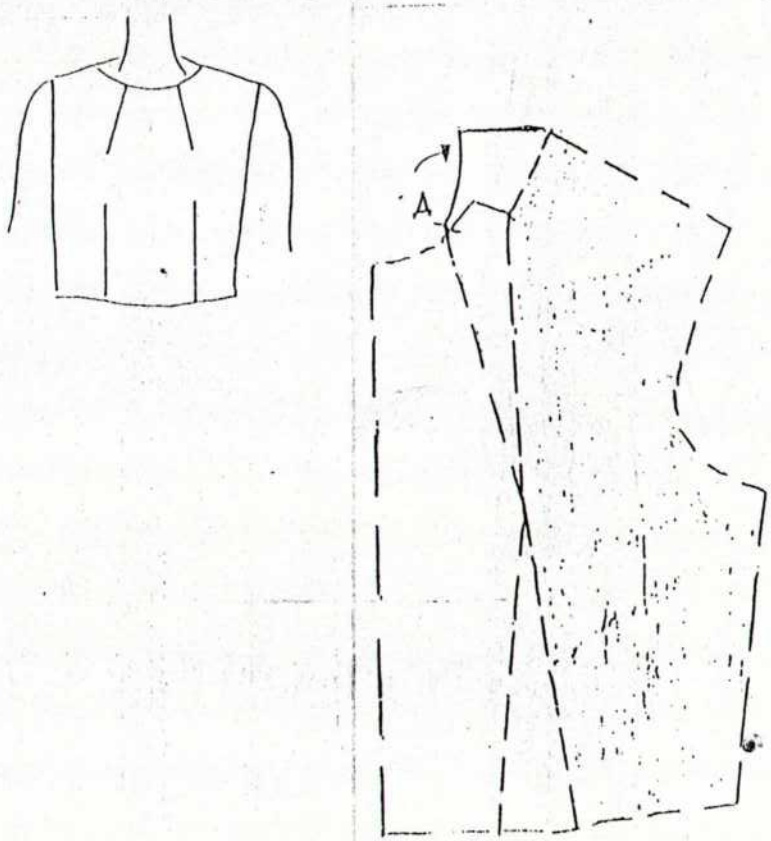
PHƯƠNG PHÁP THỨ NHÌ:

DÙNG ĐIỂM TRỤ ĐÓNG LI CHẾT (BEN): PIVOTING METHOD

1. BEN NẰM BÊN ĐƯỜNG HÔNG



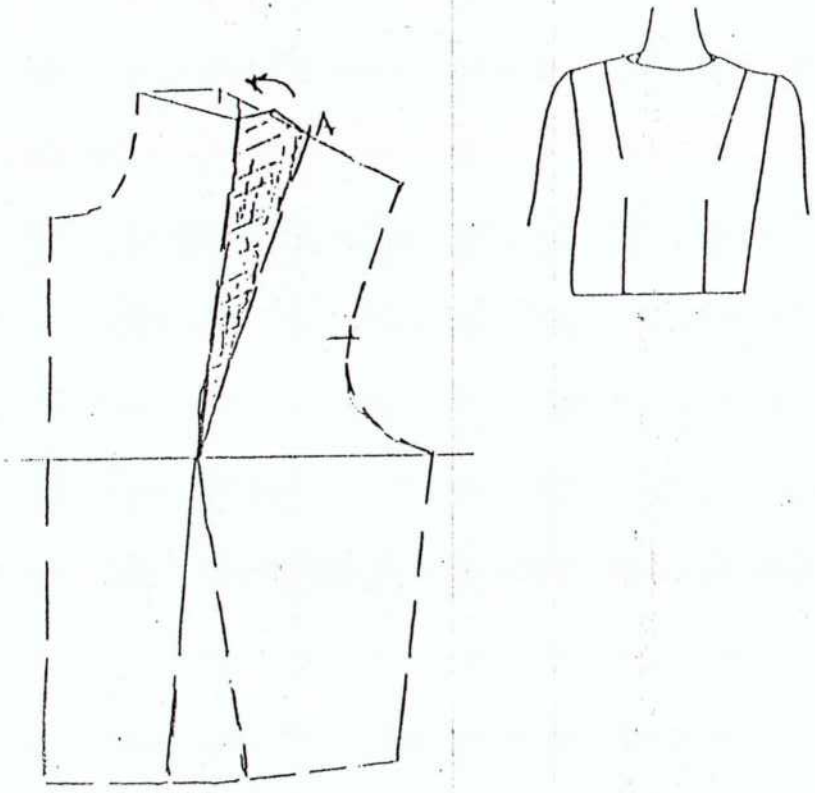
2. BEN NẰM TRÊN ĐƯỜNG CỔ



PHƯƠNG PHÁP THỨ NHÌ:

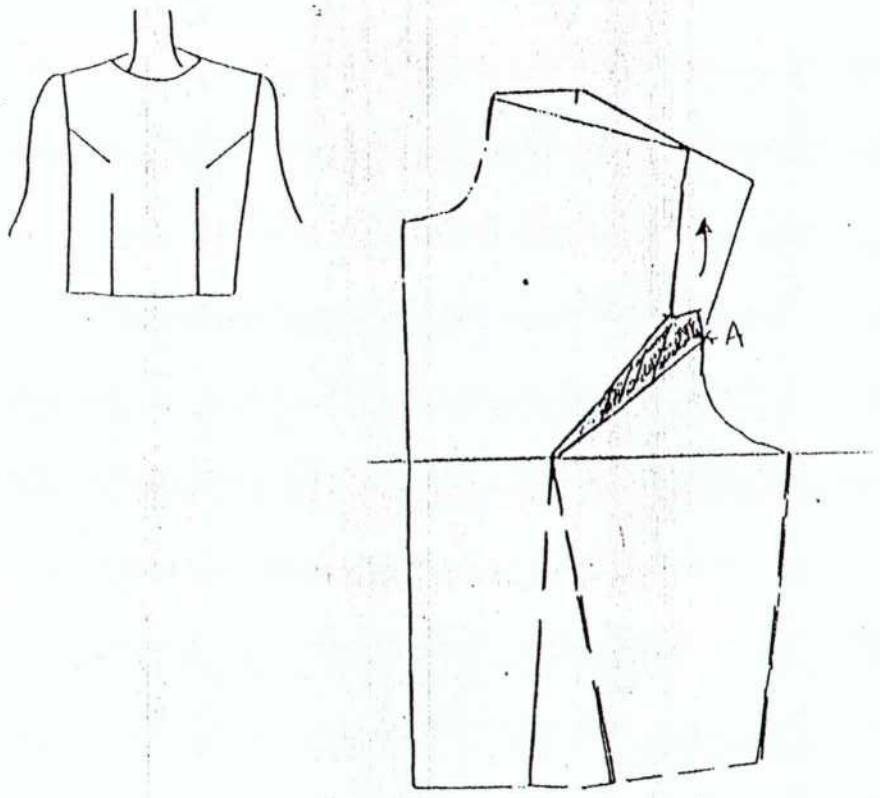
DÙNG ĐIỂM TRỤ ĐÓNG LI CHẾT (BEN): PIVOTING METHOD

3. BEN NẰM TRÊN VAI ÁO



4. BEN NẰM TRÊN NÁCH ÁO

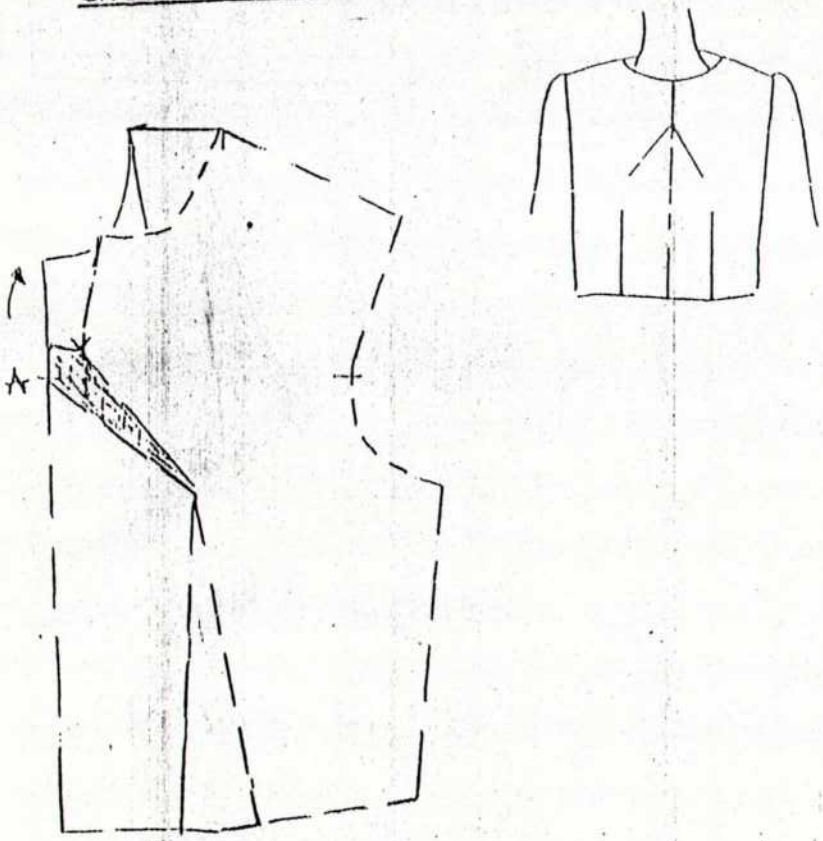
4- BEN NẰM TRÊN NÁCH ÁO



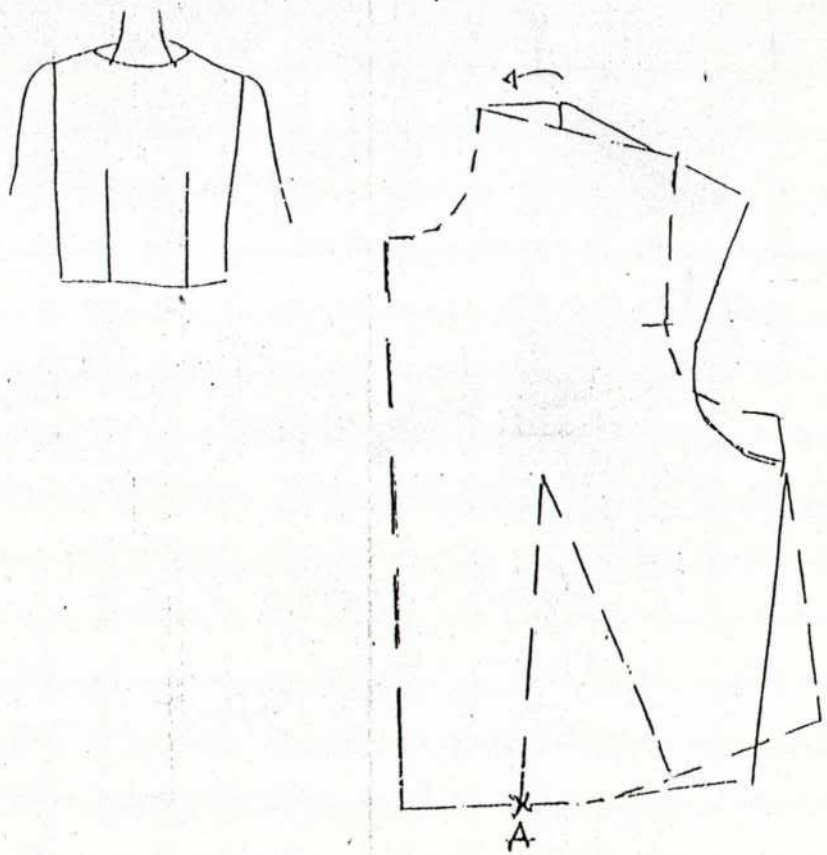
PHƯƠNG PHÁP THỨ NHÌ:

DÙNG ĐIỂM TRỤ ĐÓNG LI CHẾT (BEN): PIVOTING METHOD

5. BEN NẰM TRÊN ĐƯỜNG GIỮA THÂN TRƯỚC ÁO



6. BEN NẰM TRÊN ĐƯỜNG BUNG

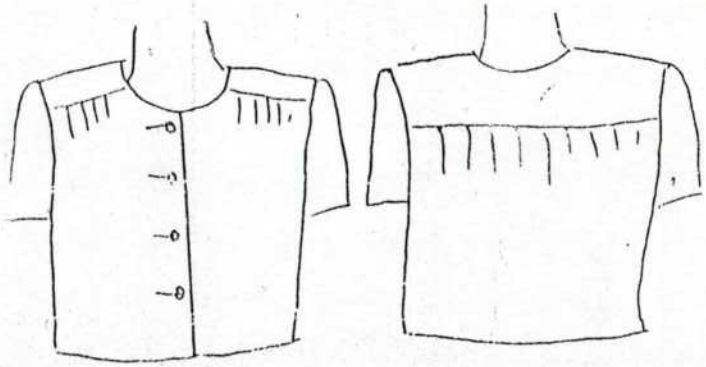


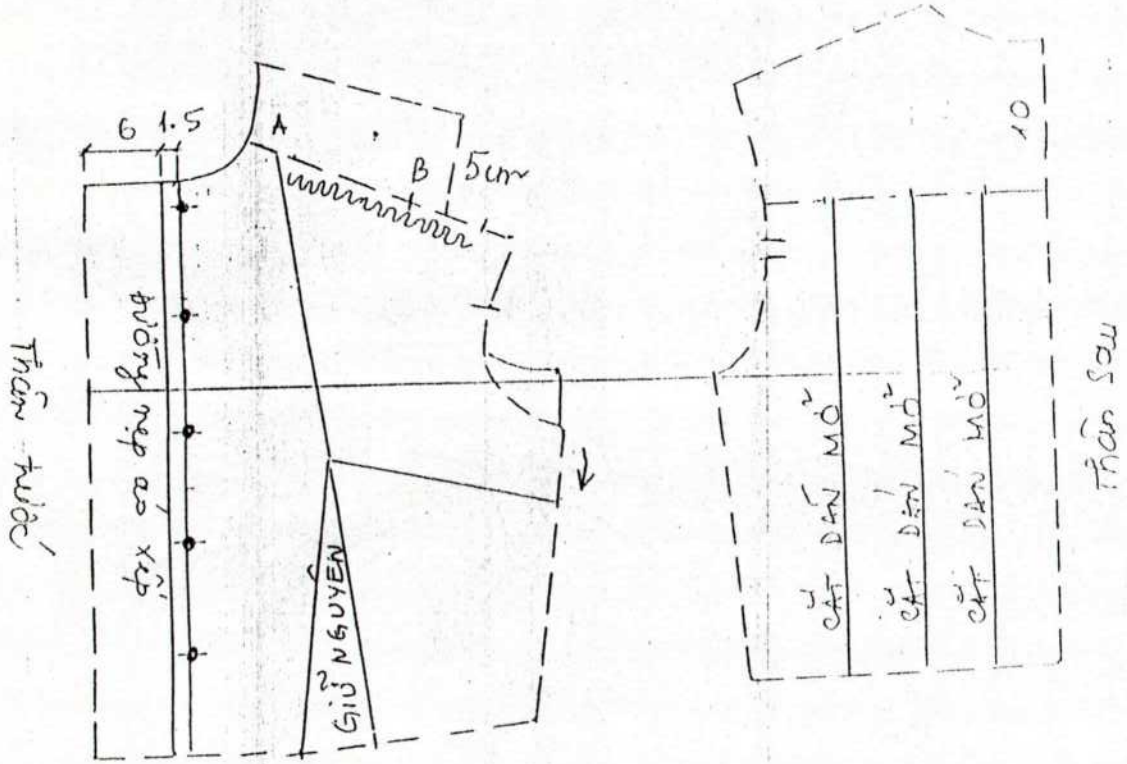
SỰ THAY ĐỔI VỊ TRÍ CÁC ĐƯỜNG BEN TẠO NÊN KIỂU

1. DÚN: (GATHERING)
2. LI XẾP: (PLEAT)
3. LI SỐNG: (TUCK)
4. CÁC KIỂU NỐI MẢNH: (STYLE LINE)
5. XOÈ: (FLARE)



DÚN: (GATHERING)





THÂN TRƯỚC:

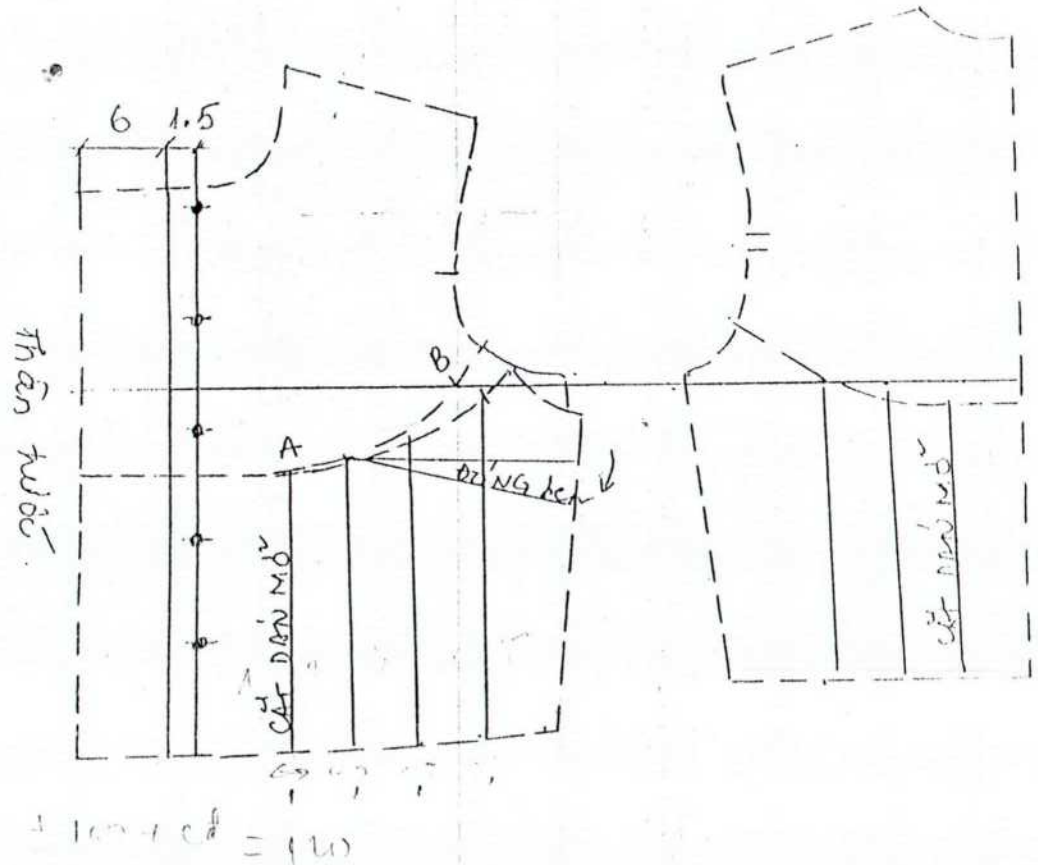
- Dùng phương pháp SLASHING OPEN method
- In mẫu cơ bản có đường ben bên hông
- Đô áo = 5 cm đo từ vai xuống
- Đặt điểm dún A = B = 2 cm đo từ nách và cổ
- In phần cắt mở ra 1 giấy khác
- Đóng đường ben bên hông theo chiều mũi tên
- Đường ben ở bụng giữ nguyên
- Chỗ cài nút = 1.5 cm. Nẹp dưới nút = 6 cm
- Nút = 1.5 cm. Khuy = 1.8 cm

THÂN SAU:

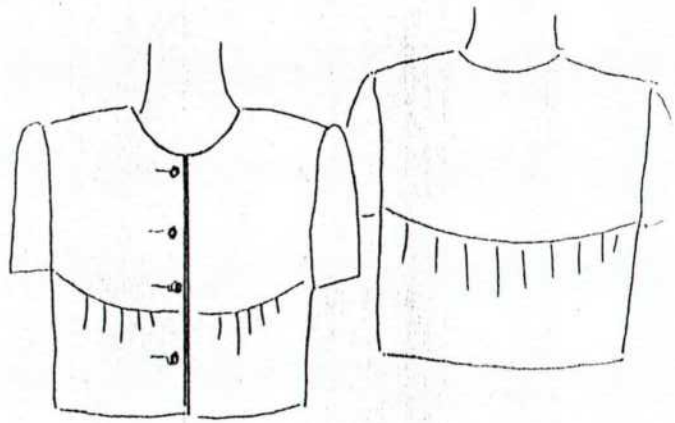
- Vẽ thân sau
- Đô áo sau = 10 cm đo từ chân cổ xuống
- Chia phần dưới thân sau làm 4 phần cắt mở để dún

* Học viên tự hình thành mẫu thân sau
* Học viên tự hoàn tất mẫu - cộng thêm đường may và ghi chú các phần mẫu, điểm dún

1. DÚN: (GATHERING)



* Học viên hoàn tất mẫu cộng thêm phần may đường mẫu bấm cho dún và đường may



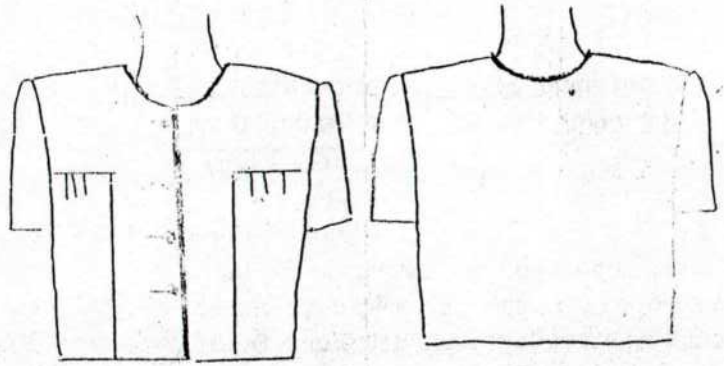
THÂN TRƯỚC:

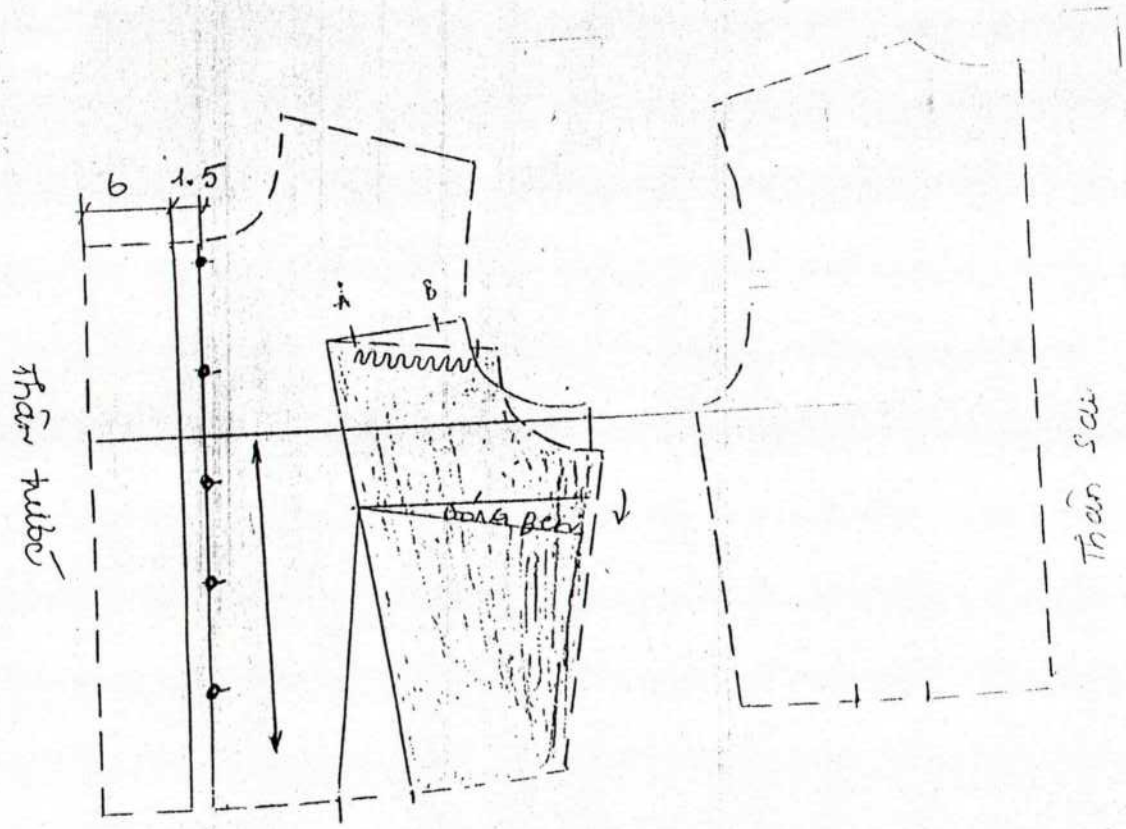
- Vẽ đường Style line cho dún
- Đặt điểm A = 6 cm đo từ đường giữa thân trước
  B = 3 cm đo từ nách
- Dùng phương pháp PIVOTING đóng đường ben bên hông (French dart) theo chiều mũi tên và mở đường Style line cho dún
- Trong trường hợp này chúng ta gia tăng thêm độ dún bằng cách Cắt - dán - mở cộng thêm 4 cm mỗi phần (xem cách dán mở cho dún của váy 8706)

THÂN SAU:

- Vẽ đường Style line; đặt điểm C cho dún
- Cắt, dán mở cộng 4 cm mỗi phần cho dún

1. DÚN: (GATHERING)



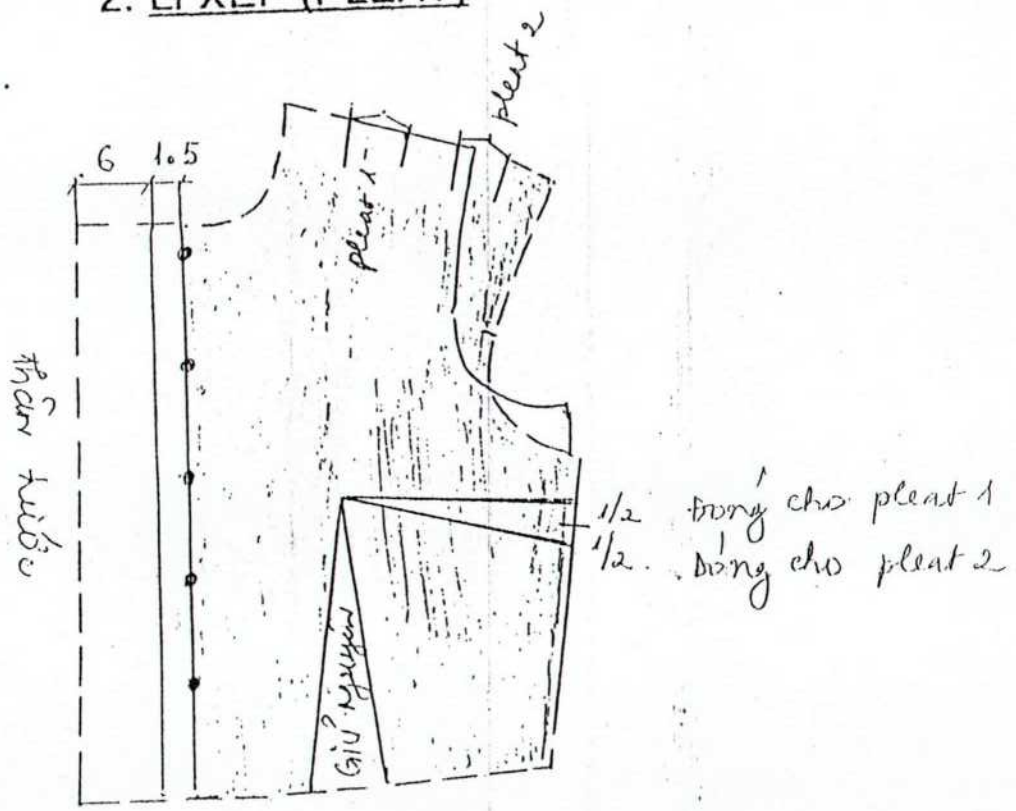


THÂN TRƯỚC:

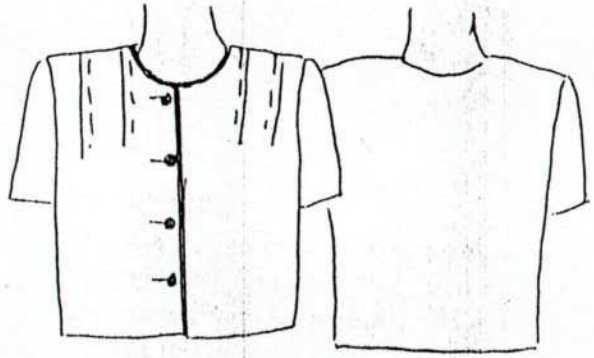
- Đặt đường style line như hình vẽ
- Đặt điểm dún A = B = 1.5 cm
- Dùng phương pháp PIVOTING để đóng ben bên đường hông (French dart) và mở ở đường Style line cho dún

• Học viên hoàn tất mẫu cộng thêm phân may, điểm nối mảnh và điểm dún, ghi chi tiết cần thiết lên mẫu.

2. LI XẾP (PLEAT)

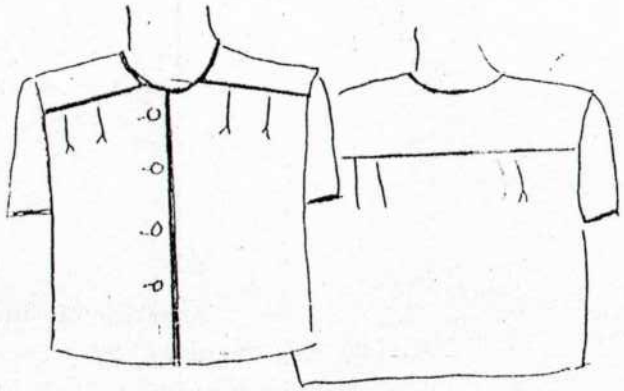


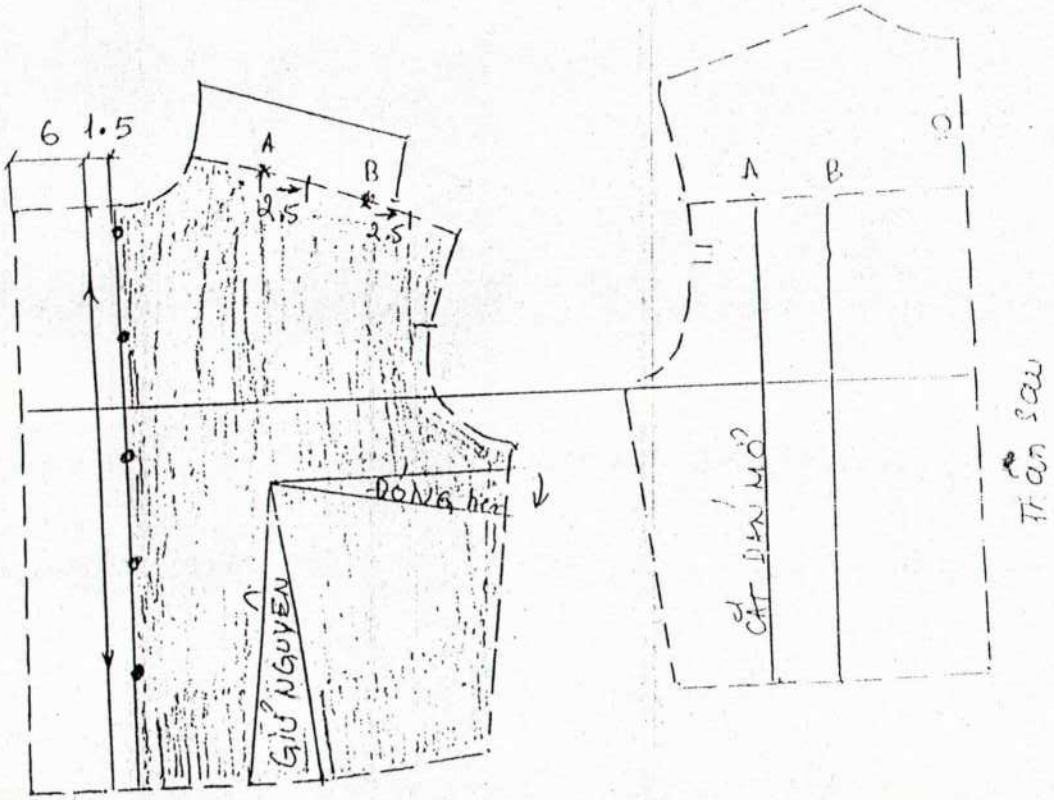
- Học viên hoàn tất mẫu cộng thêm phân may và điểm dấu cắt vào mẫu



- Chia ben bên đường hông (French dart) ra làm 2 phần 3 cm = 1.5 cm cho mỗi phần
- Đặt điểm A = B = 4.5 cm trên vai của mẫu áo cơ bản
- Dùng PIVOTING method đóng đường ben bên hông làm 2 lần (mỗi lần 1/2 của đường ben) để mở cho 2 li xếp (Pleat) như hình vẽ
- Ben ở đường bụng giữ nguyên

3. LI SỐNG (TUCK)





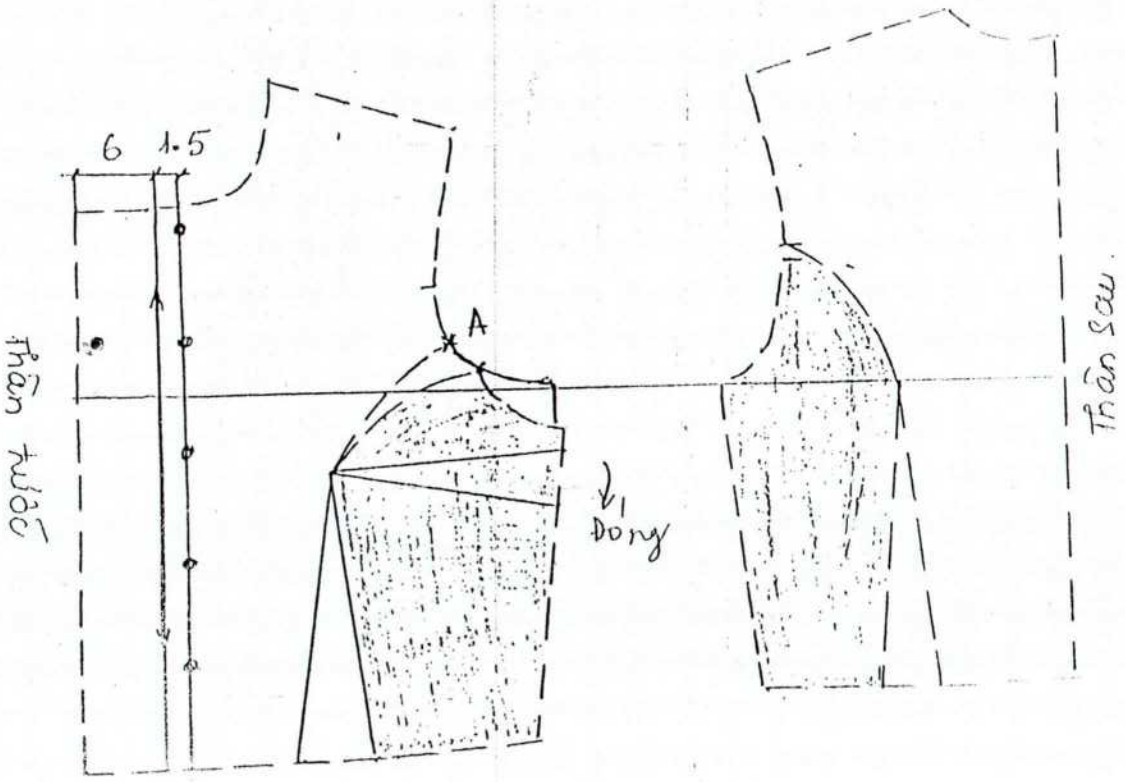
THÂN TRƯỚC:

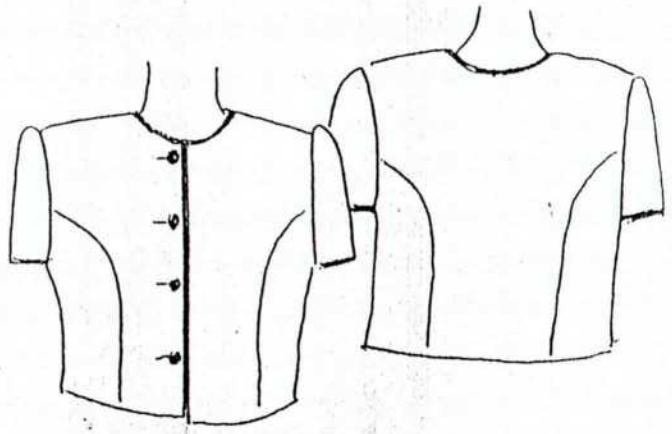
- Vẽ đô áo = 5 cm đo từ vai
- Đặt điểm li thứ nhất A = 4.5 cm trên đô áo đo từ cổ
- Dùng PIVOTING method đóng đường ben bên hông độ mở sẽ dùng cho 2 li sống (Tuck) sẽ là 5 cm
- Từ A đo 2.5 cm cho li (Tuck) thứ nhất
  Từ li thứ nhất đo 4 cm đặt điểm B
- Từ B đo 2.5 cm cho li (Tuck) thứ hai

THÂN SAU:

- Đô áo = 10 cm đo từ chân cổ
- Đặt điểm A = 6 cm cho li (Tuck) thứ nhất
  B = 4.5 cm cho li (Tuck) thứ hai
- Cắt, mở 2 phần cộng thêm 5 cm mỗi phần cho xếp li
- Học viên tự hoàn tất mẫu

4. CÁC KIỂU NỐI MẢNH: (STYLE LINE)



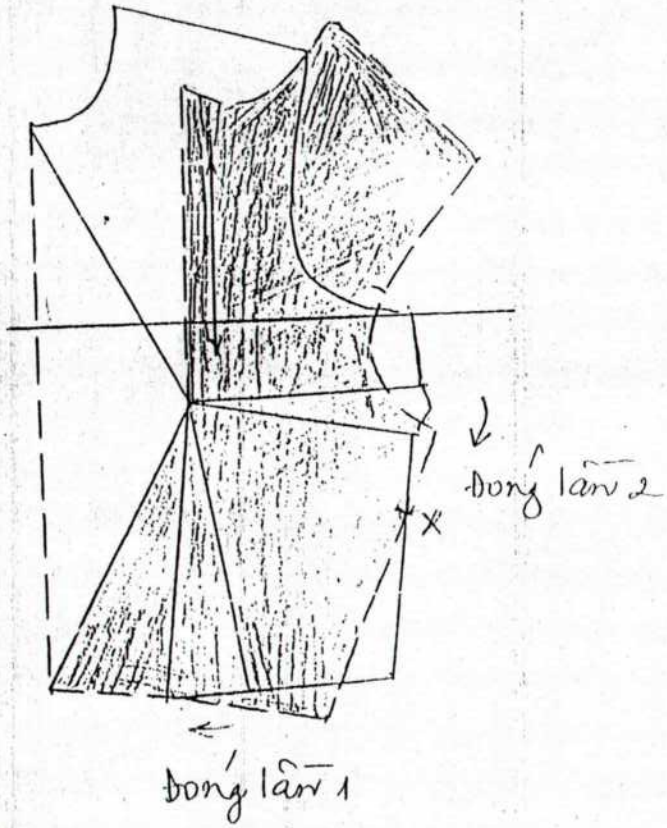


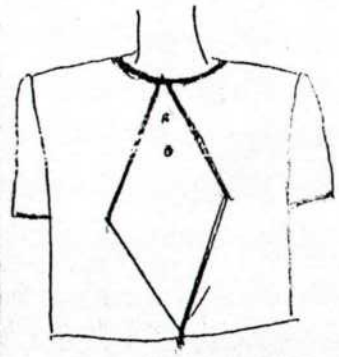
THÂN TRƯỚC:
- Vẽ đường Style line
- Dùng PIVOTING method đóng ben bên đường hông theo chiều mũi tên như hình vẽ

THÂN SAU:
- Vẽ đường Style line, loại bỏ ben nơi bụng

* Hoàn tất mẫu cộng phân may, điểm nối

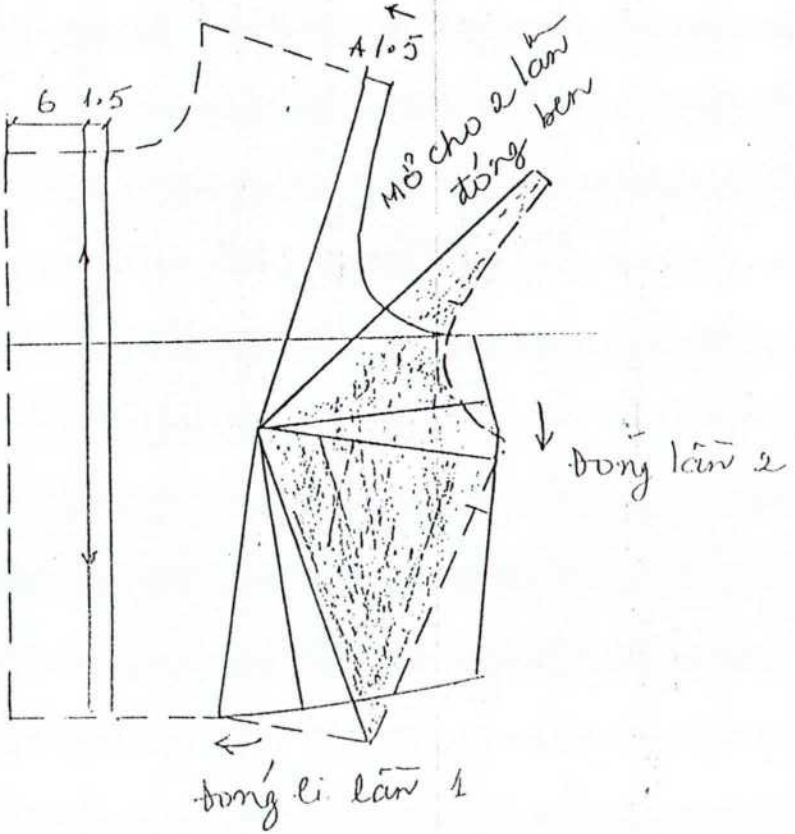
4. CÁC KIỂU NỐI MẢNH: (STYLE LINE)

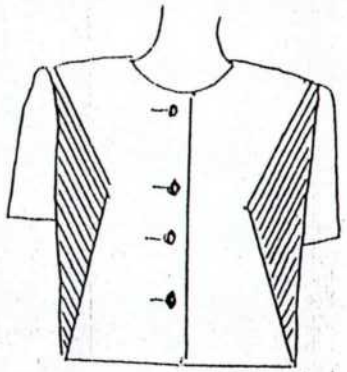




- Xác định đường nối mảnh (Style line)
- Dùng PIVOTING method đóng ben ở bụng và ben đường hông
- Đóng ben bụng trước - In mẫu tới điểm X rồi tiếp tục đóng ben đường hông (French dart) sau. In phần cổ nách của mẫu
- Hoàn tất mẫu cuối cùng

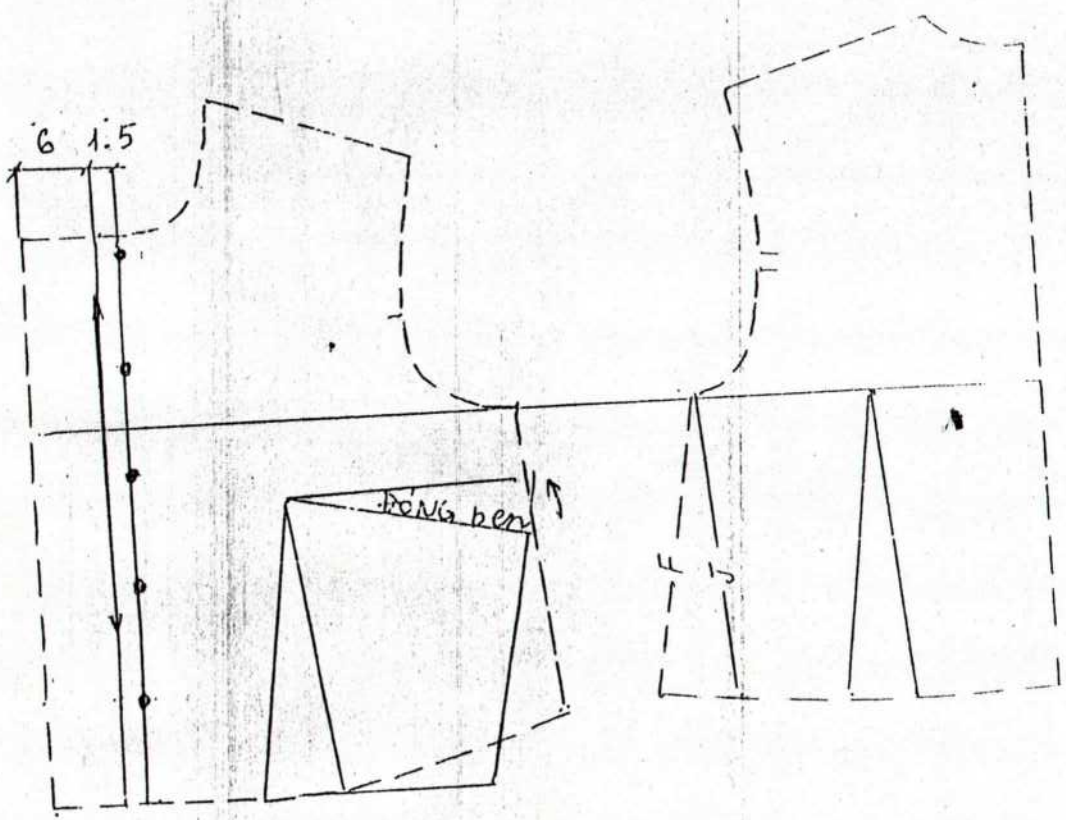
4. CÁC KIỂU NỐI MẢNH: (STYLE LINE)

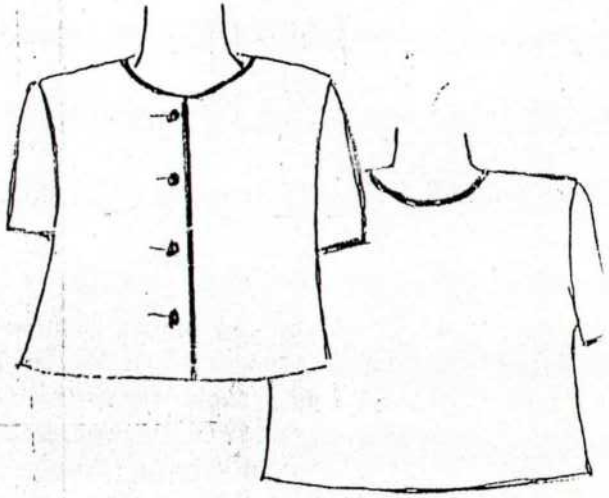




- Style line đặt điểm A = 1.5 cm đo từ vai
- Vẽ đường Style line ở trên vai đến điểm trụ
- Dùng PIVOTING method đóng ben ở bụng trước theo chiều mũi tên rồi tiếp tục đóng ben ở đường hông sau (điều này sẽ làm đường Style line trên vai mở 2 lần ben)
- Vẽ đường Style line ở bụng từ điểm trụ đến eo
- Hoàn tất mẫu

5. XOÈ: (FLARE)





THÂN TRƯỚC:

- Dùng PIVOTING method đóng ben bên hông theo chiều mũi tên như hình vẽ
- Đường ben nối bụng giữ nguyên cho có độ xòe

THÂN SAU:

- Mở ra 5 cm bên hông áo
  F = J để áo không rũ xuống bên hông

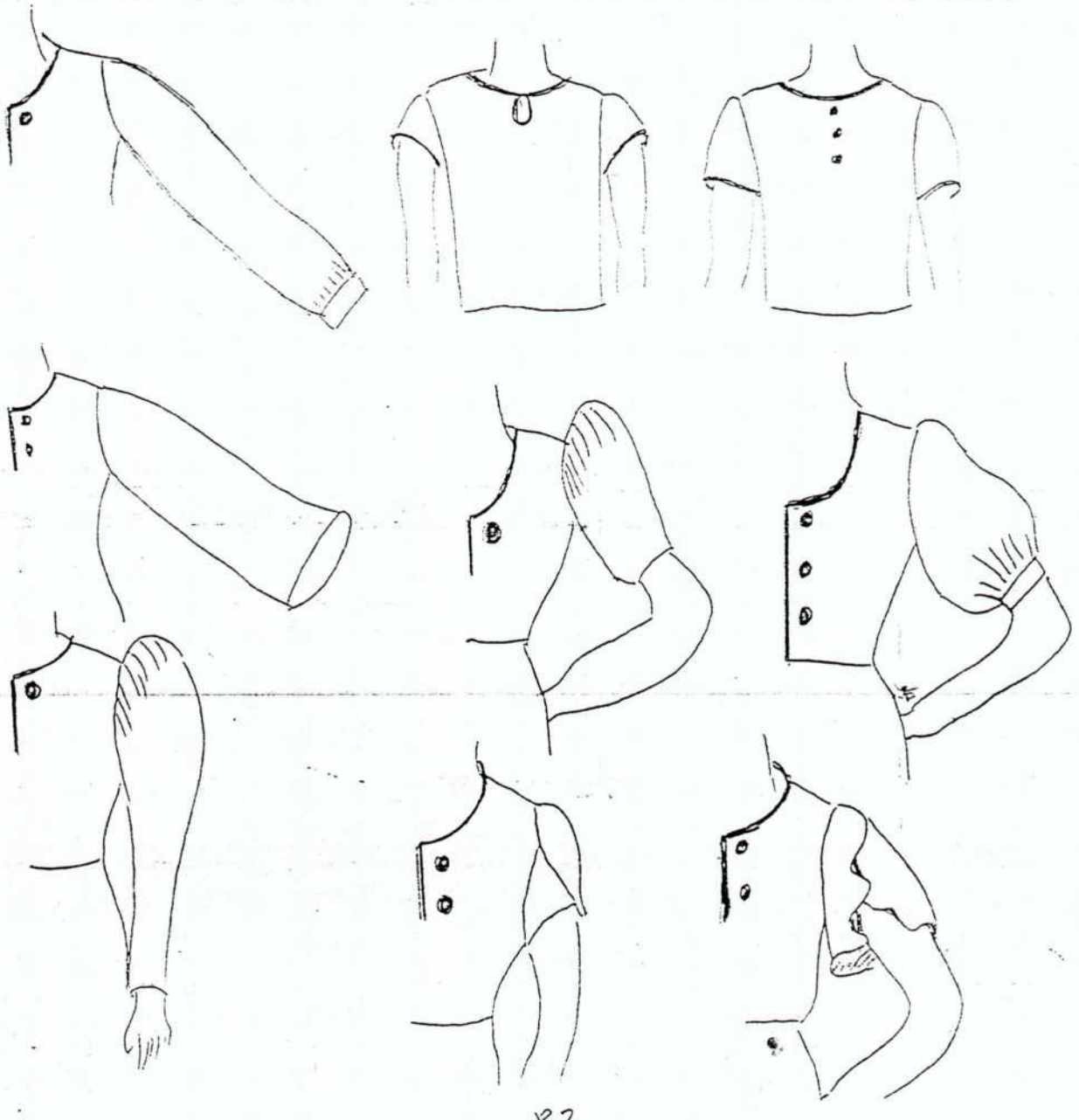
CÁC DẠNG TAY ÁO (SLEEVE)

TAY ÁO CÓ 2 DẠNG:

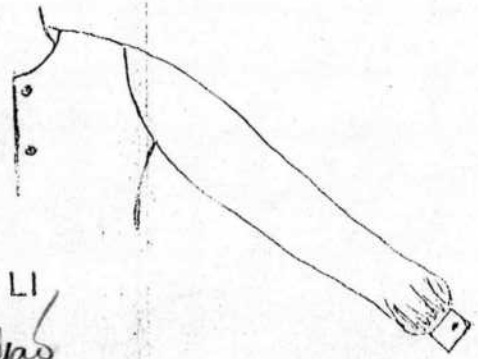
- TAY NỐI VỚI NÁCH ÁO (SET IN SLEEVE) Tay rời
- TAY VÀ NÁCH LIỀN NHAU (SLEEVE BODICE COMBINATION) Tay liền

*** TAY NỐI VỚI NÁCH ÁO

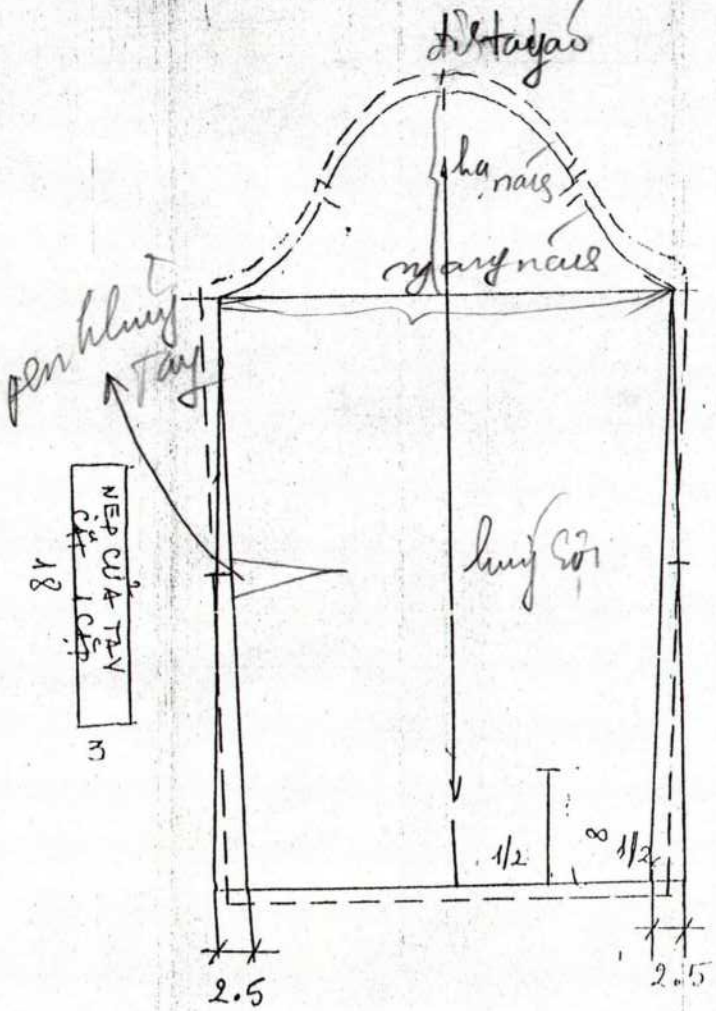
1. TAY ÁO SƠ MI (SHIRT SLEEVE)
2. TAY CÁNH TIÊN (CAP SLEEVE)
3. TAY ỐNG LOE (BELL SLEEVE)
4. TAY PHỒNG (PUFF SLEEVE)
5. TAY HAI MIẾNG (PETAL SLEEVE)
6. TAY PHỒNG BÓ GẤU (LEG OF MUTTON SLEEVE)

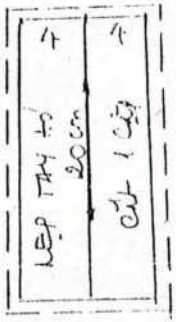


SHIRT SLEEVE:

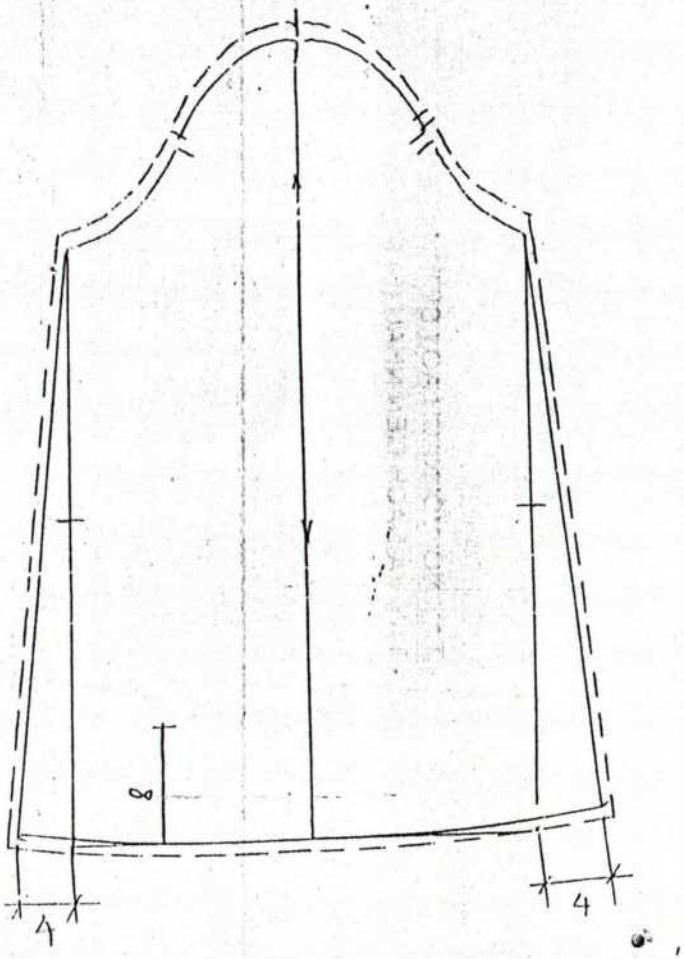


TAY ÁO SƠ MI XẾP LI

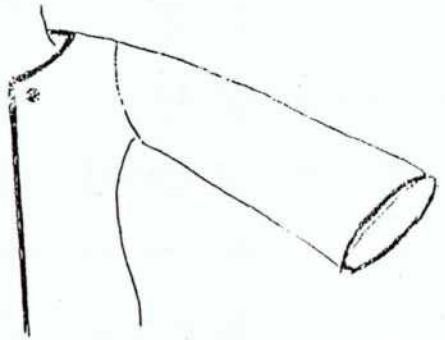


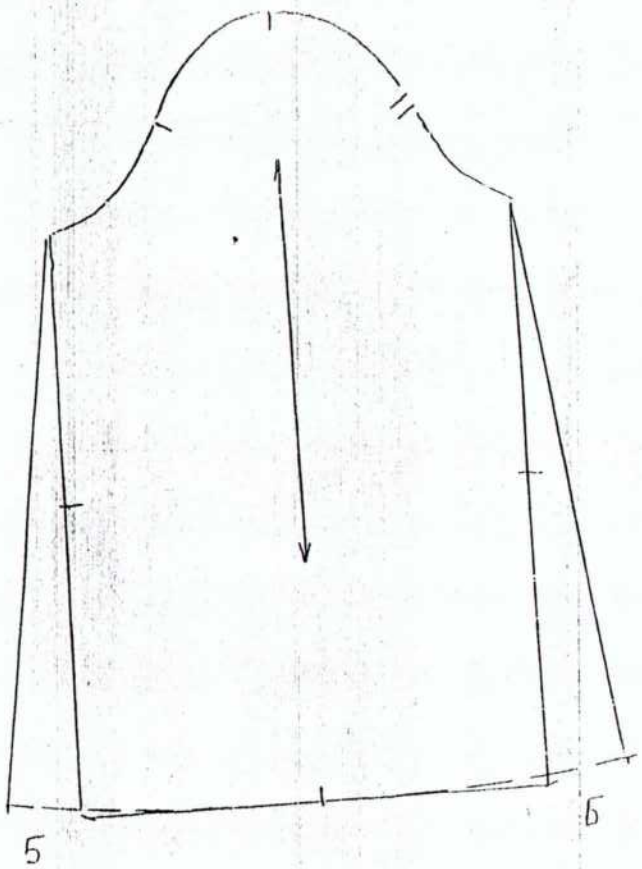


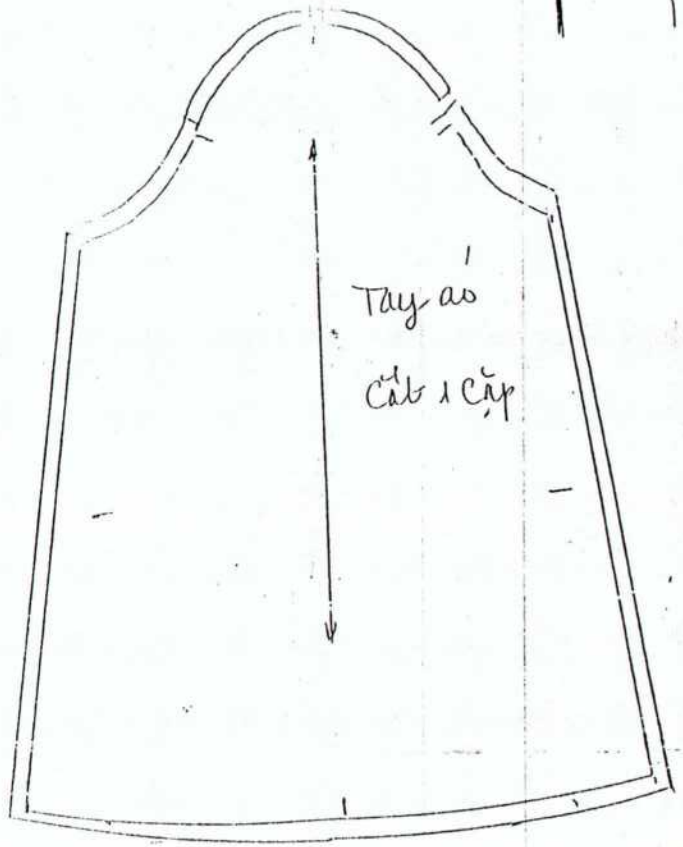
TAY ÁO SƠ MI VỚI DÚN



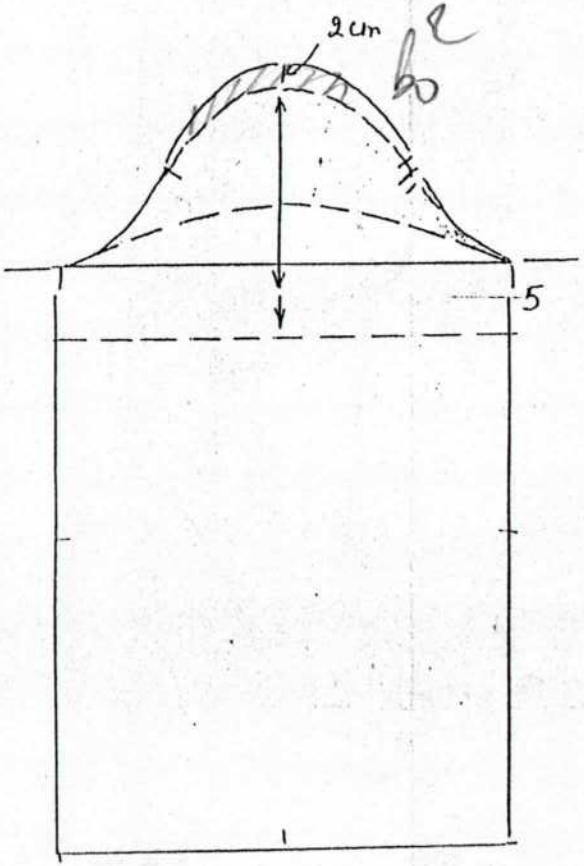
3. BELL SLEEVE:

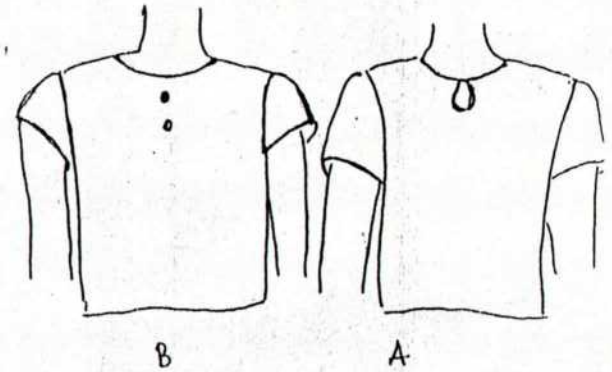






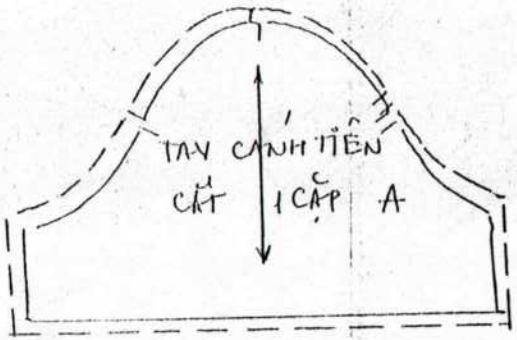
2. CAP SLEEVE:

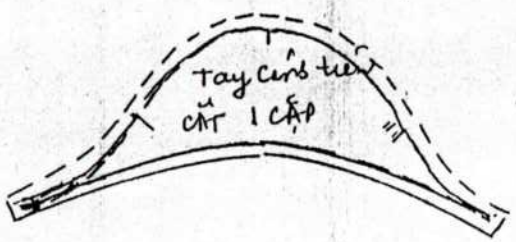




TAY ÁO CÁNH TIÊN (CAP SLEEVE)

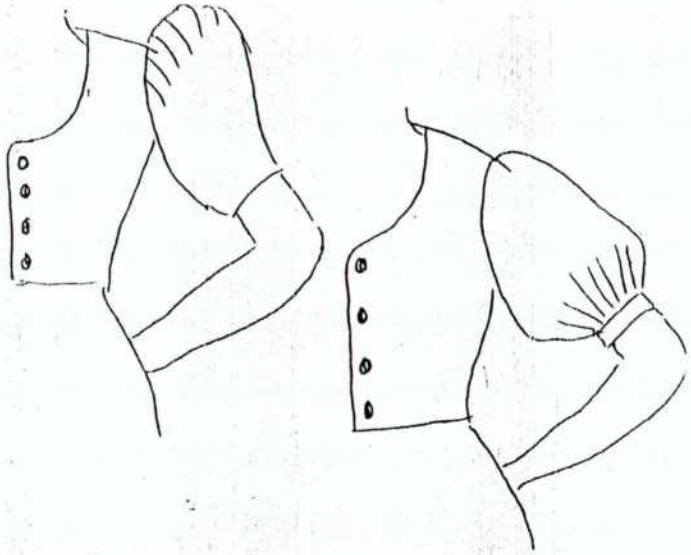
- Cắt 2 cm trên đầu tay áo (điều này giúp tay áo sẽ kéo hổng lên trên)
- Gấu tay áo có thể vẽ thẳng hay cong tùy sở thích

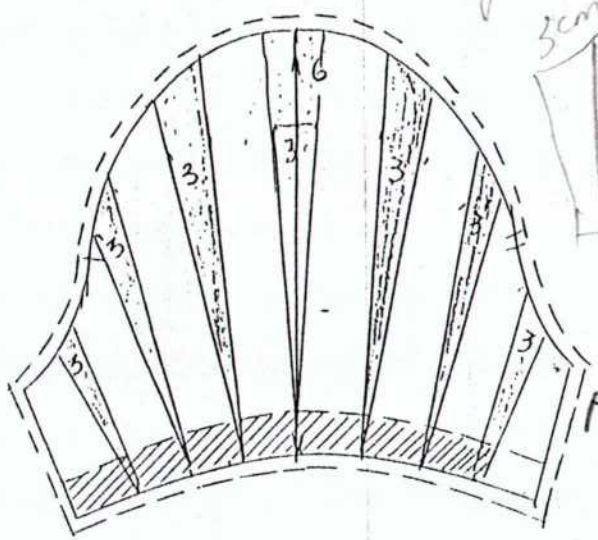


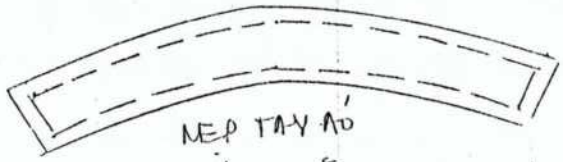


TT /
TS //

4. PUFF SLEEVE:



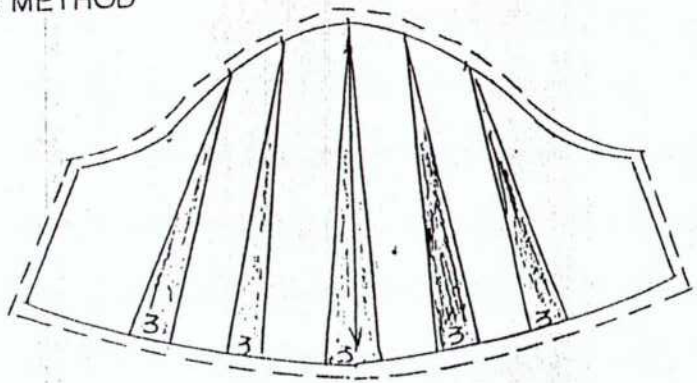


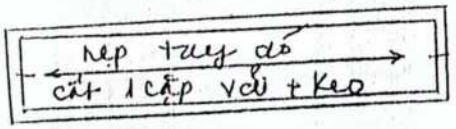


TAY ÁO DÚN TRÊN NÁCH



DÙNG PIVOTING METHOD

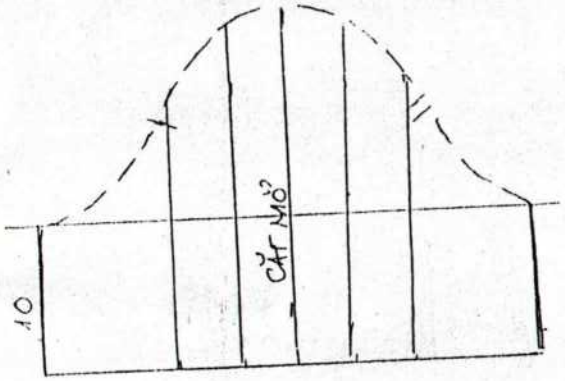


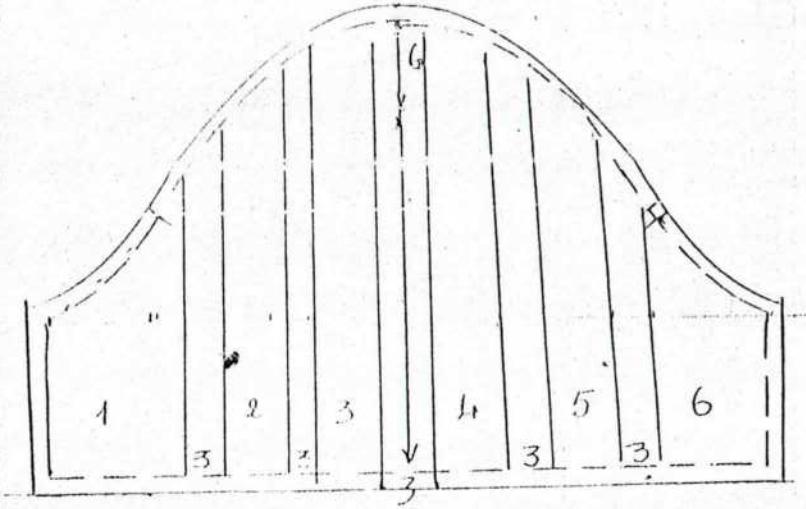


TAY ÁO DÚN DƯỚI GẤU

4. PUFF SLEEVE:

TAY ÁO DÚN TRÊN NÁCH VÀ DƯỚI GẤU

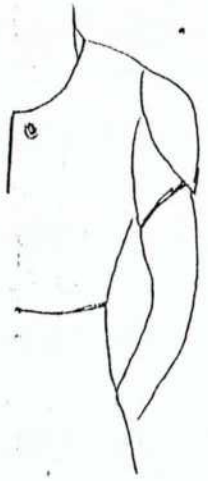


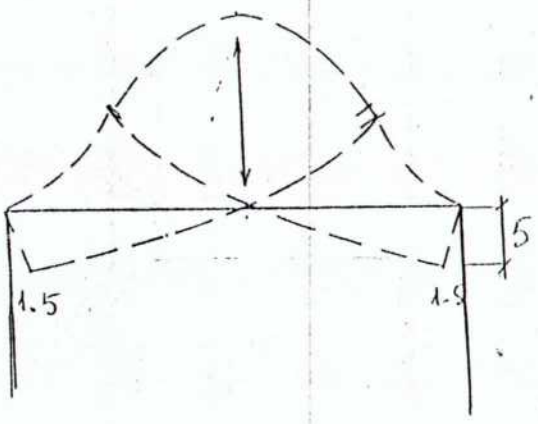


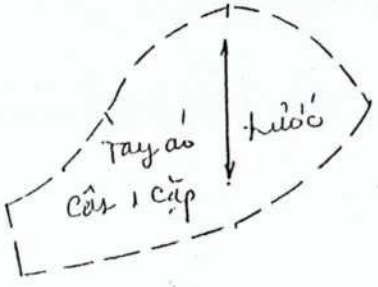


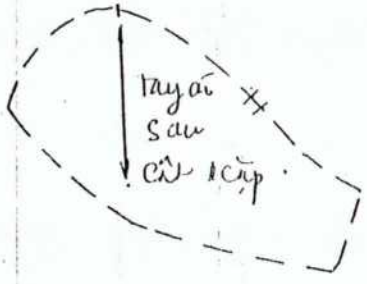
MÉP TAY ÁO
CÀI ĐẮP TRÊN VẢI
1 CẤP KEO

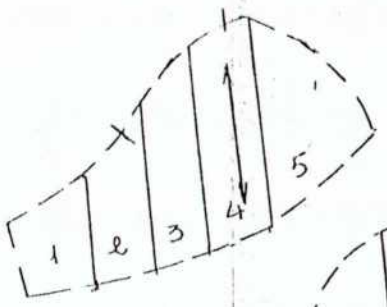
5. PETAL SLEEVE:

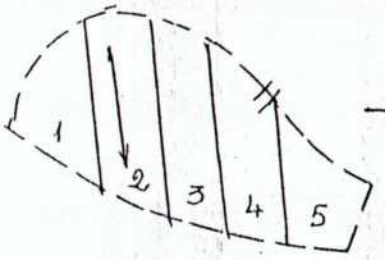






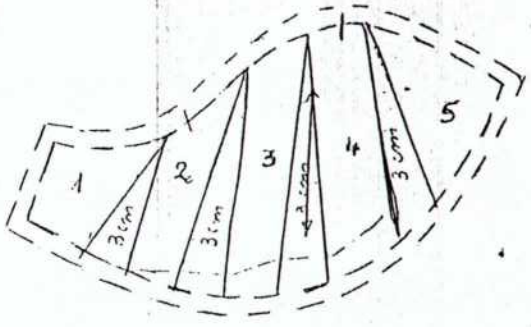




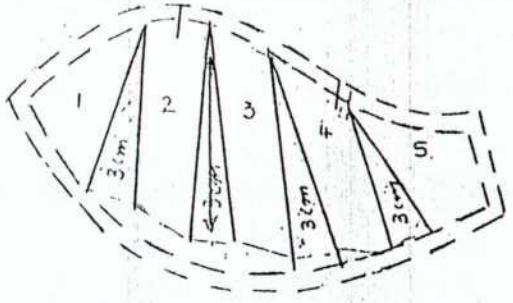




DÙNG PIVOTING METHOD

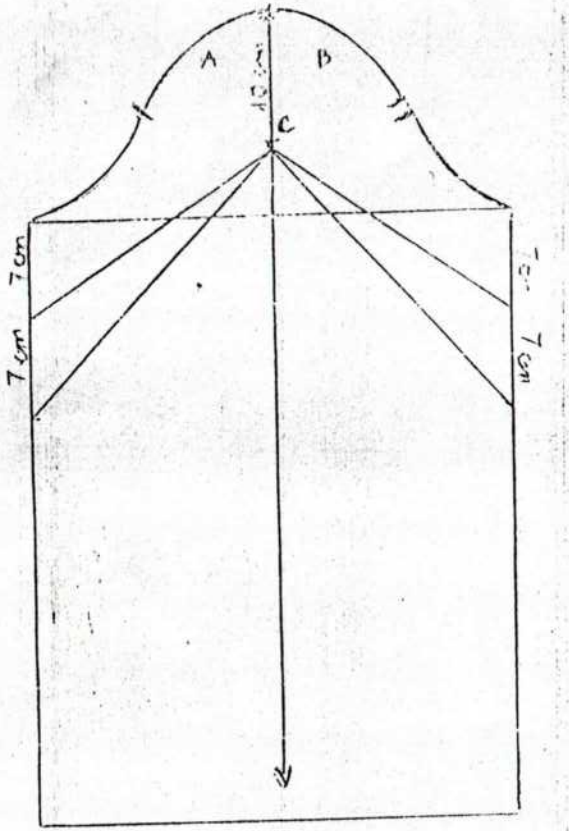


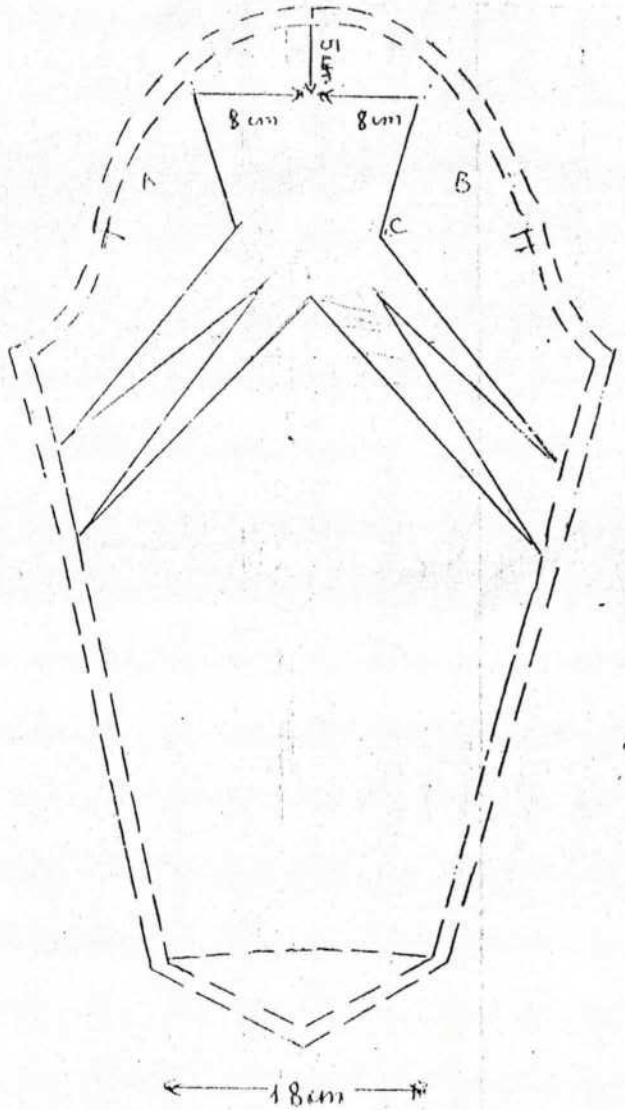
Thân tay trước
Cắt 1 cặp.

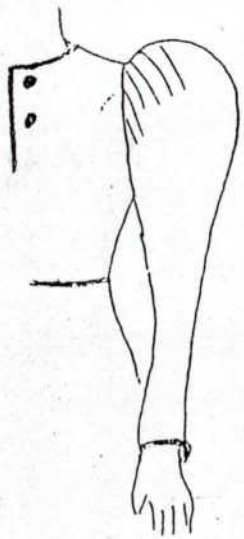


Thân tay Sau
Cắt 1 cặp.

6. LEG OF MUTTON SLEEVE

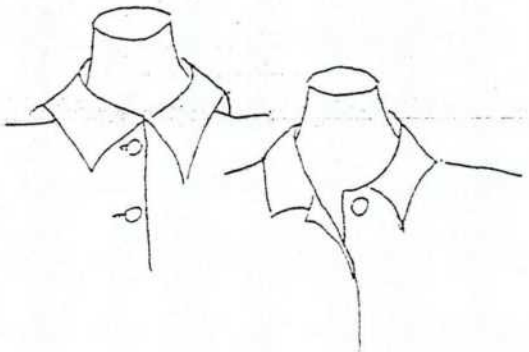


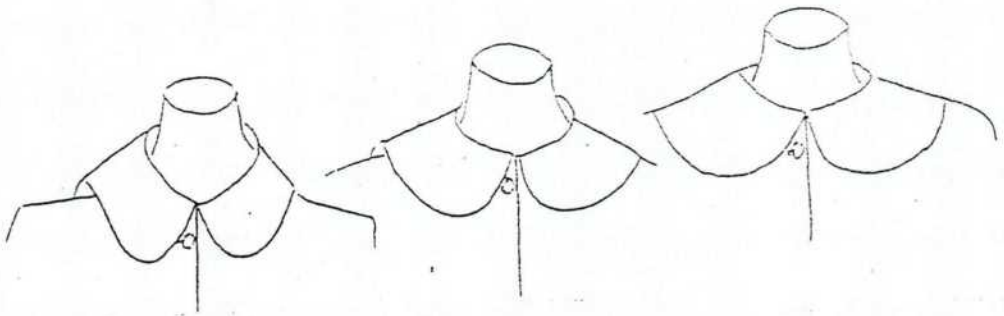


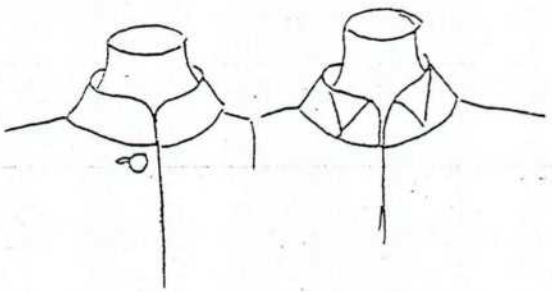


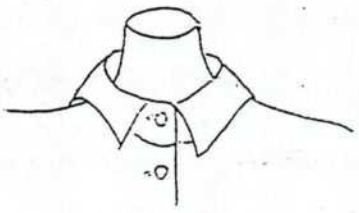
CÁC DẠNG CỔ ÁO (THE COLLAR)

1. CỔ HAI VE (CONVERTIBLE COLLAR)
2. CỔ LÁ SEN (PETER PAN COLLAR)
3. CỔ TÀU (MANDARIN COLLAR - WING COLLAR)
4. CỔ SƠ MI (2 PIECES COLLAR)

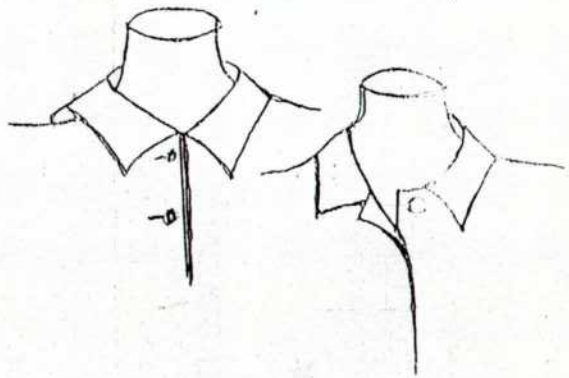


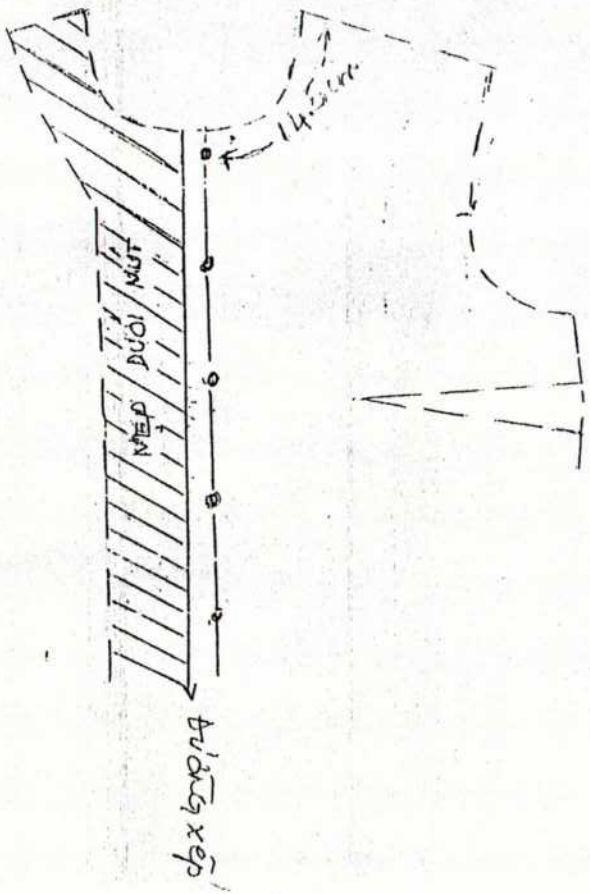


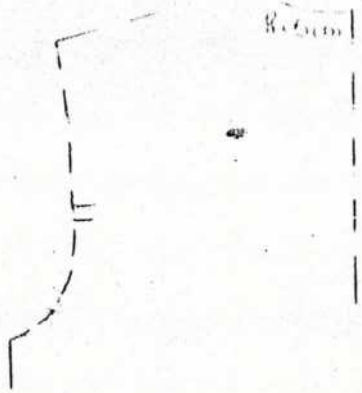


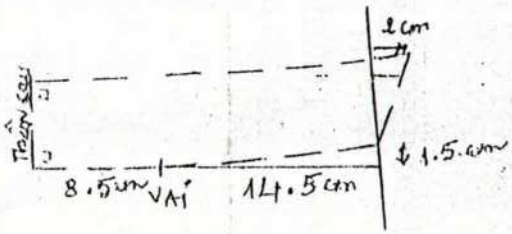


1. CỔ HAI VE: (CONVERTIBLE COLLAR)



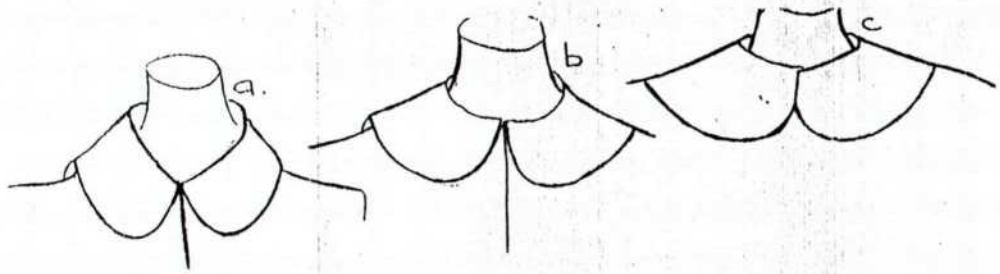


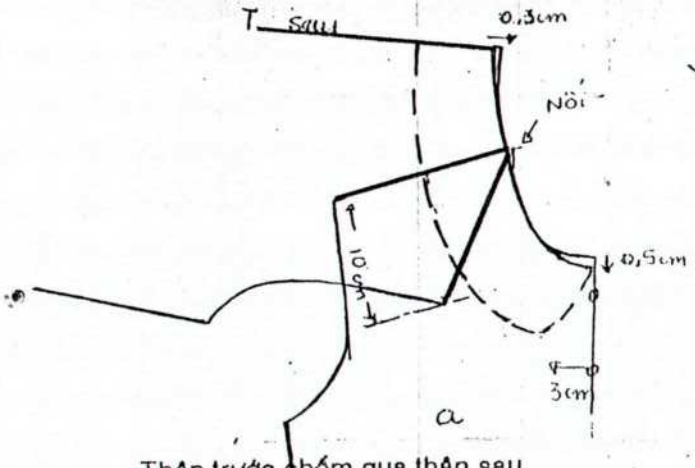




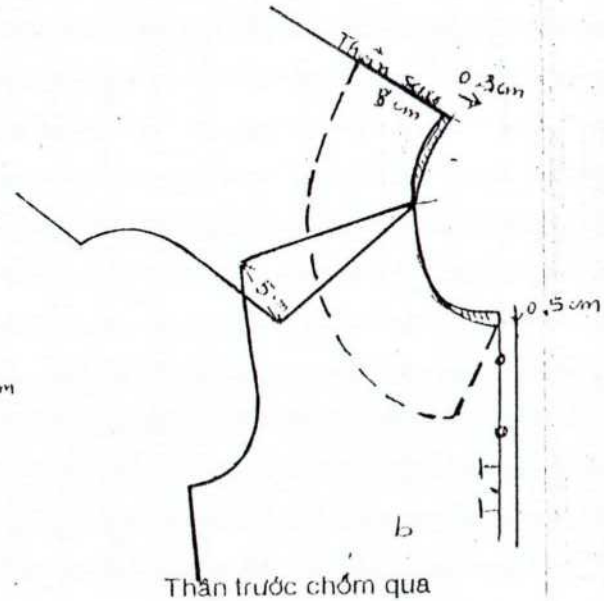


2. CỔ LÁ SEN: (PETER PAN COLLAR)

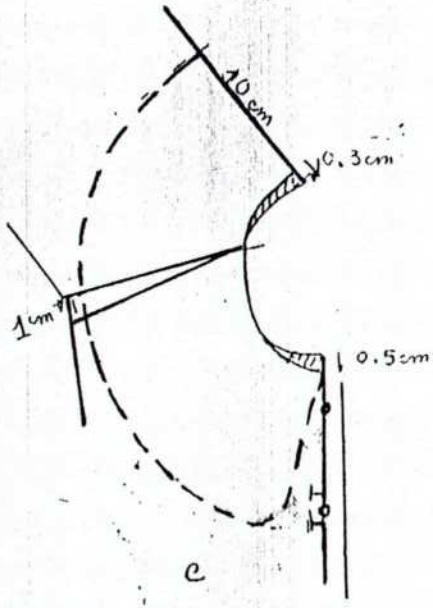




Thân trước chồm qua thân sau
10 cm - để tạo cổ đứng



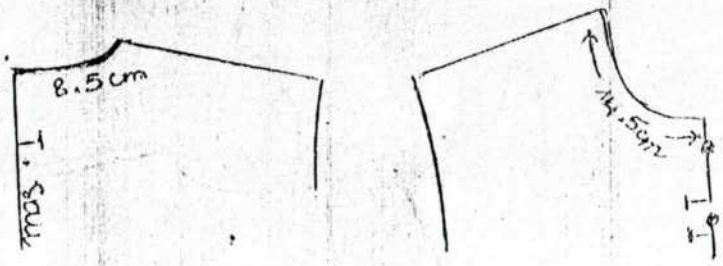
Thân trước chồm qua
thân sau 5 cm

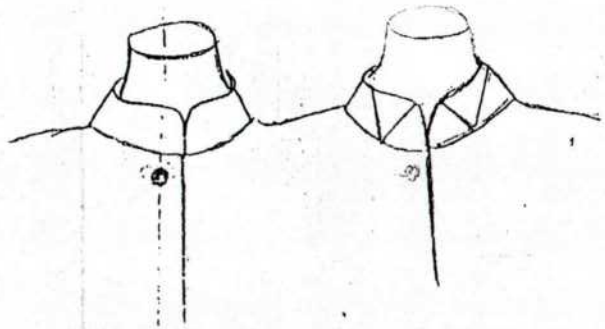


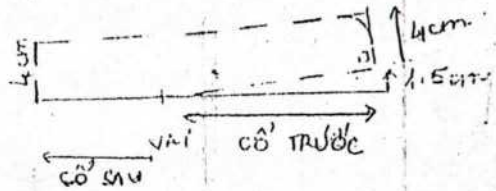
Thân trước chồm qua
thân sau 1 cm

Chú ý: Vai trước chồm qua vai sau càng nhiều - cổ càng đứng lên
hay bạn có thể dùng phương pháp - Cắt mở dán cho cổ nằm hơn
hoặc - Cắt mở đóng cho cổ đứng hơn

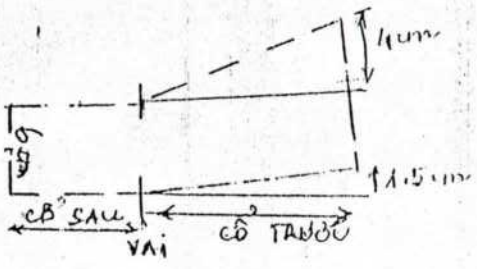
2. CỔ TÀU: (MANDARIN COLLAR)



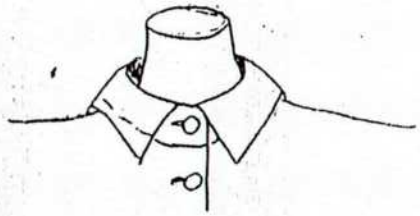


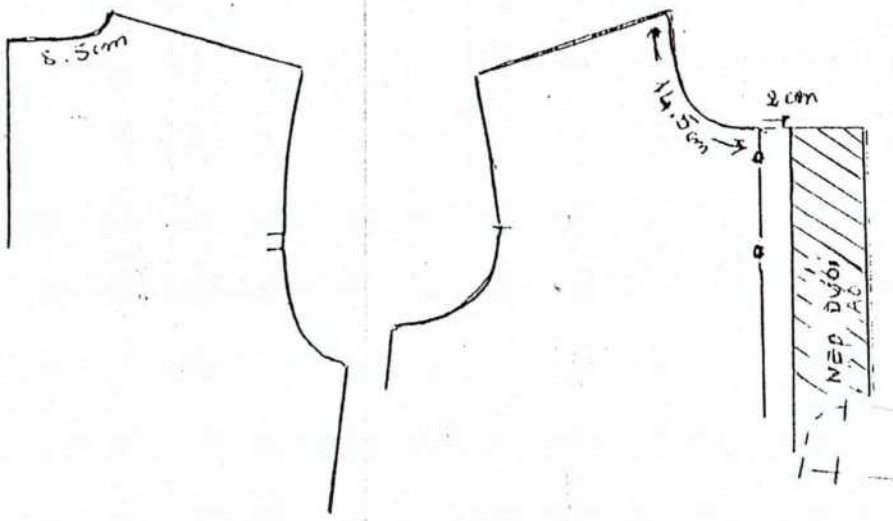


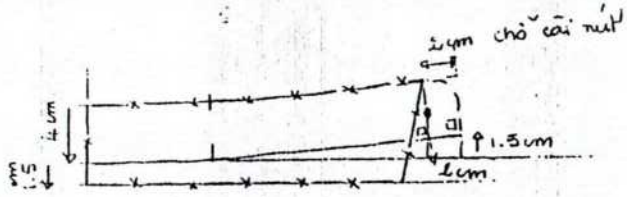
3. CỔ TÀU KIỂU: (WING COLLAR)

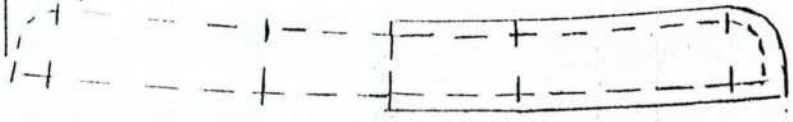


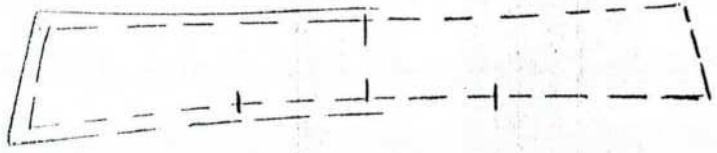
4. CỔ SƠ MI: (2 PIECES COLLAR)











BẢN VẼ MẪU ÁO TÍNH TỪ NGANG MÔNG (BẢN VẼ TORSO)

Bản vẽ áo tính từ ngang mông, ôm lấy vóc dáng cơ thể, giống như áo và váy mà tại eo không có đường nối. Áo quần ôm được nhờ vào hai hệ pen hai đầu ở thân trước và thân sau, với các pen sườn tác động lên các sớ ngang, nên lai áo song song với sàn nhà.

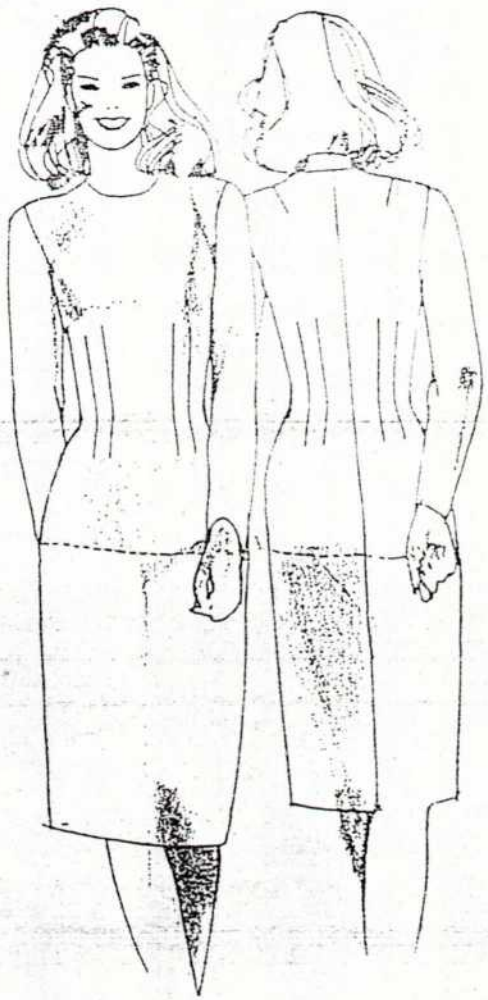
Bản vẽ áo tính từ ngang mông, được tạo từ mẫu thân trước và mẫu thân sau cơ bản một pen, với phần bên dưới được vẽ sử dụng số đo vòng mông (đường gạch đứt khoảng). Khi phần thân trên và phần thân dưới phối hợp lại, đường nối ở eo được loại bỏ. Mẫu quan trọng và linh hoạt này có thể được dùng làm căn bản để tạo các mẫu khác như:

* Phần trên (áo dệt kim không pen, áo sơ mi).
* Áo đầm (không có đường nối ở eo).
* Áo vét và áo khoác.
* Áo lao động.

Số đo cần thiết:

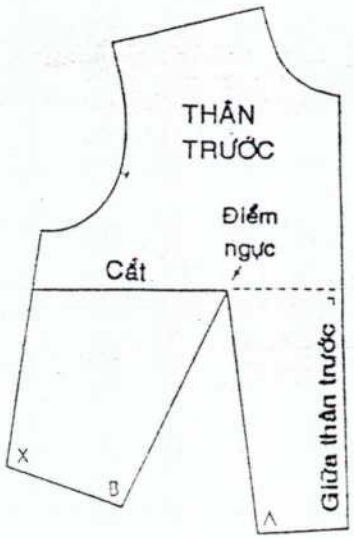
*(25) Chiều sâu mông: CF_____
CB_____

*(23) Vòng mông: F_____
B_____

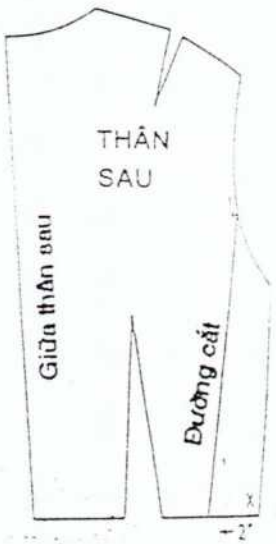


Bản vẽ mẫu áo tính từ ngang mông

Sử dụng phương pháp xoay hoặc phương pháp cắt. Ở đây, phương pháp cắt được trình bày.



HÌNH 1
* Kẻ mẫu thân trước một pen.
* Đặt thước ê-ke vuông góc tại giữa thân trước, với chân thước đi qua điểm ngực, và kẻ một đường cắt từ điểm ngực đến sườn bên như hình.



HÌNH 2
* Kẻ mẫu thân sau.
* Kẻ đường cắt cách điểm eo sườn 5 cm lên đến dấu của vòng nách.
* Gọi X, điểm eo sườn của thân trước và thân sau.
* Cắt mẫu giấy và cắt đường cắt đến gần vòng nách (thân sau) và gần điểm ngực (thân trước).

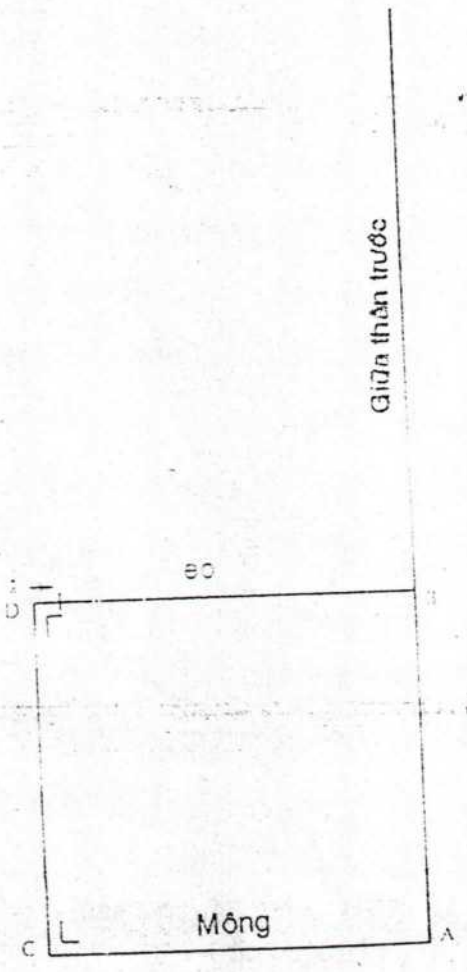
Mẫu thân trước tính từ ngang mông

HÌNH 3
* Kẻ một đường vuông góc trên giấy. A là góc vuông và lấy dấu như sau:
  A - B = chiều sâu mông giữa thân trước (thí dụ: 20 cm)
  A - C = vòng mông thân trước + 1 cm độ dãn
  C - D = A - B, kẻ thẳng góc từ C.
* Nối D - B
* Từ D vào 2 cm, lấy dấu.

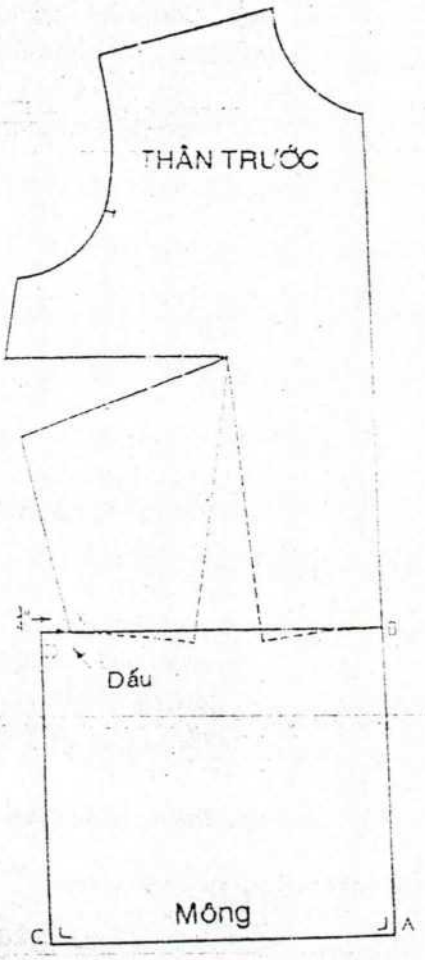
HÌNH 4
* Đặt thân trước lên góc vuông, với eo giữa thân trước trùng với B.
* Đóng pen eo lại, cho đến khi điểm eo sườn (điểm X) chạm đường dẫn B - D. Dán chắc lại. Bỏ các phần gạch đứt khoảng.

Bản vẽ mẫu áo tính từ ngang mông

(Để hoàn tất mẫu thân trước, xem hình 7).



HÌNH 3



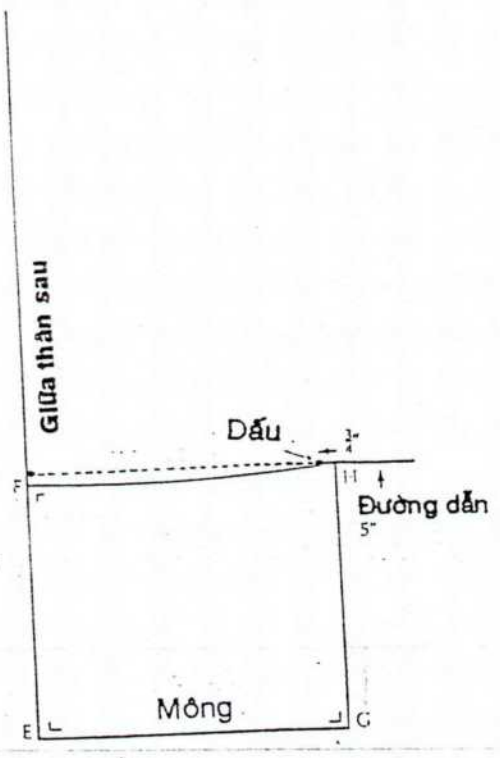
HÌNH 4

Bản vẽ mẫu áo tính từ ngang mông

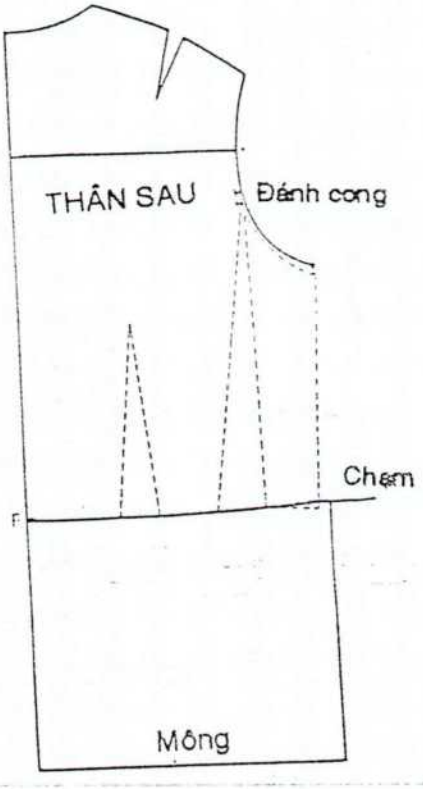
Mẫu thân sau tính từ ngang mông

HÌNH 5

* Kẻ một đường vuông góc trên giấy. E là góc vuông và lấy dấu như sau:
  E - F = Chiều sâu mông giữa thân sau, (thí dụ: 19.5 cm). Kẻ thẳng góc một đoạn ngắn.
  E - G = Vòng mông thân sau + 1 cm độ dãn.
  G - H = C - D, kẻ thẳng góc từ G.
* Từ H, kẻ thẳng góc vào 2 cm. Lấy dấu và đánh cong đường eo đến điểm F.
* Từ H, kéo dài đường dẫn ra 12.5 cm.



HÌNH 5



HÌNH 6

HÌNH 6

* Đặt thân sau lên, với eo giữa thân sau trùng với điểm F.
* Trải phần cắt cho đến khi eo sườn (điểm X) nằm bên dưới đường dẫn eo 3 mm. Dán chắc mẫu.
* Kẻ mẫu đến vòng nách ở sườn bên (rộng ngang vai hơi tăng).
* Đánh dọng vòng nách.
* Kẻ vuông góc một đường ngang thân sau, nằm cách khoảng 1/4 từ giữa cổ thân sau đến eo (đường thẳng bằng ngang).

(Để hoàn tất mẫu thân sau, xem hình 8).

Sửa lại đường sườn bên và đường cong mông

HÌNH 7

* Kẻ đường cong mông, bắt đầu cách mông 5 cm và lên đến dấu ở eo.
* Từ đầu, kẻ đường đến chân pen (chú ý: đây là đường tạm)

Pen sườn:

Lấy đầu pen ở giữa và cách điểm ngực 3 cm. Nối đến các chân pen.

Các pen 2 đầu:

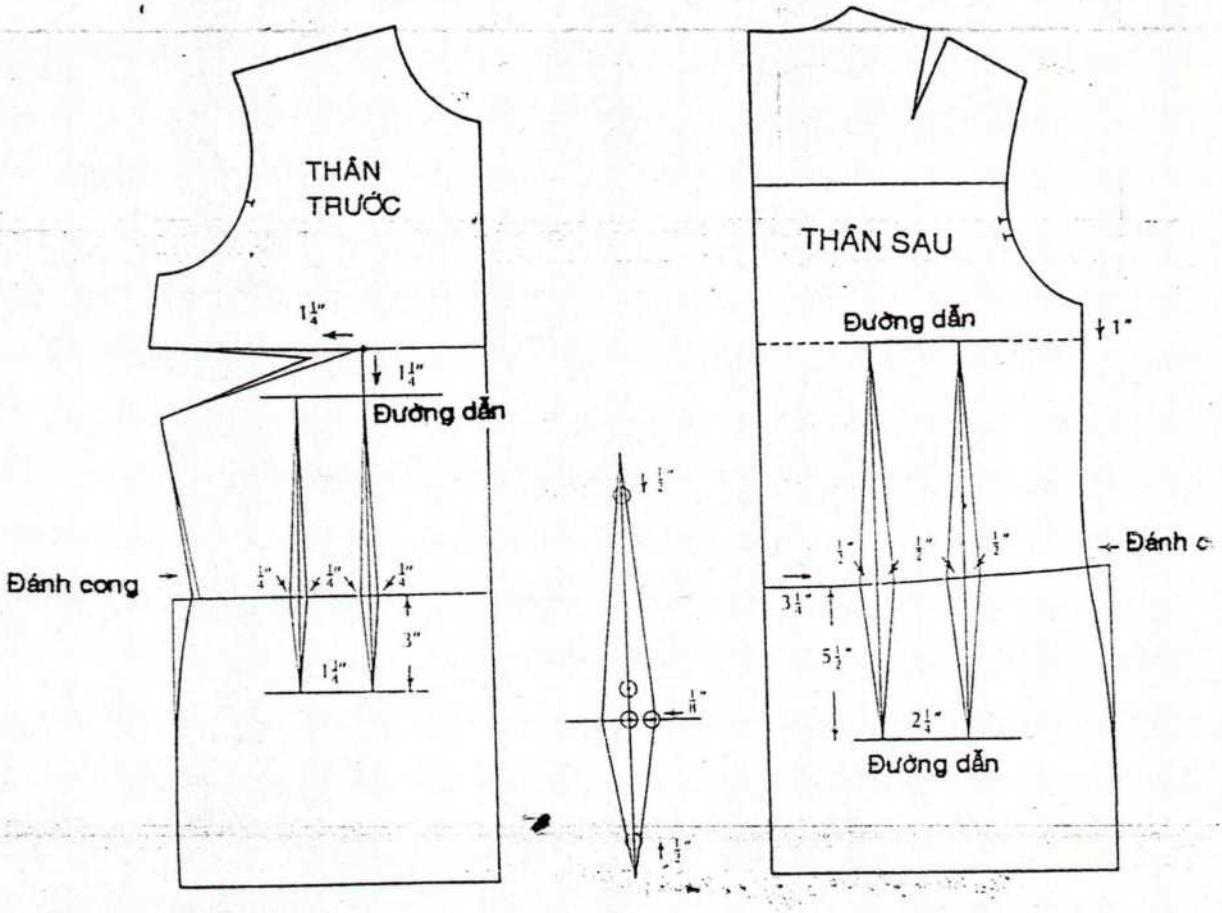
* Kẻ vuông góc một đường đến điểm ngực, và từ điểm ngực kẻ thẳng góc một đường dẫn xuống bên dưới eo 7.5 cm. Đây là đường giữa của pen thứ nhất. Lấy dấu dưới điểm ngực 3 cm và lấy dấu dưới eo 7.5 cm.
* Kẻ một đường song song và cách đường thứ nhất 4.5 cm. Đây là đường giữa của pen thứ hai.
* Lấy dấu độ rộng pen. Nối các chân pen đến đường dẫn.

HÌNH 8

* Kẻ đường cong mông đến dấu ở eo và đi tiếp lên vòng nách.

Các pen hai đầu:

* Từ giữa thân sau, kẻ thẳng góc một đường dẫn bên dưới vòng nách 2.5 cm và dưới eo 14 cm.
* Tại eo giữa thân sau vào 8 cm, lấy dấu.
* Từ dấu này, kẻ một đường song song với đường giữa thân sau, đây là đường giữa của pen thứ nhất.
* Cách đường này 3.5 cm, kẻ đường giữa của pen thứ hai.
* Lấy dấu độ rộng pen. Nối chân pen đến các đường dẫn.



HÌNH 7

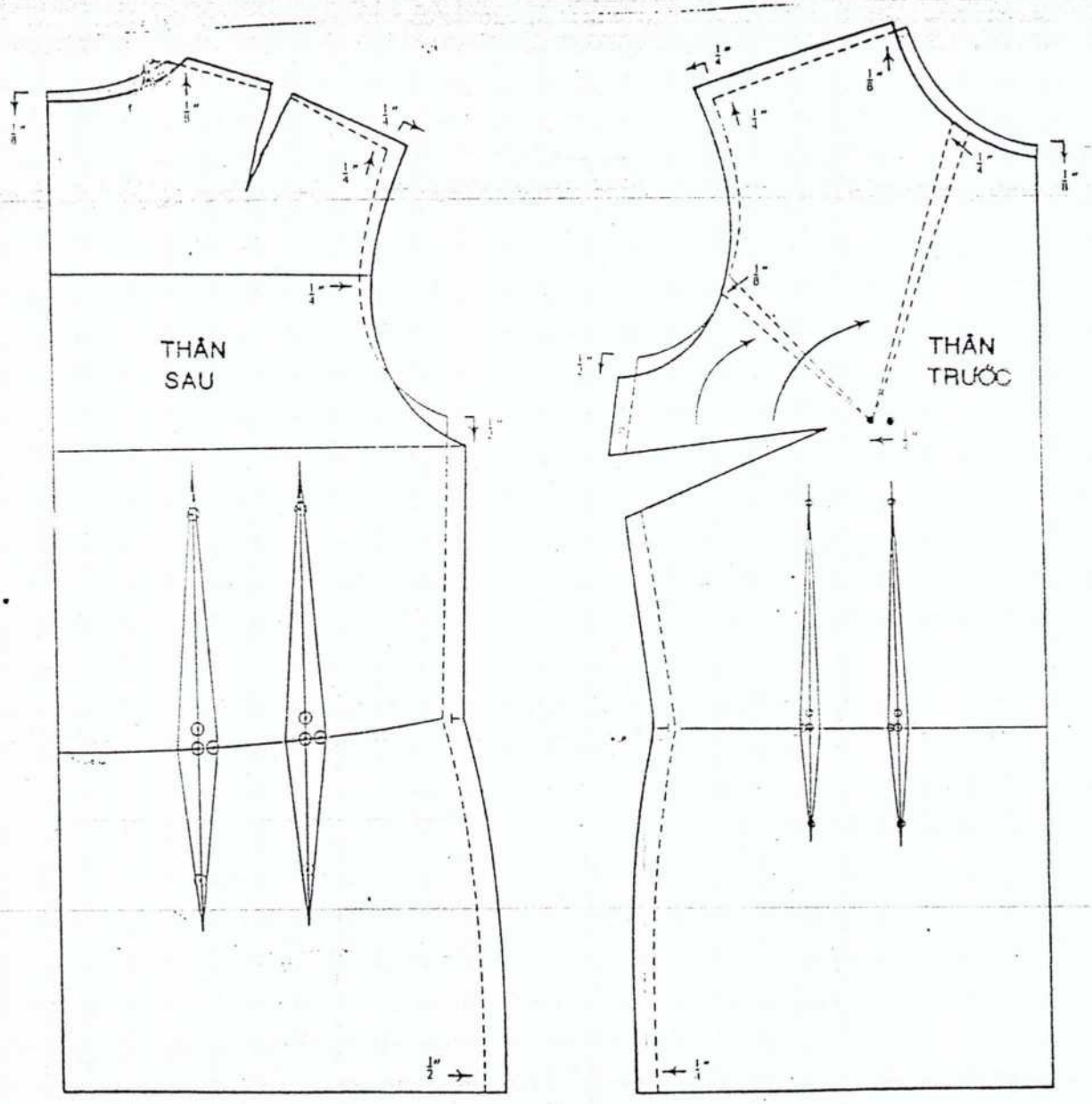
khoanh tròn

HÌNH 8

Áo vét và áo khoác

BẢN VẼ ÁO VÉT/ ÁO KHOÁC:

Mẫu áo vét được tạo từ mẫu áo tính từ ngang mông (mẫu torso), và dựa vào đó để tạo cho áo khoác.

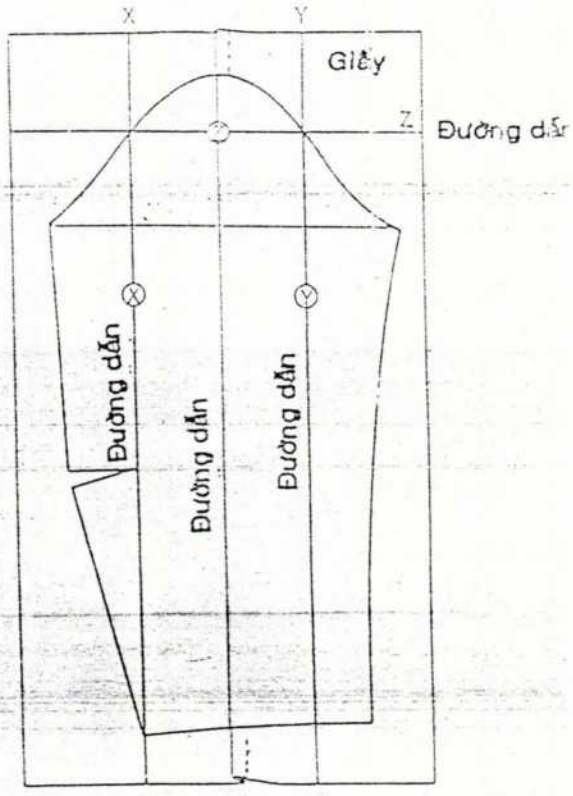


HÌNH 1 Bản vẽ thân sau:
* Kẻ mẫu thân sau.
* Đo quanh cổ cách 3 mm.
* Từ điểm vai/cổ đo lên 3 mm, và từ đầu vai đo lên 6 mm. Kẻ lại đường vai.
* Kẻ lại chân pen vai.
* Từ đầu vai đo ra 6 mm, và tại giữa vòng nách cũng đo ra 6 mm. Hạ vòng nách xuống 1 cm và đường sườn hông đo ra 1 cm.
* Kẻ đường song song với đường sườn hông và đánh cong vòng nách.

HÌNH 2 Bản vẽ thân trước:
* Kẻ mẫu thân trước, dịch chuyển 1 cm từ pen sườn lên vòng nách, và 6 mm lên giữa vòng cổ (đường gạch đứt khoảng).
* Dời điểm ngực về phía đường sườn hông 6 mm.
* Đo quanh cổ cách 3 mm.
* Từ điểm vai/cổ đo lên 3 mm, và từ đầu vai đo lên 6 mm. Kẻ lại đường vai.
* Từ đầu vai đo ra 6 mm. Hạ vòng nách xuống 1 cm và đường sườn hông đo ra 1 cm. Đánh cong vòng nách, và kẻ đường song song với đường sườn hông như hình. Độ rộng pen sườn vẫn như cũ.
* Cắt mẫu giấy. Cắt bỏ phần bóng mờ quanh vòng cổ và vòng nách. Chỉnh sửa lại mẫu và thử sự vừa vặn.

BẢN VẼ TAY ÁO CỦA ÁO VÉT VÀ ÁO KHOÁC

Mẫu tay cơ bản được sử dụng. (Với áo khoác thì lấy gấp đôi các số liệu.) Tay áo vét và áo khoác được tạo bằng một trong ba phương pháp. Ở đây mỗi phương pháp đều được trình bày, với phương pháp thứ ba làm lớn tay cơ bản bằng cách nhảy từng nấc.



Độ dãn đỉnh tay áo:

Độ dãn đỉnh tay áo có thể thay đổi từ 2.5 cm đến 3 cm (< = size 8); từ 4 cm đến 4.5 cm (size 10 -> size 12); từ 4.5 cm đến 5 cm (>= size 14). Độ dãn đỉnh còn phụ thuộc vào loại vải được cắt.

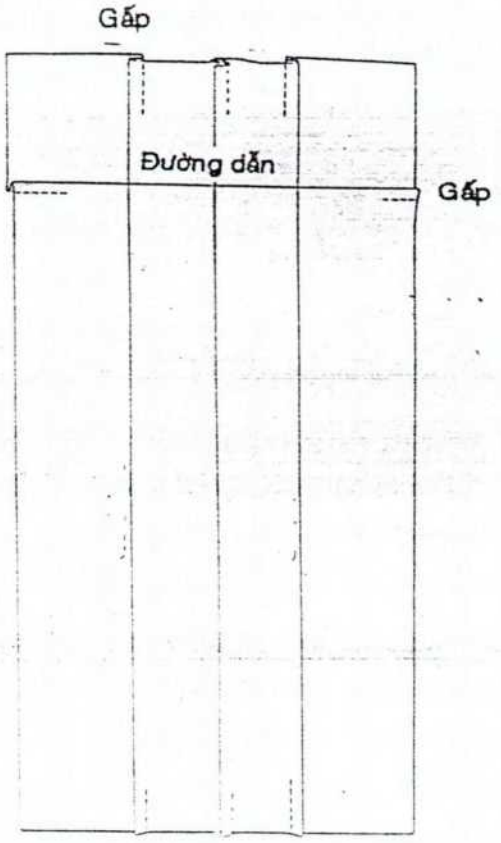
Hai dạng vét được trình bày:
a) Áo vét cơ bản với vòng nách được xác định.
b) Áo vét dạng giống áo vét nam với vòng nách rộng.
Tạo tay áo cho mỗi loại.

Áo vét và áo khoác

CHÚ Ý: Gấp đôi số liệu cho tay áo khoác.

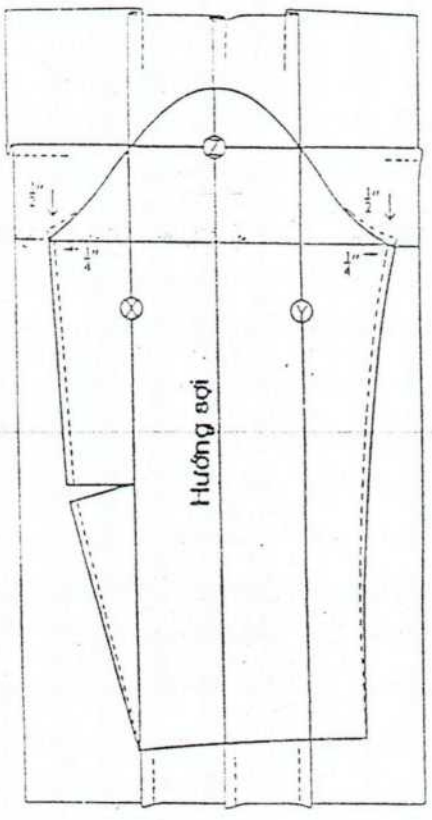
Phương pháp gấp giấy

HÌNH 1 Chuẩn bị tay áo:
* Ở mỗi bên hướng sợi giữa, tại ngang nách; phân chia phần tay áo làm hai phần. Lấy dấu.
* Tại mỗi dấu, kẻ đường dẫn thẳng góc lên và xuống. Đặt X và Y.
* Kẻ một đường dẫn ngang, đi qua giao điểm của đường X và đường đỉnh. Đặt Z tại giao điểm với hướng sợi giữa.
* Gấp đường giữa 3 mm (nếp gấp đến 1.5 mm); áo vét giống nam 6 mm (nếp gấp đến 3 mm).
* Đặt tay lên giấy và kéo dài các đường dẫn X, Y, Z. Lấy tay áo ra. Nối các đường dẫn lại.



HÌNH 2
* Gấp giấy 3 mm (nếp gấp đến 1.5 mm) dọc theo X, Y.
Gấp giấy 6 mm (nếp gấp đến 3 mm) với áo vét giống nam.
* Gấp giấy 6 mm (nếp gấp đến 3 mm) ở đường dẫn X.

CHÚ Ý: X, Y và đường giữa của tay áo là chỗ thêm độ phồng. Độ phồng có thể thay đổi từ 3 mm đến 6 mm cho mỗi phần của tay áo vét cơ bản, hoặc 6 mm đến 1.2 cm cho tay áo vét giống nam.



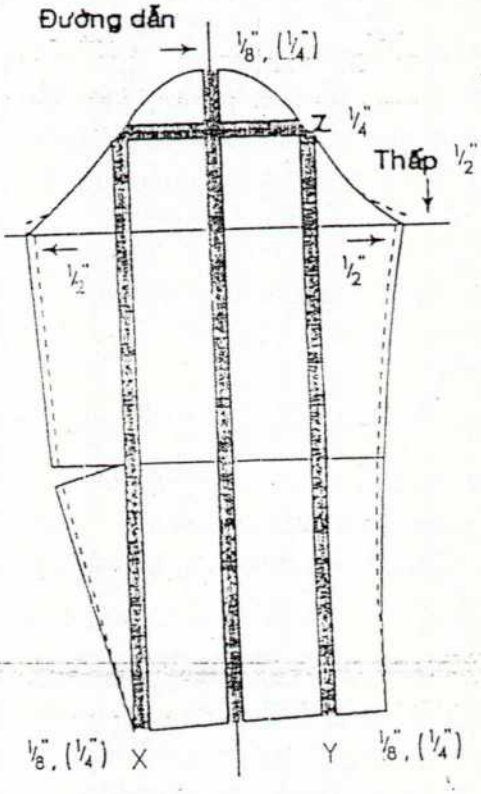
HÌNH 3
* Đặt lại tay áo lên giấy, các đường dẫn trùng với các mép gấp. Kẻ tay áo. Lấy tay áo ra.
* Mở giấy ra, đánh cong các khoảng mở. Thêm 1 cm tại ngang nách và giảm lần bằng 0 tại cổ tay (Xem hình 4).
* Hạ ngang nách xuống 1 cm và đánh cong đỉnh tay. Lấy dấu bằng

cách ướm tay vào vòng nách.
* Cắt mẫu giấy.
* May tay vào áo.
* Điều chỉnh dấu giữa đỉnh tay để phân đều độ dãn đỉnh. Tăng thêm vào cổ tay, nếu muốn lai lớn hơn.

Phương pháp cắt và tách rời

HÌNH 4 Chuẩn bị tay áo

* Ở mỗi bên hướng sợi giữa, tại ngang nách phân chia tay áo làm hai phần. Lấy dấu và đặt X, Y.
* Tại mỗi dấu, kẻ đường dẫn thẳng góc lên và xuống.
* Kẻ một đường dẫn ngang đi qua giao điểm của đường X và đường đỉnh, đặt Z (xem hình 3).

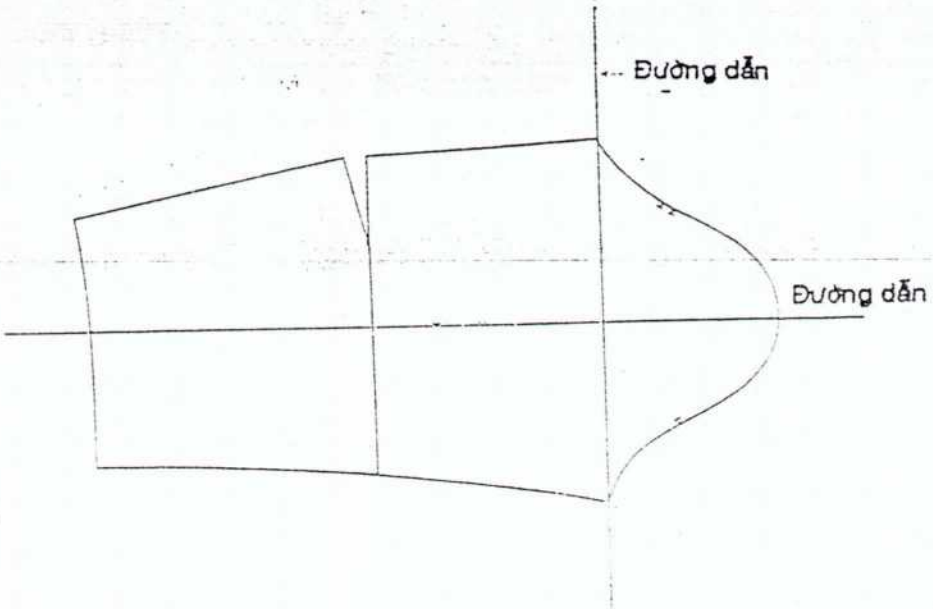


Chuẩn bị giấy:

* Kẻ một đường thẳng đứng giữa tờ giấy (tượng trưng cho hướng sợi giữa của tay áo).
* Cách mép trên của giấy 20 cm, kẻ một đường thẳng góc ngang, (tượng trưng cho đường ngang nách).
* Cắt và tách rời các phần tay áo dọc theo đường giữa; và dọc theo các đường dẫn X, Y, Z.
* Đặt các phần mẫu lên giấy với đường ngang nách trùng với đường dẫn. Trải các phần ra như hình. Dán chắc các phần lại và kẻ.
* Hạ thấp đường ngang nách xuống 1 cm, thêm 1 cm tại ngang nách và giảm lần bằng 0 ở cổ tay. Đánh cong đường cong đỉnh. Gấp đôi các số liệu cho tay áo khoác.
* Lấy mẫu ra, đánh cong các khoảng mở. Lấy dấu bằng cách ướm tay vào vòng nách.
* Cắt mẫu giấy.
* Điều chỉnh dấu giữa đỉnh tay để phân đều độ dãn đỉnh.

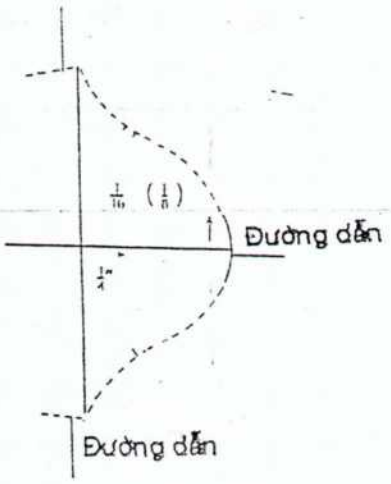
NHẢY TỪNG NẤC TAY ÁO VÉT

Với phương pháp này, qua một loạt độ lượng; tay áo được dịch chuyển qua phải, qua trái, xuống, lên từ một đường dẫn; để tăng và giảm kích thước cơ bản của tay áo. Số liệu gấp đôi cho tay áo khoác. Độ lượng nhảy thay đổi với tay áo vét cơ bản và tay áo vét giống nam. Dùng bản vẽ một tay áo chung cho cả hai loại vét.



Lấy dấu đường dẫn

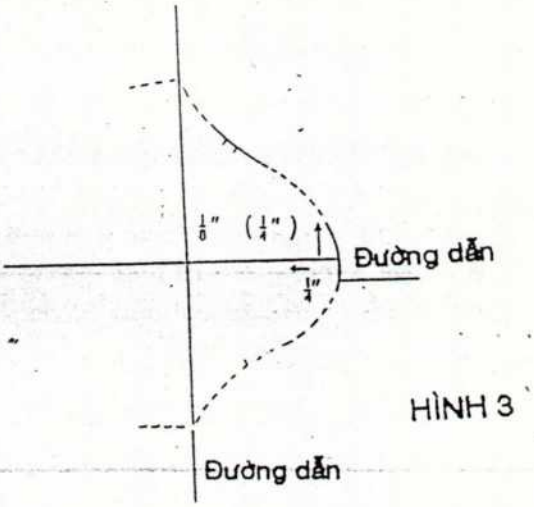
HÌNH 1
* Đặt tay áo lên giấy.
* Kẻ các đường dẫn ra từ ngang nách và hướng sợi giữa.
* Lấy mẫu ra và nối các đường dẫn lại.
Đặt tay áo lại trùng với các đường dẫn.



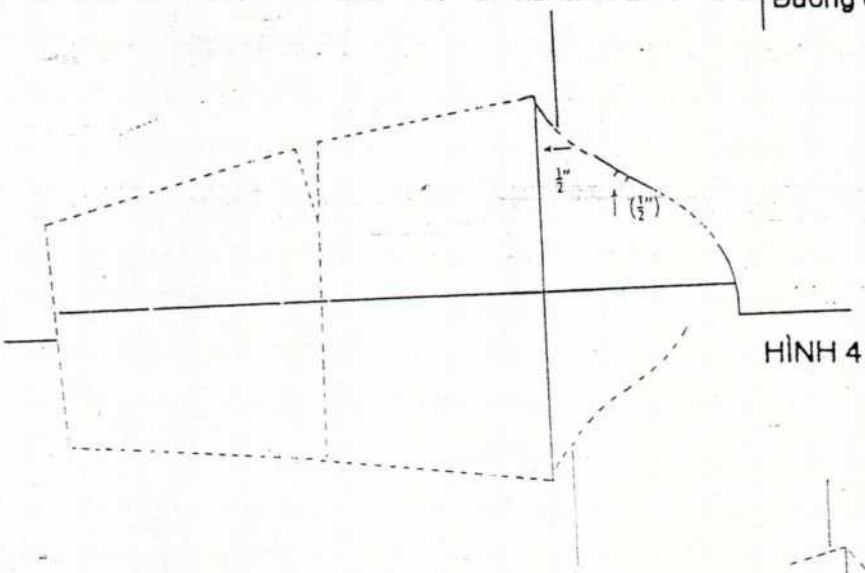
HÌNH 2 Nhảy tay áo sau
* Dịch phải 6 mm.
* Dịch lên 2 mm, với áo giống nam 4 mm.
Kẻ một đoạn ngắn dọc theo đường cong đỉnh.
Ngang nách và hướng sợi giữa song song với các đường dẫn.

Áo vét và áo khoác

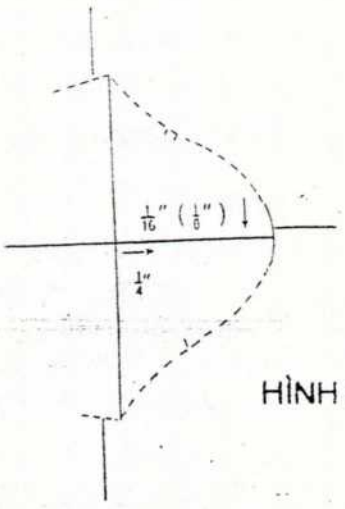
HÌNH 3
* Dịch lên 3 mm, 6 mm cho áo giống nam.
* Dịch trái 6 mm.
Kẻ một đoạn ngắn, lấy dấu.
Ngang nách và hướng sợi giữa song song với đường dẫn.



HÌNH 3

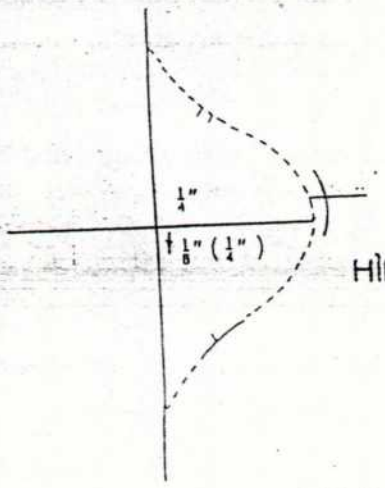

HÌNH 4

HÌNH 4
* Dịch lên 1 cm, dịch trái 1 cm. Lấy dấu góc tay áo.
Ngang nách trùng với đường dẫn và hướng sợi song song với đường dẫn.


HÌNH 5

HÌNH 5 Nhảy tay áo trước
* Đặt mẫu trở lại với đường ngang nách và hướng sợi giữa trùng với đường dẫn.
* Dịch phải 6 mm.
* Dịch xuống 2 mm, 4 mm cho áo vét giống nam. Kẻ một đoạn ngắn dọc theo đỉnh tay áo.
Ngang nách và hướng sợi giữa song song với các đường dẫn.

HÌNH 6
* Dịch xuống 4 mm, 8 mm cho áo vét giống nam, và dịch trái 8 mm.
Kẻ một đoạn ngắn, lấy dấu.
Ngang nách trùng với đường dẫn và hướng sợi giữa song song với đường dẫn.

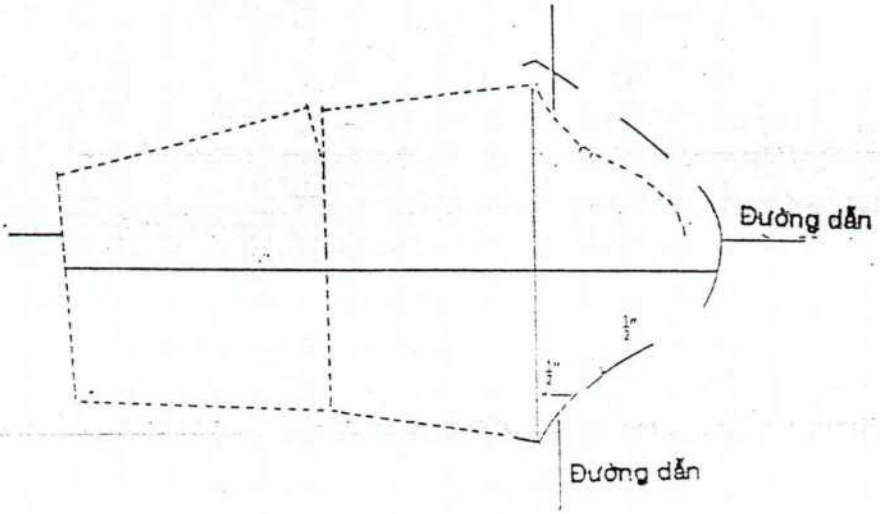

HÌNH 6

Áo vét và áo khoác

HÌNH 7

* Dịch xuống 1 cm và qua trái 1 cm.
* Lấy dấu góc tay (đường đậm).

Ngang nách và hướng sợi giữa song song với các đường dẫn.

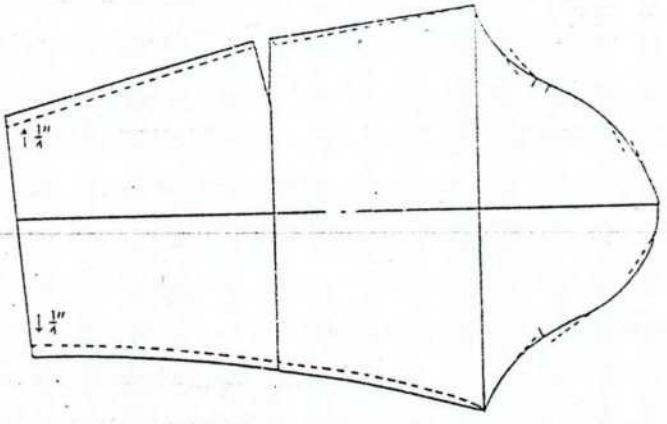


HÌNH 8

* Đặt mẫu trở lại với ngang nách và hướng sợi giữa trùng với các đường dẫn.
* Dịch lai lên 6 mm và kẽ góc ở lai tay. Kẻ đường sườn tay cả pen khuỷu như hình (đường gạch đứt khoảng là mẫu gốc).
* Đặt mẫu trở lại với các đường dẫn.
* Dịch lai xuống 6 mm và kẻ góc ở lai tay. Kẻ đường sườn tay.

Đánh cong đường đính

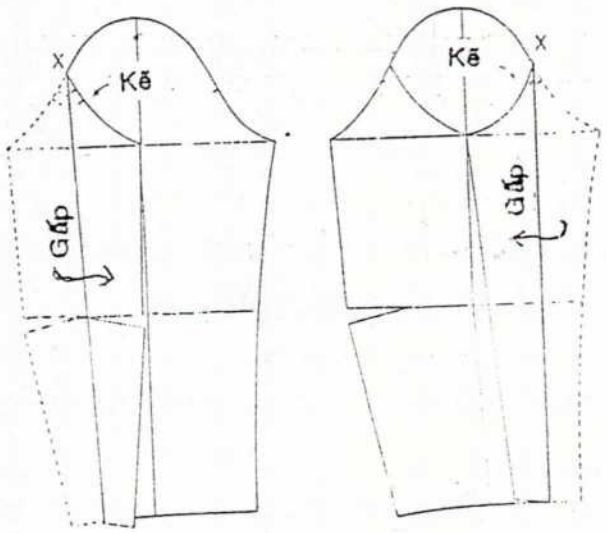
* Sử dụng tay áo để đánh cong đính, bằng cách đặt tay áo vào giữa các phần đã lấy dấu đính. Đánh cong đính.



TAY HAI MẢNH

Tay hai mảnh dựa trên tay áo vét cơ bản và được vẽ phần trên và phần dưới cùng với nhau. Khi bản vẽ đã hoàn chỉnh thì các phần của tay được tách rời ra.

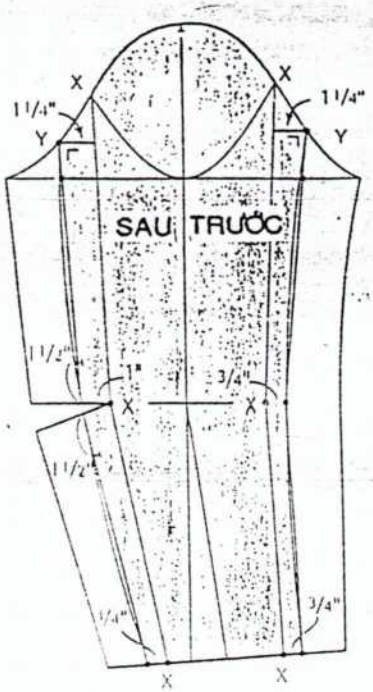
HÌNH 1 và 2
- Kẻ tay áo vét hoặc áo khoác, và cắt mẫu giấy.
- Ở phần tay sau, gấp đường ngang nách vào, góc tay dựng hướng sợi giữa.
- Kẻ vòng nách và định X.
- Mở ra, và lặp lại cho tay trước.



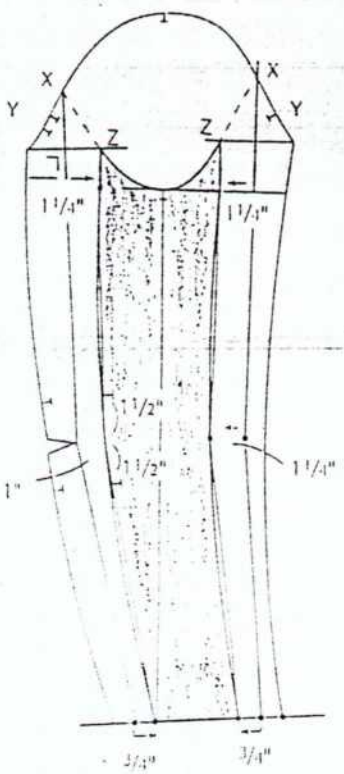
Tay sau Tay trước

HÌNH 3 Bản vẽ Tay trên (sử dụng bút màu xanh)
- Kẻ tay áo và phân chia phần khuỷu và cổ tay thành 4 phần bằng nhau. Lấy dấu X.
- Kẻ các đường trên mẫu, nối các điểm X này lại.
- Từ đường dẫn X, kẻ các đường thẳng góc ra đụng với đường đỉnh tay và cách 3 cm. Định Y.
- Lấy dấu cách X 2.5 cm tại khuỷu (tay sau), và cách X 2 cm (tay trước).
- Tại cổ tay, lấy dấu cách X 2 cm.
- Kẻ một đường đi qua các điểm lấy dấu này và đến Y.
- Từ chân pen, đo lên và xuống 4 cm, lấy dấu. (Để kiểm soát độ dãn tay sau).
- Kẻ lại, hơi đánh cong tay sau; và hơi lõm vào cho tay trước. Như vậy đã hoàn tất phần tay trên (vùng bóng mờ). Cắt bỏ phần bên ngoài.

Áo vét và áo khoác



TAY TRÊN



TAY DƯỚI

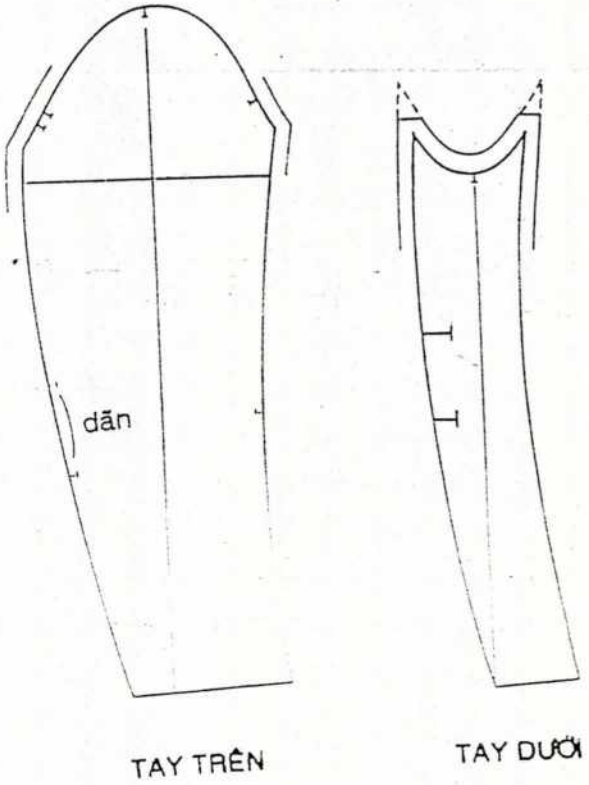
HÌNH 4 Bản vẽ Tay dưới

* Kéo dài đường dẫn tại đỉnh. Định Z. Tại khuỷu của tay sau, từ đường dẫn X lấy vào 2.5 cm và tại khuỷu của tay trước lấy vào 3 cm. Lấy dấu.
* Tại cổ tay, lấy vào 2 cm, lấy dấu. Kẻ một đường đi ngang qua các điểm lấy dấu này và đến Z.
* Từ khuỷu đo lên và xuống 4 cm, lấy dấu để kiểm soát độ dãn khuỷu của tay sau.
* Kẻ lại, hơi đánh cong ở phần sau và hơi lõm ở phần trước.
* Đặt lên giấy và kẻ phần tay dưới.

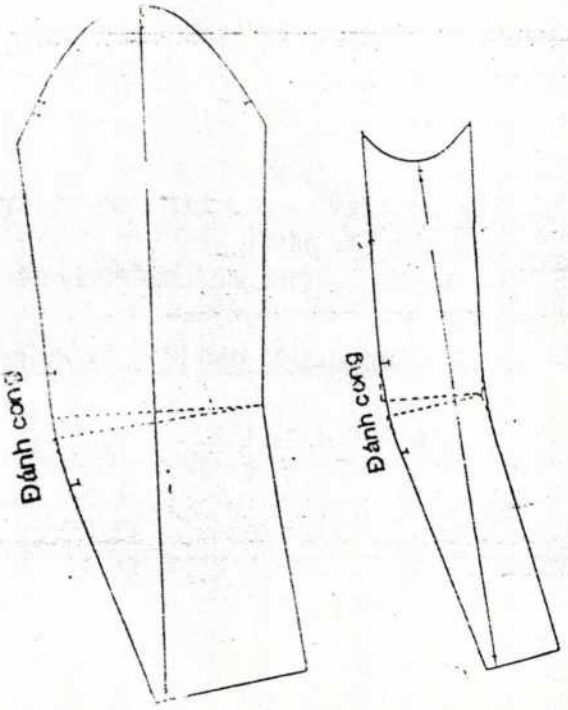
Áo vét và áo khoác

HÌNH 5 và 6
• Bản vẽ tay áo hoàn chỉnh.

HÌNH 7 và 8
• Nếu cần thiết phải tăng độ dãn khuỷu, hoặc tạo góc lớn hơn cho tay. Thì kẻ phần tay trên và phần tay dưới, cắt dọc theo đường ngang khuỷu đến gần mép, và trải ra. (Thí dụ: 6 mm đến 1 cm).
• Kẻ lại mẫu.



TAY TRÊN TAY DƯỚI



ÁO VÉT DẠNG GIỐNG ÁO VÉT NAM

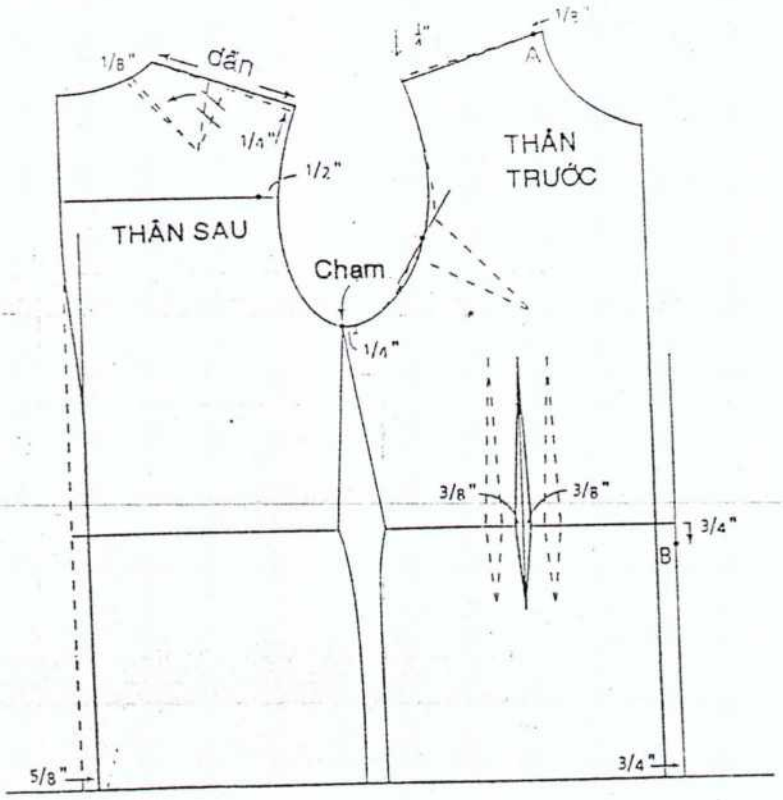
Có những sự khác biệt trong việc cắt một áo vét cơ bản và một áo vét có dạng giống áo vét nam: lượng dư thừa từ pen sườn được dịch chuyển lên vòng nách thân trước, làm vòng nách rộng ra. Bâu được thiết kế vuông góc với đường cổ.

BẢN VẼ ÁO VÉT DẠNG GIỐNG ÁO VÉT NAM

HÌNH 1

Thân trước

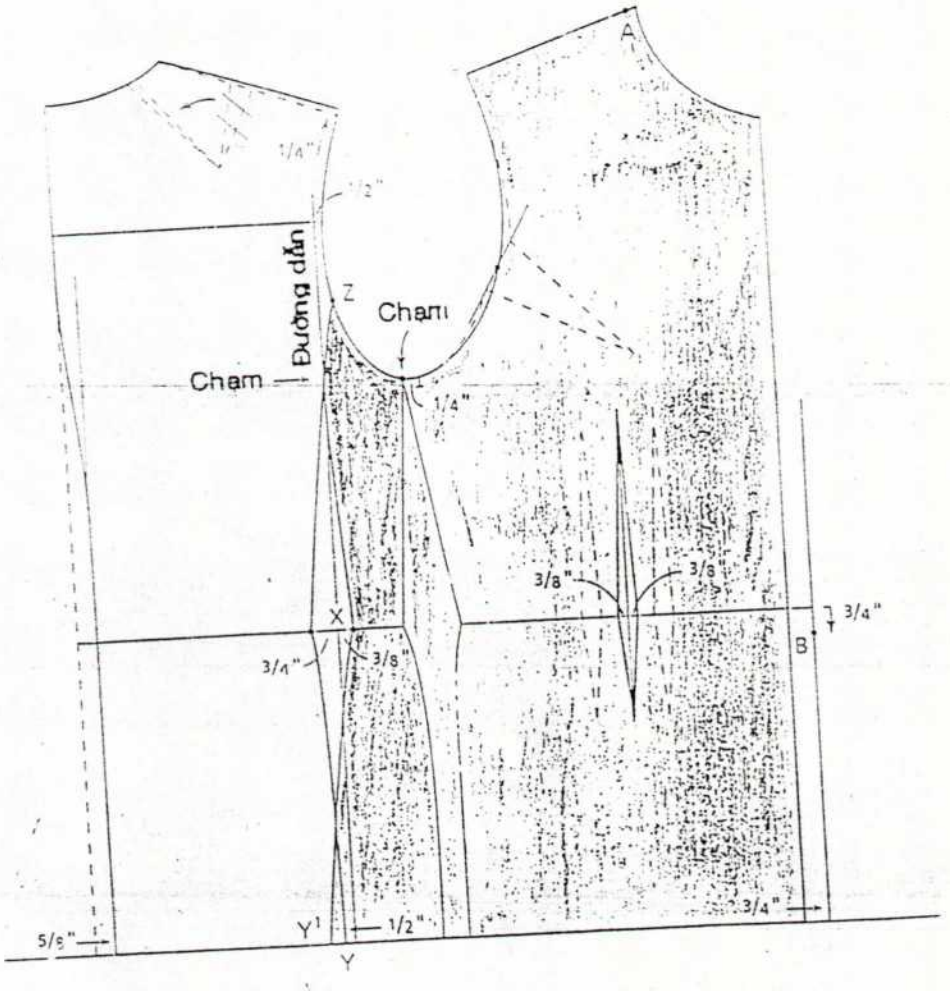
* Kẻ một đường dẫn thẳng góc với mép giấy. Đặt mẫu thân trước áo vét lên giấy với đường mông nằm trên đường dẫn.
* Kẻ mẫu, dịch chuyển phần dư thừa của pen lên giữa vòng nách. Lấy dấu điểm giữa ở khoảng mở của vòng nách. Kẻ lại vòng nách đi qua điểm giữa và đánh cong lên đầu vai.
* Tại đầu vai, lấy xuống 6 mm. Kẻ lại đường vai.
* Kẻ một đường song song và cách đường giữa thân trước 2 cm.
* Lấy dấu A, cách điểm vai/cổ 3 mm.
* Từ điểm giữa eo, xuống 2 cm. Lấy dấu B (điểm mở cổ).



* Kẻ một pen nằm giữa các pen eo. Lấy dấu về hai bên cách 1 cm. Kẻ các chân pen mới với chiều dài bằng với chân pen cũ.
* Tai vòng nách thân trước, lấy dấu cách đường sườn 6 mm.

Thân sau:
* Đặt mẫu áo vét thân sau lên giấy với đường mông nằm trên đường dẫn, với điểm vòng nách/ đường sườn chạm nhau. Nếu hai vòng nách chênh nhau, đánh cong lại. Điểm mông/sườn của mẫu thân sau và thân trước có thể chạm nhau, cách rời, hoặc phủ chồng lên nhau.
* Kẻ mẫu thân sau, dịch chuyển 3 mm lên đường cổ và đánh cong.
* Từ đầu vai, lấy lên 6 mm. Kẻ lại đường vai và đánh cong vòng nách.
Phần dư thừa còn lại của pen vai, được dẫn vào đường vai.
* Kẻ một đường nằm bên trong mẫu, song song với đường giữa thân sau và cách từ 1 cm đến 1.5 cm, lượn cong như hình.
* Đến đây xem như hoàn tất căn bản áo vét cho kiểu choàng qua (wrap around) và kiểu mảng (panel).

CÁC ĐƯỜNG TẠO KIỂU CỦA ÁO VÉT



ĐƯỜNG TẠO KIỂU CHOÀNG QUA

(Xem mẫu gốc ở hình 1, trang trước)

HÌNH 2

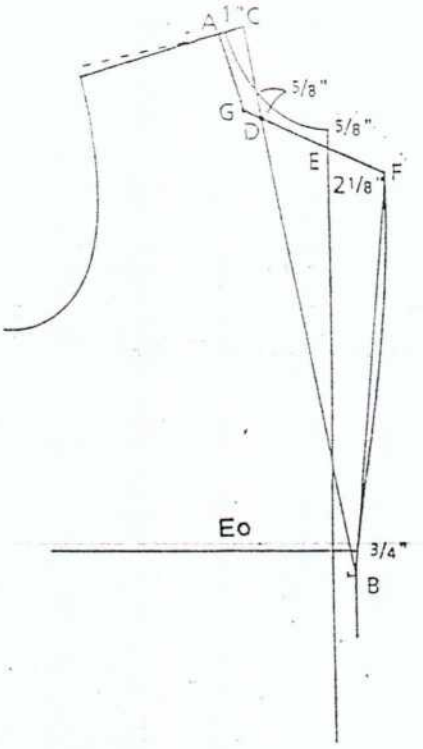
* Từ đường mông thân sau, kẻ một đường dẫn thẳng góc lên, cách vòng nách thân sau về bên trong 1 cm. Định X (tại đường eo) và Y (tại lai).
* Từ X, đo ra 2 cm và đánh cong lõm, gặp đường dẫn tại một điểm nằm ngang với độ sâu vòng nách hoặc thấp hơn, tiếp tục đánh cong lên gặp vòng nách tại Z.
* Tiếp tục đánh cong lối đường kiểu từ eo đến mông cách Y 1 cm.
* Từ X, đo ra 1 cm và đánh cong lõm từ eo đi lên, lượn cong với đường kiểu tại đường dẫn.
* Tiếp tục đánh cong đường kiểu từ eo đến lai tại Y^1, cách Y 2 cm.
* Các đường kiểu từ eo đến mông phải bằng nhau. Nếu chúng không bằng nhau thì phải dịch Y^1 ra để tăng thêm độ dài. Đánh cong lại đường kiểu từ eo đến điểm mới. Vùng bóng mờ cho thấy phần choàng qua của áo vét. Chiều dài áo tùy ý.
* Tiếp tục theo sự hướng dẫn để tạo bâu và ve.

Bâu và ve: Cho kiểu choàng qua và kiểu măng

HÌNH 3

A - C = 2.5 cm

* Nối CB (đường gấp ve áo).
* Trên đường gấp này, từ cổ đo xuống 1.5 cm. Định D.
* Từ giữa cổ thân trước, đo xuống 1.5 cm. Định E.
* Kẻ một đường từ E qua D, kéo dài từ E ra 5 cm. Định F.
* Từ A, kẻ thẳng góc với đường vai đến gặp ED tại G.
* Nối FB, đánh cong.



Hoàn tất bâu: Cho kiểu choàng qua và kiểu mảng

HÌNH 4

A - H = số đo mẫu cổ thân sau + 3 mm. (Kéo dài AG ra).

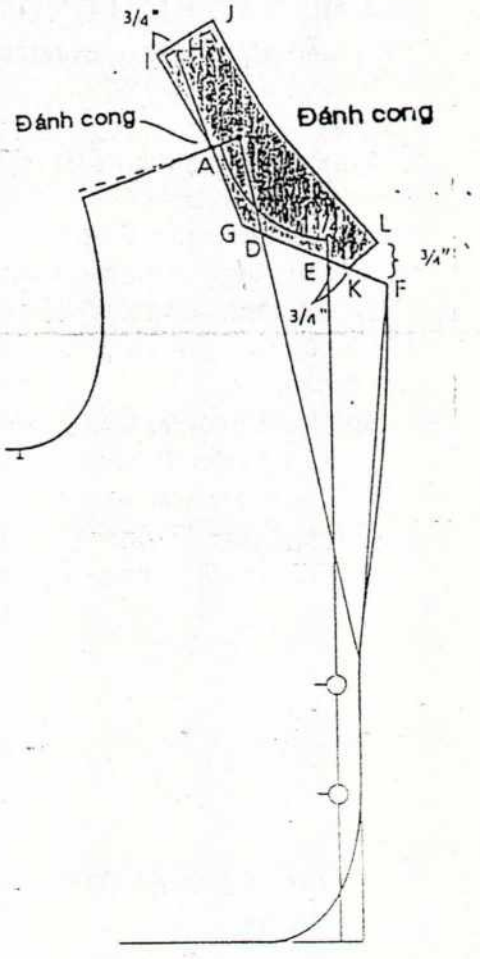
H - I = 2 cm, kẻ AI = AH.

- Từ I, kẻ thẳng góc với AI một đoạn IJ = 6 cm.
- Từ J, kẻ thẳng góc xuống một đoạn ngắn

E - K = 2 cm

K - L = 3 cm, điểm L cách đầu F 2 cm.

- Độ rộng bâu, và khoảng cách đến F có thể thay đổi. Kẻ bâu và đánh cong.



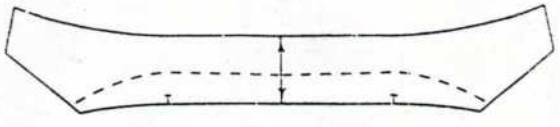
Bâu áo

HÌNH 5

- Đặt giấy bên dưới bản vẽ, kẻ bâu.

Theo chỉ dẫn để tạo bâu dưới.

Hoàn tất như hình vẽ.

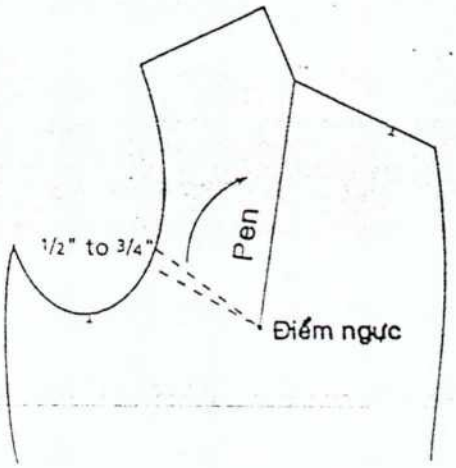


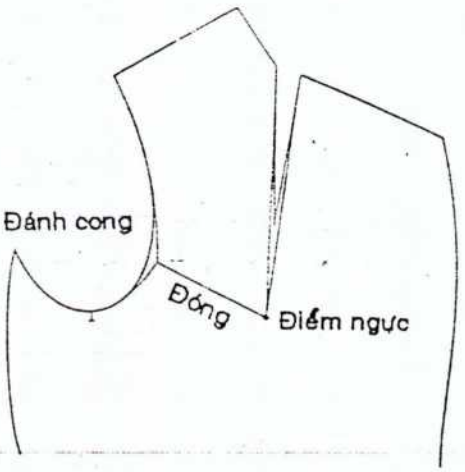
BÂU TRÊN

Áo vét và áo khoác

Dịch chuyển lượng dư thừa lên đường cổ

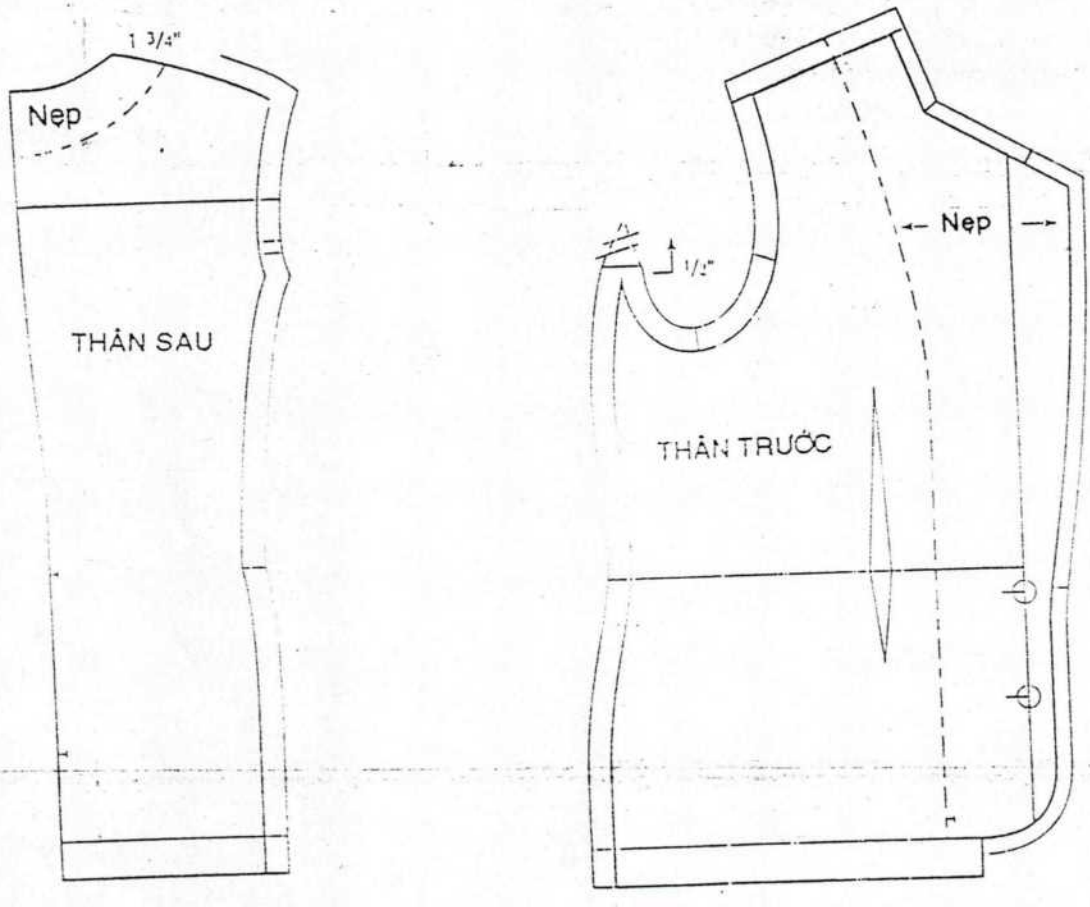
HÌNH 6a và 6b
Để tạo một pen ở đường cổ của áo vét, và để giảm số đo vòng nách, kẻ một pen từ vòng nách đến điểm ngực.
Kẻ một đường cắt từ điểm ngực đến đường cổ. Cắt đến điểm ngực, đóng pen nách. Định dấu pen (hình 6b). Chỉnh lại tay áo bằng cách dịch dấu đinh 6 mm đến 9 mm để phân dấu độ dãn đinh.





HÌNH 7 và 8

Các mẫu có đường may và cho thấy việc cắt bớt đầu nhọn (đến 1 cm).
Xem phần hướng dẫn cho tay hai mảnh.



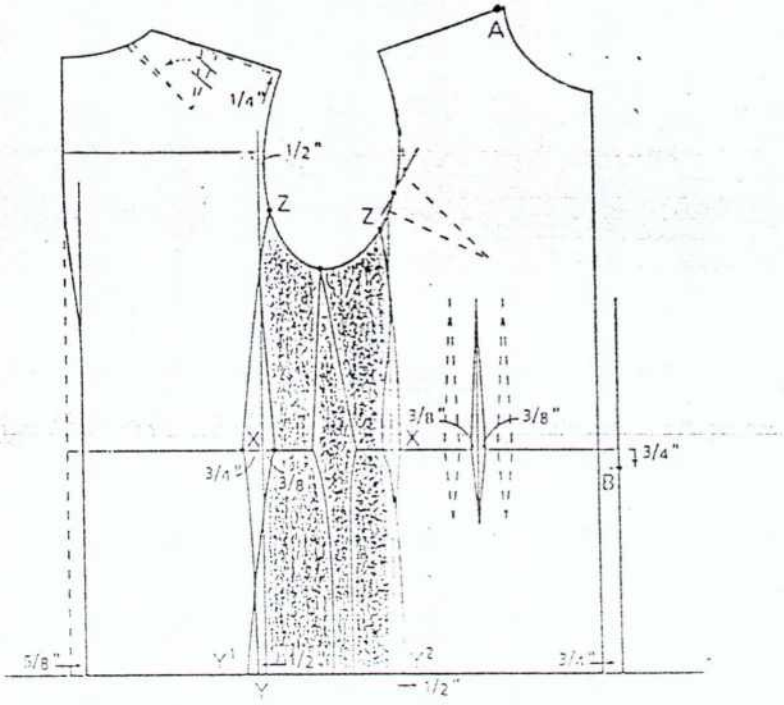
ĐƯỜNG KIỂU TẠO MẢNG

(Xem hình 1, phần áo vét giống nam - mẫu áo vét tạo mảng)

HÌNH 2

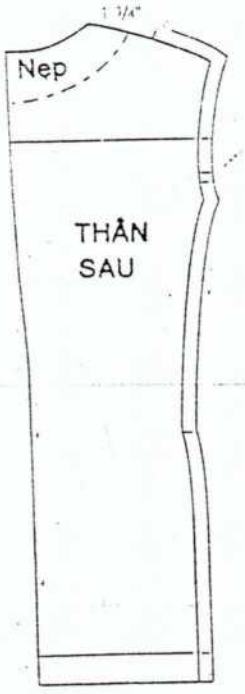
* Từ đường mông thân trước, kẻ một đường thẳng góc lên đến vòng nách. Đánh cong từ đường dẫn đến vòng nách. Định Z.
* Định ngang eo X, và đo ra 1 cm và 8 mm từ đường dẫn tại eo. Đánh cong lối từ eo lên vòng nách.
* Từ đường dẫn tại mông, đo ra 1 cm. Định Y^2. Đánh cong lối từ mông đi theo mảng sườn.

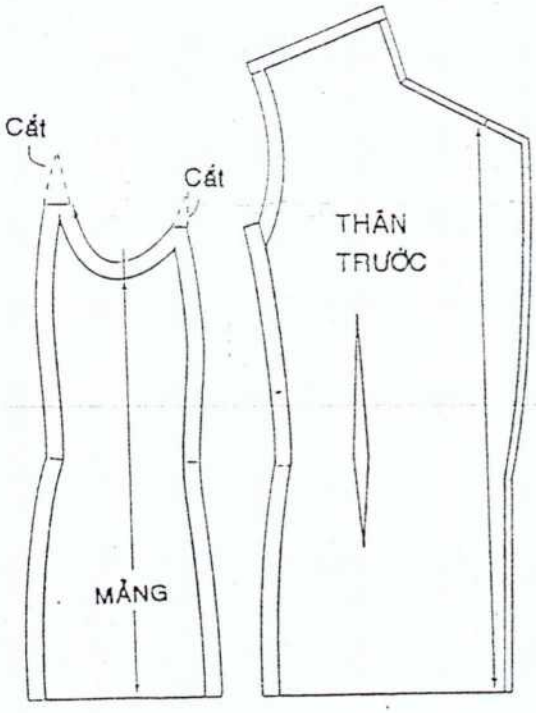
Vùng bóng mờ là mảng được thiết kế.



HÌNH 3, 4, và 5

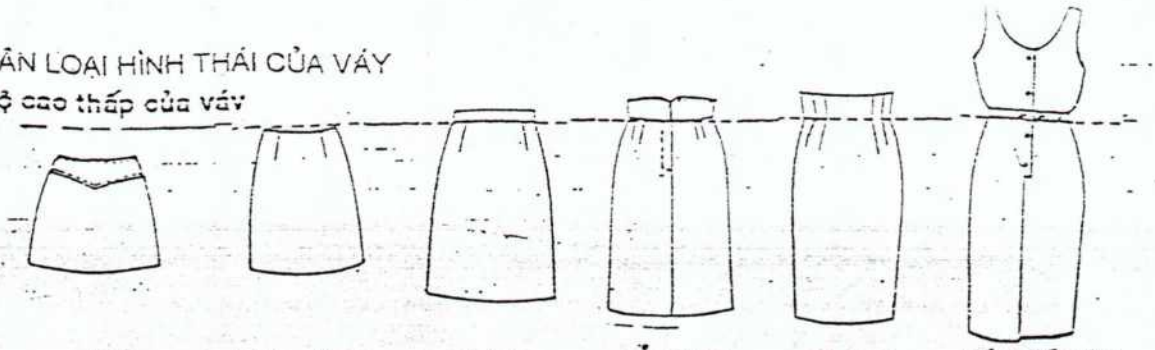
* Ướm tay áo hai mảnh vào vòng nách. Nếu cần dãn nhiều, thì tăng thêm ở đường may trên và đường may dưới, đánh cong ở khuỷu tay của đường may dưới.





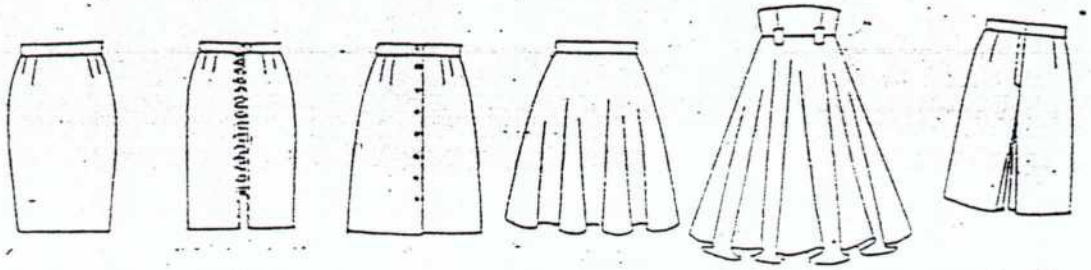
PHÂN LOẠI HÌNH THÁI CỦA VÁY

- Độ cao thấp của váy



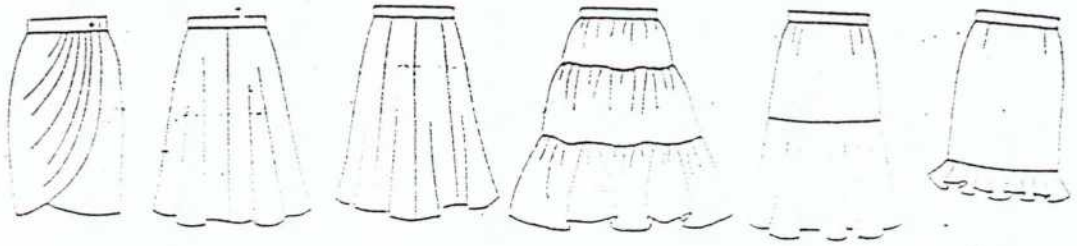
eo thấp | không lưng | có lưng | cao lưng | eo cao | đầm liền áo

- Độ rộng bó của hình ngoài

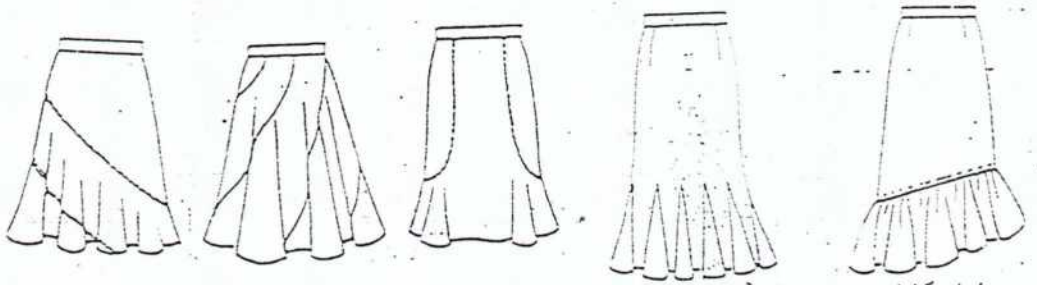


bó | thẳng | chữ A | xéo | tròn | quấn đầm

- Váy có đường cắt đối

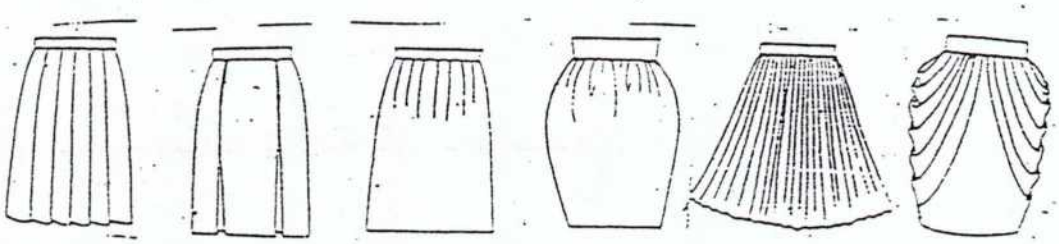


1 mảnh | 4 mảnh | nhiều mảnh | cắt ngang nhiều lớp | cắt ngang | cắt ngang biến hóa



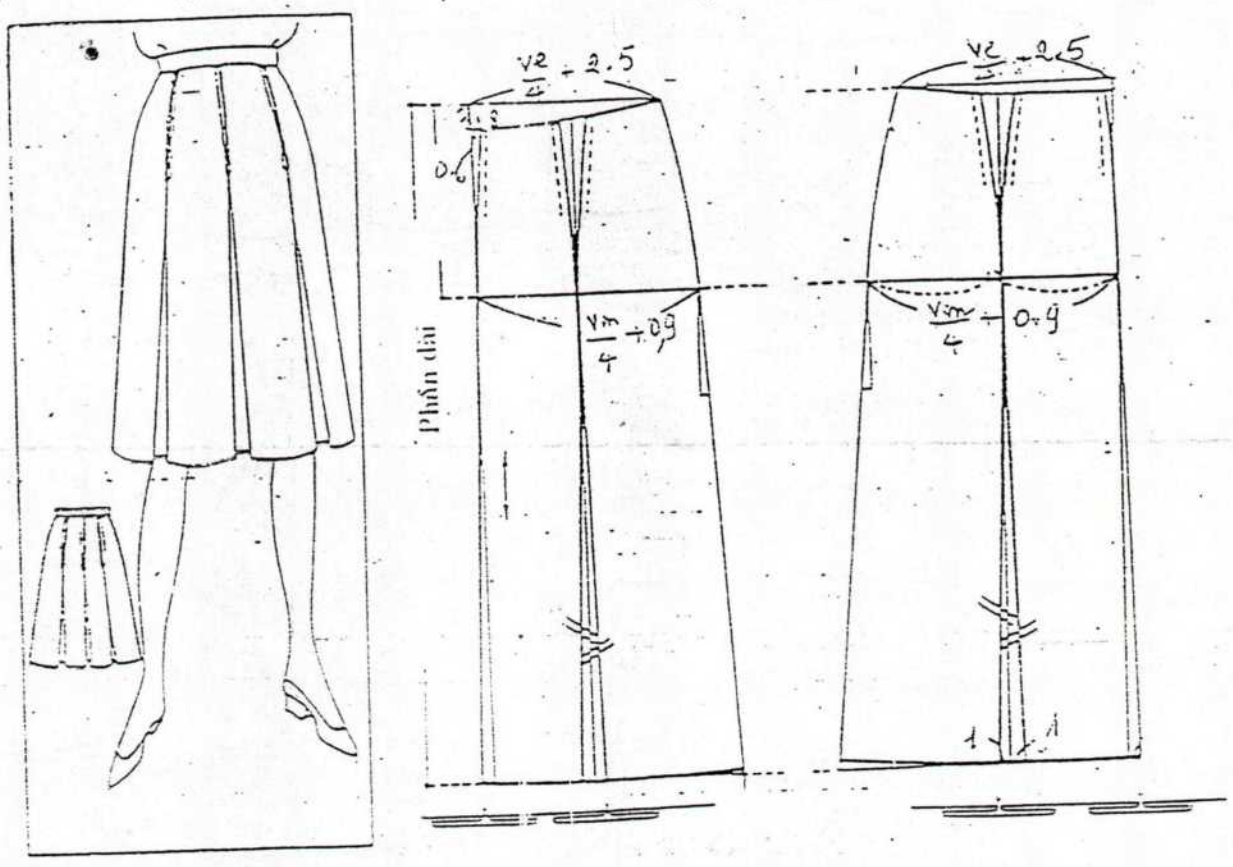
cắt xéo | tròn ốc | đuôi cá | ghép mảnh | biến hóa không cân đối

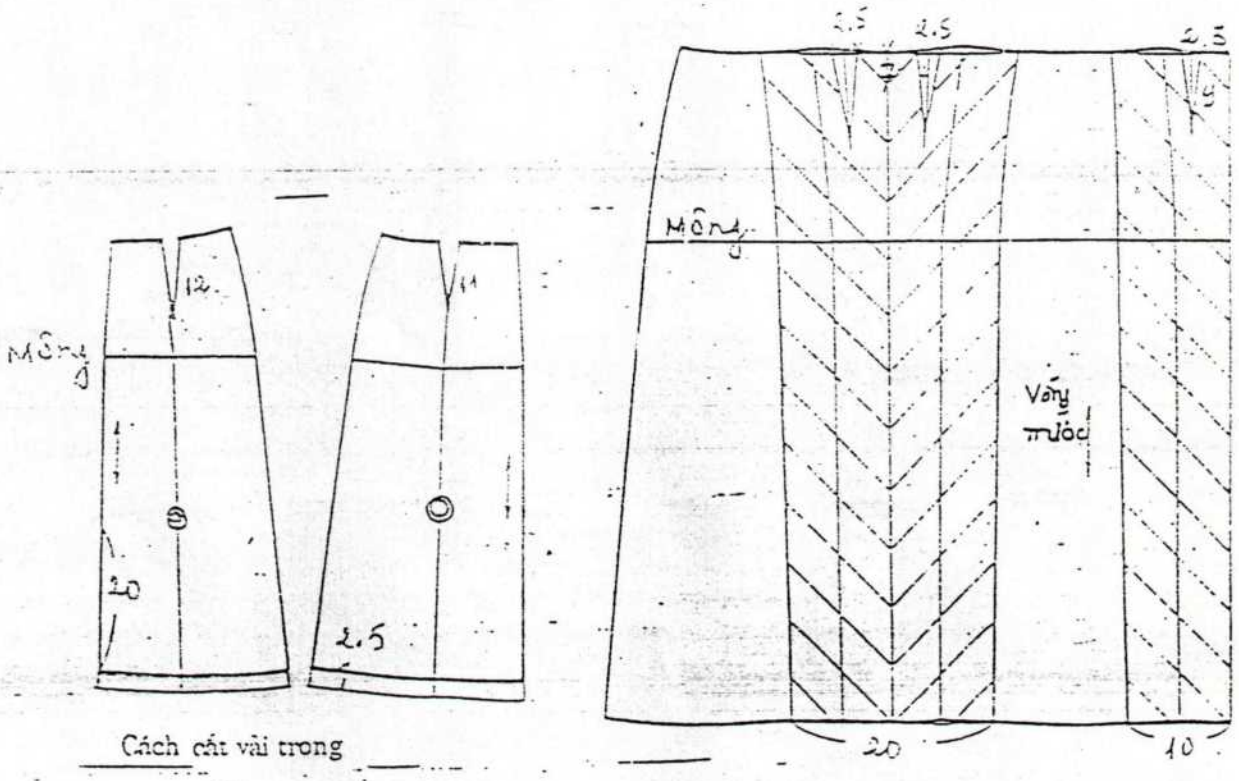
- Phân loại phấn pince



pince thường | pince đối mặt | pince sống | dún pince | pince hình cái ô | La mã

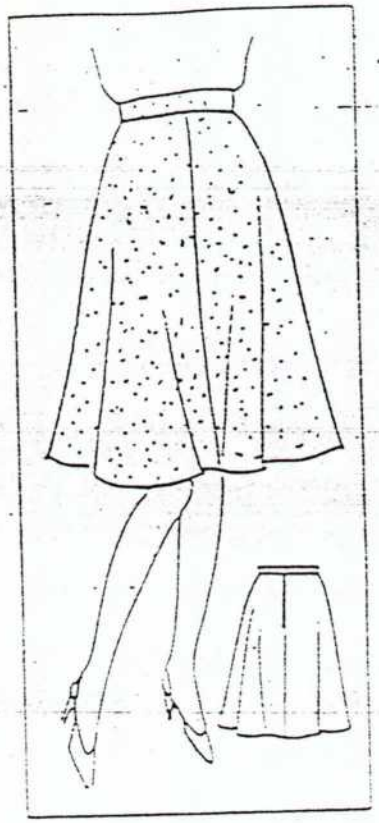
- váy xếp pince đối mặt

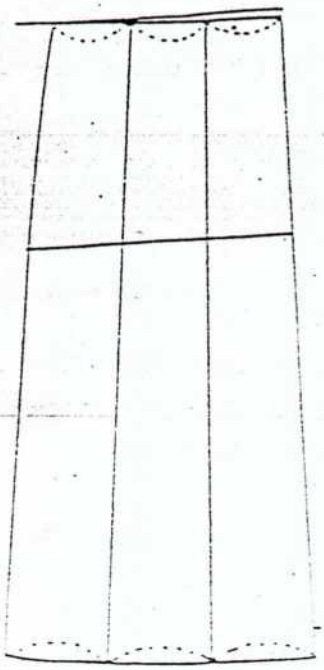




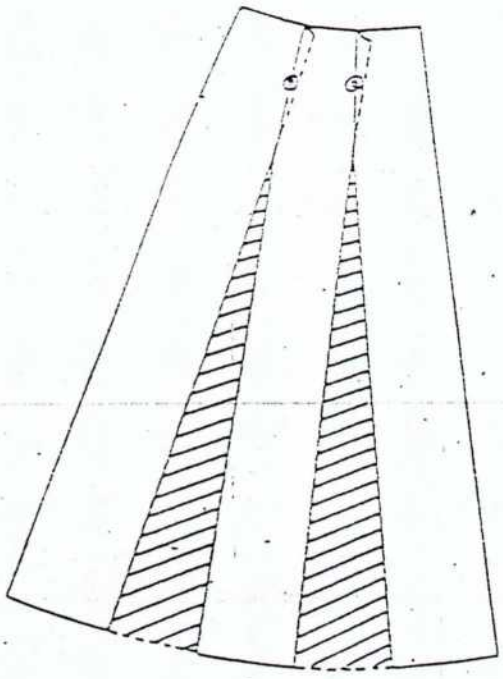
Cách cắt vải trong

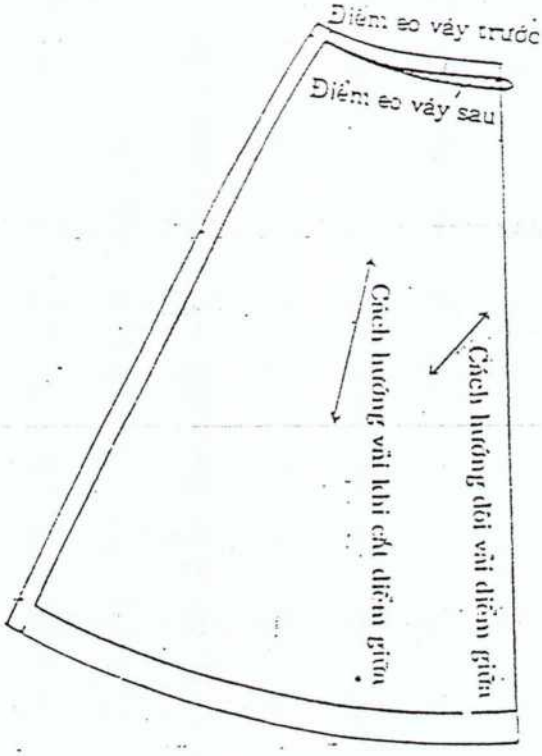
- váy xéo dựa trên cơ sở váy A



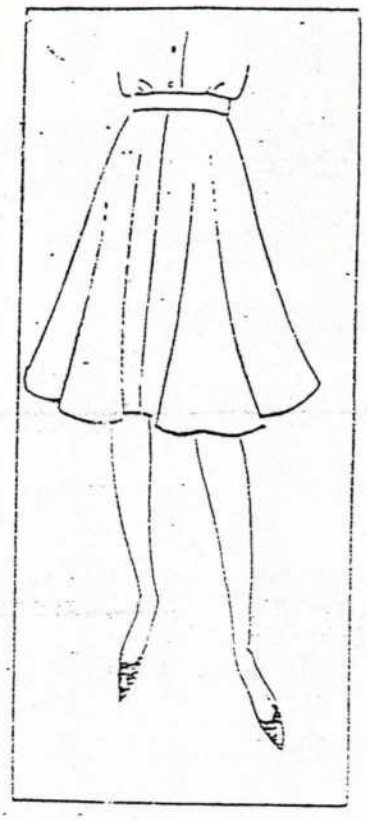


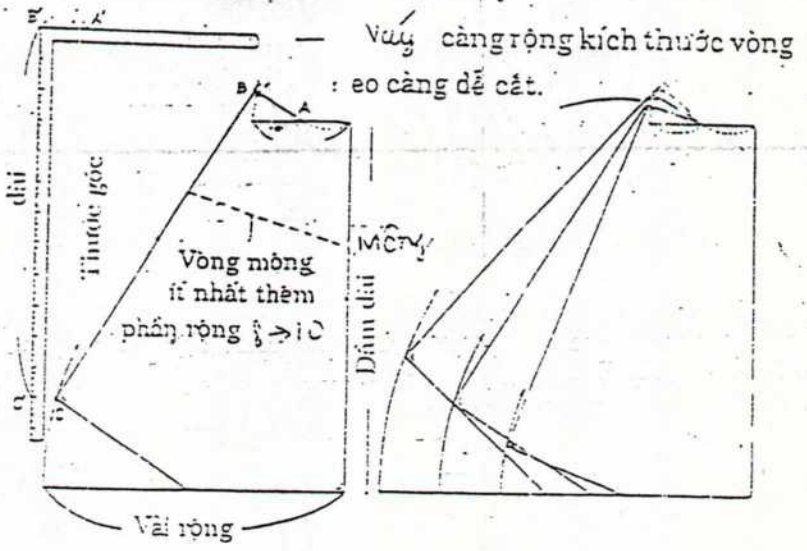


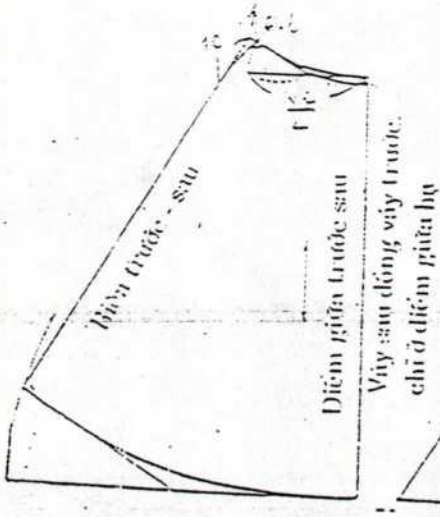


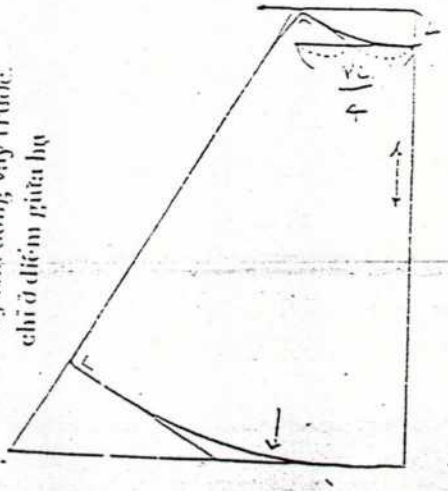


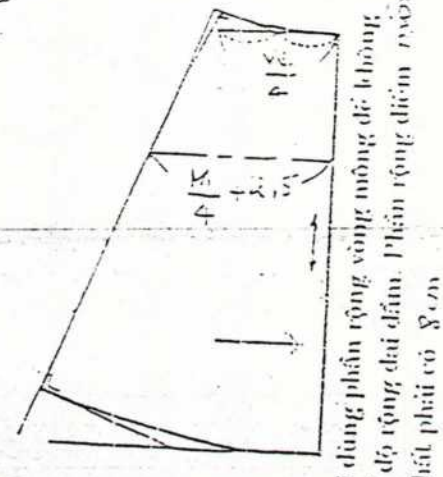
- váy xéo cách cắt kiểu thẳng góc xoay liên tục

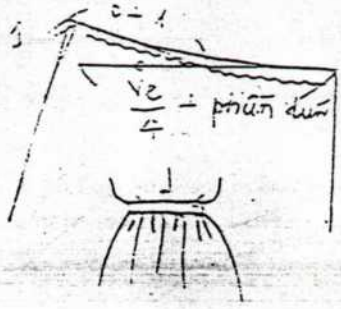




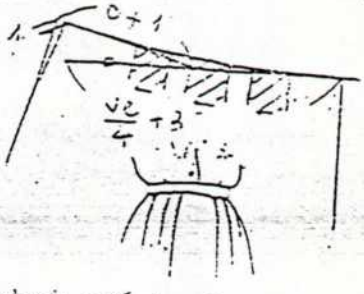








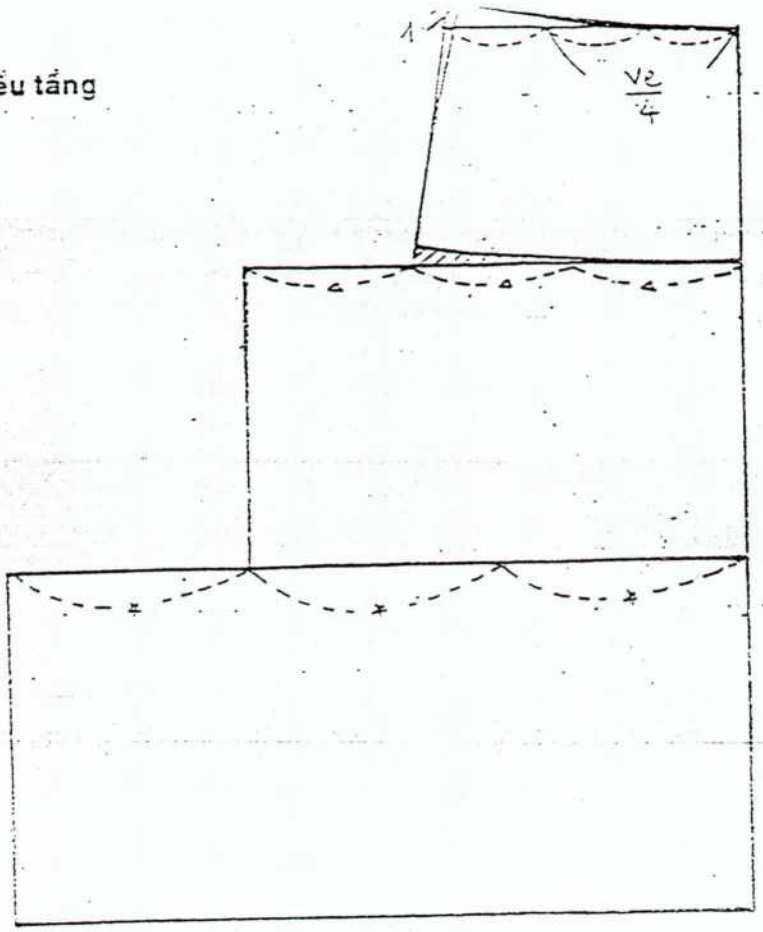
Cách cắt xéo dúm pince



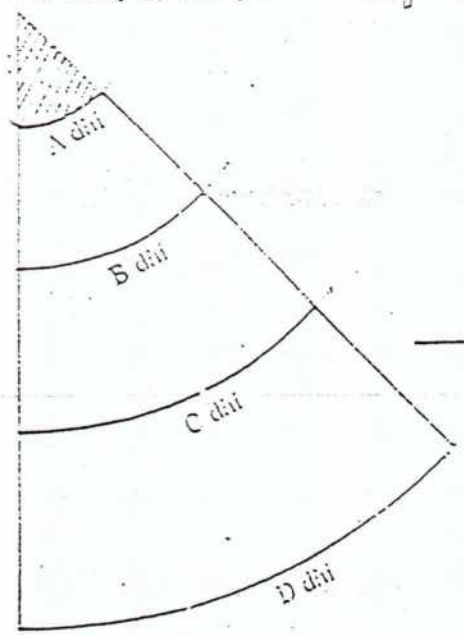
Cách cắt váy xéo xếp pince

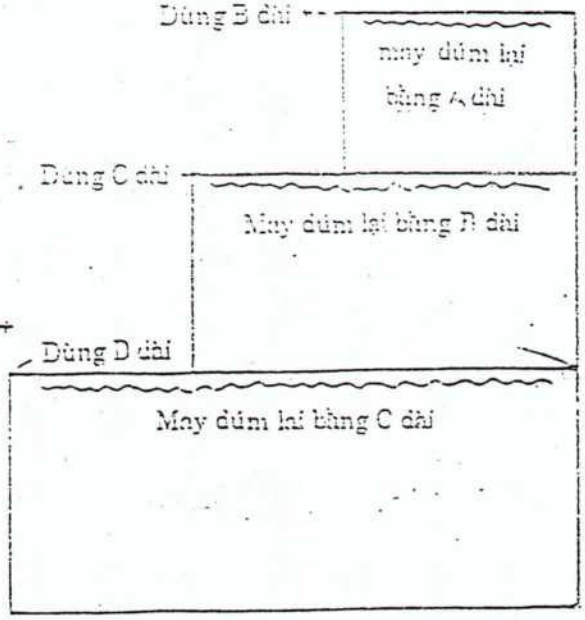
Váy nhiều tầng





• Lợi dụng lớp thang ché mẫu vải tầng

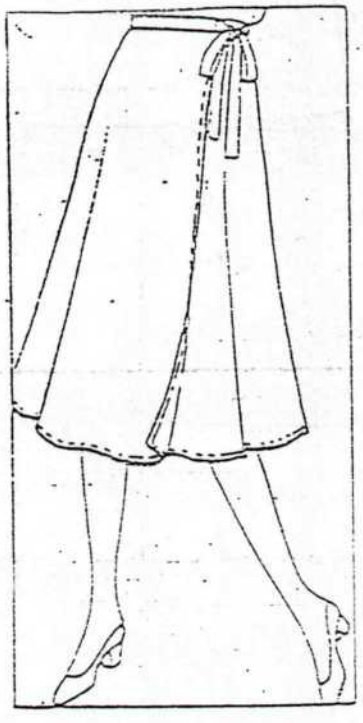


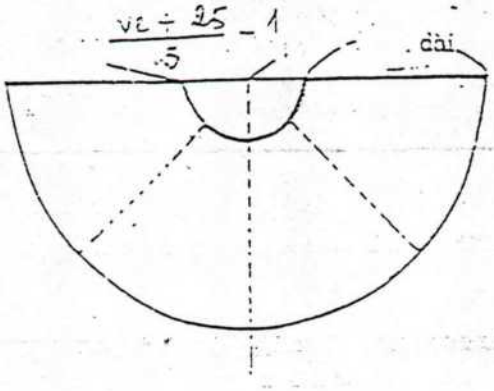


— Phương pháp : yêu cầu dún bằng 2 đường chỉ thưa.

— Lợi dụng phương pháp vải mỏ Chuyển hóa cắt chế đám tầng.

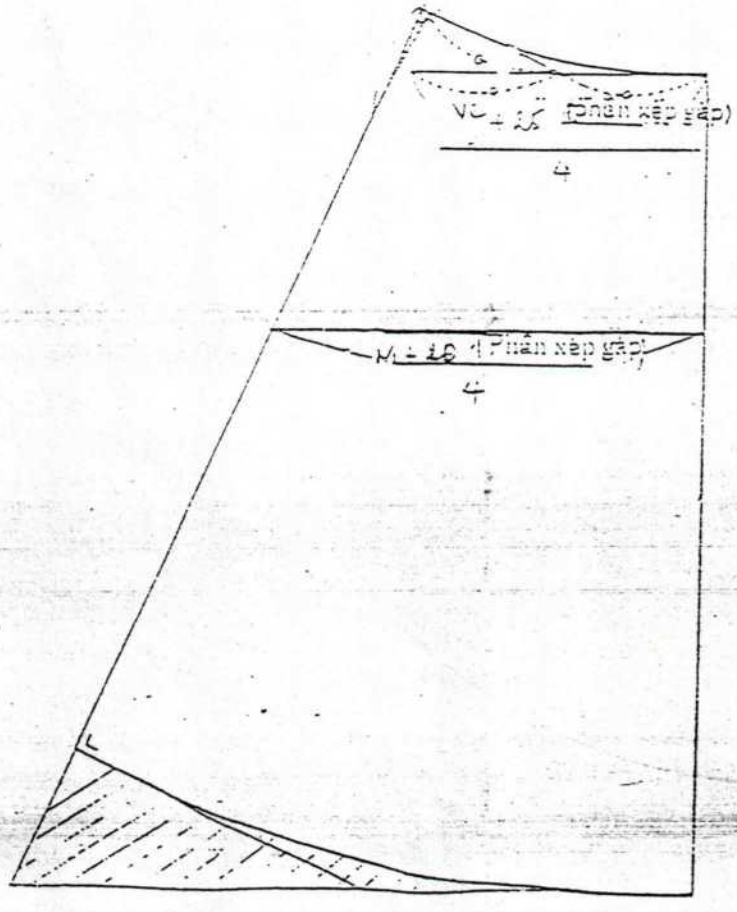
- Váy 1 mành







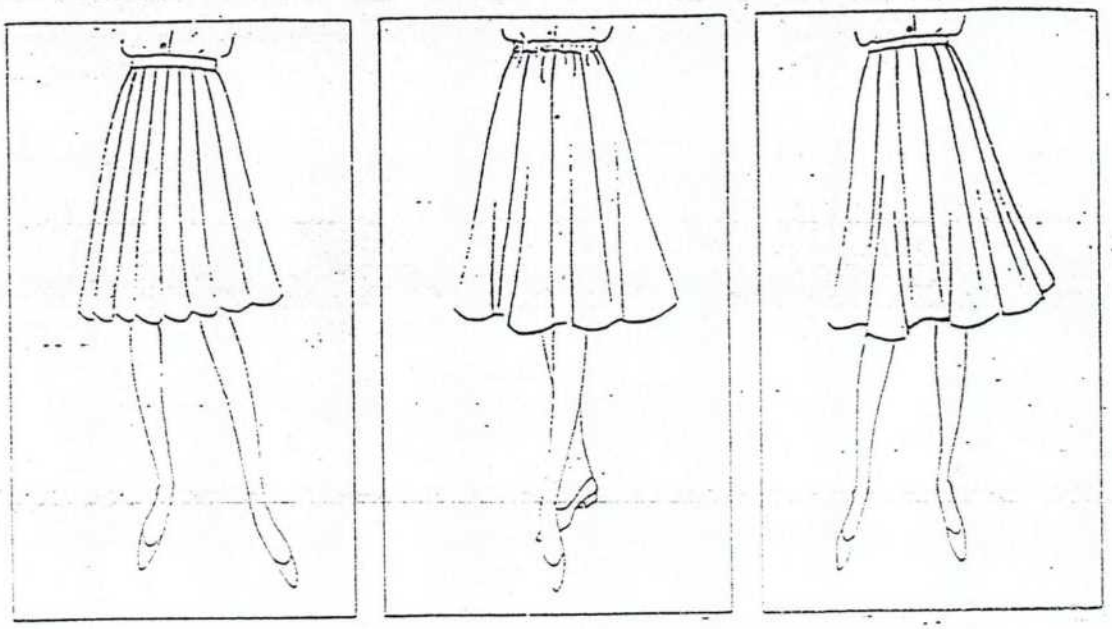
2/ Cách xoay thẳng góc chế tác 1 mành





áy nhiều mảnh

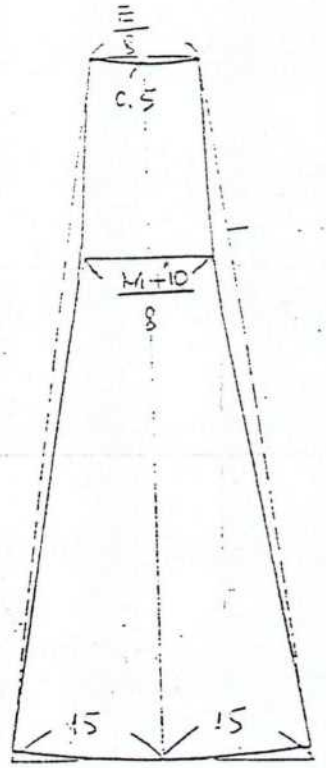
1. Vòng eo ÷ số mảnh = vòng eo mỗi mảnh
2. Vòng mông ÷ phần rộng = số mảnh phần mông



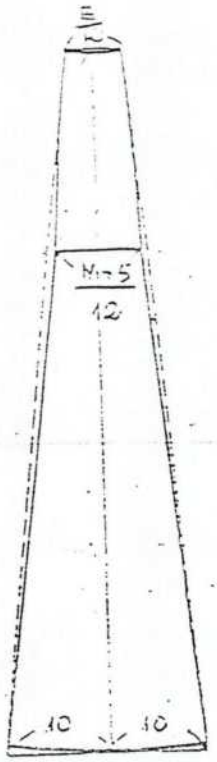
xếp pince 16 mảnh



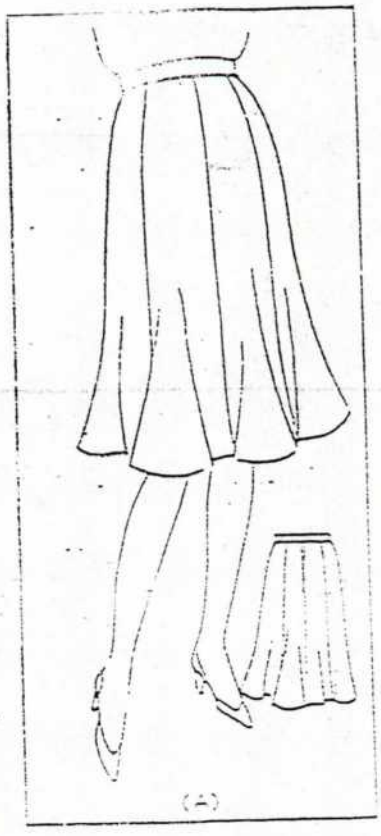
8 mảnh lưng thun

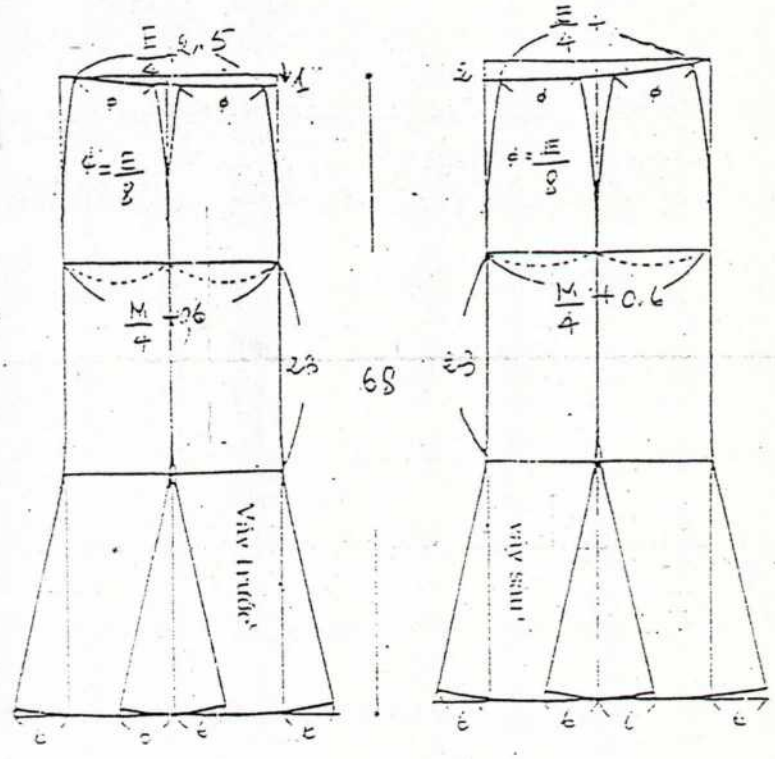


12 mảnh

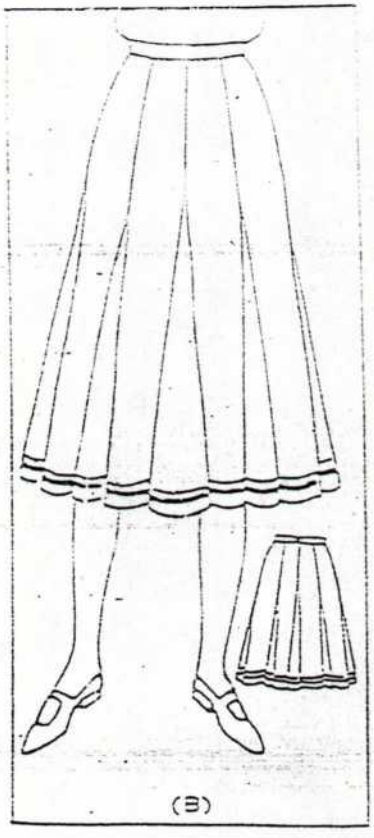


- Váy 8 mảnh

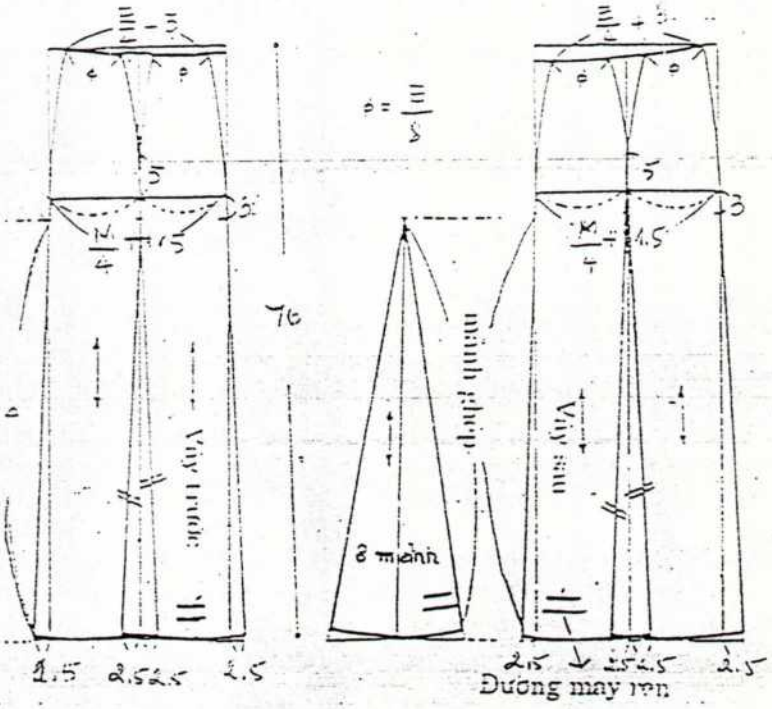




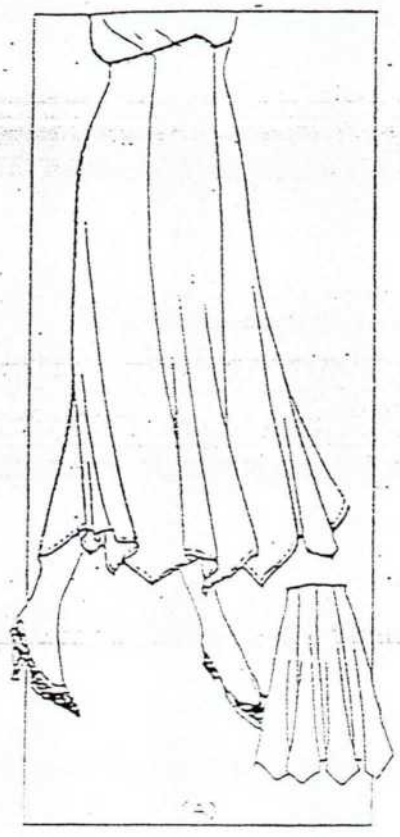
- Váy 8 mảnh có ghép

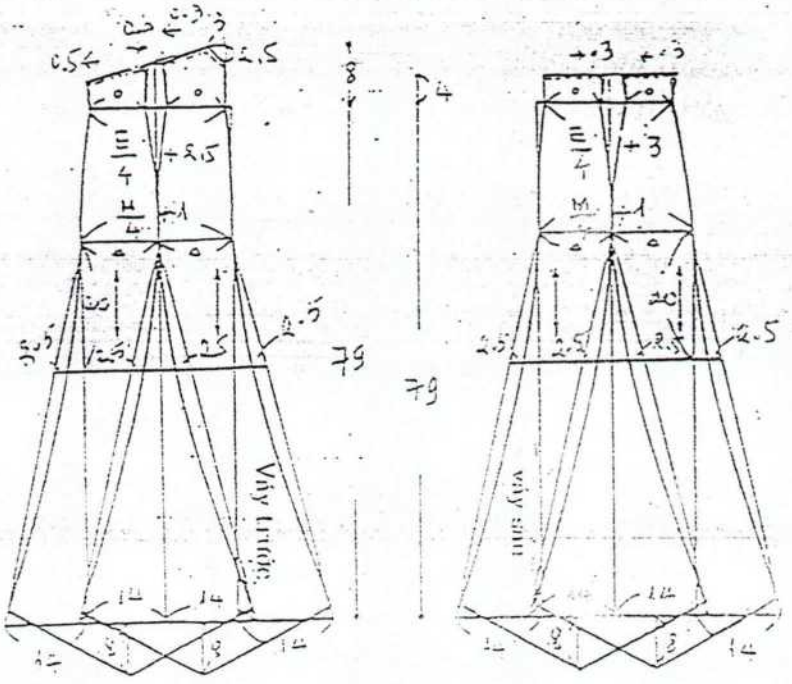


8 mảnh có ghép

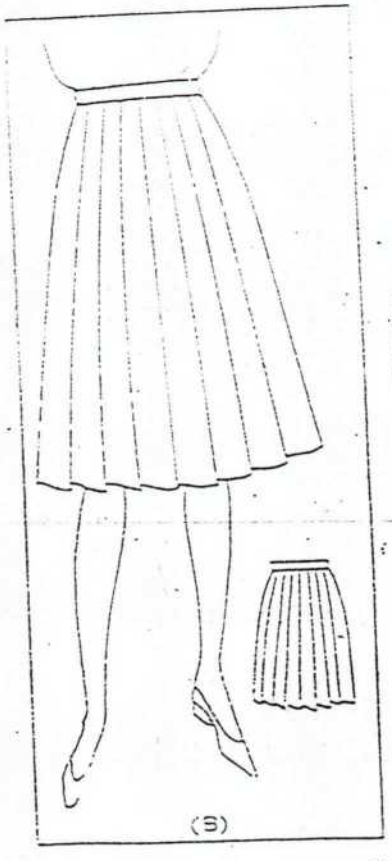


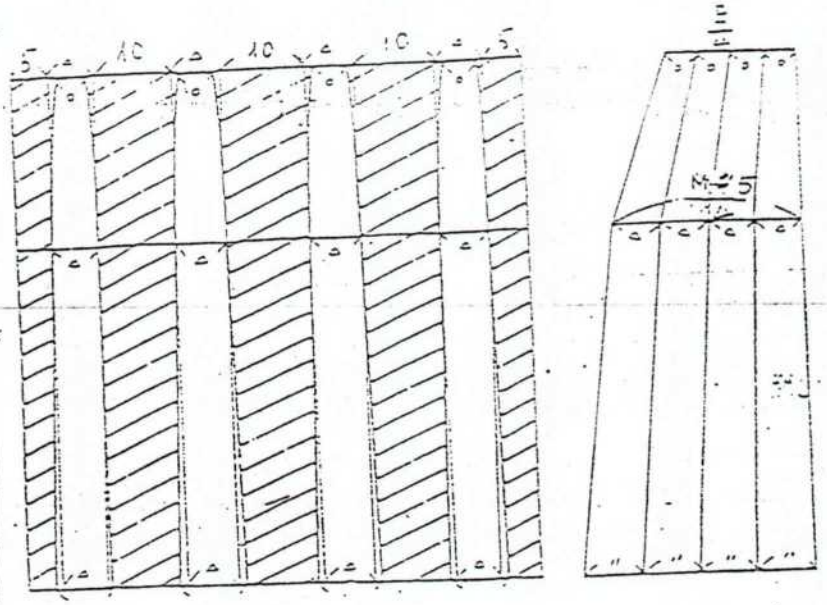
Váy 8 mảnh lưng cao không qui tắc



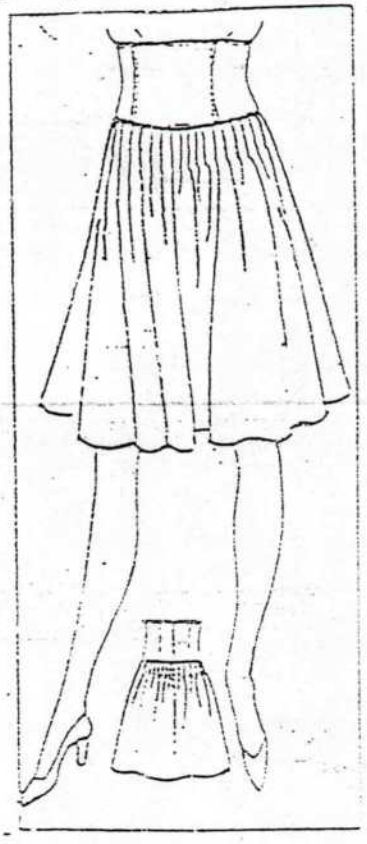


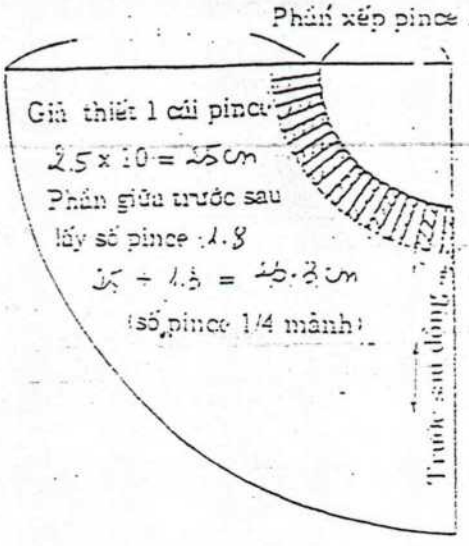
Váy học sinh 16 pince

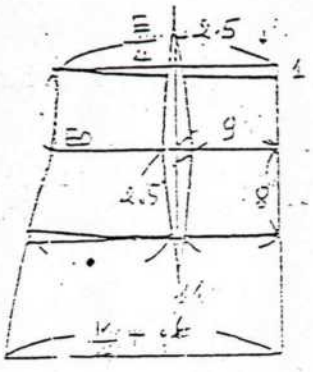




Váy lưng cao xếp ly dợn sóng

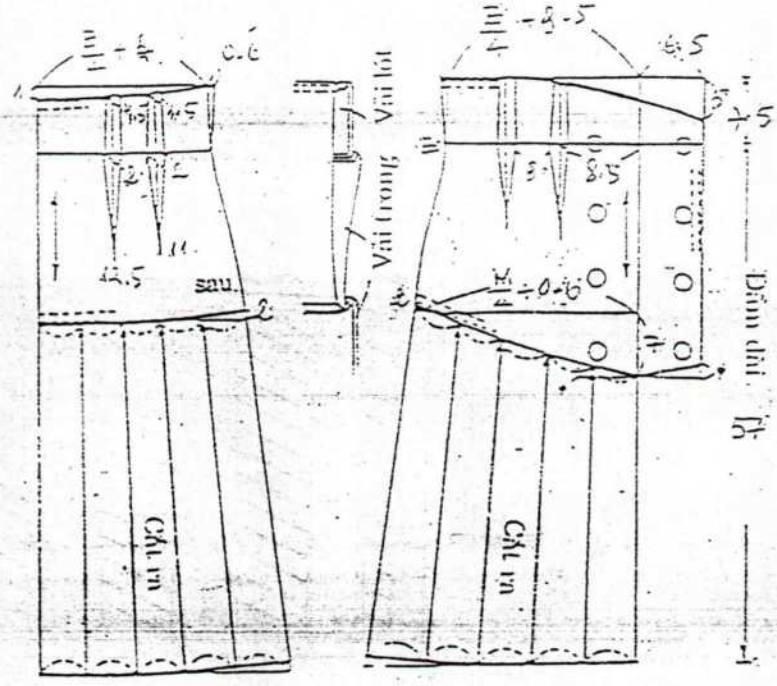




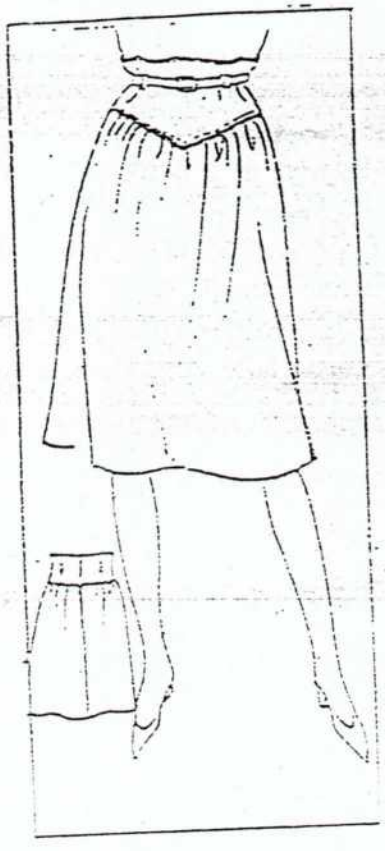


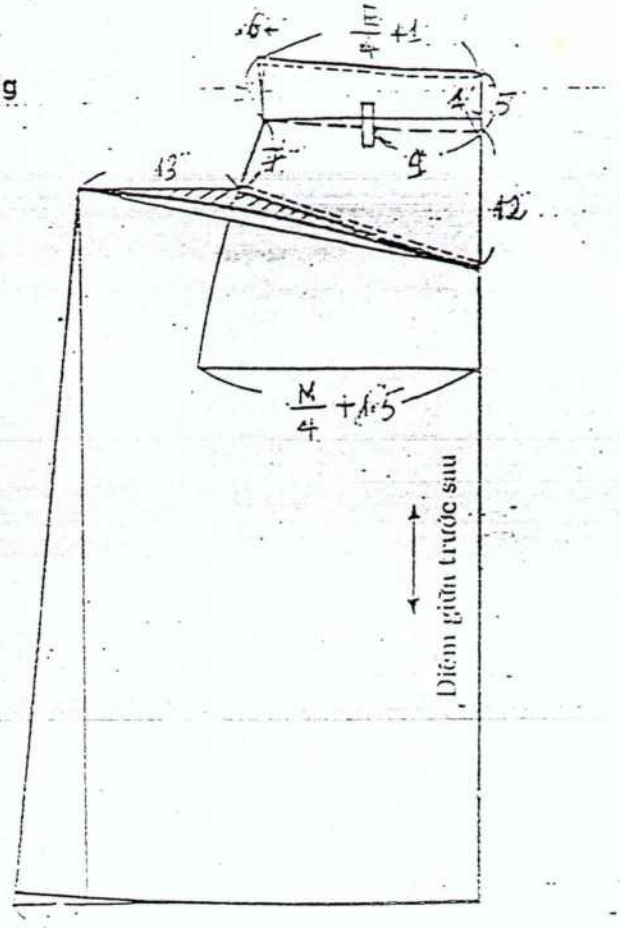
gợn sóng đôi lưng cao



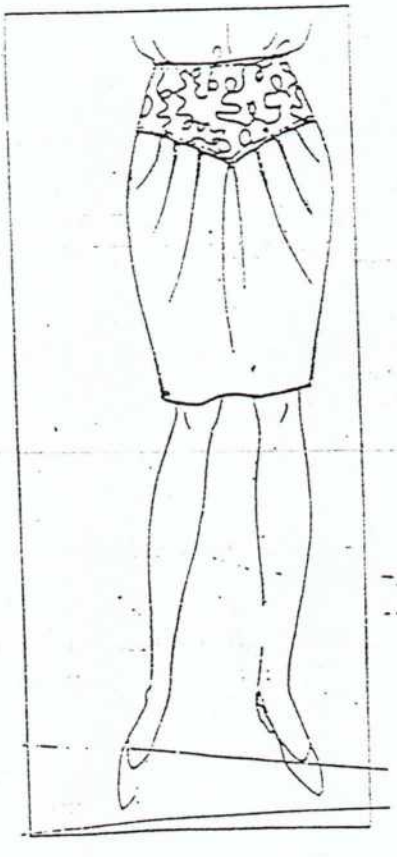


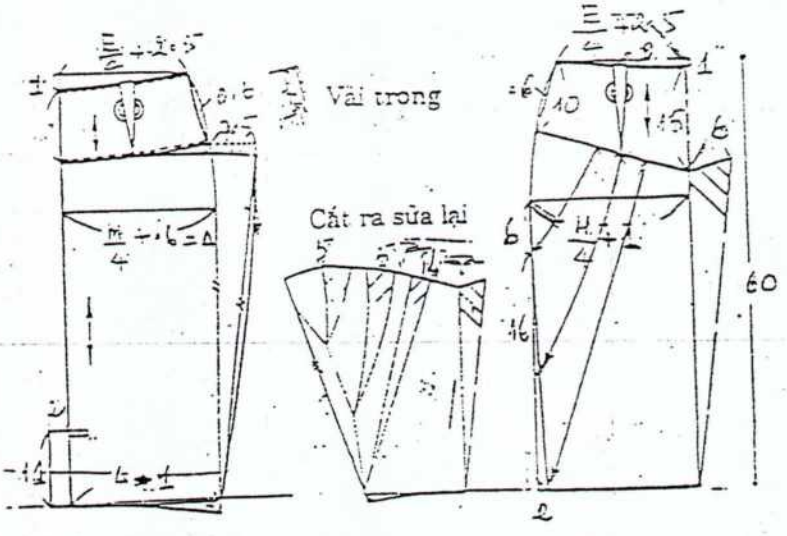
- Váy lưng rộng có dây nịt





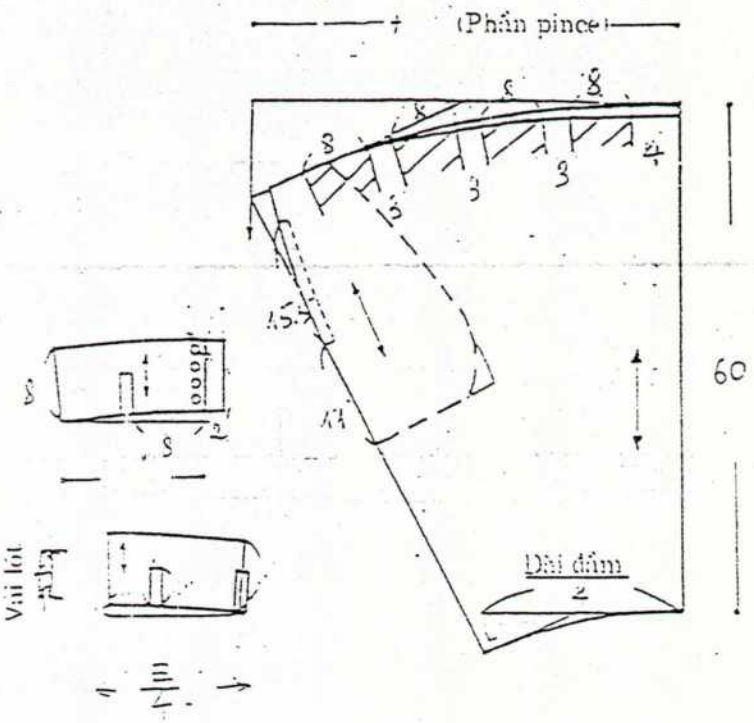
- Váy eo thấp cắt đối pince



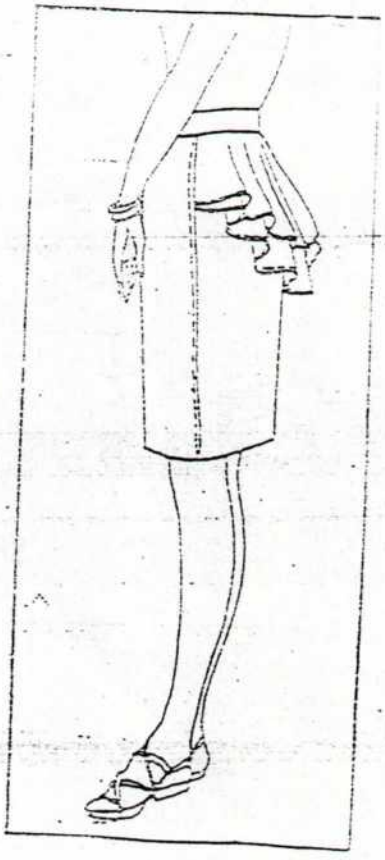


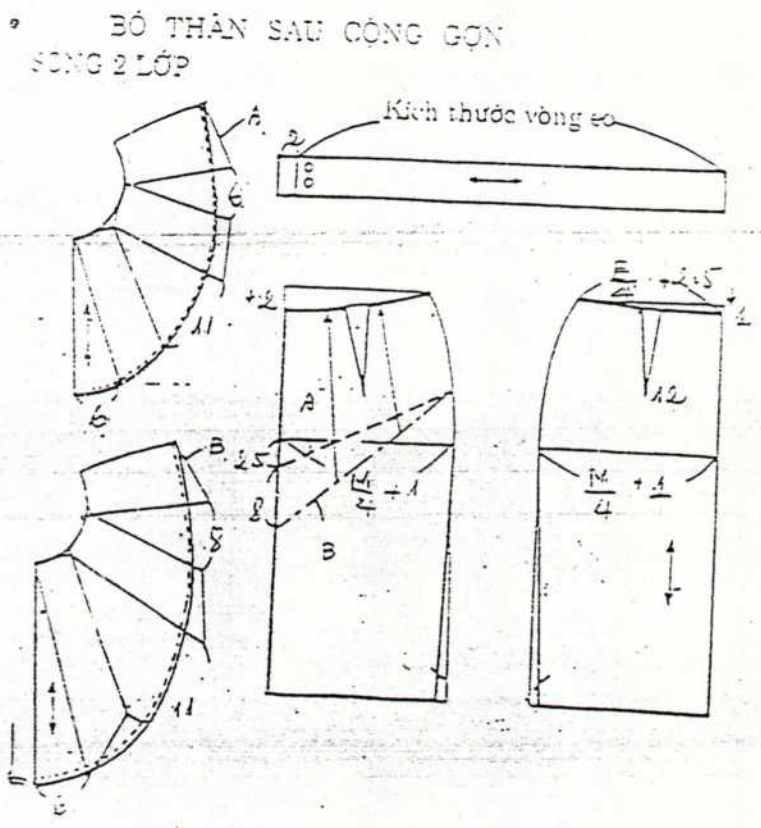
- Váy bó xếp pince sống



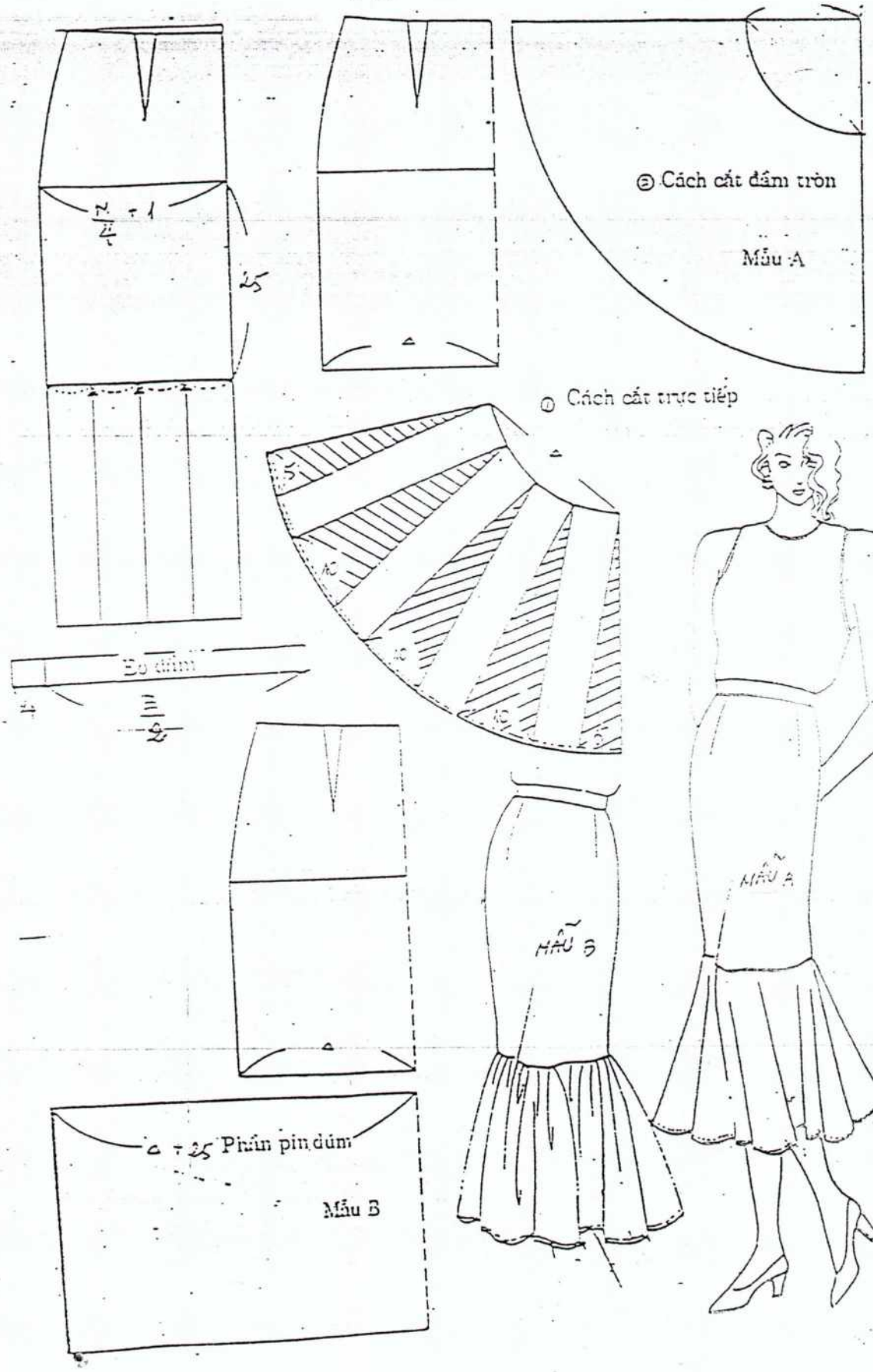


- Váy bó thân sau cộng gợn sóng 2 lớp





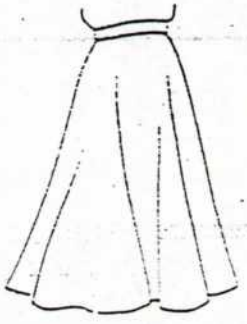
ly đuôi cá

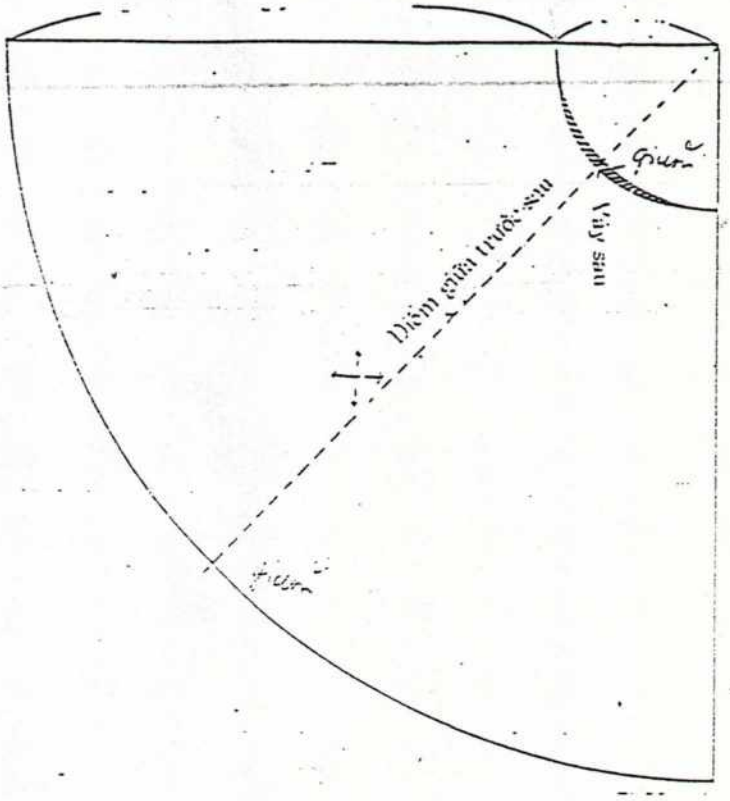

② Cách cắt đầm tròn
Mẫu A
① Cách cắt trực tiếp
Eo đầm
MẪU B
MẪU A
+ 2,5 Phần pin dúm
Mẫu B

Váy xéo

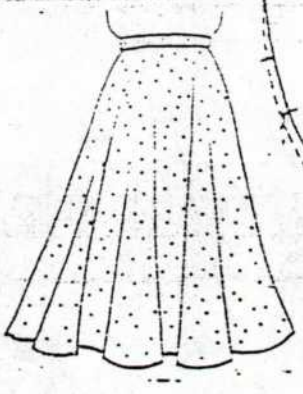
Váy tròn khi thiết kế mẫu không cần kích thước vòng mông

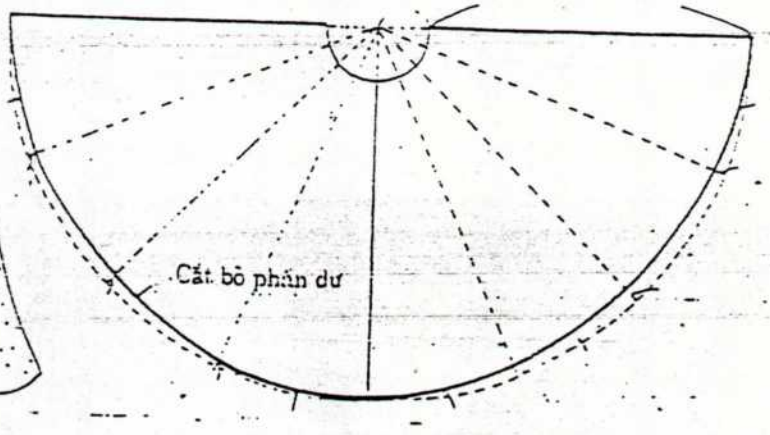
Váy xéo, váy tròn khi may xong thường bị dài ngay đường xéo do đó ta phải giảm từ 2 cm -> 3 cm

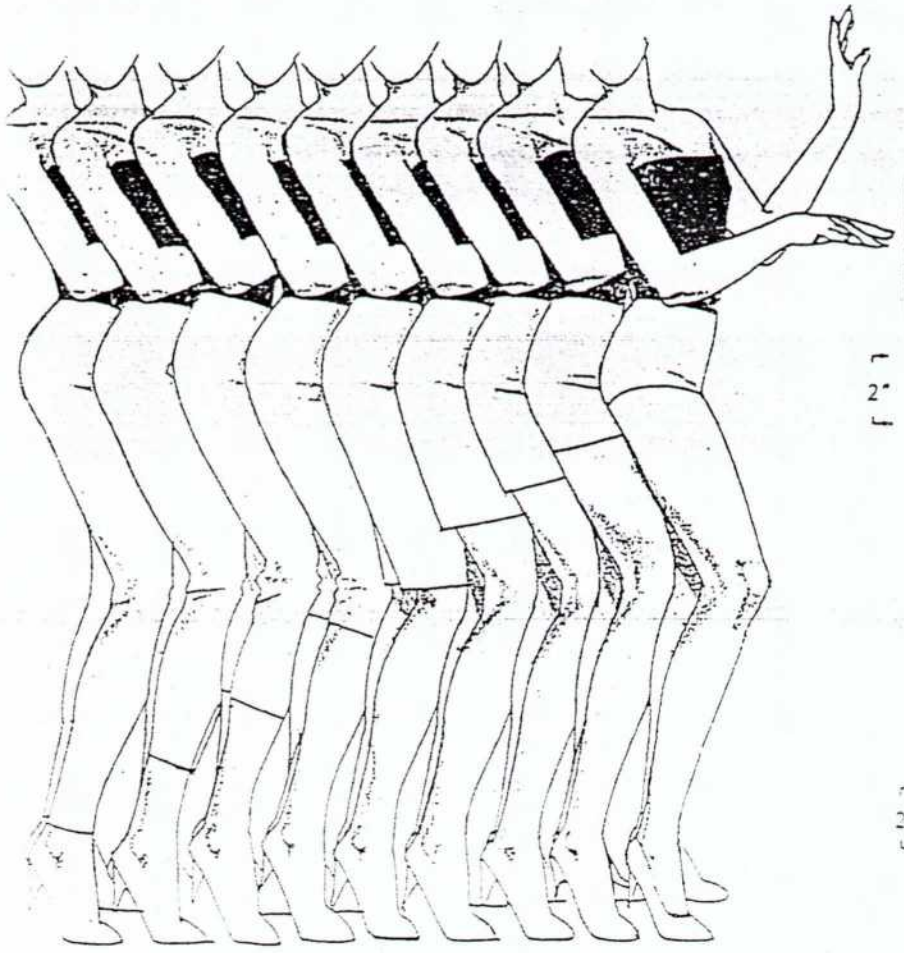


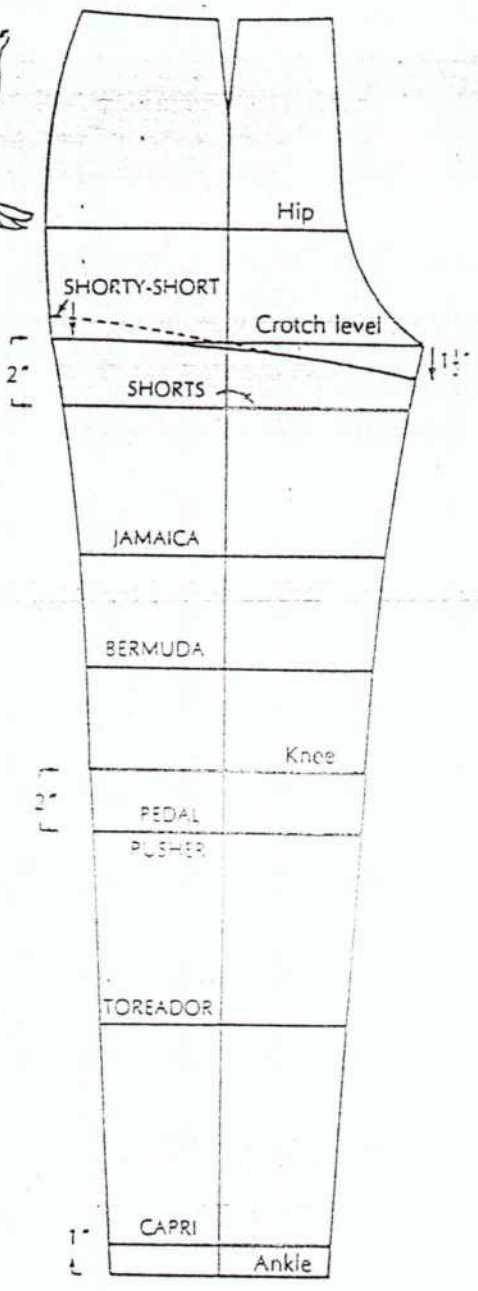


- Váy tròn








Hip
SHORTY-SHORT
Crotch level
2"
1½"
SHORTS
JAMAICA
BERMUDA
Knee
2"
PEDAL
PUSHER
TOREADOR
CAPRI
1"
Ankle

MẪU QUẦN CƠ BẢN

Kích thước thí dụ size 10

Chiều cao	162 cm
Dq	104 cm
Ve	66 cm
Vm	92 cm
Rô	16 cm

- Phần 1: Vẽ thân trước

0 - 1 = Chiều dài quần = 104 cm
1 - 2 = Chiều cao lưng quần = 3.5 cm -> 4.0 cm
2 - 3 = Hạ đáy = Vm/4 + (1 - > 2 cm)

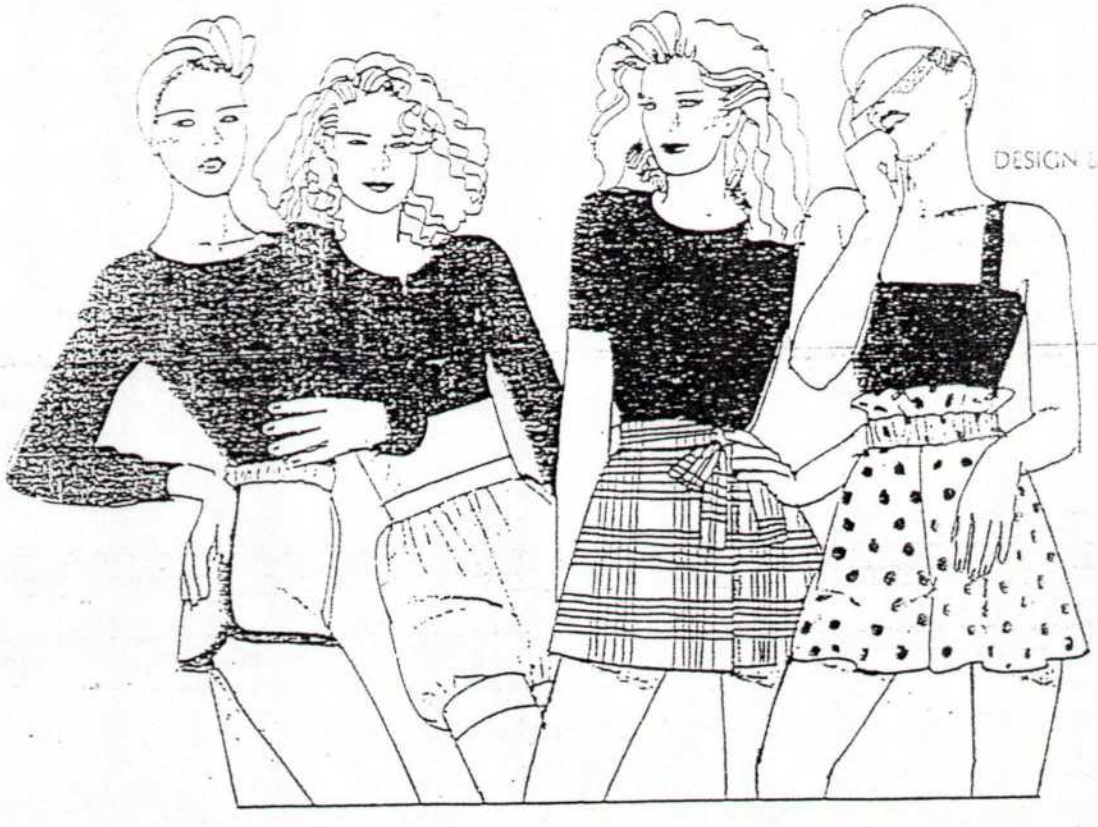
4 - 5 = Ngang mông = Vm/4 + 4 cm = 92/4 + 4 = 27 cm
(3 là trung điểm 4 - 5)
4 - 6 = Cửa quần = 3.5 cm
7 - 8 = 1.5 cm -> 2.0 cm
8 - 9 = 0.5 cm (chú ý đánh hơi cong chổ nây bụng)
9 - 10 = 1/4 eo + (2 cm -> 3 cm pen)
Từ điểm 9 xuống 0.5 cm, từ điểm 1 xuống 1 cm, đánh cong đường eo theo hình vẽ.
1 - 11 = 12 cm -> 13 cm, chiều rông pen 2.5 cm
1 - 12 = 55 cm
12 - 13 = (3 - 4) - 3 cm
12 - 14 = (3 - 5) - 2.5 cm
15 - 16 = Rô - 1 cm = 16 cm - 1 cm = 15 cm (O là trung điểm 15 - 16)

- Phần 2: Thân sau

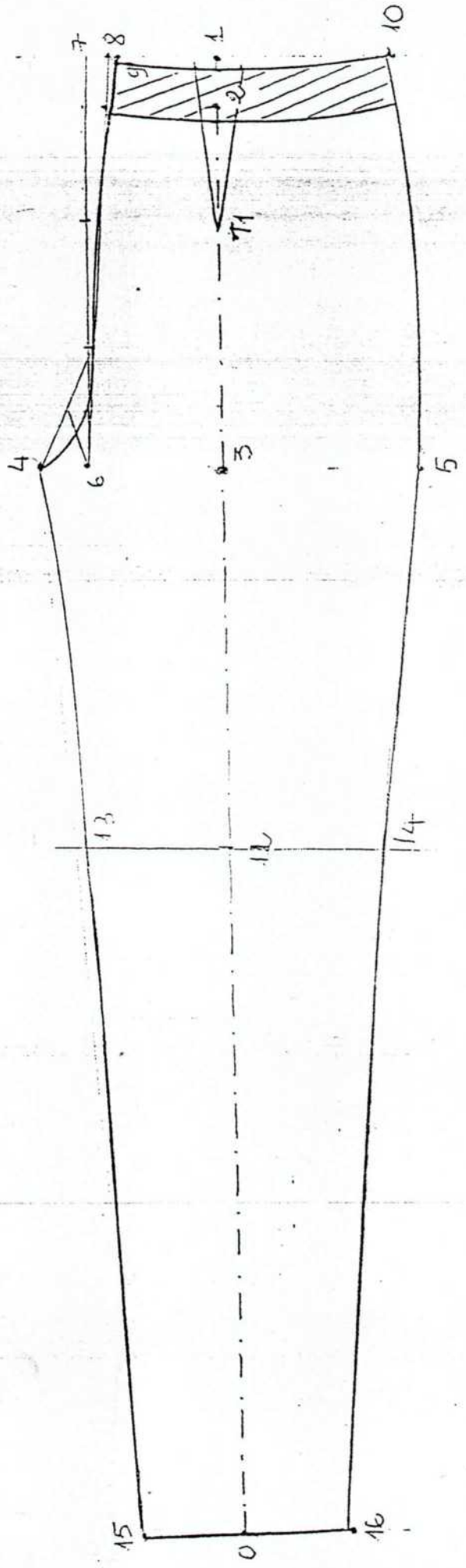
3 - 17 = Hạ đáy thân sau = Hạ đáy thân trước + 0.5 cm
18 - 19 = Vm/4 + Vm/8 + 1 cm
= 23 cm + 11.5 cm + (0.5 cm -> 1 cm) = 35 cm
17 - 18 = 18 cm - 19 cm/2 + 1.5 cm
17 - 19 = 18 cm - 19 cm/2 - 1.5 cm
13 - 20 = 2 cm -> 2.5 cm
14 - 21 = 1.5 cm -> 2 cm
22 - 23 = Rô + 1 cm = 16 cm + 1 cm = 17 cm
(O là trung điểm 22 - 23)
18 - 24 = Vào đáy TS = Vm/10 + 1 cm = 10.2 cm
1 - 25 = 4 cm
25 - 26 = 1.5 cm
Vẽ đường đáy như hình vẽ
26 - 27 = 1/4 Ve + (4 cm -> 5 cm pen)
Mỗi pen 2 cm -> 2.5 cm

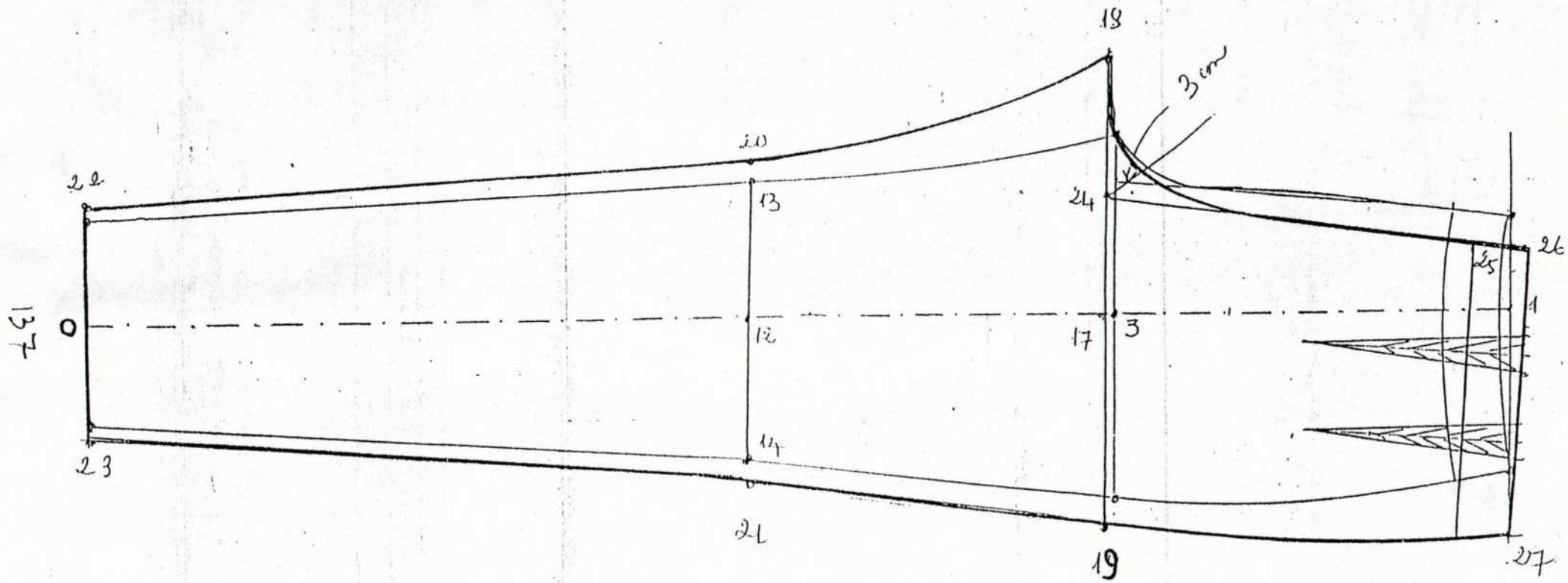


DESIGN 1



DESIGN 2


7
8
1
10
9
2
T1
4
6
3
5
13
12
14
15
0
16


18
3 cm
20
22
13
24
26
25
1
0
12
17
3
14
23
21
19
27

QUẦN

LIÊN HỆ GIỮA CHÂN VÀ QUẦN

Chân với những chức năng như: đi, chạy, cong người, ngồi xổm và ngồi. Khi chân cử động hay cong gối, cơ bắp và da của phần thân dưới tăng hoặc giảm về chiều dài. Hình vẽ cho thấy khi nào và ở đâu cơ thể tăng hay giảm chiều dài do cử động. Nếu áo quần vừa vặn thoải mái, thì quần không có cản trở cử động của chân.

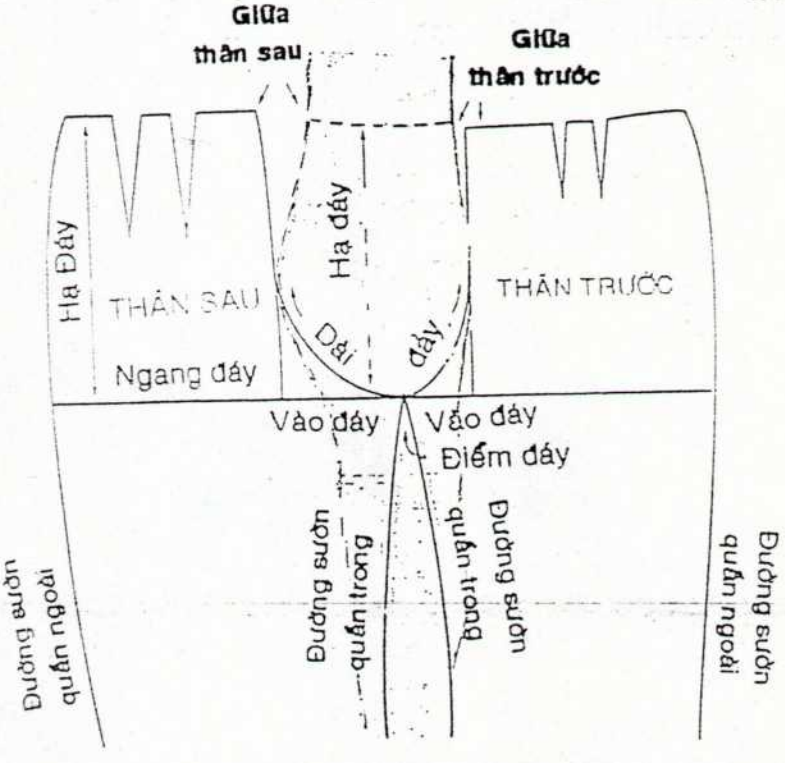
Để bảo đảm quần vừa vặn, việc đo phải cẩn thận và chính xác (Xem phần Kỹ thuật đo).

TỪ CHUYÊN MÔN VỀ QUẦN



Quần

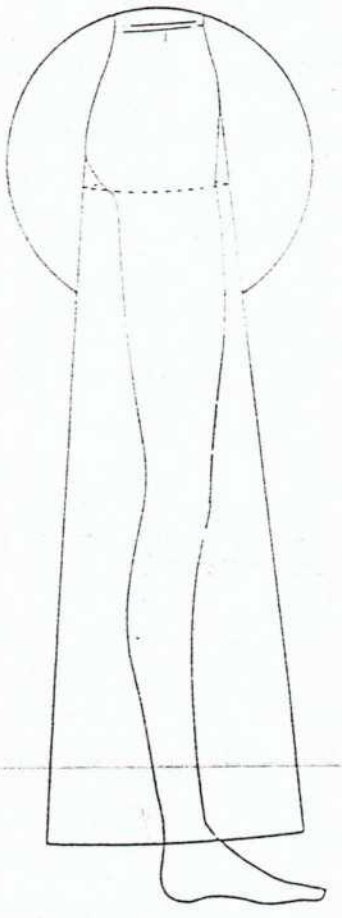
Đáy: Nơi chân gắn vào thân.
Hạ đáy: Khoảng cách từ eo đến phần dưới của đáy.
Dài đáy: Độ dài đo từ điểm giữa eo trước, vòng qua đáy, lên điểm giữa eo sau.
Vào đáy: Phần của đường đáy tại giữa thân trước và giữa thân sau tương ứng với phần ống quần phủ phần trong của chân.
Điểm đáy: Điểm tận cùng của vào đáy.
Đường ngang đáy: Đường phân chia phần ống và phần mông.
Đường sườn quần ngoài: Nối thân trước và thân sau quần.
Đường sườn quần trong: Nối thân trước và thân sau quần nằm giữa hai chân.

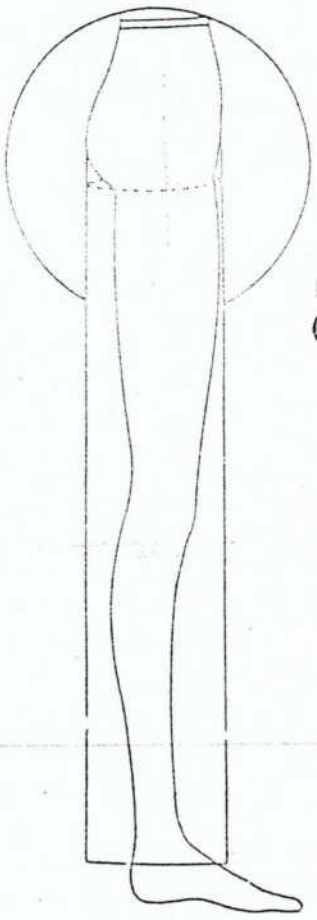


PHÂN TÍCH MÔNG QUẦN

Nguyên tắc: Việc phân tích mông quần dựa vào độ dài của vào đáy. Càng vào đáy nhiều phần mông càng rộng, càng ít thì quần càng ôm.
Mông của quần phủ diện tích từ eo đến đáy, trong khi kiểu thì dựa vào ống quần. Mông được tách khỏi kiểu quần từ ngang đáy (thể hiện bằng đường gạch đứt khoảng cho bốn loại mông quần). Độ dài của vào đáy được định bởi a) ý thích, b) phần trăm của số đo vòng mông, c) số đo đùi trên.
Phân tích và so sánh bốn loại mông dưới đây. Mỗi loại thích ứng với bụng và mông sau theo cách riêng. Không để ý đến kiểu ống, chúng khác nhau thế nào?

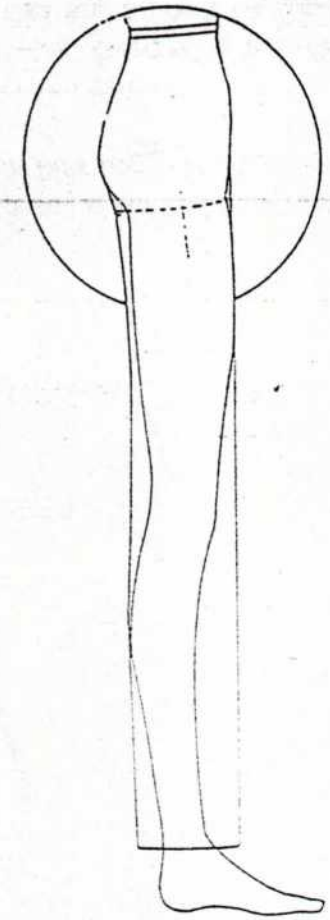
Mông rộng
(Quần đầm)

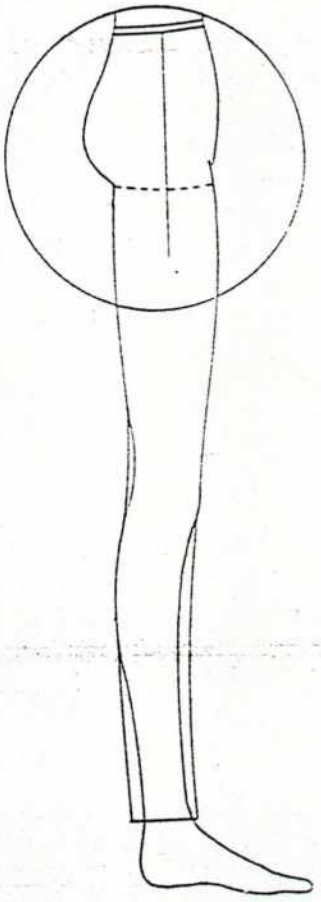




Mông rộng vừa
(Quần âu)

Mông ôm
(Quần ôm)





Mông bó sát
(Quần jean)

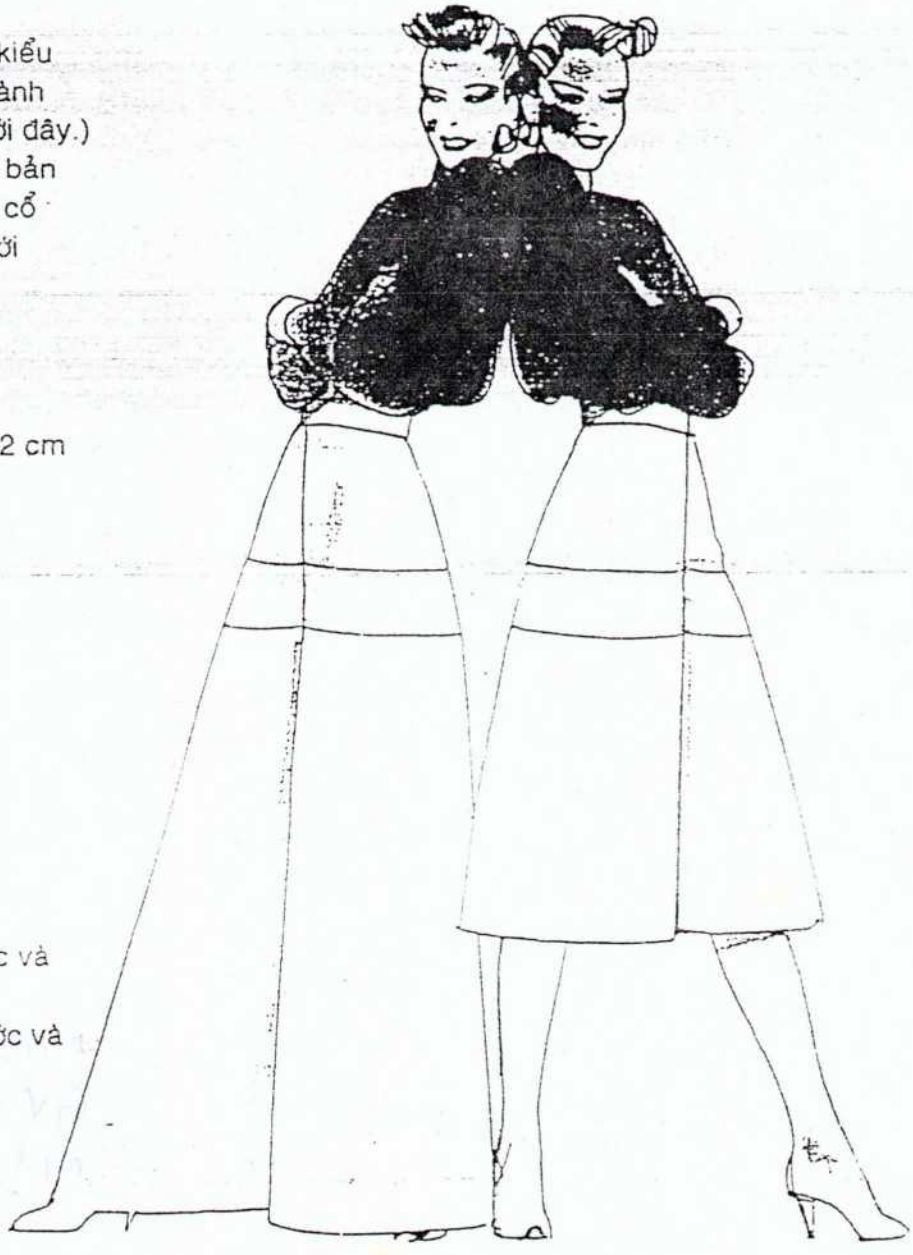
LOẠI THỨ NHẤT - MÔNG RỘNG (QUẦN ĐẦM)

Quần

Mông của quần đầm được phát triển từ một váy chữ A căn bản,(tuy nhiên bất cứ kiểu váy nào cũng có thể tạo thành quần đầm theo chỉ dẫn dưới đây.)
Loại mông này là một căn bản cho loại quần đầm xếp pli cổ điển, và cho những kiểu với chiều dài khác nhau và có đường ống rộng.

Số đo cần thiết:

* (24) Hạ đáy_____cộng 2 cm (thay đổi đến 3 cm).



Bản vẽ Quần đầm

Bản vẽ cho nửa thân trước và nửa thân sau của quần.

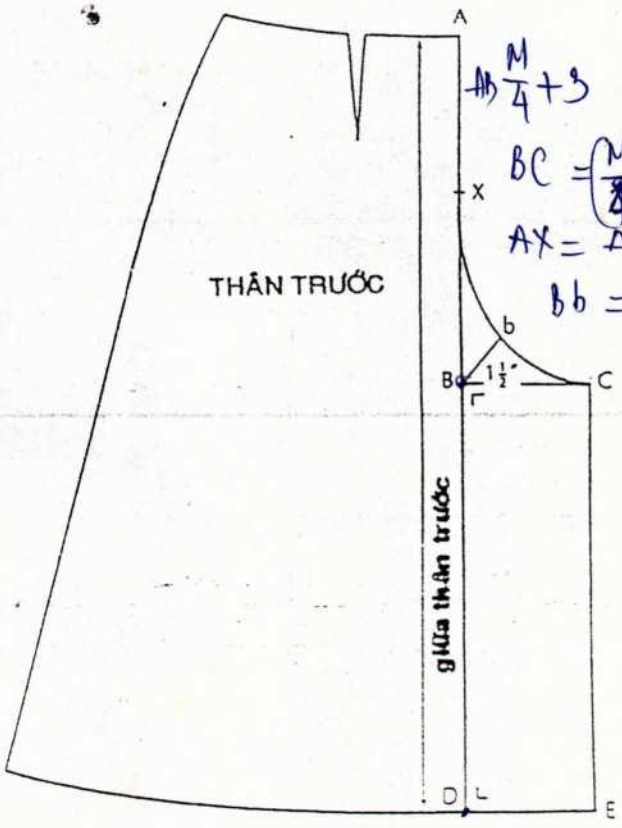
* Mẫu cần thiết: Thân trước và thân sau váy chữ A

HÌNH 1 Thân trước:

Đặt mẫu cách mép giấy ít nhất 20 cm để vào đáy.
Kẻ thân trước và thân sau váy. Các ghi chú.
A - B = Hạ đáy cộng 2 cm hoặc hơn .
A - X = Một nữa A - B trừ 1 cm. Lấy dấu.
B - C = Một nửa vòng mông thân trước, trừ 2 cm , từ B kẻ thẳng góc .
D - E = B - C, kẻ thẳng góc từ D.
Nối C E.
B - b = Đường chéo 4 cm

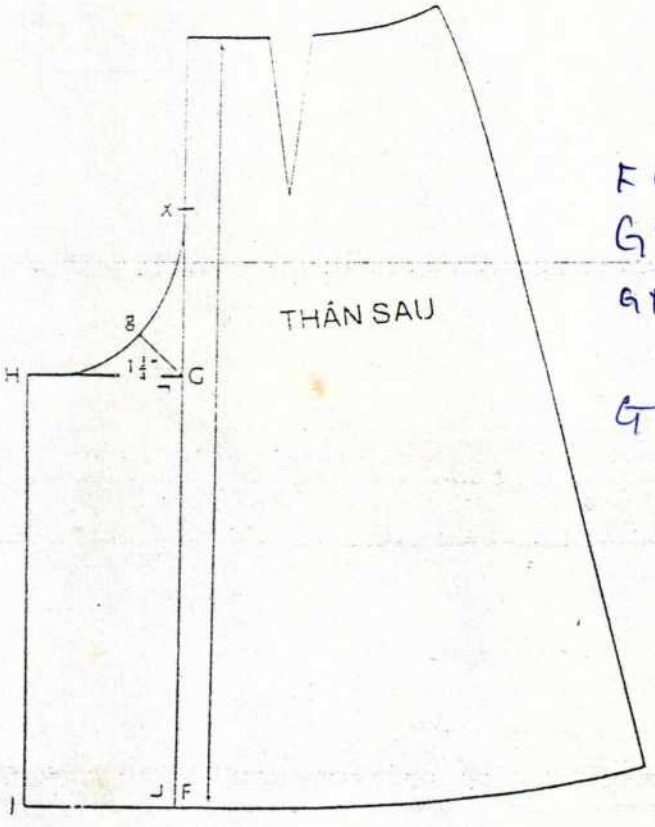
Quần

Đánh cong đường đáy qua C, b và kết thúc tại hoặc gần điểm X như hình vẽ.



HÌNH 1

HÌNH 2 Thân sau:
F - G = D - B (của mẫu thân trước).
G - H = Một nửa của vòng mông thân sau cộng 2 cm, từ G kẻ đường thẳng góc.
F - J = G - H, kẻ thẳng góc từ F.
Nối JH.
G - X = B - X (của mẫu thân trước). Lấy dấu.
G - g = Đường chéo 4.5 cm.
Đánh cong đường đáy qua H, g và kết thúc tại hoặc gần điểm X như hình vẽ.



HÌNH 2

LOẠI THỨ HAI - MÔNG RỘNG VỪA (QUẦN ÂU)

(Cho đàn bà hoặc đàn ông)

Quần âu là một loại quần rủ thẳng xuống dưới từ phần lớn nhất của bụng và mông sau. Nó vừa vặn hơn quần đấm vì vào đáy thân trước ngắn hơn.

Số đo cần thiết:

* (27) Dài quần đến mắt cá 101
* (24) Hạ đáy 23,5
* (23) Vòng mông thân trước 21
  Vòng mông thân sau 22
* (19) Vòng eo thân trước 12,5
  Vòng eo thân sau

Bản vẽ Quần âu

HÌNH 1

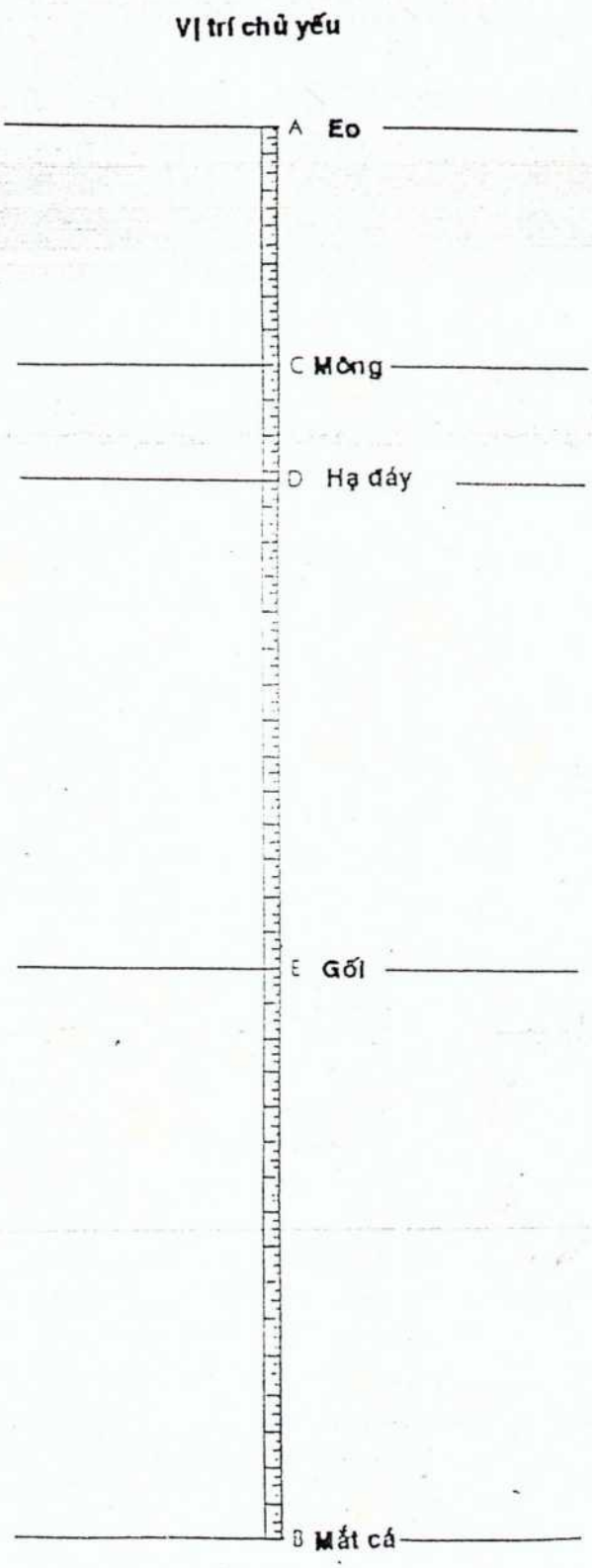
A - B = Dài quần.

A - D = Ha đáy cộng 2 cm cử động (thay đổi).

D - C = Chiều sâu mông : 1/3 của D - A

B - E = Chiều sâu đầu gối : 1/2 của B - D cộng 2.5 cm (hướng về đường đáy).

Từ A, B, C, D, và E kẻ thẳng góc về hai phía.



HÌNH 1

Quần

HÌNH 2

Thân sau

22,6 C - F = Mông sau cộng 0.6 cm cử động

22,6 D - G = C - F

22,6 A - H = C - F

Nối GH

G - X = 1/2 GH

G - I = 1/2 GD

Thân trước

21,6 C - J = Mông trước cộng 0.6 cm cử động

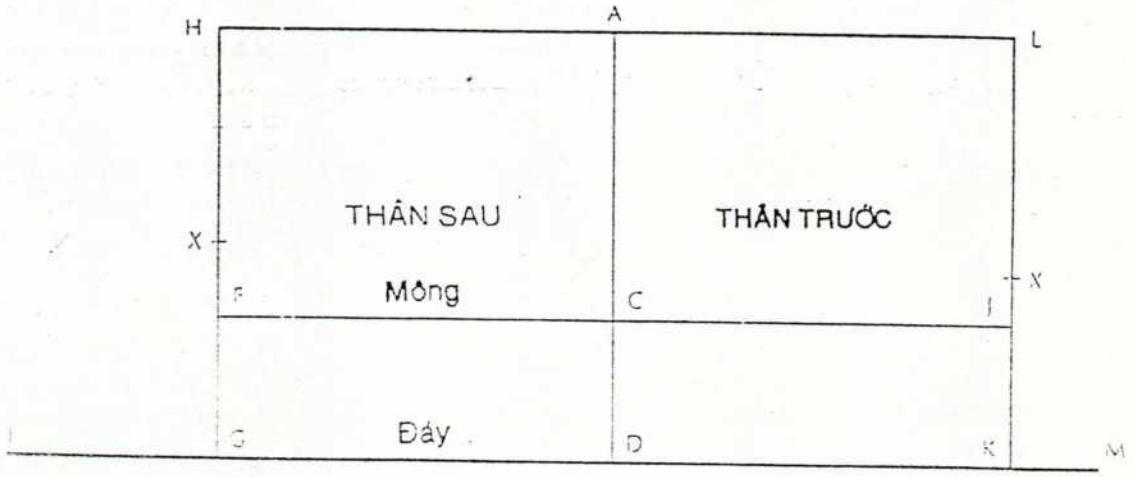
21,6 D - K = C - J

21,6 A - L = C - J

Nối KL

K - X = 1/2 KL trừ 0.6 cm

K - M = 1/4 KD



HÌNH 2

HÌNH 3 Đặt pen:

Pen thân sau:

H - N = 2 cm

N - O = Eo thân sau, cộng 6 cm (2.5 cm cho quần đàn ông)

N - P = 7.5 cm (đặt pen)

Trừ 3 mm cho mỗi size dưới size 10. Cộng 3 mm cho mỗi size lớn hơn size 12.

Lấy 2.5 cm cho bề rộng pen

Cách khoảng 3 cm

Với quần đàn ông , lấy 1 pen và bề rộng 2 cm .

Từ điểm giữa mỗi pen, kẻ thẳng góc xuống 11.5 cm

Pen thân trước:

L - Q = Eo thân trước , cộng 3 cm, (2 cm cho quần đàn ông)

L - R = 7.5 cm (đặt pen)

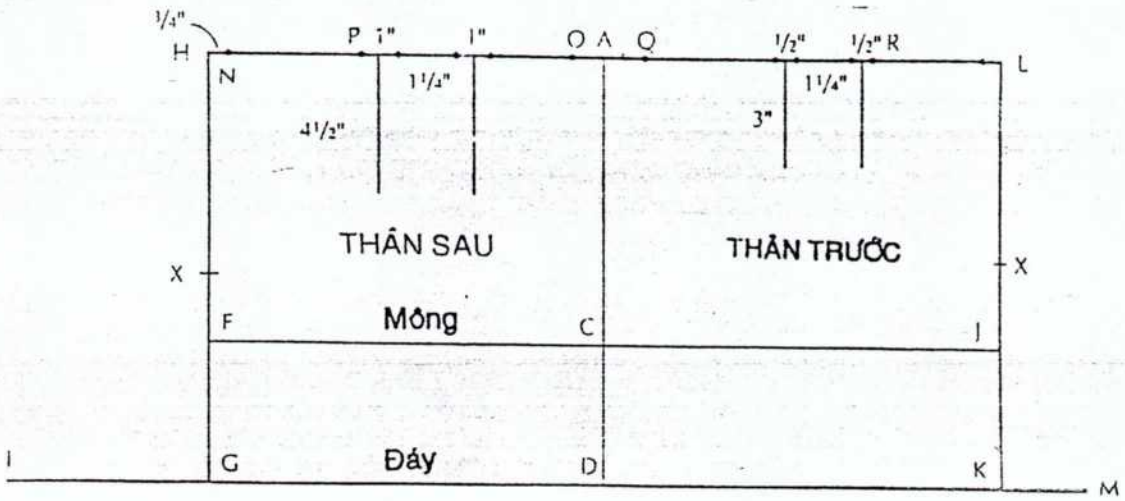
Lấy 1.2 cm cho bề rộng pen.

Cách khoảng 3 cm

(Với quần đàn ông lấy dấu 1 pen).

Từ điểm giữa mỗi pen, kẻ thẳng góc xuống 7.5 cm .

Quần

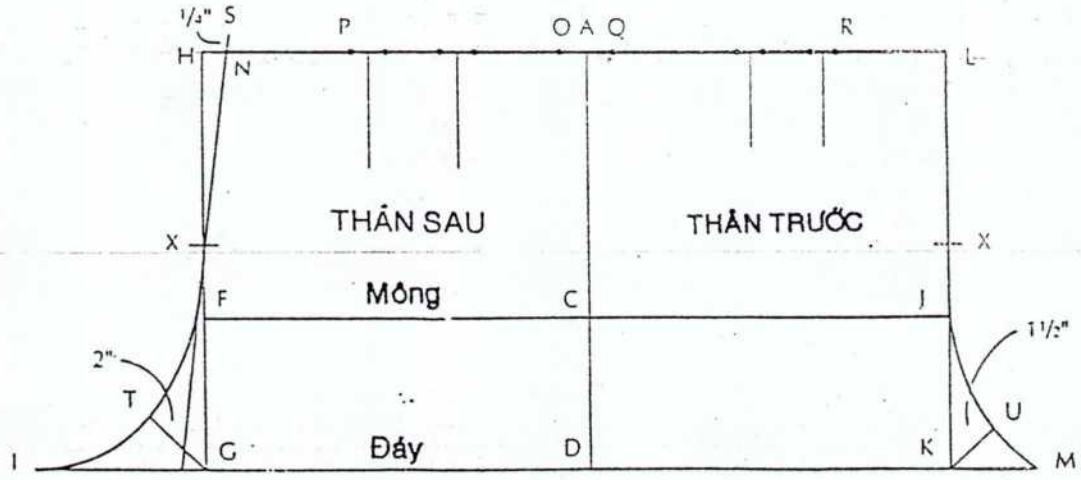


HÌNH 3

HÌNH 4

Thân sau:
N - S = 0.5 cm kẻ vuông góc từ N.
Kẻ đường qua S, X đến đường đáy
G - T = 5 cm
Đánh cong đường đáy qua I, T, X

Thân trước:
K - U = 4 cm đường chéo
chéo. Đánh cong đường đáy qua
M, U, X (đánh cong ở U nếu cần)

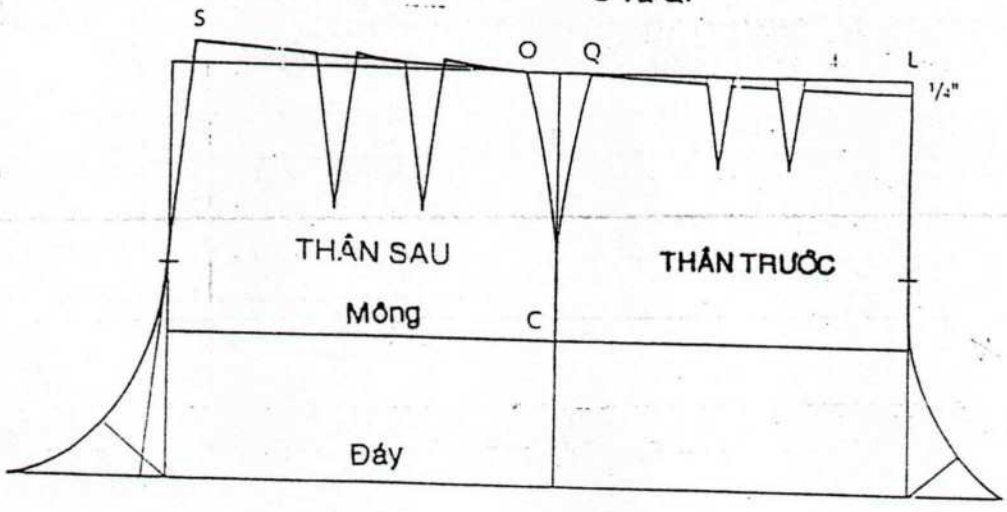


HÌNH 4

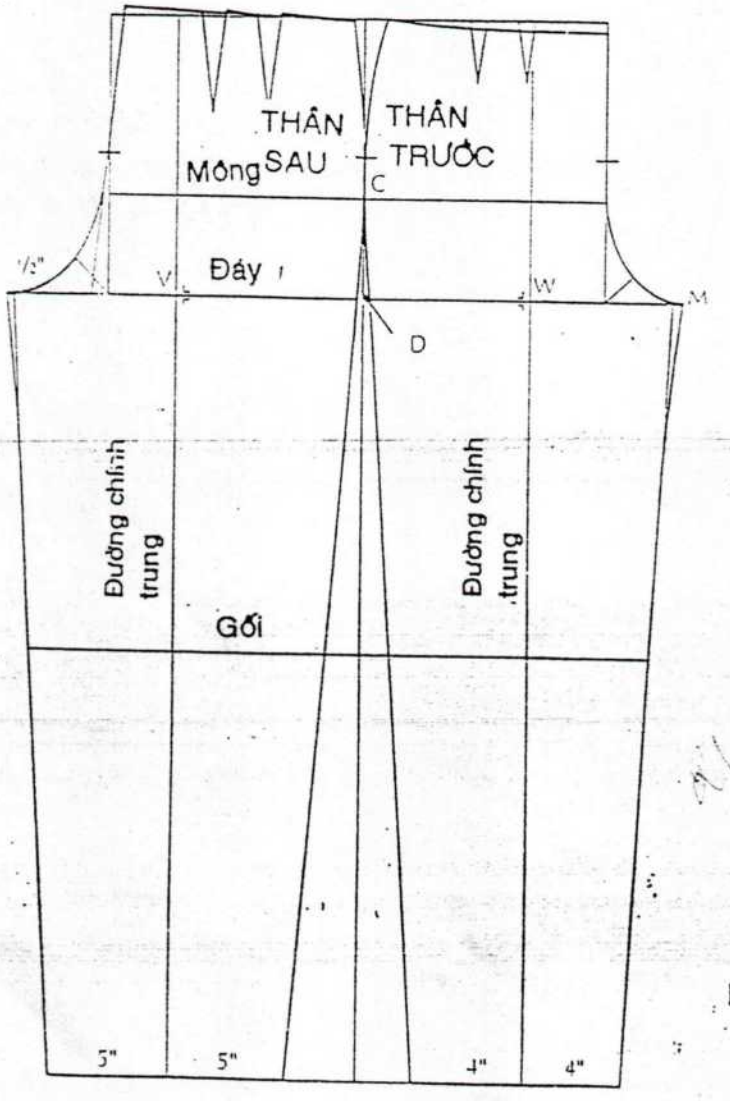
Quần

HÌNH 5 Eo thân trước và eo thân sau:

* Đánh cong vào trong từ S đến O.
* Từ L xuống 0.6 cm, đánh cong vào trong đến Q
* Kẻ chân pen đến đường eo và thêm các chân ngắn.
* Đánh cong mông ở phía trên C đến O và Q.



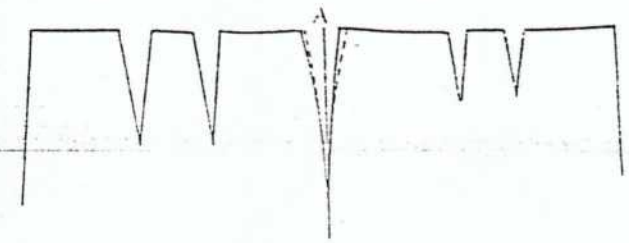
HÌNH 5



HÌNH 6

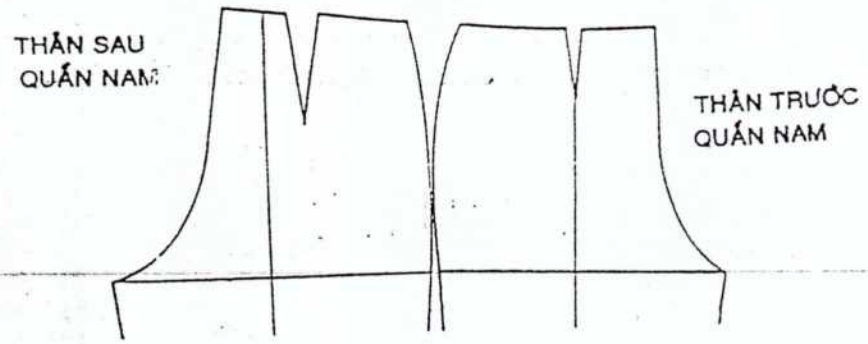
Quần

HÌNH 6
Thân sau:
D - V = 1/2 DI, cộng 0.6 cm. Từ V kẻ đường thẳng góc với DI, (hướng sợi)
Thân trước:
D - W = 1/2 DM, cộng 5 mm
Từ W kẻ đường thẳng góc với DM (hướng sợi).
* Lấy dấu rộng gấu.
* Đường sườn quần ngoài: Kẻ thẳng từ điểm mắt cá đến C (đánh cong ở mông)
* Đường sườn quần trong: Từ I và M lấy ra 1 cm đánh cong lõm đến gối, nối thẳng đến mắt cá.



HÌNH 7
Dịch đường nối thân trước và thân sau để cách đều điểm A, như hình vẽ.

HÌNH 8
Hoàn tất quần nam.



HÌNH 8

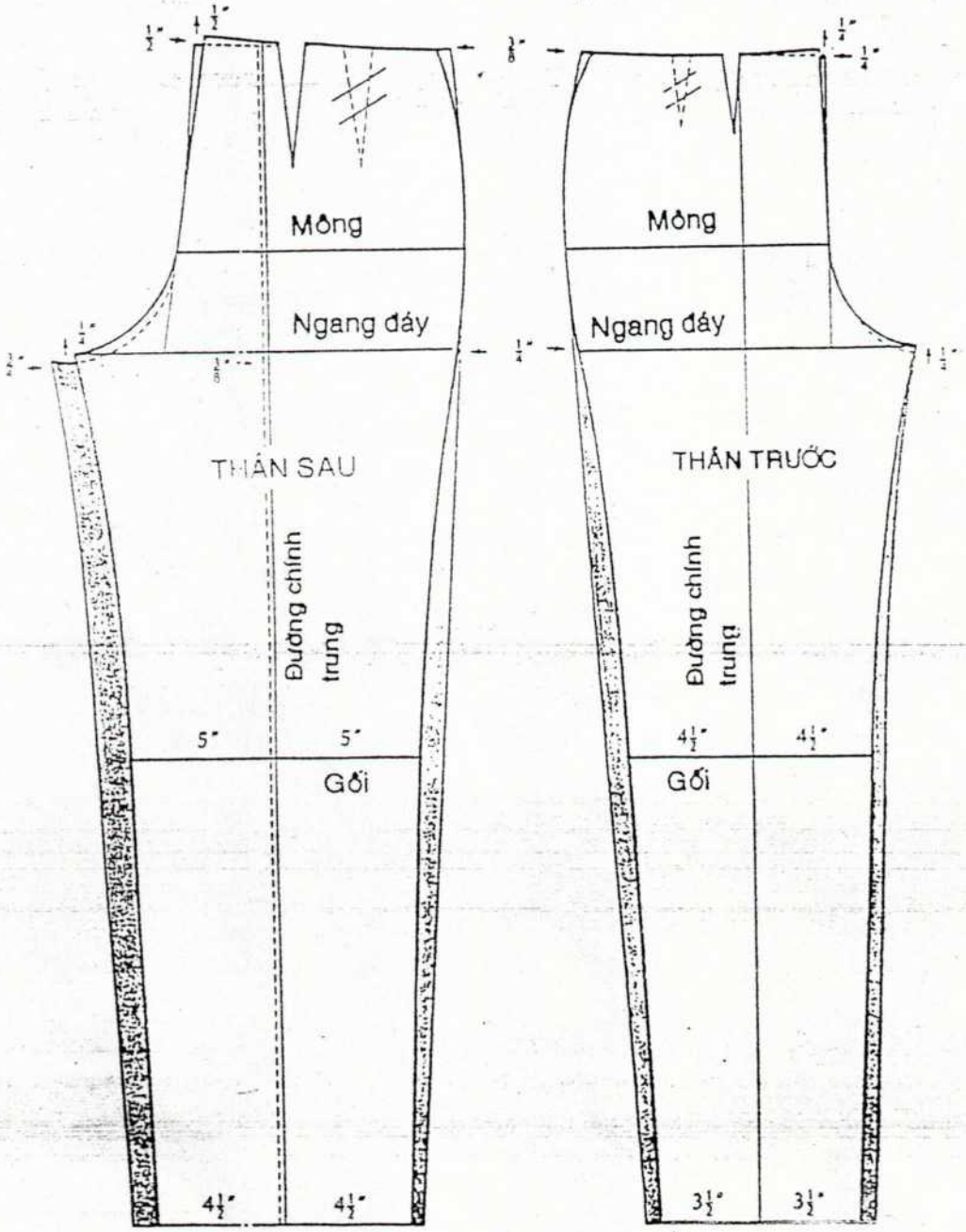
LOẠI THỨ BA - MÔNG ÔM (QUẦN ÔM)

(Cho đàn bà hoặc đàn ông)

Bản vẽ Quần ôm

HÌNH 1 và 2

* Kể thân trước và thân sau của quần âu, bỏ bớt pen ở gần đường nối sườn.
* Vùng bóng mờ là phần cắt bỏ đi của mẫu.
* Đường đứt khoảng là dạng mẫu gốc.
* Đường đậm là của quần ôm.



HÌNH 1 và 2

Quần

LOẠI THỨ TƯ - MÔNG BÓ SÁT (QUẦN JEAN)

(Cho đàn bà hoặc đàn ông)

Loại jean có độ vào đáy thân trước và thân sau rất ngắn, quần ôm sát vào người. Vì dài đáy bị thiếu, do đó eo giữa thân sau dãn ra (độ cao) xa đường eo của mẫu.

Số đo cần thiết:

* (27) Dài quần đến mắt cá 100
* (24) Dài đáy 23,5
* (23) Vòng mông thân trước 21, Vòng mông thân sau 22
* (19) Eo thân trước 17,5, Eo thân sau 16,5

Bản vẽ jean

HÌNH 1

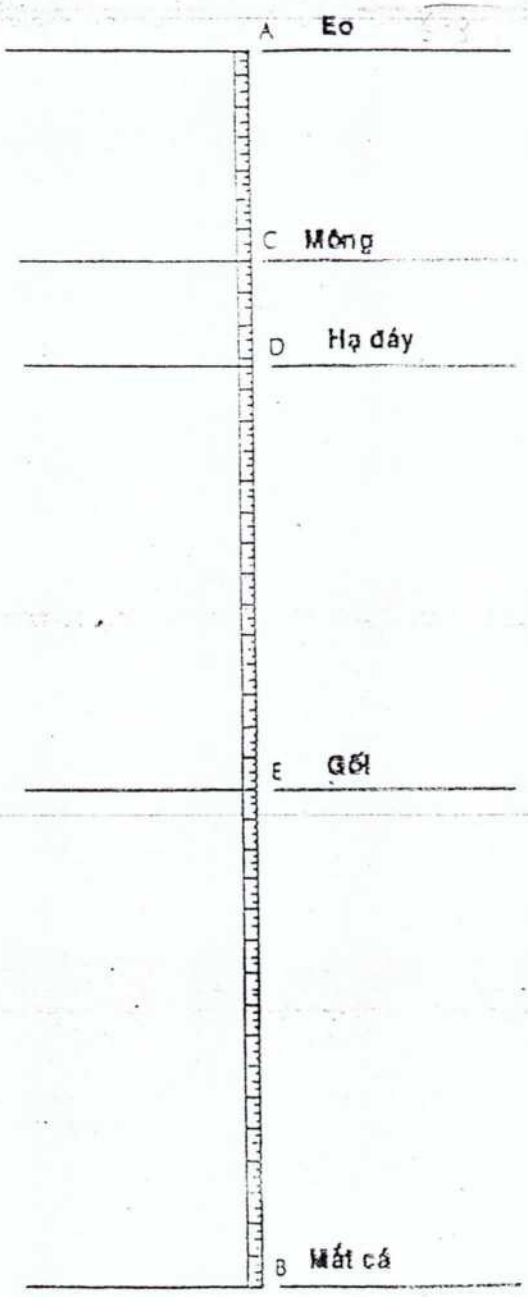
A - B = Dài quần. 100

A - D = Hạ đáy, với đáy cao (giảm 0.5 cm đến 1 cm). 24,5

D - C = Chiều sâu mông:
1/3 DA 7,5

B - E = 1/2 BD cộng 2.5 cm.

Kẻ đường thẳng góc từ A, B, C, D, và E.



HÌNH 1

Quần

HÌNH 2

Thân sau:

C - F = Mông sau cộng 3 mm cử động.

D - G = C - F

A - H = C - F

Nối GH

G - X = 1/2 GH trừ 1 cm

G - I = 1/3 GD trừ 1 cm

Thân trước:

C - J = Mông trước cộng 3 mm cử động.

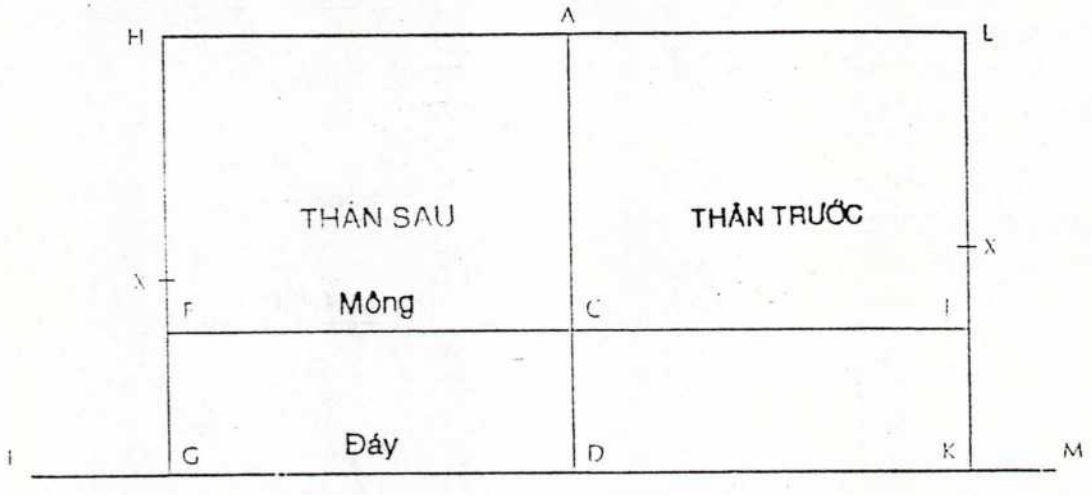
D - K = C - J

A - L = C - J

Nối KL

K - X = 1/2 KL cộng 1 cm

K - M = 5 cm



HÌNH 2

Eo và đặt pen:

Nếu điểm O và R trùng với A, sẽ chỉnh lại sau. Xem hình 7.

Quần

HÌNH 3

Thân sau:

H - N = 4.5 cm.

N - O = Eo sau cộng 2.5 cm

N - P = 1/2 NO.

Từ P kẻ thẳng góc xuống 9 cm .

Lấy dấu hai bên P cách 1cm

Thân trước:

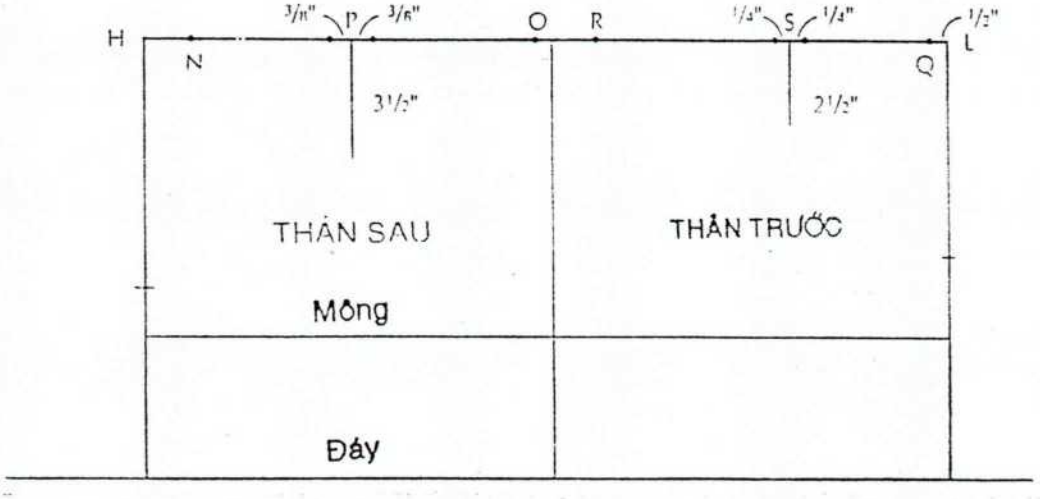
L - Q = 1 cm

Q - R = Eo trước cộng 2 cm

Q - S = 8 cm.

Từ S kẻ thẳng góc xuống 6.4 cm

Lấy dấu hai bên S cách 5 mm



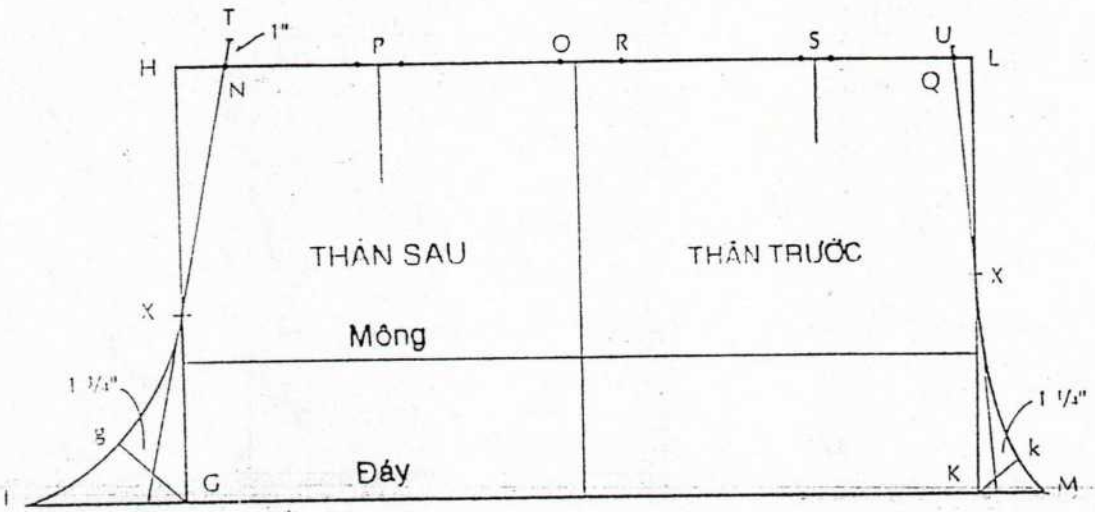
HÌNH 3

Quần

HÌNH 4

Thân sau:
N - T = 2.5 cm. Kẻ thẳng góc từ N.
Nối TX đến đáy.
G - g = Đường chéo 4.5 cm
Đánh cong đáy qua X, g, và I

Thân trước:
Q - U = 5 mm. Kẻ thẳng góc từ Q.
Nối UX đến đáy.
K - k = Đường chéo 3 cm
Đánh cong đáy qua X, k, và M.



HÌNH 4

130 153 Vinh.org

Quần

HÌNH 5

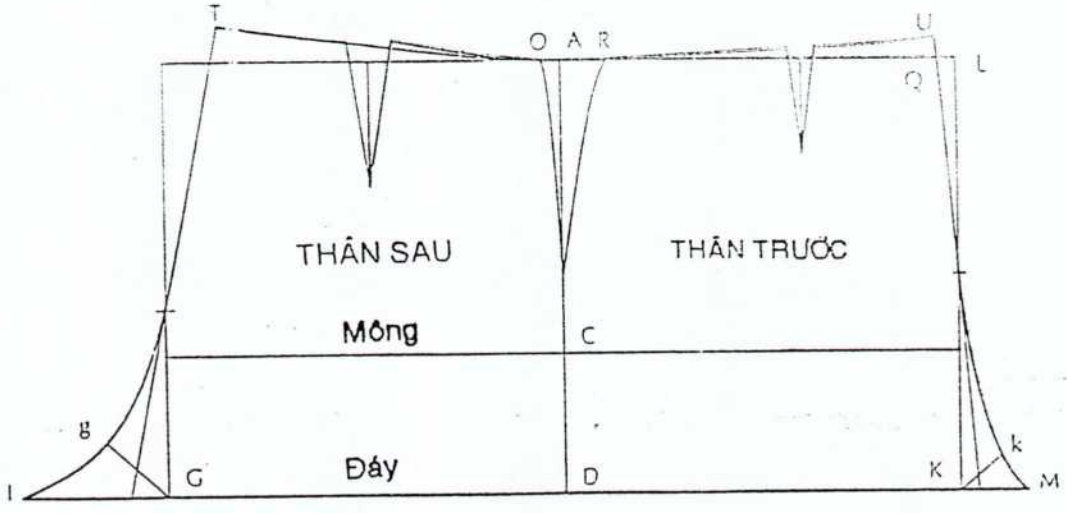
Thân trước và thân sau:

* Hơi đánh cong từ T đến O, và từ U đến R.
* Kể chân pen từ đầu pen đến đường eo.
* Đánh cong mông CO, CR

Khi O và R phủ lên A

Dùng chì đỏ để vẽ mông thân trước, chì xanh vẽ mông thân sau:

* Đánh cong mông CR, CO bằng độ dài A - C. Định lại O và R.
* Đánh cong đường eo TO, UR.



HÌNH 5

Quần

HÌNH 6

Thân sau:

D - V = 1 cm . Lấy dấu.

V - W = 1/2 VI.

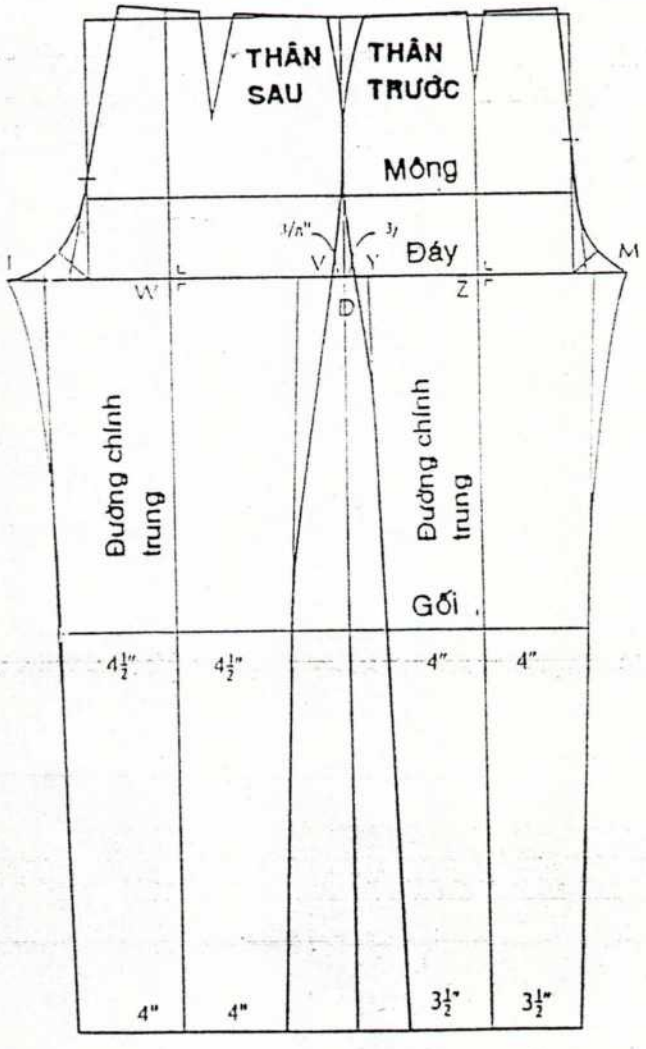
Từ W kẻ thẳng góc lên và xuống.

Thân trước:

D - Y = 1 cm . Lấy dấu.

Y - Z = 1/2 YM.

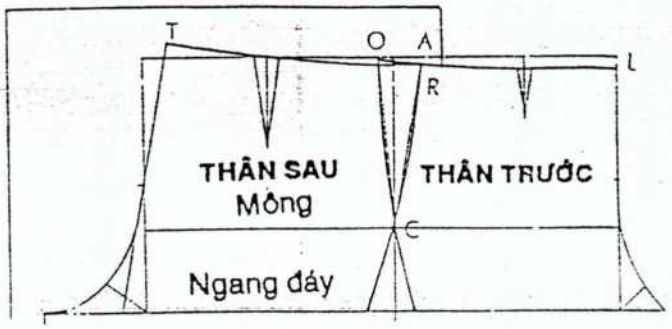
Từ Z kẻ thẳng góc lên và xuống.



HÌNH 6

Quần

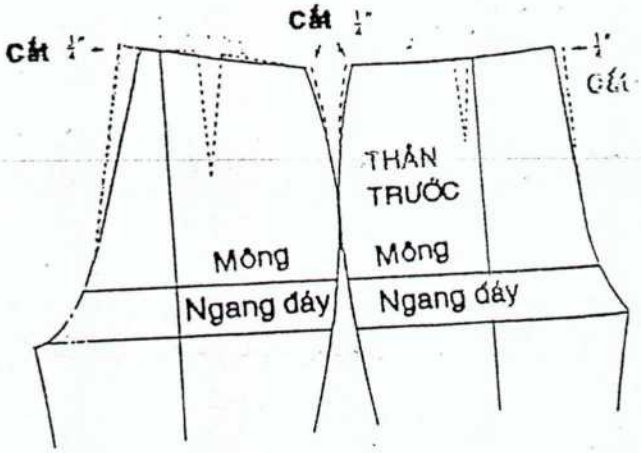
HÌNH 7 Nếu O - R phủ lên nhau
* Đặt giấy bên dưới bản vẽ và kẻ thân sau trước khi lấy ra.



HÌNH 7

QUẦN JEAN KHÔNG PEN

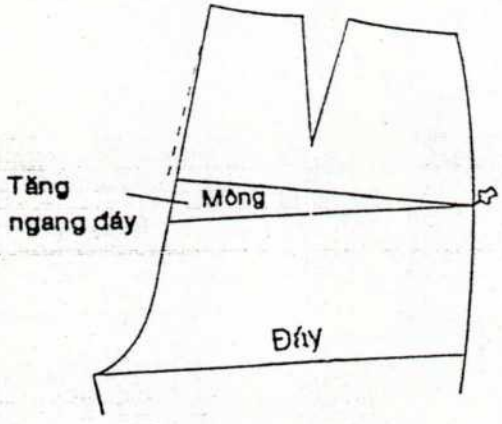
Theo như chỉ dẫn trên hình vẽ để loại bỏ pen eo.



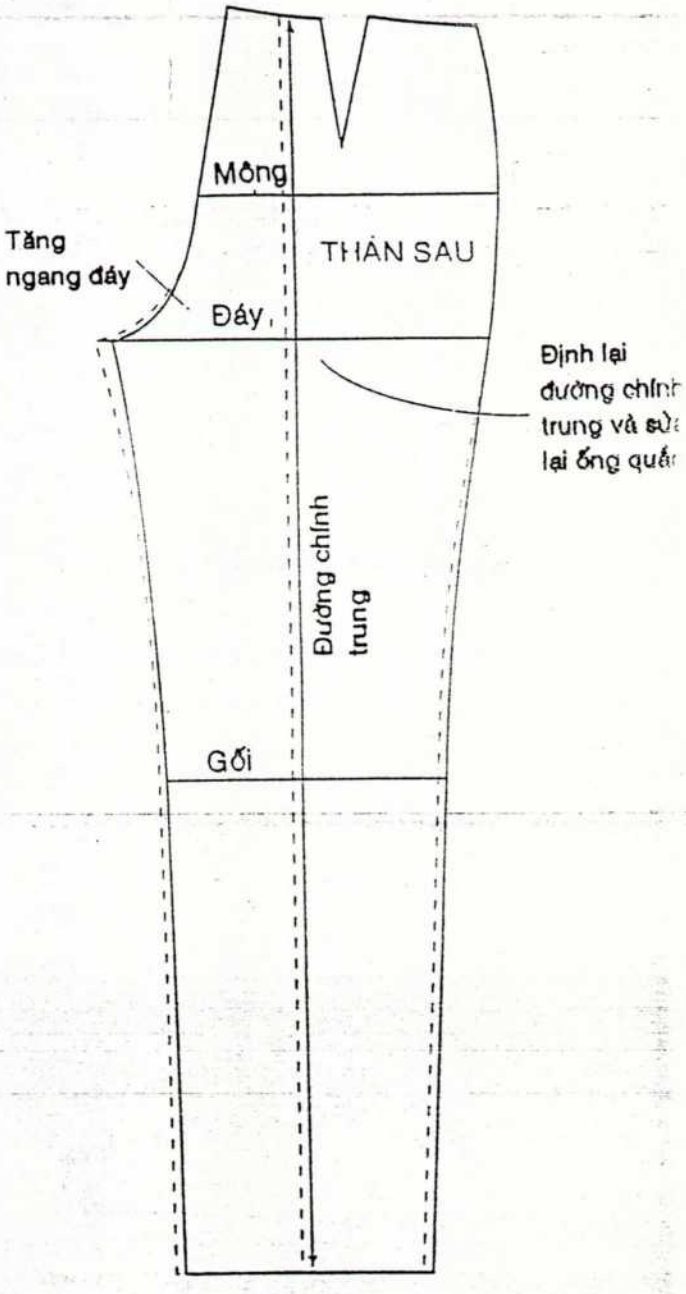
THAY ĐỔI SỰ VỪA VẶN CỦA JEAN

Om sát bên dưới mông và đùi trên:
HÌNH 1
Vào đáy thân sau từ 2 cm đến 2.5 cm. Đối với từng người đường đáy thân trước và thân sau hơn đùi trên 2.5 cm đến 4 cm .

Định lại dài đáy
HÌNH 2
Đo dài đáy thân trước và thân sau. Trải giữa thân sau để gia tăng số đo đến mức cần thiết như hình vẽ.



HÌNH 2



HÌNH 1

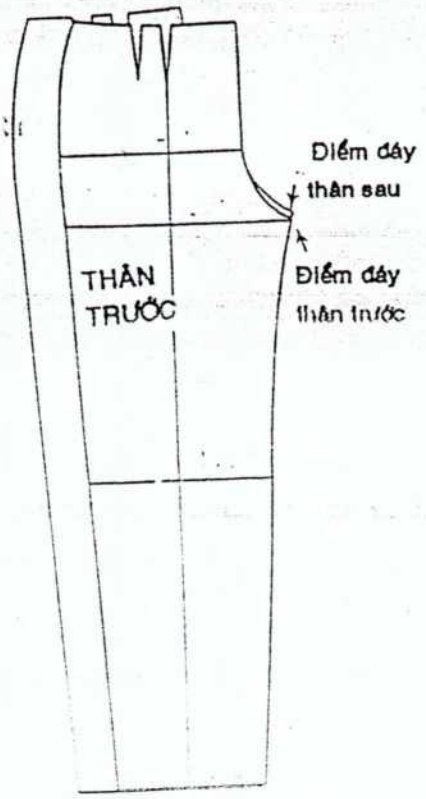
HOÀN TẤT MẪU QUẦN

CÁCH SỬA MẪU QUẦN

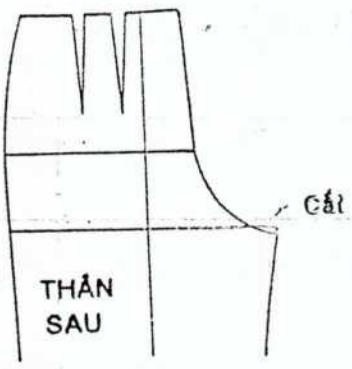
Để giữ cho quần được cân đối, luôn sửa quần từ gấu lên.

HÌNH 1
* Cắt thân trước quần từ mẫu giấy.
* Đặt thân trước nằm trên thân sau, đường sườn quần trong trùng nhau tại gấu.
* Lấn theo đường sườn quần trong (dùng kim găm) lên đến điểm đáy của thân trước. Lấy dấu và lấy mẫu ra (do sự khác nhau của góc độ, thân sau có thể dài hơn thân trước).

HÌNH 2
* Từ dấu, đánh cong đường đáy mới (vùng bóng mờ được cắt bỏ khỏi thân sau).



HÌNH 1

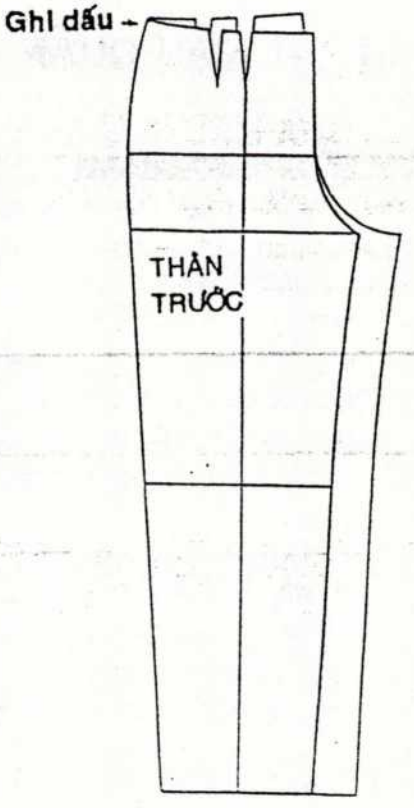


HÌNH 2

Quần

HÌNH 3

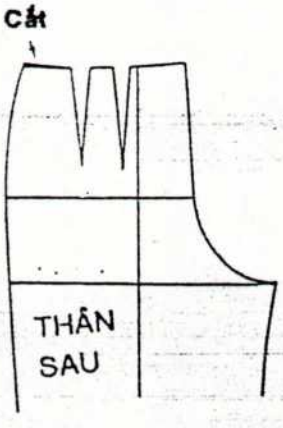
* Đặt thân trước nằm trên thân sau, đường sườn quần ngoài trùng nhau tại gấu. Lần dọc theo đường sườn quần ngoài (dùng kim găm), lên đến eo sườn. Lấy dấu và lấy mẫu ra.



HÌNH 3

HÌNH 4

* Lấy dấu mức mông và vải dãn giữa eo và mông.
* Cắt bỏ phần dư thừa nằm trên dấu tại eo sườn. Đánh cong lại đường eo.



HÌNH 4

Quần

ĐƯỜNG MAY CHO PHÉP

* Đường eo = 1 cm
* Đường sườn quần trong = 1.5 cm
* Đường sườn quần ngoài = 1.5 cm
* Gấu quần = 2.5 cm -> 4 cm
* Đáy = 1 cm -> 4 cm
* Dây kéo = 1 cm
* Lấy dấu dây kéo = Dài hơn chiều dài dây kéo 1 cm.

